

THƯ QUÁN BẢN THẢO

SỐ 74 THÁNG 4, 2017

tình thương

NGUYỆT SAN THANH DẦU VÂN HÒA XÃ HỘI DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRÌ

Chủ đề

*Báo Sinh Viên
&
Nguyệt san TÌNH THƯƠNG*

21

những vấn đề trọng đại
của đời sống

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
TẬP 74, THÁNG 4 NĂM 2017

Chủ đề: Nguyệt san Tình Thương

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và Viết / 4

Phạm văn Nhân (4) Trần Hoài Thư (8) • Phan Ni Tấn (18)
• Huyền Chiêu (22)

Phản chủ đề: Báo sinh viên và nguyệt san Tình Thương / 27

Nguyễn Vy Khanh : *Báo chí sinh viên miền Nam trước 1975* (28)

THT : *Tuần báo Sinh viên Huế* (36)

Trần Hoài Thư : *Hành trình Tình Thương* (42)

Trần Xuân Dũng : *Sơ lược về nguyệt san Tình Thương* (72)

Phạm Đình Vy : *Nhớ Phạm văn Lương* (76)

Đỗ Hữu Tước : *Tình Thương ngày tháng cũ* (79)

Ngô Thế Vinh : *Tìm lại thời gian đã mất...*(85)

Trang Châu : *Một thời để nhớ* (100)

Bùi Khiết : *Nguyệt san Tình Thương* (108)

Vũ Thiện Đạm : *Vài kỷ niệm với nguyệt san Tình Thương* (113)

Trần Xuân Ninh : *Nhớ lại nguyệt san Tình Thương* (116)

Đỗ Hồng Ngọc : *...muốn đưa mây về lấp một giòng sông* (122)

Đỗ Nghệ : *Thơ trích* (127)

Tình thương (trích) /135

Thơ : Phan huy Mộng (135), Lân (136), Chu Tân (136), Trần Huyền Thoại (137), Hoàng Thị Thủy Tiên (138), Hoàng Đình Huy Quan (138), Nguyễn Phương Loan (139), Nàng Lai (140), Phạm Ngọc Lân (141), Trang Châu (142)

Văn :

Bùi Thế : *Hấp lực tình dục trong sinh hoạt sùng tín* (144)

Trần văn Bảng : *Người bệnh nhân số 15* (150)
nàng lai : *Trên đồi là lô cốt* (153)
Yên Thảo : *Mây ngàn bay theo gió* (162)
Phương Tuấn : *Nhật ký của T.D* (171)
Marie Noel (Hoàng Vũ dịch) : *Bóng hồng đỏ* (181)

Những trang bằng hữu /204

Thơ :

Lê văn Trung (205), Từ Hoài Tấn (207), Cái Trọng Ty (247),
Lê Ký Thương (249), Đức Phổ (250), Vô Biên (251), Nguyễn
thị Liên Tâm (252)

Văn :

Phạm văn Nhân : *Bên cầu sương phủ* (209)
Đào Anh Dũng : *Voi...đầy* (213)
Nguyễn Âu Hồng : *Những ngôi sao mờ nhạt* (215)
Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh : *Nơi lạ* (222)
Nguyễn thị Hải Hà : *Thư thì mỏng* (230)
Lan Chi : *Thôi thua (truyện dài)* (243)
Tô Thắm Huy : *Nguyễn Du Quỳnh Hải Nguyễn Tiêu* (254)

Giới thiệu sách báo :

*Văn học miền Nam của Nguyễn Vy Khanh (Trần Hoài Thư
giới thiệu) (257)*

Giữa tòa soạn và thân hữu/264

Bìa : THT trình bày

Tòa soạn:

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

Email: tranhoaitu16@gmail.com

THƯ TÒA SOẠN

Số báo kỳ này chúng tôi dành rất nhiều trang để giới thiệu một tờ báo của sinh viên Y Khoa Saigon. Đó là nguyệt san Tình Thương. Đây là một tờ báo của những người trẻ tuổi trí thức dân thân, nhập cuộc.

Lý do của việc giới thiệu này là chúng tôi được đọc một số bài trên tập san Y sỹ, xuất bản tại Canada (số 184, tháng 1-2010), khi các tác giả nhớ lại tờ Tình Thương nhưng không biết làm sao để có nó, và ban chủ biên chủ đề Tình Thương nhân bản cũng chỉ có mỗi một số báo để trích bài... (số 9 tháng 8-64). Lý do thứ hai là tác phẩm Nuôi Sẹo của Triều Sơn, được nhiều người tìm đọc nhưng không có. Chỉ có tờ Tình Thương mới đăng từng kỳ, kéo dài đến hơn 30 số...

Hai lý do trên khiến chúng tôi bắt tay vào việc. May mắn Cornell có 27 số. Một thân hữu của TQBT giúp mượn dùm (cô phải trả lệ phí khá cao vì mượn theo cách Interlibrary loan). Ngoài ra còn tiền shipping qua hai địa chỉ mới đến tòa soạn TQBT. Kể ra để quý bạn thấy về cái công sức sưu tập bỏ ra quá lớn, từ tiền bạc đến sức lao động. Nhưng bù lại, ít ra nó cũng giúp cho những anh chị bác sỹ, y sỹ quân y của một thời có dịp nhớ và thấy lại những số báo thân thương quý giá của họ...

Chúng tôi cũng xin được bày tỏ những lời cảm tạ đến nhà văn Ngô Thế Vinh đã biếu chúng tôi tập san Y sỹ xuất bản tại Canada chủ đề về nguyệt san Tình Thương, giúp chúng tôi có một số bài giá trị liên quan đến chủ đề. Chúng tôi cũng xin được cảm ơn quý anh chị đã sốt sắng gửi bài đóng góp, những bạn ân nhân đã gửi tem hay check ủng hộ...

Một lần nữa, xin quý bạn nhận ở chúng tôi những lời chúc tốt đẹp nhất.

Trân trọng
Trần Hoài Thư
TM. nhóm chủ trương

SỐNG VÀ VIẾT

Phạm văn Nhân

● **Đọc một bài thơ...**

Thư Quán Bản Thảo số 74, giới thiệu Nguyệt San Tình Thương của Đại Học Y Khoa Sài Gòn trước năm 1975. Hai chữ "Tình Thương" của một tạp chí từ những vị tân Bác sĩ trong tương lai chủ trương đánh động vào tôi qua bài thơ: **Lái Xe Khi Trời Bão Tuyết** của anh bạn Trần Hoài Thư viết cho vợ.

Bài thơ anh làm chẳng có một "ngôn ngữ thơ nào" sướt mướt, khóc than, nhìn trời tuyết rơi mà... than vay cho những mối tình bi lụy, chán đời, buồn thảm. Mà xuyên suốt bài thơ tôi thấy cái đau nhức do tình thương của một người chồng ở cái tuổi "xế chiều": *Mà chính những chiếc đinh trăm phần đóng lên tay chân mình đã làm tôi cũng đau nhức.*

Vâng. Phải chi tôi chưa một lần đến thăm anh chị khi đọc bài thơ anh viết với hình ảnh tuyết rơi trên đường từ nhà đến khu nursing home, chắc tôi phải tưởng tượng. Đàng này tôi đã đến. Một buổi chiều trời khá lạnh và âm u. Con đường từ nhà anh đến nursing home như đi trong khu rừng vắng. Chẳng có một con phố. Chẳng có một bóng người qua. Thế mà. Tuyết rơi anh cũng lái xe đi. Trời khô ráo anh cũng lái xe đi. Đã hai năm trên con đường ấy, cứ đi đi về về ngày hai buổi chỉ một bóng hình. Có phải tình thương không? Đúng. Còn có cái hạnh phúc của vợ chồng già đi nuôi bệnh nữa.

Tôi có đọc trên một tờ báo mạng cũng nói về những người già mà con cái đưa vào nursing home bên Mỹ. Buổi chiều, gia đình ngồi ăn cơm, đứa con nói: ngày mai chúng con đưa ba vào nhà dưỡng lão. Tưởng mấy đứa con nói chơi. Ai ngờ ngày hôm sau chúng đưa thật. Người cha, quỳ xuống sau khi ra khỏi xe, lạy: mấy con đừng đưa cha vào đây... cha lạy mấy con mà. Chuyện có thật hay không tôi không biết. Có lẽ chính người bạn tôi biết rõ hơn, vì hai năm, ngày nào cũng như ngày nào,

người bạn tôi vẫn lái xe vào và nấu những món ăn Việt cho chị: nào phở, bánh cuốn, bánh xèo, bún bò... Nghe đâu chị ăn ít và khen ngon. Anh nói với tôi anh vui và rất hạnh phúc trong cái tình thương của vợ chồng già.

Tôi lại nhớ, ngày đến thăm anh chị. Tôi đi trong hành lang của khu dưỡng lão, những người già Mỹ trắng nhìn tôi với đôi mắt như trông chờ và thêm một bóng thân nhân. Một người đàn bà nín áo tôi, cười và đi theo như đại như điên. Chỉ cười chứ không nói. Lần đầu tiên tôi vào nursing home . Tôi sợ. Bạn tôi nói tôi quen rồi, không sao, bà cũng cần một người thân đây mà. Tôi an tâm.

Nghĩ xem: Hai năm: $365 \text{ ngày} \times 2 = 730 \text{ ngày} \times 2 \text{ buổi} = 1.460 \text{ buổi}$ đi về. Không thiếu. Không quên. Không lỗi hẹn. Dù trời nắng hay bão tuyết. Dù bệnh “Gout” đau hành hạ. Anh vẫn: *Vậy mà tôi lại lái xe đến thăm mình/ Nghĩ đến buổi trưa mình không có tôi, chắc mình nhịn đói/ Tôi biết tôi điên khùng mới dám rồ máy xe/ Mới giữ chặt tay lái, và cái chân kèm thắng...*

Còn tình thương yêu và hạnh phúc nào hơn, khi anh đến với chị, một người bệnh liệt giường. May là trí nhớ và lời nói của chị là vô song. Chị nhớ từng người đến thăm. Tiếng cười tiếng nói vui biết mấy. Còn với anh, một người lính năm xưa mà tôi biết, những địa danh anh đã đi qua một thời mà tôi đã đến. Cũng hành quân gian khổ bao lần: *Còn hơn là bầu trời trên đồi mườì, Tam Quan, An Lão nồng nặc mùi tử khí.* Có lẽ cái gian khổ năm xưa đã tạo cho anh một bản năng sống. Một sức chịu đựng mà theo tôi nghĩ cũng khó cho một người đàn ông nào chăm sóc rất tỉ mỉ, từng li từng chút cho một người vợ bệnh đau? Tôi phục cái chịu khó của anh. Từ một người không biết nấu nướng. Mà bây giờ, nuôi vợ bệnh đau, anh trở thành một đầu bếp khá... để nấu những món ăn thuần Việt cho chị. Anh vui khi: *Cuối cùng tôi đã đến với mình/ Cuối cùng tôi dọn đồ ăn lên khay/ trông vào cổ mình chiếc yếm bằng plastic/ Mang ra những thức ăn tôi nấu cho mình/ Lòng tôi bây giờ rạt rào tình yêu/*

Đúng vậy. Đầu phải tình yêu vợ chồng không đâu, mà còn tình thương và hạnh phúc. **Cái tình yêu, thương, hạnh phúc đó** khi tôi qua thăm anh chị, tôi thấy hiện rõ trên gương mặt, trên

nụ cười, trên ánh mắt của một người lính năm xưa, đã trải qua bao gian khổ ở chiến trường. Nhưng tâm anh vẫn là tâm Phật. Tôi biết rõ điều này khi chúng tôi còn là đồng đội bên nhau. *Có người hỏi tôi ông là lính thám kích ông giết bao nhiêu VC rồi /Tôi trả lời, tôi cứu họ hơn là giết họ.* Tình thương yêu muôn thuở của một kiếp người. (Xin trích bài thơ của anh mà tôi cảm nhận để viết vài dòng hôm nay):

Lái Xe Khi Trời Bão Tuyết

Vậy mà tôi lại lái xe đến thăm mình
Nghĩ đến buổi trưa mình không có tôi, chắc mình nhịn đói
Tôi biết tôi điên khùng mới dám rồ máy xe
Mới giữ chặt tay lái, và cái chân kèm thẳng
Không đâu, tôi biết tôi sẽ đến với mình
Như ngày xưa, lệnh bắt tôi phải trèo lên một ngọn đồi đầy bụi gai mắt mèo
Hạ sĩ nhất Y Đạo, vừa vạch đường vừa phát những cành cây
Mồ hôi vàng thấy lặn trên vàng trán
Và đôi mắt lộ vẻ sợ hãi tốt cùng
Vậy mà tôi vẫn lên đường
Đâu có nghĩa gì
Dù tuyết có hung hiểm bao nhiêu cũng không bằng đám du kích chặn đường ở trên đèo Nhông
Sẵn sàng kê vào màng tang và bóp cò người lính về phép
Dù đường có trơn trượt bao nhiêu
có nghĩa lý gì với những mìn bẫy chông nguy trang
Dù bầu trời có xám xịt âm u hay vùn vù quay cuồng
vẫn còn những bông tuyết khiêu vũ
Còn hơn là bầu trời trên đồi mười, Tam Quan, An Lão
nồng nặc mùi tử khí



Lái xe dưới trời bão tuyết - Hình THT

Cuối cùng tôi vẫn đến với mình
Vẫn mở cửa xe và trèo lên bốn bậc thềm nhà dưỡng lão
Thiên hạ nhìn tôi
Một lão cựu chiến binh Mỹ thấy ta, chào tay và nói Captain
với tất cả sự nể trọng
Cuối cùng tôi đã đến với mình
Cuối cùng tôi dọn đồ ăn lên khay
tròng vào cổ mình chiếc yếm bằng plastic
Mang ra những thức ăn tôi nấu cho mình
Lòng tôi bây giờ rạt rào tình yêu
Bởi vì tôi giúp cho một người không được may mắn
Không phải mình là vợ tôi
Mà chính những chiếc đinh trăm phần đóng lên tay chân mình
đã làm tôi cũng đau nhức
Có người hỏi tôi ông là lính thám kích ông giết bao nhiêu VC
rồi
Tôi trả lời, tôi cứu họ hơn là giết họ
Tưởng tượng chỉ cần một trái lựu đạn là căn hầm bị nổ tung và
bao nhiêu người núp dưới hầm banh xác
Nhưng mà tôi lại quăng trái lựu đạn khỏi màu,
Tưởng tượng một tên tù binh tôi mời điếu thuốc Pall Mall

vừa hút vừa chửi tôi là lính của Johnson
Vây mà tôi lại tha chết...
Tôi nói thật lòng, chính vì vậy tôi mới viết nhiều về lính thám
báo
Bởi nó làm đôi chân tôi mạnh thêm, lưng tôi thẳng thêm
Bởi tôi khỏi cần ăn chay niệm Phật đọc kinh...
Bởi tôi biết tôi sẽ lên thiên đàng
Vì đã từng sống trong địa ngục
Bởi mình đã chịu tội giùm tôi
Để tôi còn lái xe dưới trời bão tuyết



Trần Hoài Thư

● *vào nursing home*

Trong bài “Sống và Viết” của nhà văn Phạm văn Nhân có đoạn: *Tôi có đọc trên một tờ báo mạng cũng nói về những người già mà con cái đưa vào nursing home bên Mỹ. Buổi chiều, gia đình ngồi ăn cơm, đứa con nói: ngày mai chúng con đưa ba vào nhà dưỡng lão. Tưởng mấy đứa con nói chơi. Ai ngờ ngày hôm sau chúng đưa thật. Người cha, quỳ xuống sau khi ra khỏi xe, lạy: mấy con đừng đưa cha vào đây... cha lạy mấy con mà. Chuyện có thật hay không tôi không biết...*

Sự thật không phải dễ dàng như chuyện gởi nhà giữ trẻ như vậy.

Muốn vào hay muốn thân nhân vào Nursing home phải qua hai cách:

1. Đến nursing home làm thủ tục đơn từ nhập viện. Nơi này đòi hỏi phải nộp những giấy tờ về lợi tức cá nhân, người đứng ra bảo đảm, hoặc Medicaid... Nhất là phải đúng với tiêu chuẩn cần có như bệnh lẫn, già cả không thể di động, cần người chăm sóc. Nếu thủ tục này hoàn tất, tên “ứng viên” được bỏ

vào trong danh sách chờ đợi “waiting list”. Có khi chờ cả năm vẫn chưa thấy tới phiên ứng viên. Đây chỉ nói đến trường hợp những người có lợi tức thấp. Còn giàu triệu phú thì dĩ nhiên dễ dàng. Cứ nạp tiền, được ở phòng riêng (private room), nhưng chưa chắc được nhập ngay vì phải đợi người... chết, mới có phòng bỏ trống.

2. Cách nhanh, gọn, không cần waiting list là cách chuyển từ bệnh viện đến, sau khi bác sĩ thấy bệnh nhân cần phải điều trị bằng Physical therapy ở nursing home (giai đoạn Rehab). Có hai loại bệnh nhân: Loại nhẹ. Người bệnh được quyền ở nursing home tối đa là ba tháng để nơi đây tập tành Physical therapy cho họ (do Medicare chi tiền). Sau đó xuất viện, và được tiếp tục tập tành bằng chương trình home care. Và loại dài hạn (Long term). Những bệnh nhân thuộc loại này thường là loại nặng mà bác sĩ xét thấy họ cần được ở nursing home không thể ở nhà vì điều kiện và khả năng chăm sóc.

Một ngày chánh phủ phải trả \$300 tiền phòng, chưa kể tiền thuốc men, tiền trả công cho chuyên viên tập physical therapy đầu phải là nhỏ, để muôn vào là vào ra là ra sao?

●Quên...

Như vậy, giường bên cạnh Y. lại thêm một lần bỏ trống. Trơ vơ cái nệm hơi bọc bằng nhựa màu xanh đậm. Với ba chiếc gối được tháo bao, màu xanh dương nằm trên đầu giường. Cái bảng tên của bà lão để ở ngoài phòng đã được rút ra, chỉ còn lại tên Y.

Bà lão đã ra đi hôm qua. Tôi chứng kiến sự ra đi của bà khi nhìn người nữ y tá vạch con mắt, và cái miệng bà há hốc. Bà vẫn còn hấp hối. Không thân nhân bên cạnh. Mà có thân nhân thì cũng vô ích. Bà đang ở trong tình trạng hôn mê.

Y. không biết. Tôi giấu Y. Mà nói ra thì Y. cũng chẳng cần bận tâm.

Mà biết để làm gì. Quên là tốt nhất. Để khỏi nhớ mà ngủ không được vì sợ ma. Để khỏi nhớ mà nghĩ đến thân phận của mình càng buồn hơn càng tủi hơn càng uẩn ức hơn. Tôi cầu

mong Y. được quên thực tế, để khỏi khóc lóc đòi về nhà hay tử thân.

Vậy mà bây giờ lòng tôi lại thêm một lần đứt đoạn.

Y. hình như không còn là Y. nữa. Mà là một người khác. Không vui không buồn. Không giận dữ. Đôi mắt thì lạc thần. Dù hướng về tôi, nhưng bộ bán cầu não thì hướng về cõi gì khác.

Tôi cầu mong Y. hãy nhieét mắng, chửi rửa, hãy lấy cái nĩa đâm túi bụi xuống cái hot dog, miếng hamburger hay những cọng mì pasta sauce cà chua đỏ bầm.

Dưới chiếc áo kia, trái tim vẫn đập. Đôi mắt kia vẫn sáng, hàm răng kia vẫn trắng và đều đặn. Mái tóc kia vẫn đen, ít thấy sợi bạc.

Nhưng cái màn vô thức đã êm ái phủ đến lúc nào không hay. Mỗi ngày mỗi ít.

Trái tim tôi lại thêm một lần tan nát, ngổn ngang. Một đặng tôi muốn Y. quên. Nhưng một đặng thì tôi lại muốn Y. nhớ...

Nhớ, quên, quên, nhớ...

Trời ơi. Trí não tôi nóng bùng.

Tôi càng hiểu rằng, quên thì dễ, nhưng nhớ thì rất khó. Muốn quên thì dễ lắm.

Sẽ có ngày, như phần lớn những người trong nursing home này. Họ quên. Họ quên hết. Họ không còn nhận ra chính họ nữa. Họ bị bệnh Alzheimer. Họ chẳng cần biết người bên cạnh họ vừa chết, và những y tá hoảng hốt đi rào khắp các phòng đóng cửa lại sợ những người trong phòng nhìn thấy chiếc băng ca chở người chết lướt qua.

Bởi họ chỉ mang cái xác mà hồn họ đã bỏ họ mà trôi dạt phương nào.

Trưa nay tôi mang thức ăn đến thăm nuôi như thường lệ. Khi đi ngang qua phòng TV, tức là phòng dành cho những phé nhân nặng, không thể tự giúp mình trong việc ăn uống hoặc đi đứng... tôi thấy Y. đang ngồi trên xe lăn bên trong phòng.

Thấy tôi Y. đổi sắc mặt liền. Y. giận lắm. Tôi đến bên thì bàn tay Y. nắm lại rồi liên tiếp đập túi bụi vào người tôi như trút hết giận dữ. Ôi, những cú đập nhẹ hều, như gãi, chạm nhẹ trên mặt tôi, từ bàn tay cảm muổng cảm đũa còn run rẩy khó khăn. Đôi mắt như long lên sòng sọc. Y. bảo là tại sao tôi đến trễ (mà thật sự đến sớm hơn mọi bạn) bắt Y. phải ngồi xe lăn không cho Y. nằm.

Nhưng mà bạn ạ, tôi vui, rất vui. Ít ra lúc này Y. vẫn còn tỉnh, có nghĩa là vẫn còn bản chất “hỉ nộ ái ố” – 4 yếu tố ắt có và đủ để chứng tỏ mình vẫn còn là người không phải là thực vật, không phải là gỗ đá. Tôi cầm bàn tay phải của Y. và đặt nó vào má tôi, rồi giục thêm: “Này, mặt tôi đây, bà cứ đấm, tha hồ mà đấm”. Y. bỏ tay ra, nói: “Tôi muốn nằm. Ngồi mệt quá rồi”. Tôi nói là phải ngồi, bác sĩ bảo phải ngồi, nằm hoài lưng bị lở... Rồi tôi đẩy xe đưa Y. trở lại phòng, để chuẩn bị làm bữa ăn trưa cho Y.

Ý thức phản kháng...

Từ ngày Y. trở thành phế nhân tật nguyên, bản tính bỗng thay đổi rõ. Nổi uẩn ức số phần được biểu lộ qua hành động phản kháng như không chịu cho tôi đút đồ ăn hay cầm chiếc nĩa đâm lia lia túi bụi vào đĩa thức ăn pasta, hot dog, french fries – những thức ăn mà Y. chưa bao giờ đụng tới... Có lần tôi mua phần chả giò ở tiệm, năn nỉ Y. ăn nhưng Y. không chịu, giận quá tôi ném xuống nền phòng, thì Y. trên giường bệnh cũng hất tung cả cái khay đồ ăn...

Như bây giờ, nổi uất ức được thể hiện qua những cú đập...

Đời Y. có bao giờ như vậy đâu. Rõ ràng cái căn bệnh ác nghiệt này đã tàn phá dần mòn một người hiền lành như Y.

Tôi đọc được sự chống đối này trong truyện của Yên Thảo mà chính tôi đánh máy và đăng lại trong TQBT số chủ đề Tình Thương này. Đó là sự trả thù định mệnh. Đó là cách để biểu lộ nổi uẩn ức bị dồn nén của người bị bệnh trầm kha. Nhân vật chính là một thanh niên chẳng may thành phế nhân vì một tai nạn. Anh ta cảm thấy mình là kẻ bị gạt ra ngoài lề của xã hội, của tuổi trẻ, của tình yêu. Điều này khiến anh bất mãn, và ghen với cả một con mèo tam thể khi người yêu của anh ta ôm

nó vào lòng. Anh điên cuồng hét:

- A, ra bây giờ anh tàn tật, bần thủ không bằng con vật.

Vừa nói, tôi vừa vói tay nắm lấy gáy con mèo. Cử động phản xạ khiến con vật giơ chân trước cào mạnh vào tay tôi làm rách một vết dài, cho đến bây giờ, con giận của tôi không sao kìm hãm được nữa. Một sức mạnh kỳ lạ làm tôi vùng ngồi dậy, đuôi bên phải đè chặt đầu con vật xuống thành giường, tay phải vùng lên rồi chặt mạnh xuống. Rắc! Chân sau bên trái của con vật gãy lìa. Nó gào lên thảm thiết và quay lại cắn mạnh vào đuôi tôi; nhưng lúc đó tôi không biết đau đớn là gì nữa, tôi cảm chắc lấy chân trước bên trái con vật bẻ mạnh.

Rắc! Xương gãy, con vật lại gào lên. Tôi quăng nó xuống đất. Thế là nó giống tôi! Nhìn con vật xoay tròn và cố lê từng bước, tôi thích chí quay lại phía Ngọc và mỉm cười. Nụ cười ngây ngô và đầy thú tính của tôi vụt tắt khi thấy Ngọc đang nhìn tôi trừng trừng, mặt nhợt nhạt vì sợ hãi, nhưng ánh mắt lại loé lên những tia sáng kỳ dị, nửa khinh bỉ, nửa thương hại. Tôi hét lên:

- Cô khinh tôi lắm phải không ? Được lắm. Đừng bao giờ chúng ta gặp nhau nữa là hơn. Cô về đi, về ngay đi!

(Yên Thảo: *Mây ngàn bay theo gió*, Tình Thương số 8, tháng 8-64)

Lâng lâng...

Y. đã trải qua một thời gian không chịu ăn khoảng một tuần. Tôi có linh cảm là điềm chẳng lành. Không ăn, không uống, mắt lạc thần như nhìn vào một cõi nào. Có khi nhìn tôi, tôi nghĩ là Y. như muốn trời trần điều gì đó. Tim tôi quặn thắt. Bắt đầu từ đây Y. xuống cân trầm trọng. Tôi đã chứng kiến hai bà lão nằm cùng phòng với Y. Họ ra đi cũng vì nhịn ăn. Họ nói “no” khi các người phụ y tá (nurse aid) hỏi. Họ ngậm miệng khi người chăm sóc đút muỗng vào miệng. Y. cũng vậy. Có lần cậu con chúng tôi dùng “oai” bắt mẹ nó phải há miệng. Y. há, nó đút muỗng thức ăn vào miệng. Nhưng sau đó Y. lại nhả ra, có khi phun đồ ăn ra ngoài.

Tôi về nhà, lựa chọn bộ áo quần đẹp nhất của Y. như lời

khuyến của chị bạn, chờ lúc Y. có mệnh hệ gì để mặc vào. Tôi đã khóc nức nở khi áp mặt vào chiếc áo, chiếc quần mà tôi chọn.

Nhưng còn nước còn tát. Tôi vẫn tiếp tục nghiên cứu nghiên ngẫm về món ăn. Mỗi lần thăm nuôi tôi đều mang theo hai phần ăn khác nhau. Nếu món này Y. không thích thì đổi món khác. Có khi tôi thành công. Có khi tôi thất bại.

Tôi đã trở thành một lão già nội trợ lúc nào không hay. Càng ngày tôi càng có kinh nghiệm nấu ăn cho người bệnh.

Hôm qua, y tá cho hay Y. đã lấy lại ba pound sau khi sụt 11 pound chỉ trong vòng nửa tháng. Và họ đã cảm ơn tôi: *You are a good cooker.*

Tôi trả lời: *I will open a restaurant but for just only one customer.*

Vậy thì trong trường hợp và hoàn cảnh này, lâng lâng mang theo hạnh phúc. Nó lâu dài, khiến người cho, thấy cái công việc của mình thật ý nghĩa. Thấy mình lớn hơn, yêu đời hơn, hớn hờ hơn. Tôi nghĩ ngay cả những vị đạo hạnh nhất cũng vậy mà thôi. Cứu khổ cứu nạn tha nhân, nhưng cái phần thưởng không phải do mình tìm mà do từ trái tim của mình.

Như ngày xưa cái cảm giác hạnh phúc lâng lâng khi nháp từng hợp cà phê *xây chùng* ở quán bên đường trong khi tai nghe tiếng xe lam vang rền vào mỗi buổi sáng sau một đêm canh thức trắng mắt cùng cơn mưa Bình Định.

Cái cảm giác ấy vẫn nằm trong trái tim hay trong bộ nhớ mãi đến bây giờ. Dù chẳng to tát gì, chẳng vĩ đại gì nhưng trong tám thân suy nhược của tuổi già vẫn tiềm tàng một sức mạnh vô hình, để mình lê đôi chân, nhưng đôi mắt vẫn hướng về phía trước, khinh mạn thách đố: Ta là trung đội trưởng thám kích!

Cô hàng chợ Quận mơ gì nhi

*Mà sao yên lặng như tương tư
Tôi biết đêm rồi không chớ sửa
Đêm rồi tôi cũng dệt cơn mơ*

.....

*Cô hàng chợ Quận mơ gì nhi
Sáng đã lên rồi em biết không
Em hiểu lòng tôi giờ ảm lảm
Khi trống trường vọng lại bâng khuâng...
Em nhớ đời tôi từng mát mát
Em vui tôi cũng chia niềm vui
Ít ra trong kiếp đời gian khổ
Thấy một ngôi trường có mái tươi
(THT – Trường ở bên sông)*

Bây giờ, tôi không nói với cô hàng chợ Huyện mà nói với chính mình.

Tôi đang trở lại vị trí của một người lính thám kích đạo nào. Có nghĩa là vẫn canh và thức. Có nghĩa là vẫn chiến đấu. Có nghĩa là không bao giờ bỏ cuộc, đầu hàng.

Nhưng giờ đây, tôi cảm thấy phải cầm cò trắng.
Giữa lúc Y. ăn được và lên cân, trở lại bình thường như trước.

Bởi vì, bên tôi, mà Y. chỉ nói như nói với ai.
Rồi điện thoại reng. Ông bạn PVN của tôi gọi hỏi thăm.
Chúng tôi cùng trao đổi về TQBT số sắp tới.
Ngày trước, khi còn tỉnh táo, Y luôn luôn hỏi tôi: Ai nói đó, hay hỏi thăm về TQBT, hoặc nhắc tôi phải gọi ai. Bây giờ Y. không còn để ý đến việc làm của tôi nữa. TQBT không còn phải là của Y. nữa.

Người ta ao ước quên. Ừ thì quên. Dễ lắm mà. Một ngày rồi sẽ biết. Khỏi cần thiền. Khỏi cần ép thân xác. Khỏi cần nhờ đến thầy bà, sư phụ. Nó đến êm ái, và lặng lẽ. Như Y. bây giờ.
Chỉ có nhớ mới khó khăn.

Có phải vậy không?

●trăng mười sáu

*Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?*

Yêu dấu làm sao lời ví von cho một cuộc tình khởi chớm. Mang trăng vào gàu sòng, mang trăng vào nước, và biến trăng thành một thực thể... Hiểu là chẳng bao giờ có, nhưng cứ xem là có đi, chẳng chết ai. Để làm thăng hoa cho đời. Để làm cho ngất ngây tâm hồn thi sĩ. Để cho Hàn Mặc Tử với những bài tuyệt tác về trăng. Để một thi sĩ Trung Hoa xa xưa phải chết đuối vì muốn ôm cả vầng nguyệt sáng dưới đáy nước.... Để cho trong tận cùng trái tim mình, tôi không bao giờ quên được:

*Nửa đêm, như thể ngày xưa ấy
Mấy thằng trai chiếu dưới đèn trăng
Trăng sáng phơi trên hàng kềm lạnh
Rồi chảy vào bát rượu băng khuâng
(Thơ THT)*

Trăng là của chung. Nhưng đối với người thi sĩ, trăng không còn là của chung nữa mà là của riêng. Xin hãy cho tôi giữ làm của riêng:

*Đêm vườn sau, còn tôi với trăng
Trăng vì lạnh, nên mờ không đủ sáng
Tôi cũng lạnh, nhưng lòng tôi rất ấm
Lâu lắm rồi, tôi không có bạn, trăng ơi
Đêm vườn sau, con đẻ gáy mỗi mê
Tiếng rưng nhẹ, một lá khô từ già
Tôi đứng yên, và ngẩn ngơ, nín thở
Nghe vô cùng, gần gũi của vô biên
Và hình như tinh huyết của càn khôn
Đã lai láng cả một vườn không ngủ*

*Dịu dàng nhé, âm dương đang kết tụ
Và muôn loài đang âu yếm, sinh sôi...
Đêm vườn sau, còn tôi, với trăng
Trăng đang thức, lỏa lồ không manh vải
Trên tàn lá sồi, trăng lai láng chảy
Trên người tôi, cũng vậy, chảy giòng trăng...
(thơ THT trích từ thi tập Ô Cửa)*

Trăng đến với tôi khi người khác ngủ. Trăng soi dẫn đường tôi đi. Trăng làm cánh đồng đã vàng nay dát cả một lớp nhũ kim vàng trác tuyệt. Trăng soi giòng sông, vàng thắm tựa hoàng kim khi chúng tôi lội qua trong một đêm làm ăn:

*Giòng sông phân tranh hai vùng thù nghịch
Đêm xuống đôi gập con nước nổi
Súng đưa khói đầu
Từng con một vượt sông ...*

*Rời trước khi trèo ngọn Kỳ Sơn
Anh lạc trên cánh đồng trăng mênh mông
không biết nơi nào là cõi dữ
Trên đôi vai anh nặng nề lịch sử
May mà còn em
vàng trăng mười sáu
anh giữ
ở đấy ba lô...
(thơ THT)*

Vâng, may mà còn em/ vàng trăng mười sáu/ anh giữ ở đấy ba lô:

*Tháng giêng qua làng em
Dừng quân bên hiên nhà nhỏ
Trăng lung linh trên tàn vú sữa
Xôn xao gió gọi thì thầm
Em nhìn lên bầu trời vô tận mênh mông
Tôi kể em nghe về chòm Hạc Trắng
Tháng giêng bầu trời đầy sao lấp lánh
Con hạc bay về thăm lại quê hương*

*Em thấy gì không, đuôi nó dị thường
Vì sao sáng giữa hằng hà tinh tú
Vì sao sáng đang cùng nhau nhảy múa
Như cả bầu trời mở hội hoa đăng
Em nhìn lên, đôi mắt long lanh
Tôi bắt gặp thêm hai vì sao yêu dấu
Em mười lăm, hết giêng mười sáu
Tôi hứa trăng tròn trở lại thăm em
(thơ THT)*

Vậy mà tôi lại đành đoạn bỏ trăng mà đi. Đêm ấy trăng không lớn lắm, nhưng trăng vừa đủ sáng để soi chỗ sông giao tiếp với biển. Hai bên là hàng dừa nước. Thuyền không dám chạy bằng máy tàu mà là chông, chèo vì tại đây có một đồn công an. Tôi đã dùng can nước để múc một can dự trữ. Tôi thấy tôi múc cả trăng và uống cả trăng:

*Khi ra đầu vàm trăng mới mọc
Khi ra cửa biển trăng theo sau
Múc vội can nước trăng theo vào
Uống vội hộp nước nghe mằn mặn
Không biết của nước hay của trăng
Không biết là nước hay lệ mặn?*



Người Thợ Săn Vô Danh Của Vua

Bảo Đại

phan ni tấn

Ban Mê Thuột không phải chỉ để sống hay để nhớ. Ban Mê Thuột với nắng gắt, mưa lầy, ngửi thấy mùi vị của đất, của cỏ cây và núi rừng. Ban Mê Thuột của những cơn bụi đỏ và huyền thoại, của chiến tranh và hiện đại. Nhìn chung, Ban Mê Thuột là nơi khi người ta đi xa, dù ít nhiều kỷ niệm cũng ray rứt nhớ về. Riêng tôi khi nhớ núi rừng thỉnh thoảng tôi lại nhớ tới những người thợ săn của vị vua cuối cùng của 13 triều nhà Nguyễn: vua Bảo Đại.

Từ trước thế kỷ 19, thị trấn Ban Mê Thuột trên cao nguyên Daklak thuộc lãnh thổ Việt Nam. Nhưng mãi đến năm 1923, Ban Mê Thuột mới được thành lập dưới quyền bảo hộ của thực dân Pháp. Thời đó Ban Mê Thuột là chốn ma thiêng nước độc nên dân cư còn thưa thớt, đa số là đồng bào Thượng sống trong các buôn làng xa xăm.

Khoảng giữa thập niên 1950, ở cây số 5 ngay ngã ba quốc lộ 14 đi Pleiku và quốc lộ 21 đi Ninh Hòa vẫn còn rừng, chưa có bến xe đò. Ban ngày hươu nai chạy ngơ ngơ; nhất là công rừng đậu từng bầy trên cây.

Mùa hè là mùa săn bắn. Thợ săn ở Ban Mê Thuột không nhiều cũng không ít. Nhưng nhà nghề vẫn là ông Ba Lô, là tay thiện xạ khét tiếng.

Đi săn, thợ săn thường dùng súng mousqueton, một loại súng trường ngắn như carbine. Xe thời đó, ngoài xe Land Rover, còn có xe Dodge Quatre của người Pháp tiện cho việc chuyên chở những vật nặng, cồng kềnh. Hồi nhỏ, con nít tụi tôi thường gọi chiếc Dodge Quatre là "xe cách cách" (quatre-quatre), một loại xe tải nhẹ 4 bánh, dàn sắc-si (châssis) thấp, thùng xe hơi vuông vức, có mui phủ bằng tấm bạt nhà binh.

Rừng Ban Mê Thuột có những khu vực săn bắn lý tưởng như buôn Dur, buôn Đông (Bandon), Draysap, Dak Mìl nằm sâu trong những cánh rừng rậm rạp ở phía Tây Nam quốc lộ 14 đi Bù Đăng, Bù Đốp. Cũng trên quốc lộ 14 ngược về hướng Bắc

Pleiku, khu vực Bra thuộc Buôn Hồ cũng có nhiều dã thú. Rừng Lạc Thiện phía quốc lộ 21 kếp đi Lak, ngoài thú dữ, còn có rừng mai vào những ngày Tết nở vàng cả núi rừng.

Đó là giang sơn của những động vật hoang dã. Từ chim chóc, hươu, nai, chồn, cáo, khỉ, vượn, nhím, kỳ đà cho tới mãng xà, gấu, voi rừng, trâu rừng, lợn lòi, tê giác, cạp, beo...

Ngoài ra, Dốc Láng, ở phía Đông Bắc quận Khánh Dương cũng có nhiều thú và... ma. Nhiều thợ săn kể lại mỗi lần xe vừa quẹo cua đổ xuống Dốc Láng họ đều thấy lò mờ một cô gái mặc áo voan trắngбет đất, tóc dài chấm gót đứng bên lề đường đón xe. Dĩ nhiên khi xe tới gần thì cô gái ma biến mất. Động vật thường hoạt động vào ban đêm nên hàng tuần, trời vừa chạng vạng tối là nhóm thợ săn với hai, ba xe Dodge lên đường đi săn suốt đêm tới tờ mờ sáng mới về. Có khi họ săn ba bốn ngày. Không bao giờ họ bắn nai con hoặc nai đang lớn. Chiến lợi phẩm là những con hươu khổng lồ hoặc nai chà cao 1.20m tới 1.60m, nặng chừng 150kg đến 200kg. Ve hút máu trong kẽ chân nai, con nào con nấy to bằng đầu ngón tay cái, lớp da chai nhầy, trắng ớn.

Mỗi lần đi săn về, ông Ba Lô, trưởng toán chia đều phần thịt cho bạn đồng hành nhưng ông ưu tiên lấy sừng. Nếu hạ nhầm nai có chữa thì mổ bụng tại chỗ lấy thai nai con về ngâm rượu hàm nậm. Ai đã từng ghé qua nhà ông Ba trên đường Tôn Thất Thuyết sẽ ngợp vì thấy trong phòng khách nhà ông treo toàn gác nai đủ loại, đủ cỡ như hươu, nai chà, sơn dương. Đây là bộ sưu tập nghệ thuật về bộ sừng vĩ đại, hiếm có của người thợ săn nổi tiếng nhất vùng, đặc biệt là sừng trâu rừng, tức con Min, là một loại mãnh thú to lớn, dềnh dàng, đen xì, vô cùng dũng mãnh. Con Min nặng cả tấn, cặp sừng, bề ngang dài cả sải tay, rắn chắc, bóng lưỡng, nhọn hoắt, là thứ vũ khí cực kỳ nguy hiểm. Gặp cạp, con Min chỉ khịt một tiếng là cạp cong đuôi chạy mất đất.

Nhớ có lần ông Ba Lô săn được một con cạp ngoại khổ, đuôi dài cả thước, nanh, vuốt dài ngoằng, nhọn hoắt. Con nít tụi tôi nghịch ngợm nhỏ râu cạp chơi bị bà nội rầy. Thì ra người Thượng dùng râu cạp trộn với một loại lá rừng đựng trong hũ lâu ngày biến thành một loại sâu róm lông lá xanh lè. Họ lấy sâu giã nhuyễn dùng làm thuốc độc tẩm trên đầu mũi tên để săn thú rừng.

Vị vua cuối cùng của triều nhà Nguyễn là vua Bảo Đại nổi tiếng là ông vua tân thời, phóng khoáng và phong độ. Được biết nhà vua rất hâm mộ các môn thể thao quý phái, thời thượng như bơi thuyền, cưỡi ngựa, đánh golf, chơi tennis. Nhưng có thể nói săn bắn là môn "thể thao đường rừng" ông ưa chuộng nhất. Mỗi lần đi kinh lý trên Ban Mê Thuột, vua thường tổ chức đi săn. Nhớ lại tháng 5/1950, nhân dịp Bảo Đại lên Daklak thăm viếng đồng bào Thượng Êđê, vua sai cận thần triều ông Ba Lô đi săn cọp với vua. Thời trước, ông Ama Kông, vua săn voi cũng từng đi săn với Bảo Đại. Đi săn với vua chúa là niềm vinh dự hiếm có.

Ông Ba Lô kể lại: "Đi săn, vua Bảo Đại chỉ thích săn cọp, beo để lấy da bọc bộ salon. Ngoài salon, còn có một bộ da cọp nguyên vẹn được thuộc rất khéo léo và công phu đem trải trên sàn phòng khách biệt điện (bungalow) của Bảo Đại".

Về kinh nghiệm săn bắn, ông Ba nói: "Săn ban đêm rọi đèn gặp cặp mắt đỏ chạch thì biết đó là nai; còn đụng phải cặp mắt sáng quắc, xanh biếc, một thứ màu lạnh buốt, rợn óc, lia qua lia lại thì phải hết sức thận trọng, vì đó là mắt cọp".

Đoạn đời đi săn của ông Ba Lô, thú rừng bị bắn hạ không biết cơ man nào mà đếm, nhưng đáng kể nhất là ông đã hạ 3 con cọp rằn, 2 con beo đốm, 2 con beo gấm và 1 con chim đại bàng.

Ngoài ông Ba Lô, còn có các thợ săn khác như ông Lucien Rostan, tonton Sang, cậu Minh, chú Mười Kèn, chú Năm Bé, chú Đình, chú Hiếu, chú Hích, chú Sĩ...

Nghề săn bắn cũng có nhiều thứ cấm kỵ và lắm sự rủi ro. Có người trong nhóm chú Năm Bé đi săn bị sập lỗ chân trâu, súng cướp cò, đạn xuyên qua cổ lên đầu, phọt óc chết. Đoàn thợ săn của cậu Minh đi săn voi, năm người đi chung một chiếc xe cán phải mìn, không ai toàn mạng.

Dam Rông ở phía Đông quận Lạc Thiện rừng rậm um tùm có nhiều vách núi cheo leo. Trời vừa sập tối, nhóm của cậu Minh vừa đổ bộ vào cánh rừng đã đụng phải con voi một ngã, hiếm khi gặp được. Không có gì hồi hộp hơn một cuộc săn bắn mạo hiểm. Thấy con voi quá lớn, nặng gần chục tấn, ngà dài cả thước, mọi người đều nín thở. Cậu Minh bình tĩnh nâng súng nhắm ngay giữa trán, voi rừng dù mạnh cách mấy chỉ cần một

phát đạn cũng gục ngay tại chỗ. Ngà đem về chunga trong phòng khách nhà ông Lucien Rostan. Riêng ông chân voi lớn đến nỗi người lớn có thể ngồi lọt thỏm trong đó.

Thợ săn đại kỵ giết voi một ngà. Kinh nghiệm cho biết sớm muộn gì họ cũng gặp phải thảm cảnh. Đoàn thợ săn của cậu Minh cán phải mình là một điển hình.

Dù sao, những người thợ săn khét tiếng một thời ở Ban Mê Thuột từ thập niên 1940 đến 1975, có thể nói họ như một loại huyền thoại, một biểu tượng sống động của thị trấn miền cao. Nhưng nhìn lại, họ vẫn là những thợ săn vô danh, mãi mãi vô danh, dù có người đã từng đi săn với vua Bảo Đại. Thật ra, trong sử sách, không ai biết mà cũng không cần thiết nhắc đến tên tuổi của họ, trừ vua săn voi Ama Kông, dân tộc M'Nông, một thợ săn ngoại hạng của núi rừng đại ngàn vào thế kỷ trước.

Vậy đó. Săn bắn tài tình như vậy. Thiện xạ như vậy. Nức tiếng như vậy. Vậy mà một sớm một chiều ông Ba Lô bất ngờ buông súng để bước vào cửa Phật. Ông quy y tam bảo, trở thành một vị cư sĩ ăn chay, niệm Phật, tụng kinh rất thuần thành. Người ta nói tiếng chuông mõ là tiếng nói của đức Phật, đánh thức hạnh từ bi vốn có trong mỗi con người. Có lẽ hàng đêm nhờ tiếng tụng kinh đều đặn của người mẹ già, lâu dần như một phép lạ thấm vào lòng người thợ săn ác liệt này.

Nhìn ông ngồi thẳng lưng trong chiếc áo tràng lam trước bàn thờ Phật thành kính gõ mõ tụng kinh, không ai ngờ trong quá khứ ông Ba Lô từng là một tay thợ săn thiện nghệ.

Ông Ba Lô còn có một năng khiếu đặc biệt nữa mà ít người biết. Ông là một nghệ sĩ kỳ tài, kéo vĩ cầm mùi tận mạng. Mỗi độ trăng tròn, ông thường đem vĩ cầm ra kéo những bản vọng cổ mùi rệu.

Dưới ánh trăng rằm, hình bóng và cây vĩ cầm của ông nổi bật như một bức tranh sống động. Cái đẹp của bức tranh trong thời khắc đó nổi lên âm thanh của điệu Nam Xuân, Nam Ai mùi mẫn, tài tình. Mấy ngón tay ông thuần thục như múa lướt trên bốn dây đàn. Không gian như say như đắm trong tiếng nhạc. Ánh trăng vắng vặc trên vòm trời nam ngọc như chìm trong yên tĩnh. Những đêm trăng lắng nghe tiếng đàn mùi rệu vang lên trong làng xóm tôi có cảm tưởng rằng âm nhạc có khả năng lấn át cả tiếng súng săn năm nào.

Tôi có thử đàn vài lần nhưng lần nào cũng kéo ra những tiếng ò ẹt ẹt như nghẹt mũi, như ai bóp cổ, chẳng ra hồn. Vĩ cầm không có phím như dương cầm hay tây ban cầm nên người đàn phải nhớ chính xác vị trí các nốt trên cần đàn. Vĩ cầm là loại nhạc cụ vừa bình dân vừa quý phái, tuy nhỏ nhắn, gọn nhẹ nhưng âm thanh thì cao vút từng mây. Tôi rất ngưỡng mộ người chế ra loại nhạc cụ này cũng như rất phục tài chơi đàn của ông Ba Lô. Cuộc đời khá ngắn ngủi nhưng kỳ lạ của ông như được kết hợp bởi bốn loại hình: quân nhân, thợ săn, nghệ sĩ và nhà tu.

Nhưng rồi cái gì cũng chỉ một thời, rằng thế gian này mọi vật đều vô thường. Những tiếng súng ác liệt của những người thợ săn năm xưa cũng đã chìm trong tịch lặng khi tất cả đã đi vào thiên cổ. Ông Ba Lô cũng vậy. Ông mất năm 1983 tại Ban Mê Thuột.

Ông Ba Lô là ba của tôi.



Huyền Chiêu

LÀM SAO ĐỂ BẮT ĐƯỢC MỘT NHÀ THƠ

*Thưa rằng nói nữa là sai
Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào
(Bùi Giáng)*

Nói nhiều là dở nhưng đó là cái tật không bỏ được và vì mùa xuân năm nay có nhiều chuyện lạ đáng được kể nghe cho vui.

Truyện Tây Du Ký có đoạn về một ông vua ghét thầy chùa. Ông thề sẽ giết cho đúng một ngàn nhà sư. Khi bốn thầy trò Đường Tăng đến vương quốc ấy thì vua đã giết được 996 nhà

sư rồi. Nghe Thổ Địa (giống như chủ tịch phường bây giờ) cho biết thông tin ấy, Đường Tam Tạng vốn nhất gan, sợ hãi run lập cập bước đi không nổi. Tôn Ngộ Không phải đi ăn cắp một mớ quần áo đem về để bốn thầy trò giả làm thương nhân. Vào lữ quán, Tôn Ngộ Không nói với chủ quán cho ngủ chỗ nào càng kín càng tốt vì chúng tôi sợ gió. Chủ quán nói nếu muốn kín, quý khách chịu khó ngủ trong tủ của nhà tôi. Đêm hôm ấy nóng quá, thầy trò bỏ khăn áo ở ngoài chui vào tủ tạm yên thân. Không ngờ nửa khuya có một bọn cướp vào khiêng cái tủ đi. Đang khiêng tủ, bọn cướp bị một ông quan công an khu vực bắt được và lệnh cho bọn chúng khiêng tủ về dinh để mai trình cho vua biết.

Bốn thầy trò đều nghĩ phen này chắc chết. Nhưng Tôn Ngộ Không không chịu thua. Đêm đó, Tôn Ngộ Không hóa thành con bô hóng chui ra khỏi tủ. Bay vào cung vua, Lão Tôn rừng mình bứt một nắm lông thổi cái phù. Mỗi sợi lông hóa thành một con khi nhỏ. Thổi thêm cái phù, mỗi con khi có trong tay một con dao cạo. Và theo lệnh Tôn Ngộ Không, các con khi nhỏ xâm nhập vào phòng ngủ, cạo trọc đầu vua, hoàng hậu, công chúa, tất cả tỳ nữ, rồi sau đó tấn công sang dinh của các quan. Sáng hôm sau cả hoàng cung kinh hoàng vì không hiểu sao mọi người đều bị trọc đầu. Nhà vua vô cùng sợ hãi biết Trời đã phạt mình vì tội sát hại thầy chùa nên quỳ xuống khẩn cầu Trời Phật tha tội và hứa từ nay sẽ không tái phạm.

Kẻ độc quyền dễ sa vào cái ác.

Sử ký Tư Mã Thiên có ghi lại chuyện để dập tắt tự do ngôn luận, thống nhất các chính kiến và tư tưởng, Tần Thủy Hoàng đã chôn sống 460 nho sinh ở Hàm Dương và đốt rụi sách trong kho, trong nhà dân.

Tưởng chỉ có trong truyện hoang đường, truyện xưa bên Tàu chư tăng và nho sinh mới bị kẻ có quyền lực giết chết, kinh kệ, sách vở bị thiêu hủy. Nào ngờ, ở thế kỷ 20, giới trí thức, nhà văn, nhà thơ chân chính ở nước tôi cũng bị đày đoạ, cấm phổ biến tác phẩm, cấm sáng tác.

Sau 1975 tất cả các “Văn hóa phẩm” miền Nam cũng bị đốt sạch.

Nhà văn, nhà thơ còn lại muốn tiếp tục cầm bút cũng phải có hàng ngũ, có thủ trưởng, phải học tập đường lối chính sách.

Bù lại, Ban chấp hành Hội Nhà Văn đóng ở Hà Nội được nhà nước cấp cho ngân sách hậu hĩ để duy trì sinh hoạt hội. Một thế hệ người Việt lớn lên đã nhầm lẫn Tự Lực Văn Đoàn là tên một đoàn cải lương. Họ không biết các ông Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phan Chu Trinh, Phan Khôi ... là ai, họ không quan tâm tại sao các nhạc sĩ Văn Cao, Đoàn Chuẩn sau 1955 không còn sáng tác ca khúc. Thơ của Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Hồ Dzếnh, Quang Dũng, Hữu Loan... bị cho là đồ rác rưởi tiểu tư sản cấm phổ biến.

Chuyện lạ là nhân dịp tết Đinh Dậu vừa qua, Hội Nhà Văn muốn mời vong hồn của những nhà thơ mà họ từng bạc đãi, trở về tham dự một lễ hội có tên rất mỹ miều là “Ngày Thơ Việt Nam”.

Thật tội nghiệp cho các đấng tiền nhân. Khi muốn phục dựng “Con Đường Thi Nhân” dọc theo công vào Văn Miếu đề trang trí cho lễ hội, họ đã nhầm lẫn đưa ảnh Yến Lan vào pano có thơ Hàn Mặc Tử, ảnh Phan Thanh Giản ghi tên Nguyễn Khuyến, ảnh Chu Văn An thành Cao Bá Quát...

Với tôi, chuyện nhầm như thế này là chuyện nhỏ vì từ lâu lắm rồi có ai còn nhớ mặt các vị. Tôi chỉ ngờ rằng các văn nhân thi sĩ chỉ được mượn danh để tạo khí thế cho lễ hội nhằm có chuyện báo cáo thành tích để tôn uy tín cho Hội Nhà Văn đang có nguy cơ bị giảm ngân sách.

Ôi chao! Làm sao mà các văn nhân thi sĩ, giới trí thức của một dân tộc từng trọng kẻ sĩ bây giờ lại lâm vào cảnh:

*“Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao”*
(Nguyễn Du)

Thấy thương tiếc vô cùng 20 năm văn nghệ miền Nam Việt Nam.

Hai mươi năm, như một hạt cát trong sa mạc thời gian nhưng là dòng suối trong tưới mát cánh đồng văn nghệ tự do.

Từ đó, chúng ta có nhiều tác phẩm đáng đọc, có nhiều ca khúc là kỷ niệm một đời người và những thi nhân bay lượn, gieo rắc những vần thơ diễm lệ.

Thuở ấy, chính quyền miền Nam không nuôi giới văn nghệ sĩ nhưng họ được tự do sống theo kiểu của họ.

Nhà thơ bay lượn nhiều nhất là Bùi Giáng.

Bùi Giáng chọn cách sống coi đời là chốn viễn mơ.

“Hỏi rằng đất trịch chiêm bao

Sá gì ngầu nhĩ mà chào đón nhau” (1)

Là tôi nghĩ như vậy chứ ông sống hồn nhiên như cỏ cây chứ ông nào có ngồi đó mà đắn đo chọn lựa.

Nhưng liệu ông có được:

“Thưa rằng bạc mệnh xin kham

Giờ xin bát tuyết xin làm cỏ cây” (1)

Nếu ông sống ở miền Bắc và viết câu thơ mang tính ám chỉ rằng:

“Người con gái hôm nay mặc quần đỏ

Vì hôm qua đã mặc chiếc quần đen” (2)

Viết về “màu đỏ” một cách đáng ngờ như thế chắc chắn ông không được tự do lang thang dù là lang thang đi chăn dê, chăn bò.

Bùi Giáng suốt đời không ngại ca lãnh tụ. Vậy ông ngợi ca ai?

“Thơ điên tái điệp ra đời

Mẫu thân Phùng Khánh tuyết vờ ni cô

Ấy Marilyn Monroe

Ấy Brigitte ấy Bardo ấy là” (3)

Dù lang thang như một cuồng sĩ, dù là kẻ vô gia cư áo quần rách rưới, cuộc sống nơi trần gian này đối với Bùi Giáng là một mùa Xuân bất tuyệt.

Thi nhân thường say đắm với mùa thu. Lạ thay Bùi Giáng luôn hân hoan, ngây ngất với mùa xuân.

Những Đường Xuân, Bờ Xuân, Lối Xuân, Xuân Xanh Và Màu Xuân Đỏ, Xuân Thu Trang Phụng... (4) lung linh ngập tràn ánh sáng của mùa xuân thiên đường:

*“Màu trời đỏ bữa nay về trở lại
Một mùa xưa ngời nhớ chín năm xưa
Người chạm mắt dưới mùa xuân man dại
Dịp trùng lai em hẹn với tan lìa.”*

(Bùi Giáng)

Miền Nam không tô vẽ “Con Đường Thi Nhân” để tập hợp, xếp hàng, bắt thi nhân đồng phục trong những tấm pano có cùng kích cỡ.

Ở miền Nam, thi nhân được tự do sống, tự do yêu, tự do ghét và tự do rơi xuống lạng lẽ như những chiếc lá vàng khô. Bởi vì:

*“Thưa rằng ly biệt mai sau
Là trùng ngộ giữa hương màu nguyên xuân” (1)*

Một đất nước không có tự do thì văn nhân, thi sĩ, nghệ sĩ cũng chỉ là những hình nộm vô hồn.

Huyền Chiêu

Tháng giêng Xuân Đinh Dậu 2017

- (1) Chào Nguyên Xuân - Bùi Giáng
- (2) Chiếc Quần Đen - Bùi Giáng
- (3) Thơ Điền Tái Điệp - Bùi Giáng
- (4) Tựa các bài thơ của Bùi Giáng

BÁO CHÍ SINH VIÊN VÀ NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG

(nhiều người viết)



tình thương

NGUYỆT SAN TRANH ĐẤU VĂN HÓA XÃ HỘI DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯỞNG



NGUYỄN VY KHANH

Báo-chí sinh viên miền Nam trước 1975

Nghiên cứu về nền văn-học miền Nam giai đoạn 1954-1975 không thể bỏ qua “mảng” báo-chí sinh viên từ các phân khoa đại-học công cũng như tư (cũng như các đặc san của học sinh trung học), vì các ấn phẩm này có những nét đặc-biệt của thanh niên thiếu nữ của một thời đại nhiều biến động, từ ngay sau Hiệp định chia đôi đất nước 20-7-1954, biến thiên theo thời sự chính-trị, xã-hội sôi động cho đến biến cố 30-4-1975, và từ địa đầu miền đất Thần-kinh cho đến vùng đồng bằng sông Cửu-long. Về hình-thức, báo-chí sinh viên xuất hiện dưới hình thức in ấn với giấy phép của chính quyền cũng như dưới dạng “văn-chương xám” in ronéo và phát hành bán chính thức cũng như ngoài cương tỏa của luật pháp.

Ngay khi làn sóng di-cư từ miền Bắc và Bắc Trung-Việt vào bên này vĩ-tuyến XVII, đã xuất hiện những tờ báo của thành phần sinh viên di cư, như *Lửa Việt* là đặc san của Hội Sinh viên Đại học Hà-Nội vừa định cư ở miền Nam (tập trung ở các trại di cư vùng Sài-Gòn) do Trần Thanh Hiệp làm chủ-nhiệm, Nguyễn Sỹ Tế chủ-bút - nhóm chủ trương còn có Thanh Tâm Tuyền và cộng tác có Doãn Quốc Sỹ, Lữ Hồ, ... ; báo chỉ ra được vài số và ngưng xuất-bản đầu năm 1955 với số Xuân Chuyển hướng. Tinh thần “sinh viên” này được tiếp nối ngay sau đó với *Người Việt*, một tuần báo văn-ngệ xưng là “*diễn đàn tiền phong đấu tranh văn-hóa*”, Doãn Quốc Sỹ làm chủ-nhiệm/trưởng nhóm, Thanh Tâm Tuyền thư-ký tòa-soạn, cũng sống không thọ, ra bộ mới và đình bản vào cuối năm 1955 với số 4 đặc biệt chủ đề Sáng Tạo [trong số các bài có thơ Còn Sáng Tạo, Ta Hầy Còn Sáng Tạo của Quách Thoại]; gồm những cây bút chính là: Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Quách Thoại và Mai Thảo bên cạnh Trần Việt Hoài, Trọng Lang, Nguyễn Đức Quỳnh, v.v... và ngoài ra còn là nơi xuất hiện lần đầu tiên thơ văn của Mai Thảo, Nguyên Sa, Quách Thoại, v.v... Có thể nói tạp-chí *Sáng Tạo* của Mai Thảo được hình thành sau đó đã bước đi từ hai tờ báo sinh viên *Lửa Việt* và *Người Việt* này. Mặt khác, tạp chí

Văn-Học do Phan Kim-Thịnh sáng lập kiêm chủ nhiệm và chủ-bút Dương Thứ-Lang (Dương Kiên) mà số đầu tiên ra ngày 1-11-1962, cũng bắt nguồn từ phong trào sinh viên – những sinh viên di cư cuối, cùng thể hệ sinh viên từ miền Trung vào thủ đô Sài-Gòn. (*)

*

Cho đến khi chế độ đệ nhất Cộng hòa bị lật đổ bởi cuộc đảo chánh 1-11-1963, báo-chí sinh viên mới thực sự bùng phát và/hoặc gây hương sắc “sinh viên” thời đại ngoài xã-hội nhiều nhường nhưng sinh viên đầy lý tưởng muốn bộc lộ, thi thố. Báo-chí sinh viên nổi tiếng ở thủ đô Sài-Gòn có tờ *Tinh Thương* của sinh viên Đại học Y khoa Sài-Gòn, “*cơ quan tranh đấu văn-hóa xã-hội của sinh viên Y Khoa*”, số ra mắt tháng 1-1964 và số cuối tháng 8-1967. Báo có giấy phép và được in ở nhà in Trường Sơn nhờ quảng cáo của các dược-phòng và viện bảo chế, và báo cũng bán phổ cập ra cả các tiệm sách và quây báo. Theo nhà văn Trang Châu thì báo bị Tổng trưởng Thông Tin rút giấy phép (*Tập san Y Sĩ* (Montréal) số 184, 1-2010, tr. 97) và theo Ngô Thế Vinh tổng thư ký từ số 9 (1964), thì báo đình bản khoảng tháng 8-1967 (*TSYS* đã dẫn, tr. 47). Chủ nhiệm Phạm Đình Vy, chủ bút Nguyễn Vĩnh Đức, tổng thư ký Trần Xuân Dũng, *Tinh Thương* nổi tiếng vì xuất hiện vào thời miền Nam đầy những biến động và cũng đã là đất nẩy mầm một số tài năng văn-ngệ trẻ như Ngô Thế Vinh (vừa xuất-bản *Mây Bão* cuối năm 1963), Trang Châu (thơ và những chương đầu của *Y Sĩ Tiền Tuyến*, Trần Mộng Lâm (truyện ngắn), Đỗ Nghê (Đỗ Hồng Ngọc), ... với sự cộng tác của các giáo-sư và văn-ngệ sĩ bên ngoài. Cổ động cho một quan niệm Y khoa “nhân bản” cũng như phân định lập trường trước tình hình đất nước – báo có tiếng nói của cả hai khuynh-hướng: một nghiêng về các phong trào tranh đấu nóng bỏng lúc bấy giờ và khuynh-hướng chuyên môn của khoa ngành, học để giúp đời! Báo có những mục phẩm luận, tin tức sinh hoạt, biên-khảo, nghị luận, phỏng vấn, dịch-thuật, thơ và truyện ngắn, ... Đặc-biệt *Tinh Thương* đã đăng “Nuôi Sẹo”, tiêu-thuyết di-cáo của nhà văn văn số Triều Sơn - sau đó tạp-chí *Văn* (số 34, 15-5-1965) có đăng lại một chương trong số đặc-biệt “Truyện Triều Sơn”. Và còn phát hành những *Tinh Thương Phụ Bản* (như số 2, 11-1964, yểm trợ cho Phong trào

Cứu lụt miền Trung), v.v... Một số cây viết như Đặng Vũ Vương cổ động cho một ngành y khoa “nhân bản” nhằm “*làm nhẹ bớt khi không trị khỏi được, và an ủi khi không thể trị khỏi hoặc làm nhẹ bớt đi được*” với tin tưởng rằng “*người y sĩ sẽ chiếm một địa vị một ngày một quan-trọng trong xã-hội mới*” đưa đến kết luận “*Nhân cách của người y sĩ vượt khỏi chức vụ chuyên môn của người thầy thuốc để còn bao trùm tất cả các kiến thức khoa học lẫn cái tiềm thể văn-hóa (potential culture) tạo nên hình bóng muôn thuở của 'người áo trắng' qua dòng lịch-sử và, giữa những biến cố đảo điên của loài người, tượng trưng cho hình ảnh tươi đẹp của một nghệ sĩ luôn luôn đi sát với thân phận con người để hứng lấy trách nhiệm nhân bản của một trí thức gia đã hấp thụ tinh thần đại học*” (“Sự xúc tiến ngành y học”. *Tình Thương*, số 9, 9-1964; trích từ *TSYS* đã dẫn, tr. 122, 123 & 124). *Tình Thương* đã thực sự là tiếng nói trí thức của sinh viên miền Nam không thân chính quyền và cũng không thiên Cộng – mà còn chặn đứng được những mưu toan chi phối, uy hiếp của những thành phần tay sai của Việt-cộng!

Đất Sóng của đại học Dược khoa, chú tâm phần sinh hoạt của phân khoa và công tác của sinh viên bên cạnh thơ văn trần trở về thời thế và đất nước, do Bùi Khiết sáng lập và chủ-bút. Cũng như tờ *Tình Thương*, *Đất Sóng* in ở nhà in Trường Sơn của nhà văn Nguyễn Thị Vinh.

Đại học Văn khoa có tờ *Đại Học Văn Khoa* (1960 - 1968 ?), tờ *Văn Khoa* xuất-bản những năm 1967-1974 (?) với bài vở của giáo-sư và sinh viên, tờ *Đối Thoại* số ra mắt ngày 15-6-1966. Sau đó có tờ *Đất Sóng* số 1 (Xuân 1970), ... Ban ngành cũng có đặc san, tập san như *Nghiên Cứu Triết Học* (số 1, 1971) của ban Triết, ...

Tờ *Văn Khoa* trong số Xuân 1963 có bài “Thoát nhìn tiêu-thuyết Việt-Nam”, 'sinh viên' Nguyễn Thu (62) nhận định khá khắt khe: “*Tóm lại thoát nhìn tổng quát tiêu-thuyết Việt-Nam năm nay ta thấy thật tình không được vừa ý, tác-giả viết theo kỹ thuật cổ, tư tưởng cổ và những suy nghĩ quá đơn giản. Người đọc chỉ gặp những sự kiện dễ dãi để chấp nhận chớ không bắt gặp những gì có thể làm thỏa mãn đầu óc muốn làm việc của họ. Người đọc cũng không thấy nhiều ở đây những tiểu-thuyết đọc lại nhiều lần. Những tiểu-thuyết có thể là món*

ăn một đời mà chỉ có những món ăn một buổi, một lần. Muốn bổ khuyết điều này, ta có thể viện đến Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan, nhưng đây lại là một vở kịch và chúng ta đương bàn về tiểu-thuyết” (tr. 90).

Đổi Thoại có số Xuân 1967 đặc biệt “Nhìn lại 12 năm phân ly”, ban chủ-biên đã tường trình lại cuộc thảo luận với 3 câu hỏi về chiến-tranh quê-hương hỏi các thức giả, giáo-sư, tìm hiểu “1-nguyên nhân của sự phân ly; 2-hậu quả của sự phân ly; và 3-cuộc chiến hiện tại có giải quyết được sự phân ly không?”. Cuộc thảo luận không thu hút được nhiều người, chỉ vài nhà báo, văn nghệ sĩ và ban chủ trương tờ báo, như họ cho biết: “đã thất bại cũng như đã thất vọng” cho quyết định khó khăn đó: “Khó khăn trước hết chính là sự ấu trĩ của chúng tôi trước một vấn-đề to rộng là thế. Đã mười hai năm qua rồi. Mười hai năm, bà mẹ già Việt-Nam tính nhẩm ngón tay: Vừa tròn một giáp. Mười hai năm, chúng tôi những kẻ trên 20 và chưa quá 25, từ những cậu bé con tiểu học nay đã trở thành lớn khôn đủ để thấy mình phải mang trên vai một trách vụ quá nặng nề. Mười hai năm, bạn bè chúng tôi cũng vì trách vụ đó, nhiều đứa đã chết đi, nhiều đứa còn đang gian khổ nơi núi cao, rừng thẳm. Mười hai năm, những đứa còn lại như chúng tôi đang tìm đến nhau để nhìn lại mười hai năm, tuổi trẻ nghen ngào, mười hai năm đất nước cắt chia. Tuổi trẻ chúng tôi đã phải gánh chịu tất cả mọi hậu quả của sự cách chia đó, mà về nguyên nhân thì chúng tôi chỉ được nghe, được đọc lại. Khiếm khuyết là như vậy, sao không cảm thấy khó khăn. Chưa kể đến những vấn-đề nan giải khác, như những điều chúng tôi thực hiện liệu có được gửi đến quý bạn không, những điều chúng tôi tìm hiểu, thăm dò liệu có được đáp lại bằng cảm thông cởi mở...” (tr. 72). Trong số tham dự hội thảo, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đã nói với sinh viên “Hiện tại như chứng tỏ rằng Đông phương cũng như Tây phương đều đã sai. Trung Cộng có thể coi như Cao nhất bên Đông cũng không làm được gì. Mỹ cũng không làm được gì. Nhưng tại sao tôi lại nói đến các Anh? Xã-hội chúng ta đang ở trong tình trạng phân hóa cao nhất. Nhưng phân hóa đến cực độ thì có thể tổng hợp. Không do người này thì do người khác. Các anh đừng để cho những tư tưởng có sẵn chi phối mình, đừng làm học trò, vì họ đã sai. Phải cố làm cái mới. Ít tuổi phải tìm, phải hiểu cái cũ

để làm cái Mới, nhưng đừng chịu nó, và các anh cũng đã tỏ ra không chịu, nên mới có buổi nói chuyện hôm nay. Phải làm một cuộc cách-mạng xây dựng một xã-hội mới. Vấn-đề phân ly không quan-trọng đâu. Với phương tiện giao thông, với những tiến bộ về mọi mặt, ranh giới sẽ phải xóa bỏ. Đã đến lúc phải tìm hiểu lại mọi giá trị cũ, để tìm ra những cái mới. Hãy mở tâm hồn, bỏ những thói quen, bỏ tính nghe thiên hạ đồn đại, bỏ mọi thành kiến. Cần nhất phải nhìn cho rõ, thấy cho tận. Nó sẽ hình thành một tâm hồn tự do” (tr. 83). Trong số đã gởi tham-luận có luật sư Trần Thanh Hiệp: “... một cuộc phân ly đã thực sự xảy ra trên mười năm với sự đối diện của hai ý thức hệ cộng-sản và tự do, một cuộc phân ly như thế không thể chấm dứt bằng chiến-tranh không thôi. Mà còn phải có sự tác động lâu dài của văn-hóa. Vì khi mà mầm mống sự phân ly còn nằm trong tâm hồn mỗi người thì không thể nói đã giải quyết được sự phân ly” (tr. 99). Nhà văn Võ Phiến cũng góp tham luận cho rằng: “Càng lâu hậu quả của cuộc phân ly Nam Bắc càng thêm tai hại và trầm trọng. Chỉ nghĩ đến 12 năm qua thôi, chắc chắn đã nhiều lắm (...) Sinh viên Văn Khoa ở Bắc và Nam trên văn thể may ra chỉ gặp nhau đến Nhất Linh, Khái Hưng v.v... đến đó là hết. Những thơ những truyện ra đời sau đó ở miền Nam thì ngoài Bắc không đọc được, ra đời ở miền Bắc thì trong Nam không đọc được. Đôi bên chia tay nhau ở một ngã ba cách đây đã xa lắc xa lơ. Nhất Linh, Khái Hưng thuộc về văn-học sử, chứ dính líu gì đến cuộc sống hiện-tại của chúng ta rất ít. Cả một lớp thanh niên không trao đổi được văn thơ cho nhau, không theo dõi được cảm nghĩ của nhau, không hay biết gì tới cuộc sống tinh thần của nhau (...) Tình trạng qua phân càng kéo dài chừng nào chúng ta càng mất dần các mối dây liên lạc tinh thần, tình cảm chừng ấy càng khó thông cảm nhau (...) Sài-Gòn và Hà-Nội không xích gần thêm được chút nào. Trái lại, khoảng cách tinh thần càng ngày càng rộng thêm!” (tr. 101-102).

Tập san *Sử Địa* là một “tập san học thuật, khảo cứu giáo khoa do một nhóm giáo-sư, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Sài-Gòn chủ trương” phát hành mỗi 3 tháng, Nguyễn Nhã đứng tên chủ-nhiệm và Phạm Thị Hồng Liên quản lý, và với sự bảo trợ của ông Nguyễn Hùng Trương chủ nhà sách Khai Trí. *Tập San Sử Địa* ra được cả thấy 29 số, số 1 ra ngày 27-2-1966 và

đình bản năm 1975. Ban chủ biên tập san có sự tham gia của giáo sư, sử gia và chuyên gia cũng như các nhà văn-hóa khác. *Tập san Sử Địa* xuất phát từ *Tin Sử Địa*, nội san của "Nhóm Sử Địa Đại học Sư Phạm Sài Gòn". *Tin Sử Địa* sau trở thành *Nội San Sử Địa* mà số 4 (1969) với nội-dung có các bài Thực chất và huyền thoại của nhóm trí thức Cấp tiến, Sách lược Nguyễn Văn Trung, ... đã đưa đến khủng hoảng ở Đại học Văn Khoa (bị sinh viên nhục mạ trên Nội san này, GS Nguyễn Văn Trung từ chức Khoa trưởng, Lê Trung Nhiên từ chức Phó khoa trưởng và các giáo-sư Lâm Thanh Liêm, Bùi Xuân Bào (TB Ban Pháp Văn), Thanh Lăng (TB Ban Việt Văn), Nguyễn Thế Anh (TB Ban Sử Địa) và Nguyễn Duy Cần (TB Ban Triết Đông) đồng loạt từ chức. Nguyên Sa cũng từ chức giảng viên của Đại học Văn khoa. Viện trưởng Đại học Sài-Gòn đã phải can thiệp và giải quyết sau đó).

Đại học Sư phạm Sài-Gòn có những *Giai phẩm Mùa Xuân Tiếng Nói Sư Phạm* (1966). Sinh viên Đại học Đà Lạt có tờ *Diễn Đàn Sinh Viên* (1965-1967?). Sinh viên Vạn Hạnh có *Hướng Di* (số 1, tháng 8-1970), v.v...

"Thời này không thể không nói đến những tờ báo sinh viên in ronéo và/hoặc không giấy phép của Bộ Thông tin. Các Tổng Hội Sinh viên Sài-Gòn và Huế tùy nhiệm kỳ và có tranh đấu hay không, cũng xuất-bản báo-chí phần lớn in ronéo và có tính nội bộ, cả còn xuất-bản sách, như *Phác họa dự án cải tổ Đại-Học Văn Khoa* (Sài-Gòn, 1967. 71 tr.), hay tuyển tập *Thơ Văn-Khoa* của nhà xuất-bản Sinh Viên do Đi Tới ấn hành năm 1970, ... Tờ *Sinh Viên* chẳng hạn, trong số 6 (10-1967) đã tỏ ra công khai thân Cộng khi đăng bài của Nguyễn Trọng Văn nhưng ký Nguyễn Văn Bảy "Phê bình quan điểm cách-mạng xã-hội của hai ông Nguyễn Văn Trung và Lý Chánh Trung" (tr. 14-39). Bài đăng xong thì Ủy viên Báo-chí Tổng hội Sinh viên Sài-Gòn Trần Triệu Luật "thoát ly" vào bụng và báo bị tịch thu, đưa đến việc chủ-bút và 1 Chánh sự vụ (Võ Phiến) Bộ Thông tin bị tổng giam vì đã cấp giấy phép xuất-bản (chủ-bút bị án 5 năm tù ở). [Đừng lầm với tờ trùng tên *Sinh Viên*, "tiếng nói của sinh viên liên viện" của "Hiệp hội báo-chí sinh viên miền Nam" (số 1, 28-3-1972) do Việt-cộng lèo lái – cùng trường hợp với những tờ *Tiếng gọi học sinh*, *Sinh viên Sài Gòn*, ...]. THSV Sài-Gòn sau ra bộ mới số 1 năm 1968 sống

đến 1972. THSV Huế cũng có báo cùng tên *Sinh Viên* (số 1, 11-1964), v.v... THSV Vạn Hạnh sinh sau, số 1 ra tháng 8-1971).

Sinh viên Công giáo có các tờ *Thông Cảm* (1957-1959, rồi 1961-1963), Tổng Liên đoàn sinh viên Công-giáo Việt-Nam có tờ *Hiện Diện* (số 1, 7-1970), *Đắc Lộ* của một nhóm sinh viên thuộc Trung tâm cùng tên. Sinh viên Phật tử có tờ *Tin Tưởng* năm 1968.

Các nhóm, hội ái hữu hoặc cựu sinh viên cũng có truyền thống ra tạp-chí, đặc san, như tuyển tập *Văn Khoa* – phụ đề “Khảo cứu-phê-bình-dịch thuật” của “một nhóm giáo chức các Đại Học Văn Khoa Việt-Nam” xuất-bản mà số Đính tập ^(*) 1975 chủ đề “Kỷ niệm 25 năm thành lập Đại học Văn khoa Việt-Nam” do Sơn Hồng Đức chủ-nhiệm, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Thiên Thụ và (Lạp Chúc) Nguyễn Huy phụ trách tòa soạn và bài vở, v.v... Như *Hoài Bão* của Hội Cựu Sinh viên Quốc-gia Hành Chánh số 1 ra ngày 4-4-1966 và hình như sống đến năm 1971, ...

Người viết một thời đã qua gần 50 năm cũng từng tham gia hoặc cộng tác với một số báo-chí phân khoa và “văn-chương xám”, nay vì không thể tham khảo các báo-chí sinh viên thời bấy giờ nên trong bài viết chúng tôi có thể có những sai lầm không thể phân biệt về một số báo-chí của sinh viên và của các viện hay phân khoa đại học với mục-đích giáo dục, văn-hóa, học thuật, ... Những tạp-chí như *Đại Học*, *Tư Tưởng*, *Vạn Hạnh*, v.v... đã hiển nhiên thuộc loại sau, đó là lý do chúng tôi không đề cập đến trong bài.

*

Từ sau đảo chánh 1-11-1963 đến năm 1968 đã là một thời hỗn loạn chính-trị, báo-chí trăm hoa đua nở với nhiều hiện-tượng đặc biệt (tôn giáo rõ nét nhưng chia rẽ, lãnh tụ nhiều và con rối, nhà báo mới muốn dựng sự nghiệp, đòi hỏi, ... Một số báo-chí do chính quyền và các thế lực chính-trị, tôn giáo tài trợ hoặc chủ động điều khiển. Báo-chí và sinh hoạt văn-ngệ bắt đầu bị ảnh-hưởng thương mại, thời thượng (phim ảnh, truyện chương Kim Dung, truyện Quỳnh Dao, Lý Tiểu Long, v.v...). Báo-chí sinh viên cũng bị cuốn theo cơn bão thời thế và lòng người. Từ 1968 đến biến cố 30-4-1975, miền Nam chuẩn bị kết thúc một cuộc chiến-tranh quốc-cộng, báo-chí càng

nhập cuộc. Nằm vùng, tay sai, trí thức thiên tả (MTGPMN, Hội này nọ, Tổng hội sinh viên, ...) khuấy động môi trường báo-chí cùng lúc các nhà văn hóa, văn-ngệ tự xưng hoặc được gọi là 'phản chiến', 'luơng tâm' một chiều liên tục ra mắt, ra báo, lên tiếng. Sinh viên, giáo-sư và tổng trưởng Giáo dục bị ám sát, thương tật, số khác trở thành yếu nhân quốc-gia và cả Cộng-sản. Hơn bốn, năm thập niên sau nhìn lại, niềm kiêu hãnh nếu có thiển nghĩ đã không thể xóa được thương tật thể-chất cũng như trí thức nơi con người Việt-Nam!

Nguyễn Vy Khanh
(Toronto, 2-2017)

Ghi chú: () "Đình tập" theo lối nói của nhà nho có nghĩa là "tập đầu, tập quan trọng".*

Tuần báo Sinh Viên Huế

(THT đức kết)

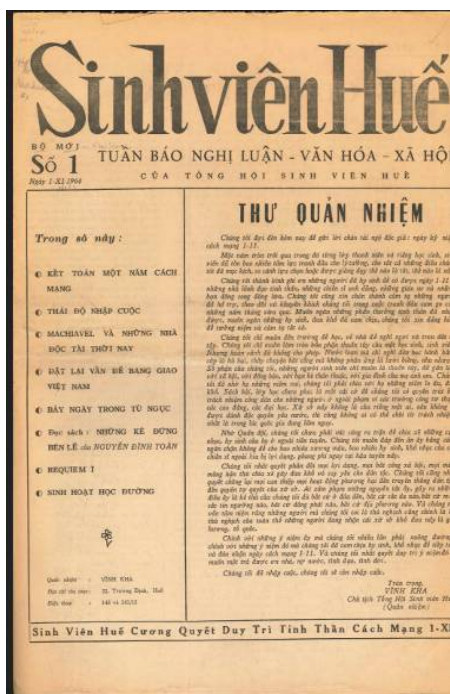
Trước ngày đảo chánh 1-11-1963, báo mang tên Sinh Viên Huế có mặt lúc nào, chúng tôi không rõ. Nếu có, nó cũng chỉ là một tạp chí ra hàng tháng, hay vài tháng ra một kỳ, có tánh cách nội bộ. Cho đến năm 1964, nó mới thật sự trở thành tờ tuần báo, song song với tờ Lập Trường – tờ báo của Hội đồng Nhân Dân Cứu Quốc xuất hiện vào tháng 8-1964 tại Huế.

Riêng tờ Sinh Viên Huế, từ 1-9-1964 đến 15-10-1964, quản nhiệm là Nguyễn Chí Khả. Kể từ số 5, Nguyễn Chí Khả thôi làm. Trong lá thư quản nhiệm đăng trên Sinh Viên Huế số 5 ngày 15-10-1964, ông viết:

Có lẽ khi Sinh Viên Huế số 5 đến tay độc giả thì tôi, cùng một số cộng sự viên sửa soạn lên đường, giã từ thành phố Huế, giã từ đời sống sinh viên cũng như vĩnh biệt đứa con tinh thần “Tuần báo Sinh Viên Huế” mà chúng tôi và độc giả nuôi dưỡng hơn một tháng nay...

Sau đó, Vĩnh Kha lên thay tiếp tục vai trò quản nhiệm của Nguyễn Chí Khả... Vĩnh Kha lúc bấy giờ là chủ tịch tổng hội sinh viên Huế kiêm luôn đoàn trưởng đoàn sinh viên Phật Tử... Tuần báo Sinh Viên Huế từ đây đổi sang bộ mới, số 1 ra ngày 1-11-1964. Chữ hoàn toàn màu đen.





tu liệu của TQBT

Bảy giờ, ảnh hưởng của Hội đồng Nhân dân Cứu quốc (HĐND CQ) rất mạnh. Cả miền Trung sôi sục cùng với cơn hồng thủy HĐND CQ. Tại Huế, sinh viên biểu tình liên miên. Giảng đường C bị sinh viên tranh đấu chiếm cứ, nơi tổ chức những cuộc hội thảo, và xuất phát những cuộc xuống đường. Trụ sở Tổng hội sinh viên Huế nơi đặt làm tòa soạn của tuần báo Sinh Viên Huế, cũng là nơi các sinh viên tranh đấu viết bài chống Mỹ, chống chính quyền để phát thanh mỗi buổi chiều. Tờ Lập Trường mới đề ra trên sạp báo chừng một tiếng đồng hồ sau là hết sạch. Không khí ngột ngạt, và hơi cay từ những đám khói lựu đạn cay vẫn còn vương vãi trong không khí. Nhất là ở Qui Nhơn, VC bắt dân từ vùng quê vào Qui Nhơn để tham gia những cuộc biểu tình do HĐND CQ tổ chức. Sự việc này được một sinh viên Huế viết lại dưới hình thức một lá thư, đăng trên tạp chí Văn Học số 47:

thư về

MIỀN TRUNG ĐAU KHỔ

Kính lạy xứ Mẹ,

Có một lần, cách đây không lâu, con xuôi về Nam. Mắt ngoái lại đằng sau, biết rằng con đã giã từ quê hương lần chót. Tim con bỗng nhói lên. Con nghĩ đến mái trường đại học sự cầm hờn vô-vọng khi những sinh viên ngó mặt người Mẹ học đường. Người ta đã biến đổi hết rồi, người ta đã lấy hết niềm thông cảm ngàn đời của một ngôi trường. Những phòng dờ bần, những dứa

con trai, con gái ở hỗn độn. Giờ phút quý báu, yêu thương của học đường không còn nữa. Con chỉ biết kêu lên : Hãy trả những gì yêu quý về cho chúng tôi...

Nhưng bóng đen chúng nó đã phủ cả rồi. Bóng đen đã ngập tràn viện đại học..

Vì thế, con phải ra đi...

Kính lạy xứ Mẹ đau khổ,

Con không biết nói làm sao để nói lên sự đau khổ hết được. Sự đau khổ ấy là nơi những em bé đói sữa, đói cơm, bị giam trên đèo Cù Mông cả ngày. Sự đau khổ ấy ở đôi mắt bà lão bảy mươi năm gục trên đèo Nhông. Quá khứ, hiện tại, tương lai là đôi mắt sâu hóm, má nhăn nheo sạm đen và mái tóc màu bông tui hờn đau khổ. Bà rên : Tôi khát nước quá, cho tôi miếng nước. Cụ đã bị VC bắt đi về Qui Nhơn để biểu tình ủng hộ H.Đ Nhân dân Cứu Quốc..

Một người con gái bị trúng gió, cả đoàn nhốn nháo : ai biết đánh gió ? ai biết đánh gió ? Chẳng ai biết cả. Họ đi hai ngày đường bộ. VC bắt họ đi VC đã chiếm các thôn ấp dọc theo miền Trung, chẳng biết đâu quân đội chiếm lại chưa ?.

Những thảm cảnh xảy ra trên đường phố, đến tận học đường, từ thôn làng, đến tận thành thị. Những vụ đâm chém, xù tử, giết người không gớm tay. Những tòa án nhân dân, những quân quá khích bắt người chiến sĩ không tòa án, không luật pháp. Rồi tai con luôn luôn nghe tiếng Nam Mô, tiếng Lạy Chúa... Đến nước này Chúa, Phật cũng phải khóc cho một dân tộc nhỏ bé đau khổ này.

Hình ảnh của vị giáo sư, ngực xẹp lép, hai mươi năm hít toàn phần bụi và trong phổi có lẽ chứa toàn vi trùng Kock, đề đào tạo bao đứa con nên người, được dặt đi riều trên đường phố.

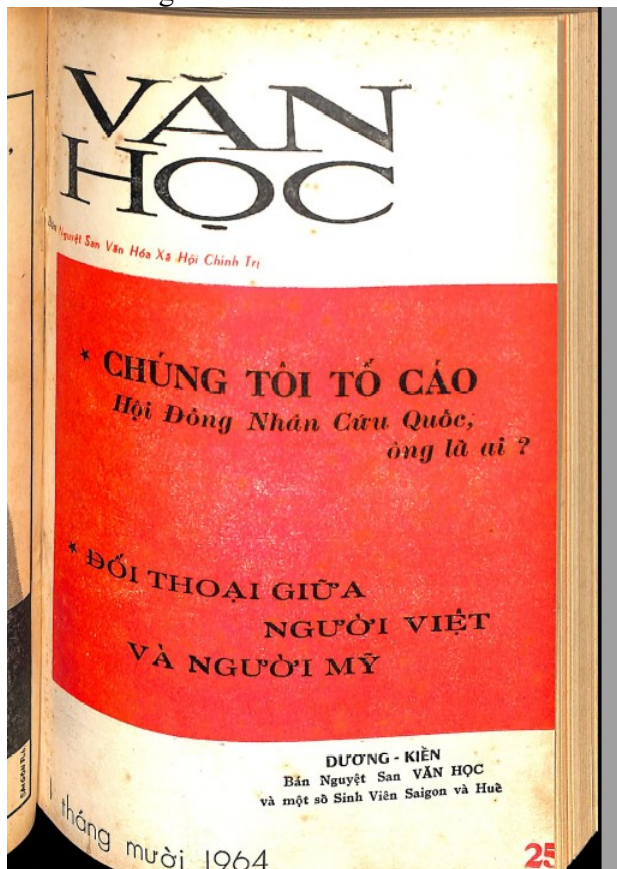
TRẦN HOÀI-THƯ
(sinh viên Huế)

(chụp lại từ Văn Học số 47)

Cuối tháng 8-1964, một phái đoàn sinh viên Huế gồm hai sinh viên là Nguyễn Đắc Xuân và Nguyễn Thiết được HONDCQ

cử vào Saigon và lên Đà Lạt để cổ “thuyết phục” sinh viên tham gia vào HĐNDCQ. Nguyễn Đắc Xuân bấy giờ là ủy viên báo chí của HĐNDCQ (1).

Tháng 10-1964, hai tạp chí có uy tín trong giới sinh viên SG bấy giờ là *Văn Học* và *Tình Thương* đồng loạt lên án mạnh mẽ Hội đồng Nhân dân Cứu quốc. Báo *Văn Học* số 25 tháng 10-1964, đã tố cáo mưu đồ của nhóm HĐNDCQ bằng hàng tit lớn trên trang bìa :



Còn báo *Tình Thương* số 10 tháng 10-1964 – mặc dù NĐX đã đến thăm 2 lần (1), nhưng chủ nhiệm Phạm Đình Vy cũng

vạch rõ âm mưu của nhóm HỖNDCQ:

MÙ QUÁNG TRONG HÀNH ĐỘNG

Trong tâm trạng liêu lĩnh của kẻ ăn thua lớn trong canh bạc thâu đêm, nhóm giáo sư đại học Huế đã tự dẫn thân vào con đường phiêu lưu, nguy hại cho đất nước. Họ không ngần ngại cho sống lại cái bản chất thân Cộng trong tinh thần Mặt trận Hòa bình (ở Huế 1954) để tìm sự tiếp sức nơi kẻ thù CS hòng chia rẽ quyền lợi với chúng, hoặc gây một tình trạng rối ren như hiện nay ở miền Trung để làm áp lực buộc Hoa Kỳ phải nhận sự kiện là chỉ có họ ở chính quyền mới giải quyết nổi. Do đó trong việc đẩy mạnh sự chấp nhận yêu sách của họ, HỖNDCQ đã không do dự khi khoác cái màu sắc đấu tranh giai cấp kiểu cộng sản lên trên những biến động ở các tỉnh miền Trung, đặc biệt nhất ở Qui Nhơn, hoặc tìm cách sắp xếp các cựu cán bộ CS vào chức vụ lãnh đạo HỖNDCQ tính để gây áp lực đối với người Mỹ đang bị đặt trong bản chất của kẻ tiếm của hồi.

Việc để CS trà trộn, lèo lái những cuộc biểu tình do HỖNDCQ hướng dẫn chỉ là một thủ đoạn cùng đường của đầu óc những người đầu sỏ trong HỖNDCQ. Nếu lý luận trên là đúng, chúng ta sẽ bỏt lo âu đến miền Trung, vì dù sao giết CS cũng khó hơn là những tên phản động núp bóng HỖNDCQ.

TINH THẦN VÔ TRÁCH NHIỆM CỦA HỖNDCQ

Hội đồng nhân dân cứu quốc không gây dựng được cái gì ích cho đất nước cả, ngoài cái tình trạng vô luật pháp, đầu tổ như hiện nay ở Trung. HỖNDCQ chỉ xáo trộn nếp sinh hoạt xã hội để thừa cơ vơ lấy lợi lộc trong chính quyền :

— tình trạng vô luật pháp, hỗn loạn ở miền Trung. — Sự xâm nhập của CS đến tỉnh lỵ. — Giai cấp đấu tranh kiểu CS. — Đảo lộn trật tự của học đường.

Với tình trạng chiến tranh của đất nước, chừng ấy sự kiện đã làm cho Hội đồng trở thành kẻ thù ngang hàng với CS. Toàn dân sẽ lên án những hành động vô trách nhiệm đó.

KẾT LUẬN

Thành thật mà nói, chúng tôi không tin là các nhà giáo ở Huế lúc ban đầu khi lập tổ chức đấu tranh trên lại có đầy những tham chính trị nhơ nhớp như hiện nay vì đường lối chống độc tài của họ rất đẹp đẽ trong tháng 8, nhưng giờ đây cái tham vọng độc quyền chính trị, cái tự cao cách mạng của họ đã biến họ thành những con thiêu thân, chết trong đồng rác ở chợ Đông Ba. Tội nghiệp thay ?

PHẠM ĐÌNH VY
(3-10-64)

Số 1 bộ mới phát hành ngày 1-11-1964, trong lá thư quản nhiệm, Vĩnh Kha mang quân đội như là cái cớ để biện hộ cho những cuộc xuống đường, bãi khóa:

Nhờ quân đội chúng tôi chưa phải vác súng ra trận để chia sẻ những cực nhọc, hy sinh của họ ở ngoài tiền tuyến. Chúng tôi muốn đền đáp ân ấy bằng cách ngăn chặn không để cho bao nhiêu xương máu, bao nhiêu khổ nhọc của các chiến sĩ ngoài kia bị lợi dụng, phung phí ngay tại hậu tuyến này. (SV Huế 1-11-1964).

Càng ngày, người đọc càng nhận ra tờ báo này là một công cụ của HỖNDCQ. Nếu *Lập Trường* là tờ báo dành cho quần chúng thì *Sinh viên Huế* dành cho giới sinh viên thanh niên

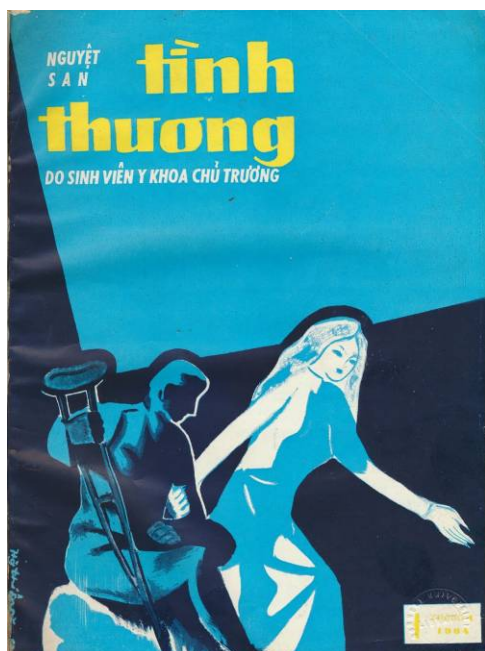
Dù hô hào, ăn nói mạnh bạo, chửi chính quyền hơn ai, gọi

chánh phủ Trần văn Hương là tập đoàn Trần văn Hương, hay “bọn phản quốc” nhưng tuần báo *Sinh viên Huế* không tạo được một tiếng vang nào như tờ *Tình Thương* ở Saigon. Sau khi HĐNDCQ bị rã, báo *Sinh viên Huế* cũng bị rã luôn. Các biên tập viên nòng cốt của *Sinh viên Huế* một số nhảy núi, ra bung, đề năm Mậu Thân trở về, với quyền sinh sát trong tay. Còn một số thì mai danh ẩn tích.

(1) Bản tin đăng trên báo *Tình Thương* số 9 tháng 9-1964

HÀNH TRÌNH TÌNH THƯƠNG

Bài của Trần Hoài Thu



Tình Thương số 1 tháng 1-64

Nguyệt san *Tình Thương* số đầu tiên được ra đời vào đầu năm 1964, sau một cuộc hội thảo sôi nổi của khoảng 50 sinh viên y khoa, thể theo lời kêu gọi của sinh viên y khoa năm thứ 6 Trần Xuân Ninh. Cuộc họp này được ghi đầy đủ bởi Trần Xuân Dũng, nguyên là thư ký tờ báo. Bài đăng trên tập san Y Sĩ số 184 tháng 1-2010 do Hội Y sĩ Việt Nam tại Canada chủ trương chủ đề giới thiệu nguyệt san *Tình Thương* được chúng tôi đăng lại ở phần sau.

Có thể nói cuộc hội thảo này là một cái mốc quan trọng, chẳng những dẫn đến sự hình thành một tờ báo của sinh viên y khoa mà còn nói về một sự lên đường nhập cuộc của giới mà khi

nhắc đến ít ai có thể ngờ:

... sinh viên y khoa vốn thường được người ngoài coi là chăm chỉ hạt bột, có khi cù lần, luôn luôn bận bịu học tập chứ không văn nghệ như các bạn văn khoa khác, vì họ sống trong một thế giới khác biệt chỉ biết có đau khổ và bệnh tật, mà nay lại ra khỏi ngưỡng cửa của Y Khoa để làm báo một cách rất trách nhiệm và dân chủ...

(Nghiêm Đạo Đại: Tập san Y sĩ 184)

Trang đầu của số đầu, nhóm chủ trương - dưới tựa đề “Dựng” - ví sự có mặt của *Tình Thương* như ngọn lửa:

(...) Ngọn lửa đầu tiên đã thành hình, nhỏ bé và lung linh. Ước nguyện thiết tha của chúng tôi là lửa sẽ không tàn mà càng ngày càng lớn mạnh, và tất cả mọi người sẽ đem lại sinh lực cho nó.

Tình Thương với hình thức trang báo khổ lớn (Khổ tờ Văn Nghệ Tiền Phong), số trang thay đổi bất thường, trung bình 60 đến 80 trang, với nhiều quảng cáo mà thân chủ cỡ “bự” như Catinat Hotel, các hãng bảo chế hay dược phòng, ngân hàng v.v... cho ta thấy tờ tạp chí rất được ưu đãi về phần quảng cáo so với những tạp chí khác. Về nội bộ tổ chức, số 1 ghi Chủ nhiệm: Phạm Đình Vy, Chủ bút: Nguyễn Vĩnh Đức, Tổng thư ký: Trần Xuân Dũng, Thư ký: Nghiêm Sỹ Tuấn, Quản lý: Phạm Như Bách.

Cần ghi nhận là cứ mỗi niên học là có sự thay đổi ít nhiều trong tòa soạn, trị sự cũng như ban biên tập. Lý do một số người ra trường, ra làm y sĩ ở các đơn vị.

Để giúp quý bạn hình dung về lẽ lối tổ chức nội bộ *Tình Thương*, chúng tôi xin chụp và đăng lại hai bản tin về cuộc họp khoáng đại chọn những người phụ trách và bộ biên tập *Tình Thương*. Phải nói đây là một sự sinh hoạt thể hiện tinh thần dân chủ và trách nhiệm khó tìm thấy trong làng báo ở VN.

Đây là bản tin về cuộc họp sau khi *Tình Thương* có mặt được 9 số:

L.T.S.— Tình thương đã sống được 9 số. Tuy thế những khó khăn và trở ngại của một tập thể sinh viên — như sinh hoạt trong một tòa soạn — vẫn không phải là không có. Chúng tôi xin ghi nhận ở đây, bởi khi ta cạnh xây dựng và cứu cánh của những tổ chức sinh viên là sự thể hiện dân chủ và tinh thần trách nhiệm.

Từ số 9, quý vị độc giả đã nhận thấy một vài thay đổi quan trọng của tờ báo do tinh thần buổi họp ngày 20-8-1964. Sau đây là biên bản buổi họp do anh TRẦN-ĐÔNG-A ghi với ít nhiều CHÚQUAN nhưng người phụ trách mục sinh hoạt y khoa vẫn để đăng và tôn trọng nguyên bản.

● TÌNH THƯƠNG CỦA AI ?

Thượng tuần tháng 8, lịch sử đi vào một khúc quanh. Vụ Maddox với cái đuôi dài lê thê là tình trạng khẩn trương và bản hiền chương Bạch điện Vũng Tàu.

Nhiều người ngỡ ngác. Tình trạng vượt quá mọi dự định. Người ta tìm đèn báo chí. Những khoảng trống nằm khoé mình trở trên. Người sinh viên Y Khoa lật dở Tình thương với nhiều ước vọng thầm kín. Thất vọng, bất mãn. Người ta bắt đầu nghe thấy những tiếng đồn nhỏ to về một số bài quan điểm có tính cách cá nhân, về hành động của một vài người trong ban điều hành, muốn biến tờ báo thành của riêng muốn đăng bài của ai thì đăng bất chấp sự can gián của người khác.

Trước viễn tượng Tình thương có thể bị ph : nhận bởi chính các sinh viên Y Khoa cha đề ra nó, nói chung và những người trong ban biên tập nói riêng, một cuộc họp mang màu sắc tự kiểm thảo được triệu tập hồi 16 ngày 20 tháng tám 64 quy tụ 25 người trong ban báo chí Y Khoa.

1. KIỂM THẢO

Mở đầu phiên họp, anh chủ nhiệm Phạm đình Vy công nhận là mình đã phạm một lỗi lầm lớn là dùng tờ báo của chung để bênh vực cho một người thân. Anh xin được thông cảm và hứa sẽ không để một tình trạng tương tự tái diễn. Đồng thời về nguồn tin anh đã hợp tác với Ông Phạm huy Cơ, anh Vy cho biết không hề có chân trong một tổ chức chính trị nào.

Tiếp theo, anh chủ bút Nguyễn Vĩnh Đức đọc một diễn văn dài mà đoạn đầu là những lời lầm của chính anh quên tờ báo là của chung, quên rằng tờ báo chỉ thành hình cũng như tồn tại do sự góp công của nhiều cá nhân mà anh chỉ là một.

Mọi người công nhận thiện chí của hai anh Vy và Đức với lời hứa không tái phạm những lỗi lầm vừa kể.

2. SỰ TỪ CHỨC CỦA ANH ĐÔNG A, DỪNG

Bước sang phần điều hành, anh — Trần xuân Dũng, tổng thư ký kiêm trưởng ban Thơ — Hải trang Trần đông A phụ trách truyện ngắn và Morasses (?).

Xin từ chức. Riêng anh Thuấn, không từ chức nhưng xin nghỉ dài hạn.

Sau lời kêu gọi hợp tác của anh Vy, anh Đức đề nghị, để các trưởng ban quyền quyết định hoàn toàn về bài vở trong phạm vi của mình và ban điều hành tổng quát chỉ điều chỉnh khi cần.

Ba anh trên vẫn cương quyết giữ lập trường. Do đó cuộc thảo luận xoay quanh đề tài « có nên thay đổi toàn diện tờ báo hay không » với sự tham dự hăng hái của nhiều anh, lắm lúc tưởng đi vào ngõ bí, chủ tọa cãi

nhau tay đôi với ý kiến viên, nhưng cuối cùng, sau 4 giờ phát biểu hăng say, tất cả như thấm mệt và đi tới quyết định sau đây :

1 — Xác định trở lại : Tình thương là của chung sinh viên Y Khoa, không cá nhân nào được lợi dụng.

2. Tờ báo được điều hành bởi :

— Chủ nhiệm : ngoại vụ.

— ban tổng quát : Chủ bút, tổng thư ký, thư ký, quản lý.

— ban chuyên môn : Các trưởng ban

3. Thuê 1 thư ký làm việc tòa soạn và phụ trách nhà in (trước đây do các anh Đức, Dũng, Tuấn, Thuận và Đông A.)

4. Bầu các trưởng ban, thay thế những người đã từ chức. Kết quả :

— anh Ngô thề Vinh. Tổng thư ký

— anh Trương Thìn quản lý (thay anh Phạm như Bách đã ra trường)

— Anh Vũ thiện Đạm : Thủ quỹ

— anh Trần mộng Lâm : truyện ngắn.

— anh Đặng Vũ vương : Quan điểm.

— anh Hồ tấn Phước : Khảo luận

— anh Trang Châu : Thơ.

— Anh Đặng ngọc Cương : Sinh hoạt Y Khoa

— Anh Nghiêm đạo Đại : Sinh viên và Đại học

— Anh Đỗ hữu Tước : Thề giới chúng tôi.

— Anh Ngô thề Quý và Lê Sĩ Quang : Bàn tay nắm lấy bàn tay.

5. Ủy cho thư ký buổi họp là Trần đông A viết bài tường thuật đăng lên báo.

Cuộc họp chấm dứt lúc 20g30 tối.

Chủ tọa phiên họp : Đặng vũ Vương

Thư ký : Hải trang Trần đông A ghi

Dưới đây là cuộc họp khi Tỉnh Thương bước vào năm thứ ba:

THÀNH PHẦN BAN CHỦ TRƯỞNG VÀ BIÊN TẬP TỈNH THƯƠNG NĂM THỨ 3

Như thường lệ, bước sang một năm mới hoạt động, Tòa Soạn Tỉnh Thương có một buổi khoáng đại hội để bầu lại ban chủ trương và biên tập cho tờ báo. Tinh thần dân chủ đó đã được tái diễn thêm lần thứ ba nữa vào chiều ngày 24-12-65 vừa qua.

Buổi họp đã được tổ chức ngay tại tòa soạn và diễn ra trong một bầu không khí thân mật và cởi mở. Chính sự sinh hoạt tập thể đã làm trơ tru cá nhân trước khi họ được ném vào guồng máy nhịp nhàng đồng đội. Sau phần tường trình về hoạt động của Tỉnh Thương trong năm qua của anh Chủ Nhiệm, đại hội đã xúc tiến việc bầu cử và đã cho ra đời một thành phần như sau cho nhiệm kỳ năm 1966.

- Chủ nhiệm : PHẠM ĐÌNH VY
- Chủ bút : NGÔ THẾ VINH
- Tổng thư ký : NGUYỄN HỮU AN
- Thư ký : TRẦN CÔNG PHÁT
- Quản lý : VŨ THIÊN ĐẠM

Các trưởng ban.

Quan diêm : ĐƯỜNG THIÊN ĐỒNG

Khảo luận : HÀ NGỌC THUẦN

Truyện ngắn : TRẦN MỘNG LÂM

Thơ : PHẠM NGỌC LÂM

Sinh hoạt Y khoa : ĐỖ NGHE

Bàn tay nắm lấy bàn tay : LÝ QUỐC BẰNG
và VŨ CÔNG LIÊM

Thế giới chúng tôi : ĐỖ TRẦN

Sinh hoạt Đại học : PHẠM HỒNG

Buổi họp được tiếp tục bằng sự tìm tòi và thảo luận một phương thức làm việc hữu hiệu hơn trong năm qua. Mọi người đều đồng ý rằng sự eo hẹp về tài chính đã hạn chế rất nhiều những dự định cải tiến tờ báo, nhưng để chứng tỏ tuổi trẻ hăng hái không ngừng, tất cả các người tham dự đều đồng ý hai sự việc sẽ thực hiện trong năm thứ ba này :

— Chấp thuận trả lương cho một người thư ký làm việc ngày hai buổi (vì năm vừa rồi, tờ báo chỉ có thể đài thọ một cái lương bán nhật).

— Tái quyết định là đầu năm 1966, *Tinh Thương* sẽ ra *bán nguyệt san*. Một ủy ban đại diện sẽ tranh đấu yêu sách hợp lý này với chính quyền.

Trước khi buổi họp kết thúc, anh chủ nhiệm nhân danh tòa soạn đã bày tỏ sự biết ơn những ai đã phục vụ đắc lực cho *Tinh Thương* trong hai năm qua, nay phải rời bỏ lớp áo sinh viên để trở thành những y sĩ quân y kiêu hùng trong những phục tác chiến nhảy dù, biệt động quân.

Đó là trưởng hợp của các tân y sĩ quân y hiện dịch Nguyễn Vĩnh Đức, Trang Châu Lê văn Châu, Bùi thế Hoàn, Hà Xuân Quỳnh các y sĩ trung tập Ngô thế Quý, Lê sỹ Quang.

Cùng với tiếng chuông nhà thờ đồ hồi báo hiệu giờ làm lễ nửa đêm (nhưng kỳ thực là 20 giờ), buổi họp được tuyên bố chấm dứt trong không khí bát ngát *Tinh Thương* của Chúa và của tờ báo.

Những số đầu, qua những chủ đề đặc biệt về y khoa như “*Niềm đau nỗi khổ*”... (số 3-4 tháng 3-4, 1964), *đối thoại trong y học* (số 5), *Tinh Thương* thường đề cập đến những vấn đề liên quan đến giáo dục văn hóa, đặc biệt là ngành y khoa. Ví dụ:

Tại sao sinh viên có quyền và có bổn phận trình bày ý kiến về những vấn đề giáo dục?

Giáo dục y khoa ở Việt Nam đi về đâu?

Bao giờ tiếng Việt được dùng để giảng dạy ở trường Y khoa đại học?

Thế nào là vai trò căn bản của người y học trong xã hội?

tình thương một tuổi

Hôm nay Tình thương đã ra đời giúp đúng một năm. Báo chí Sinh Viên ở miền đất này đã được một tuổi, một tuổi của bao nhiêu cái khăm phá mới về nếp sống lành mạnh của Nhà Nước, của bao nhiêu sự lo âu, cố gắng không ngừng, của bao nhiêu sự hiểu lầm đáng buồn của tuổi trẻ. Nhưng đó sao những sự việc đó không làm nản lòng chúng tôi, những con người trẻ đã và sẽ kiến tạo Đất Nước già vóc này bằng Tình Thương.

[illegible]

Mỗi một lần kỷ niệm là một lần hồi tưởng quá khứ và một lần hy vọng ở ngày mai. Tinh Thương chúng tôi đã có một số Kỷ Niệm CM tháng 1/11, phát hành đúng hôm Đệ Nhất Chu Niên CM. Nét đậm chiều, tư lự cửa đôi mắt ở trang bìa số 11 vẫn ám ảnh mãi chúng tôi đến giờ phút này.

Để giúp quý bạn có thể hiểu tại sao *Tình Thương* lại được chiếu cố tận tình như vậy, sau đây là những chủ đề hoặc những vấn đề mà TT đề cập trong năm 1965, 1966:

Số 15: Khả năng viện trợ Mỹ và tình trạng chậm tiến của VN

Số 16: Hòa bình hay chủ bại

Số 17: Những vấn đề thanh niên

Số 18: Thanh niên hướng về nông thôn. Chính trị và dân chủ.

Nền tư tri đại học...

Số 20: Kỷ niệm năm thứ hai Ngày Tranh đấu của sinh viên thanh niên.

Số 21: Những vấn đề trong đại của quốc gia

Số 22: Quân đội và chính trường

Số 23: Viễn ảnh chính trị miền Nam

Số 24: Số đặc biệt Đại Hàn: Chiến tranh và hòa bình

Bước vào năm 1966, những chủ đề của *Tình Thương* càng
nặng ký hơn:

Số 25: Vấn đề chủ quyền VN – những sự thật về Fulro

Số 28: Nông thôn Việt Nam và công thức Kibbutz Do Thái
Số 29: 96 phút với Thượng tọa Trí Quang

Những cái “nổi bật nhất” của Tình Thương...

- Là tạp chí duy nhất đăng truyện dài Nuôi Sẹo (mời đọc đoạn triển khai “Tình Thương và giá trị văn học” ở phần sau)

- Là tờ báo đi bài thơ tình của Lý thị Kim Xương mà theo ý của chúng tôi, đây là bài thơ tình rất hay trong số những bài thơ tình của miền Nam. Không phải riêng tôi mà còn có cả một vị bác sĩ “mê” bài thơ này đến nỗi phải thuộc lòng, để nửa thế kỷ sau, vẫn còn nhớ rành rành chép lại để thiên hạ cùng đọc. Nếu nhớ thơ của Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn Sa, Vũ Hoàng Chương ... thì không nói làm gì, nhưng đây lại là bài thơ của người học trò 17 tuổi !..

(Xin đọc bài hồi ký của bác sĩ Đỗ Hữu Tước đăng ở phần sau).

Trên *Tình Thương* không đăng hình của Lý thị Kim Xương, nay chúng tôi có được, xin được đăng để các cựu sinh viên y khoa từng “mê” thơ Lý thị Kim Xương ngày xưa thấy được dung nhan của một nhà thơ nữ tài hoa nhưng bạc mệnh. (Nhà thơ nữ Lý thị Kim Xương từ già cỗi đời khi tuổi nàng còn xuân sắc!)

Tấm hình chân dung này được in cùng với bài thơ XIN EM NHÌN VỀ QUÊ HƯƠNG trên tạp chí VĂN NGHỆ MIỀN TÂY số ra Mùa Xuân 1968 tại Cần Thơ. Tạp chí này do NGŨ LANG chủ biên và HUYỀN VÂN THANH làm Tổng Thư Ký tòa soạn.

Cám ơn Tình Thương đã đăng một bài thơ hay.



LÝ THỊ KIM XƯƠNG

thư cho anh

VỀ NG. NG. TH
S.V.Y.K

*Anh nghĩ gì khi người ta nói yêu em?
Khi trời mưa người ta đưa em đến*

*trường?
người ta bảo người ta thường hay khóc
vì em nhìn người ta quá dùng dưng.*

*Chủ nhật người ta đi xem lễ
anh nghĩ gì khi người ta ngồi gần em?
người ta đọc kinh khe khẽ
em nghe người ta đọc tên em.*

*Mai nhớ về thăm em nghe anh!
cho người ta hiểu em không sống một mình
nếu người ta yêu thì phải yêu hai đứa.
(yêu em và yêu anh).*

*Người ta yêu em anh có buồn không?
nhờ một mai em gọi người ta bằng chồng
anh có còn yêu em không nhỉ?
(chết ! - người ta đang nhìn em ngoài song)*

LÝ THỊ KIM XƯƠNG

*(bức số 2 trong “Những bức thư không gửi”)
(NS Tình Thương số 13 tháng 1-1965)*

- Không có một tờ báo nào ở SG trước 1975 lại được tướng Nguyễn Ngọc Loan – bấy giờ là cục trưởng cục An Ninh – ưu ái nhiều như nguyệt san *Tình Thương*: sự ưu ái này được biểu lộ bằng cách kê nòng súng vào màng tang của một sinh viên trong nhóm chủ trương (mời đọc bài hồi ký của Vũ Thiện

Đạm) hoặc được phe biểu tình (Hố Nai) – phe nổi lửa đốt trụ sở Tổng hội sinh viên SG ở đường Duy Tân – chiều cổ khiến “anh em phải đóng cửa sắt tránh đối đầu đám đông giận dữ” (Mời đọc bài của Đỗ Hữu Tước).

- Không có tờ báo nào “cao ngạo” xem chính quyền là “ne pas” như tờ báo *Tình Thương*. Ngay cả ông tổng trưởng cũng coi chẳng ra gì như lời cáo lỗi dưới đây:

Cáo lỗi

Tòa soạn *TÌNH THƯƠNG* trân trọng cáo lỗi cùng ông Tổng Trưởng Thanh niên
Thề thao vì thời gian quá gấp rút không thể đem bài phỏng vấn đăng trong T.T. 16 đến
ông Tổng trưởng xem lại trước khi in như đã hứa.

TÒA SOẠN *TÌNH THƯƠNG*

- Không có tờ báo sinh viên nào lại có tòa soạn riêng, và được bày bán trên sạp báo, được đón nhận nồng nhiệt bởi quần chúng như Nguyệt san *Tình Thương* và Phụ bản *Tình Thương*.

- Là tạp chí duy nhất đăng bài phỏng vấn Thượng tọa Trí Quang (số 29), Nguyễn Chánh Thi (số 19), tuy nhiên *Tình Thương* công khai chống lập trường của Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc (*Tình Thương* số 10)... Qua bài phỏng vấn Thượng tọa Trí Quang, chúng ta được biết thêm là trước khi tổ chức bất cứ cuộc biểu tình nào, Thượng tọa Trí Quang đều đến gặp đại sứ Cabot Lodge.

— Nhiều người gán cho tôi mối liên hệ mật thiết với ông Lodge, sự thật không có. Với ông Lodge hay Taylor cũng vậy, mỗi lần tranh đấu tôi đều gặp, nói cho họ biết lập trường của Phật giáo thế nào còn người Mỹ muốn sao tùy họ. Tôi hành động đều có báo trước ít nhất là 24 tiếng. Như vụ tranh đấu gần đây tôi chỉ gặp ông Lodge có một lần, nói rõ lập trường của Phật giáo về quốc hội. Ông ta có nói Thượng Tọa nên nghĩ lại. Tôi chỉ cười trả lời đã nghĩ rồi. Có vậy thôi. Còn dư luận cho rằng ông Kỳ đã gặp tôi trước vụ hạ Trung tướng Thi là hoàn toàn bịa đặt. Tôi chưa hề gặp ông Nguyễn cao Kỳ một lần nào.

(TT số 29)

- Dù là báo sinh viên nhưng tầm mức của nó có thể ngang

hàng với tờ báo chuyên nghiệp ngoại quốc. Những chủ đề thời sự nóng hổi như Fulro, hay Phật giáo miền Trung được tòa soạn cử phái viên đến tận nơi, để tìm hiểu căn kẽ... Ngay cả có mặt trong Kibbutz Do Thái cả tháng làm phu hái cam để viết bài cho chủ đề “Nông thôn VN và công thức Kibbutz” (Dương Thiện Đồng: *Bốn tuần trong Kibbutz* - *Tình Thương* số 28)

- Không có tạp chí nào mà những người trong nhóm chủ trương hay trong ban biên tập, khi làm báo là chống đối chánh quyền mạnh mẽ nhưng khi ra trường Y khoa lại chọn những binh chủng dữ nhất mà đầu quân như Lực lượng đặc biệt, Nhảy Dù, Thủy quân lục chiến, Biệt động quân. Trong số những người này có Nghiêm Sỹ Tuấn – nguyên thư ký Tòa soạn. Y sỹ Nghiêm Sỹ Tuấn chọn binh chủng Dù, và tử trận sau khi ra trường chưa được bao lâu. (Mời đọc hồi ký của Trang Châu, Ngô Thế Vinh, Đỗ Hữu Tước, Bùi Khiết... đăng ở phần sau).

“Chích”

Dĩ nhiên, nghề y đòi hỏi phải biết chích. Khi thì vào cánh tay, khi thì vai, khi thì mông đít...

Có lẽ vì quá quen đến công việc chích này nên những biên tập viên phải ngứa tay khi cầm ngòi viết chẳng... Và cái chích của họ “đau” thiệt.

Sự kiện này được một thành viên của *Tình Thương* kể lại như sau:

Trong một bài luận cử “Tinh dục trong sinh hoạt tôn giáo” (chúng tôi đánh máy bài này và đăng ở phần sau – Tòa soạn Thư Quán Bản Thảo ghi chú), anh Bùi Thế mang phân tâm học của Sigmund Freud để bàn về hiện tượng các cô nữ sinh thích đi nghe các thầy giảng và sinh hoạt. Bài viết gây chống đối rất nhiều, nhất là với các cô bị tạm giam ở thành Ô Ma

trong biến động Phật giáo. Anh em Tình Thương bị gọi là giáo gian. Thế nhưng không phải phía Phật giáo mà Công giáo trong cuộc biểu tình từ Hồ Nai chống hiến chương Vũng Tàu cũng đến bao vây tòa báo vì bài viết của anh Hoành và Quỳnh. Khiến anh em phải đóng cửa sắt tránh đối đầu đám đông giận dữ.

(Đỗ Hữu Tước: Tình thương ngày tháng cũ, Tập san Y Sĩ số 184 tháng 1-2010)

Trên đây chỉ về mặt tôn giáo, còn về phía chính quyền thì càng “dữ dội” hơn. Người chủ trương bị kêu lên Cục An Ninh và bị kê nòng súng vào màng tang:

Một buổi chiều cuối thu 1964, Sài Gòn sau Cách mạng 11/1963, lá ngoài đường không rụng nhiều và trên không cũng chẳng có những đám mây bàng bạc như trong truyện Quê Mẹ của Thanh Tịnh, tôi và anh Đức đang ngồi trong tòa soạn, bỗng có một chiếc xe cảnh sát mà người dân Sài Gòn gọi là “xe cây” đỗ xích trước cửa Tòa soạn. Hai tên công an mặc thường phục bước vào cửa rồi lớn tiếng hỏi ai là Vũ Thiện Dạm và Nguyễn Vĩnh Đức. Chúng tôi ngạc nhiên nhưng cũng điềm tĩnh trả lời. Một tên nói: “Các anh theo tôi về Cục An Ninh có việc”. Chúng tôi hỏi: “Việc gì?” Tên thứ hai trả lời một cách hỗn xược: “Đến đó thì biết, đừng có nhiều lời”. Chúng tôi theo chúng lên xe cây để về Cục An Ninh, không cách xa tòa soạn lắm, ngay trên đường Nguyễn Bình Khiêm, gần Sở thú Sài Gòn. Chúng tôi ngồi đợi ở phòng dưới nhà, lẳng lặng không nói với nhau một lời vì có những tên công an khác đi quanh canh chừng. Một lúc sau, một tên công an từ trên gác xuống gọi chúng tôi lên trình diện ông Tướng An Ninh. Cửa phòng mở, ông Tướng đã chờ sẵn, ông dáng người gầy ốm, mặc quân phục với Jacket chống đạn. Ông Tướng ngồi trên ghế bành, hai chân với bottes de saut gác lên bàn, với khẩu súng lục nòng ngắn quay chung quanh ngón tay trở phải kiểu cao bồi. Ông ta cho biết là báo Tình Thương đã có nhiều bài viết không đúng đường lối cách mạng và ra lệnh cho chúng tôi từ nay phải sửa lại đường lối viết lách cho hợp với đường lối của chính phủ đương thời, nếu không ông bắn bỏ thì hối cũng không kịp.

Cũng nên nhắc lại là ông Tướng tuy là người Việt nhưng lại dùng toàn “tiếng Đức” của “các tay anh chị” khi nói với

chúng tôi.

Và để cho thêm phần “uy tín”, ông ta lấy khẩu súng lục nòng ngắn dí vào màng tang của anh Đức và tôi và dặn: “nhớ nghe con”.

Có lẽ bốn năm sau (1968), khẩu súng này đã được dùng để kết liễu đời của tên đặc công Cộng sản với hai tay bị trói ra đằng sau. Hình ảnh cuộc hành quyết này đã được một phóng viên Mỹ ghi lại và phổ biến khắp thế giới và đã làm dư luận quần chúng Mỹ cũng như dư luận thế giới có ý kiến bất lợi cho cuộc chiến tranh Việt Nam.

Cho đến bây giờ tôi mới được biết là hai anh Ngô Thế Vinh và Phạm Đình Vy cũng được diện kiến ông Tướng An Ninh trong hoàn cảnh tương tự.

(Vũ Thiện Đạm)

Đọc đoạn hồi ký trên, chúng ta sẽ đặt câu hỏi tại sao ông tướng An Ninh trên lại đặc biệt quan tâm đến tờ Tình Thương như vậy? Cái việc này do Sở Kiểm duyệt lo giùm cho ông mà. Nhưng nếu đọc kỹ trên số báo 20, trong bài *Đối thoại với chính quyền*, ta thấy cái “chích” của các anh bác sĩ tương lai này quả là “đau” và “thâm” hết chỗ nói khi anh ta “lên lớp”:

3) Chính quyền vẫn chưa xóa bỏ đi được những cái chương tãi gai mắt trong chính quyền.

— Tại sao chủ-tướng khắc khổ, tiết kiệm công quỹ, Thiếu-tướng Chủ-tịch Hành-pháp lại xê dịch trong Thủ-đô bằng trực thăng tốn kém rất nhiều so với một xe hơi.

— Tại sao chính quyền lại ban hành lệnh giới nghiêm 11 giờ với lý do để giảm sự xa hoa về đêm.

— Tại sao bắt quân đội hớt tóc ngắn, không bắt cạo râu vì cả hai hớt tóc và để râu đều tuyệt đối cấm.

— Tại sao chính quyền lại bắt chức Tướng Khánh tăng lương quân đội trong khi giá sinh hoạt lên cao không phương cứu chữa. Sự suy diễn một sự lạm phát tiếp theo sau ai cũng có thể nghĩ tới, tại sao chính quyền biết như vậy mà vẫn làm.

Câu hỏi: “Vậy ai để râu đây?”. Chỉ có tướng Kỳ chứ ai trồng

khoai đất này!

Thêm một cái “chích” nữa. Lần này nhắm vào Bộ Tâm Lý chiến.- Bộ phụ trách kiểm duyệt báo chí - khi bộ này ủng hộ 500 số báo mỗi kỳ cho một bán nguyệt san do một nữ văn sĩ nổi tiếng đẹp nhất của làng văn nghệ ở đây chủ trương:

● CHUYỆN NHÀ... 22 22

22 22

Thấy mấy lúc sau này, các ‘quan’

22 22 22 chú ý hơi kỹ báo chí Sinh viên, nên quần chúng Sinh viên đâm ra bức bối, vì nghĩ rằng mình có mẹ gì mà người ta phải nhìn kỹ thế, sao không quay về nông thôn nơi tụi Vẹm nó coi 22 22 22 có ra cái mẹ gì, diễn kịch... tụi tụi nó cũng xem đề giải trí, tuyên truyền thì chúng nó phục kích liền liền, thành thử 22 22 22 22 22 đặt ra đề canh chừng Sinh viên đừng đề chúng tái diễn cái trò 23-8-64 phá phách cái sồ... lãnh lương to tồ bố mà nhờ ơn trên, lần trước vẫn còn nguyên vẹn nên ai nấy đều hớn hờ về nhà êm ả cả. Đó là chuyện năm xưa, còn chuyện năm nay thì có hai lần kè: Bộ Tâm Lý chiến vẫn bình an vô sự trong ngày 23-8, đến tháng phòng phát lương vẫn tấp nập như thường. Ngoài ra 22 22 22 ủng hộ 500 số báo mỗi kỳ cho một bán nguyệt san do một nữ văn sĩ nổi tiếng là đẹp nhất của làng văn nghệ ở đây chủ trương. 22 22 22 22 22 22... 22 22 nên các quan 22 22 22 22 say

sống hết trời, đâm ra gắt với bọn
cầm bút Sinh viên — **QUYỀN**
TRƯỜNG **TRƯỜNG** **TRƯỜNG** **TRƯỜNG** :

Ngay cả cụ Thủ tướng Hương cũng bị *Tình Thương* mang ra
mà “chích”:

tình thương

— **phụ bản** —

ĐOSINHVIÊN Y KHOACHỦ TRƯỞNG

SỐ 1 • 19-11-1964 • TÒA SOẠN 103 NGUYỄN BÌNH KIỆM — SAIGON

- TẤT CẢ CHO MIỀN TRUNG BẢO LỘT
- ĐOÀN CỨU CẤP THƯỜNG TRỰC Y KHOA
VÀ CUỘC CỨU TRỢ NHÂN NẠN MIỀN TRUNG
- TRÁCH NHIỆM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TA
- Sinh hoạt sinh viên : XUỐNG ĐƯỜNG ?



Người dân Miền Trung : ông Thủ Tướng Hư... Ương... ôi !
Thủ Tướng H. : Khoan ! Khoan ! Để Qua diệt cái tội Sinh viên này đã !

TẤT CẢ CHO MIỀN TRUNG BẢO LỘT

*Người dân miền Trung: ông Thủ Tướng Hư...Ương...ôi!
Thủ Tướng H. : Khoan! Khoan! Để Qua diệt cái tội Sinh viên
này đã!*

(Tòa soạn TQBT ghi chú: Phụ bản này bị hốt trọn. TQBT may
mắn có được nên chụp nguyên trang bìa để cống hiến quý bạn.)

Sự thành công của *Tình Thương*:

Báo *Tình Thương* được hình thành không phải do từ một nguồn tài trợ hay bảo trợ nào như tạp chí Sáng Tạo (từ Phòng Thông Tin Hoa Kỳ), Hiện Đại (từ BS Trần Kim Tuyền), Nghệ Thuật (từ Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ), mà do từ sự tự lực, tự cường của những người trẻ chủ trương. Họ đi tìm nguồn quảng cáo. Họ mang báo đi bán ở các trường học. Họ cải tiến không ngừng biến tờ báo mang tiếng là của sinh viên y khoa nhưng thật ra dành cho cả giới thanh niên sinh viên và những người thao thức đến vận mệnh của đất nước. Họ áp dụng tinh thần dân chủ trong việc điều khiển tờ báo. Mỗi năm, tòa soạn họp khoáng đại để bầu lại ban chủ trương và ban biên tập cho nhiệm kỳ mới. Tòa soạn thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt nội bộ để những người cộng tác có thể gặp gỡ thân mật, cởi mở. “Chính sự sinh hoạt tập thể đã làm tron tru cá nhân trước khi họ được ném vào guồng máy nhịp nhàng đồng đội” (xin xem bản tin tường thuật buổi họp *Tình Thương* vào năm thứ hai, thứ ba chúng tôi vừa trích ở phần trên).

Ngoài xã hội, tình hình chính trị thì rối ren, hàng ngũ sinh viên thì phân tán, đại học thì đóng cửa bãi khóa, dĩ nhiên trong nội bộ của báo *Tình Thương* cũng bị ảnh hưởng không ít thì nhiều. Nhà văn Ngô Thế Vinh nói về sự dị biệt này và giải thích tại sao *Tình Thương* lại vượt qua :

... Ngay trong nội bộ tòa soạn, mặc dầu có nhiều khuynh hướng rất khác nhau đôi khi cả đối nghịch nữa, đưa tới những cuộc tranh luận gay gắt kể cả bút chiến công khai tương như có thể gây đổ vỡ nhưng do nơi ý thức trách nhiệm đối với sự sống còn của tờ báo, biểu tượng cho sinh hoạt dân chủ nên cuối cùng thì chúng tôi vẫn đi tới được sự dung hợp với một mẫu số chung rộng rãi: tờ báo luôn luôn như một “open forum/ diễn đàn tự do” của những quan điểm khác nhau về mọi vấn đề chính trị, giáo dục và xã hội. (Ngô Thế Vinh)

Đó là lý do tờ báo không phải chết vì hết tiền như Sáng Tạo, Hiện Đại, Nghệ Thuật, hay Khởi Hành mà chết vì bị rút giấy phép, trong khi số lượng phát hành càng ngày càng cao, đến

nổi phải xin phép biến tờ báo từ nguyệt san thành bán nguyệt san (nhưng đơn xin phép bị chìm xuống mà không một lời giải thích!)

Tình Thương và giá trị văn học hiếm quý

Nguyệt san Tình Thương có một truyện dài đăng nhiều kỳ. Đó là “Nuôi Sọ”. Nhà văn Ngô Thế Vinh giới thiệu truyện này như sau:

... Riêng tiểu thuyết Nuôi Sọ thì còn ở dạng bản thảo, báo Tình Thương đăng chưa hết thì bị đình bản và bản thảo duy nhất viết tay ấy thì nay đã bị thất lạc. Triều Sơn chết rất trẻ ở cái tuổi 33 [1921- 1954]. Hy vọng qua số báo chủ đề của Tập San Y Sĩ, với những số báo Tình Thương còn tìm thấy, từng trang sách tiểu thuyết Nuôi Sọ sẽ được nối kết lại – cho dù chỉ còn là một tác phẩm dở dang nhưng đó vẫn là một mảng văn học độc nhất vô nhị của một thời kỳ biến động nhất của đất nước.

Trên Văn số 34 chủ đề Truy niệm Triều Sơn, phát hành vào ngày 15-5-1965, Nuôi Sọ được nhắc nhở trong phần tiêu sử: *Tác phẩm căn bản là Nuôi Sọ. Viết lần thứ nhứt trong không khí sắt lửa, tiểu thuyết đã in ra theo thể thức phôi-dơ-tông(feuilleton), trong tờ Kháng-chiến (1947). Năm 1949, viết lại theo một quan niệm khác, vài chương đã được đăng trong tập Nhà Văn hiện đại. Sang Paris Nuôi Sọ lại “bị viết lại” ba lần nữa. Một lần theo thể tài “bích họa” như bộ Chiến-tranh và Hòa bình của Tolstoi. Một lần theo thể tài của Colomba của nhà văn Pháp Prosper Mérimée. Và một lần thứ ba dụng những kỹ thuật tiểu thuyết mới nhứt của Âu-Mỹ.*

(Huân Phong)

(nguồn: tạp chí Văn số 34 ngày 15-5-1965 số đặc biệt truy niệm Triều Sơn)

- “ Ngoài cái mộng triết học, anh còn có cái mộng văn nghệ. “Nuôi Sọ” đã được anh ấp ủ từ lúc còn ở thế giới bên kia, anh mang nó về Hà Nội và nó theo anh từ Bắc vô Nam, từ Nam sang Pháp sang Phi Châu rồi trở về Pháp. Anh dùng nhân vật chính : một tên khố rách trong một làng ở Bắc Việt để tả cái xã hội phong kiến thực dân lúc Pháp tàn tạ và cho thấy một quan niệm về cuộc đời.

“Anh thận trọng đến nỗi viết đi viết lại, bỏ, sửa, bớt, thêm từ gần 1000 trang rút lại độ 500, rồi còn cho là dài, đang sửa gọt cho còn 300 trang mới cho xuất bản. Nhưng con bệnh ngặt nghèo đã không cho phép anh làm xong !”.

... Để các bạn biết anh “nuôi” “Nuôi Sọ” như thế nào, tôi có lần vào thăm nơi anh ở, thấy những chữ “Nuôi Sọ” đầy cả tường và đủ các lối chữ! Đó là một lối nhắc mình chẳng thể quên, một lối nằm gai nếm mật mới.

“Thế mà mộng viết: “Triết lý triết học” (La philosophie des philosophies) đành tan vỡ, mà cái mộng hoàn thành “Nuôi Sọ” cũng dở dang”.

NGUYỄN NGU-Í

(nguồn: tạp chí Văn số 34 ngày 15-5-1965 số đặc biệt truy niệm Triều Sơn)

Với một nhà văn “lớn lao” (theo Đặng Tiến) như vậy, nhưng có mấy ai nhắc sau khi ông chết tại Paris? Có mấy ai chịu khó sưu tầm những di cảo bị thất lạc hay đăng rải rác trên các báo? Tháng 5, 1965, tạp chí Văn có làm một số đặc biệt về Triều Sơn, có nhắc đến Nuôi Sọ như là một tác phẩm để đời nhưng không có một trang – dù chỉ một trang Nuôi Sọ. Chỉ có tờ Tình Thương là tạp chí duy nhất đăng truyện dài Nuôi Sọ (dù không đầy đủ).

Hiện nay, theo nhà văn Ngô Thế Vinh cho biết, ông chỉ có mỗi một số Tình Thương (số 9) để dùng làm văn liệu cho chủ đề *Tình Thương nhân bản* của tập san Y sĩ tại Canada, trong đó có một chương của Nuôi Sọ.

Chúng tôi hiện đã sưu tập được 11 chương của Nuôi Sợ. Hy vọng TQBT số tới chúng tôi sẽ phổ biến cùng lúc với TQBT chủ đề Triều Sơn.

Tình Thương và người lính VNCH

Đối với người lính VNCH, *Tình Thương* luôn luôn bày tỏ lòng biết ơn. Điều này được thể hiện qua nhiều bài vở từ nhận định hay qua hai lá thư đăng trên hai số báo dưới tựa đề “Lá thư gửi ra tiền tuyến” ký bởi *Tình Thương*:

... Lớp người thanh niên ấy từng giờ từng phút đang chiến đấu và hy sinh. Chúng tôi muốn nói đến các anh, những chiến binh đang xông pha ngoài mặt trận. Chúng tôi đã gặp các anh không phải ở những buổi hành quân các anh hăng say giết giặc cũng không phải những lúc các anh về hiên ngang vòng hoa chiến thắng mà chúng tôi gặp các anh quần quai, rên xiết ở các bệnh viện Chợ Rẫy, Cộng Hòa với những vết thương lở loét bết máu. Chúng tôi đã từng đau lòng cắt bỏ từng cánh tay, từng khúc chân để biến các anh thành những phé nhân vĩnh viễn. Chúng tôi cũng đã từng ngậm ngùi, bất lực nhìn một số các anh bị tử thần cướp mang đi.

(*Tình Thương* số 14 tháng 2-1965)

Trong thư thứ hai, *Tình Thương* viết:

... Xương máu của các bạn đã đổ ra quá nhiều để gìn giữ mảnh đất tự do này, đáng lẽ sự hy sinh to tát ấy phải được đền bù bằng một sự cảm phục, lòng biết ơn thì một lớp người tay sai của bọn Cộng Sản đã có hành động phủ nhận công lao

chiến đấu của các bạn ...
(Tình Thương số 16 tháng 4-1965)

Sự tri ân, nỗi đau đớn này được biểu lộ qua những lời phân ưu đầy thống thiết:

tin khác, phải nhiều qua báo chí được đọc, cho Từ Kế Tường.

TIN BUỒN

Gia Đình Y khoa đau đớn báo tin :

Y sĩ Đại Úy **TRƯƠNG BÁ HÂN** đã anh dũng gục ngã tại Bình Giả.

Ở con người áo trắng mặc quân phục đi sát với chiến địa trong hiện tình cam go này, chúng tôi vô cùng xúc động và mến tiếc. Những người thân và bạn của Anh xin nhận ở đây những cảm nghĩ phân ưu của những người sẽ tiếp tay và noi gương Anh. Tình Thương trong số tới sẽ có bài tưởng niệm Anh.

Tình thương — Số 14

67

**

hay qua bài viết đầy cảm động “Nhớ anh Đỗ Vinh” của Phạm Bá Lương đăng trên Tình Thương số 17:

Nhớ Anh ĐỖ VINH

Phạm Bá Lương viết

La guerre, ce n'est pas l'acceptation du risque, Ce n'est pas l'acceptation du combat. C'est, à certaines heures, pour le combattant, l'acceptation pure et simple de la mort.

A. de SAINT EXUPERY (Pilote de guerre)

Tôi được tin Anh chết vào một buổi sáng qua mục “Tin Buồn” của một tờ báo.

TIN BUỒN	
Toàn thể Sinh Viên Y khoa rất xúc động nhận tin	Cầu xin hương hồn người anh cả được mãn nguyện bên kia cuộc đời.
Y Sĩ Đại Úy ĐỖ VINH	TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG
đã anh dũng hy sinh vì Tổ Quốc. Chúng tôi, trong niềm tưởng nhớ đến anh, xin gửi những lời phân-ưu chân thành cùng tang quyến.	Nguyệt san T.T. vô vàn đau xót khi hay tin
TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG	Cố Y Sĩ Trung Úy TRẦN NGỌC MINH
Nguyệt San T.T. vô cùng đau đớn báo tin :	Tiêu Đoàn 8 TQLC
Y Sĩ Đại Úy PHAN HUY TRƯỜNG	đã anh dũng hy sinh vì Tổ Quốc tại chiến trường Quảng Tín ngày 19-4-65.
đã từ trần tại Quân Y viện BAN MỀ THUỘT ngày 20-4-1965.	Cầu xin hương hồn anh được mãn nguyện ở cõi đời bên kia.
	TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG

Tôi ngỡ ngàng và nghi ngờ. Nhưng không, mấy dòng chữ...
Cố Y sĩ Đại úy Đỗ... thật rõ ràng và hùng khiếp. Hay nhà báo
in sai? Vì lẽ nào được, tôi vẫn tin - có thể vì ích kỷ - rằng tai
họa chỉ gieo xuống cho ai kia xa lạ chứ. Rồi trong một hành
động vô thức, tôi làm dấu và cầu nguyện cho Anh, dù vẫn biết:
Anh không cùng tôn giáo với tôi. Nhưng giờ phút này tôi làm
gì hơn được cho Anh? Đau đớn và kinh hoàng quá! Tôi tìm
ông đơn vị trưởng, xin phép về gặp Anh lần chót. Đề nghị của
tôi được thỏa mãn. Về tới nơi, tôi cũng chẳng còn may mắn
hơn thầy Anh. Anh đã nằm yên trong lòng đất.

ooo

Mới một ngày nào không xa, Anh và tôi chia tay nhau. Tôi
khoác áo chiến của người bộ binh. Còn Anh, gia nhập đoàn
quân mũ đỏ cho thỏa ước nguyện hải hồ. Anh thường nói Anh
ưa thích những xe dịch liên tục và không định hướng. Nay Cà
Mau, mai Bến Hải. Anh và các bạn Anh có mặt khắp nơi, ở
những vùng an ninh bị đe dọa nhất để tìm địch, diệt địch. Tôi
ở đây, nơi tiền đồn, cũng không thiếu gì pháo kích, bắn sê hay
ám sát. Rủi ro rình rập chúng mình từng giây từng phút, nhiều
khi sống chết chỉ còn trong gang tấc, nhưng chưa bao giờ tôi
quên nghĩ tới Anh, theo rồi bước Anh đi qua những lá thư viết
vội.

Tôi vẫn nhớ trong những buổi nói chuyện của bọn mình, Anh
và tôi có thể có những bất đồng về nhiều điểm, nhưng đứng
trước cuộc chiến tranh này thì chúng mình luôn luôn có chung
một ý kiến: phải chiến đấu và chiến thắng. Chúng mình không
có quyền chạy trốn lịch sử. Chúng mình không thể di cư một
lần thứ hai. Tôi tiếc cho Anh, vào lúc cuộc đọ sức giữa ta và
địch tới giai đoạn quyết liệt mà thành công đã ló sáng thì Anh

vội vã ra đi, theo bước một Đoàn Mạnh Hoạch, một Trương Bá Hân. Máu Anh đã đổ, chúng tỏ sự có mặt của bọn mình trong những khó khăn của ngày hôm nay. Sự kiện ấy cũng nói lên cho mọi người biết những người trai lớp tuổi chúng mình nhất quyết nhập cuộc và say sưa làm tròn bổn phận. Định mệnh thật quá trở trêu, cướp đi ở Anh sự vui tươi ham sống trong lúc tuổi tác chưa đè nặng trên vai Anh. Mảnh đạn vô tình quên đi rằng sự có mặt của Anh là cần thiết cho người khác. Trước sau bàn tay Anh có bao giờ làm nổi một tội ác. Cho tới phút chót, Anh gục ngã trong lúc đang sẵn sức thoa dịu đau thương cho một đồng đội. Với những người như Anh, chỉ lấy yêu thương đối lại với oán thù bất cứ từ đâu tới. Nhưng kẻ địch của Anh nào biết thế. Họ làm tất cả vì mọi phương tiện đều tốt. - Anh chết đi, các đồng đội anh tiếc nhớ Anh, chúng tôi thương khóc Anh, một vì sao vừa tắt...

oOo

Tôi tìm gặp Anh trong một chiều nhạt nắng, không phải dưới mái trường xưa, cũng không phải trong một dạ hội, mà nghĩa địa chiều nay, hoang lạnh quá. Những vòng hoa cuối cùng bắt đầu tàn úa, Anh và tôi cách biệt nhau bằng một lớp đất. Những hình ảnh về Anh trở về tâm tư tôi rõ ràng nhất. Bao năm tháng dài trong cùng một giảng đường, những ngày hè Vũng Tàu hay những chiều đông Đà Lạt, bao giờ anh cũng đến với tôi qua nụ cười cởi mở và những mẩu chuyện đầm thắm. Nhưng bây giờ sự mát mát thật to lớn và trọn vẹn. Không còn gì ngoài một sự thật phũ phàng. Đó là sự chấp nhận giản dị và hiển nhiên của cái chết ở nơi anh...

Bến Cát ngày 11-4-1965

PHẠM BÁ LƯƠNG

(Tình Thương số 17)



Không ngờ chỉ 3 tháng sau, quân y sĩ Phạm Bá Lương cũng theo bạn anh mà ra đi. Trên nguyệt san Tình Thương số 20 chúng tôi thấy Tin Buồn báo tin Y sĩ Phạm Bá Lương đền nợ nước:

Tín Buồn

Nguyệt san TÌNH-THƯƠNG vô cùng đau đớn báo tin :

Y sĩ ● ● TRẦN-THÁI đã anh dũng hy sinh vì tổ quốc.

Toàn thể Sinh viên Y khoa xin gửi lời phân ưu chân thành cùng tang quyến.

Tòa soạn
TÌNH-THƯƠNG

Tín Buồn

Nguyệt san Tình Thương vô cùng đau đớn báo tin :

Y sĩ ● ● PHẠM-BÁ-LƯƠNG đã anh dũng hy sinh đền nợ nước.

Toàn thể Sinh viên Y-khoa xin gửi lời phân ưu cùng tang quyến.

Tòa soạn
TÌNH-THƯƠNG

Trên Tình Thương, chúng tôi cũng gặp được những sáng tác của hai nhà thơ ngoài y khoa, cũng tử trận như trường hợp bác sĩ Phạm Bá Lương. Đó là những di cao hiếm quý mà chúng tôi cố công tìm bấy lâu nay. Hai nhà thơ ấy là: Phan Huy Mộng và Nguyễn Phương Loan. Bài thơ *Người chết ở Pleime* của Phan Huy Mộng đăng trên Tình Thương số 28 tháng 4-1966 và trên Văn được bạn bè anh rất yêu thích:

*Thằng vũ chết rồi trong trận pleime đó em
khủng khiếp và khóc liệt nhất
những lần về phép sau này ra cửa đón anh
em sẽ không bao giờ thấy nó
nó chết rồi
chết trong trận pleime cho quê hương
đó – nó nằm đó – nó ngồi đó
những tràng súng do chính nó bóp cò, địch bóp cò...
cho tất cả chúng ta cùng chết trong trận giặc chúng ta...*

Giống như y sĩ Phạm Bá Lương khóc y sĩ Đỗ Vinh sau đó ít lâu thì tử trận, nhà thơ Phan Huy Mộng cũng vậy. Sau khi anh khóc bạn anh chưa được ít lâu, anh cũng theo bạn mà ra đi... Còn nhà thơ Nguyễn Phương Loan thì tử trận trên căn cứ hòa lực ở Pleime. Anh làm thơ rất nhiều nhưng ít chịu đăng thơ trên báo. Tình Thương là một trường hợp ngoại lệ. Có đến ba bài thơ của anh. Nhà văn Kinh Dương Vương viết về anh, như sau:

...Dáng anh cao lớn và oai nghiêm, thoạt trông trẻ con hoảng sợ. Nhưng rồi chúng đến vây quanh anh thân ái, khi chúng nhìn thấy đôi mắt hiền, buồn như mắt của một nghệ sĩ và giọng nói nhẹ dịu lòng. "Các cháu lại đây với chú. Nào, lại đây

với chú”

Anh hãy còn độc thân. Anh yêu một người con gái, nhưng nàng không yêu anh, đã từ lâu, và anh còn yêu nàng mãi... Anh vẫn viết thư thường xuyên cho nàng, những bức thư là những bài thơ tình tuyệt vời không bao giờ có hồi âm.

Bạn tôi, anh là lính trận, nhưng cũng là một thi sĩ. Tôi nghĩ rằng anh chỉ là một thi sĩ. Anh viết những bài thơ trong bụi rậm, trên quyển sổ tay nhỏ, giấy bao thuốc lá hay những mảnh giấy vụn. Những bài lục bát không bao giờ xuất hiện trên mặt báo. Nhưng cây lá, những cỏ mọn hoa hèn và côn trùng – những chú dế nhỏ, cào cào, sâu bọ – biết qua giọng ngâm gọi cảm của anh. Và vài người bạn thiết nhận được những bài thơ của anh từ những vùng hành quân xa xôi.

Anh liên miên đi từ chiến trường này đến chiến trường khác...

Giữa mùa thu:

Tôi được tin anh đã trở lại chiến trường Pleime, nơi đó anh bị thương. Một mảnh thép đã len vào thân thể anh, nằm trong phổi khiến máu anh chảy ra nhiều cùng với những chiếc bong bóng màu hồng. Việc tân thương chậm chạp và anh đã bất tỉnh. Anh vào nằm bệnh viện và qua một cuộc giải phẫu.

Người bạn anh nhờ mang sách về cho tôi kể chuyện:

Buổi sáng, anh tỉnh dậy sau cơn mê man suốt đêm. Anh đã ngồi lên được và anh hút thuốc – thú vui duy nhất của anh đó mà. Buổi trưa anh cảm thấy mệt nhiều. Anh đã nói với người bạn nhờ nhắn lại cho gia đình tôi biết, nếu anh mệnh hệ nào. Đúng nửa đêm hôm đó...

...

(Kính Dương Vương – *Bài thơ cho bạn tôi*, nguồn: Internet)

Trong khi tờ báo của sinh viên bày tỏ thái độ quyết liệt đối với những kẻ phủ nhận công lao chiến đấu của người lính miền Nam, cúi đầu thương cảm những người thương binh Bắc cũng như Nam phải bị cưa tay, cưa chân ở bệnh viện, ngâm ngùi những người mà họ không thể cứu được thì trên tạp chí *Vấn Đề* do hai tên tuổi được xem như nhà văn “chống Cộng” hàng đầu chủ trương (Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan) lại đăng liên tiếp những truyện bôi nhọ thậm tệ màu áo người lính miền Nam của Ngụy Ngử, xem những người thương binh là “bọn què

quạt hết thời”, tả mỗi lần lính “rần rĩ” về phố là cửa đóng then cài, ngay cả mang người chết là đại úy dù Nguyễn văn Dương ra mà bốn cột! Trong số những truyện này có truyện “Những con thú tật nguyên” của Nguyễn văn Ngừ tức Ngự Ngừ (đăng trên Văn Đề số 18) được dựng thành phim sau 1975!

... *Thành phố đang sinh hoạt bình thường. Chợt có tin lính rần rĩ đổ đến, tất cả nhốn nháo sợ hãi và những cánh cửa tiếp theo nhau khép nhanh lại, chợ tan, người thưa thớt tới lui khép nép, khắp các đường lớn đường nhỏ không còn một bóng gái trai...* (Ngự Ngừ: Phố miền Nam - Văn Đề 50 tháng 9-71).

Hoặc như truyện “chị Hà” cũng của Ngự Ngừ, ca ngợi hết mình người chị “phe giải phóng”, xem những người thương phế binh mà *Tình Thương* bày tỏ lòng cảm phục vô biên là: “bọn lính què cụt hết thời đi cắm cọc chiếm đất”:

... Ở đó, với vô số máy thu thanh lắm nhảm từng ngày bây giờ, chị Hà được kể vào hàng ngũ những người lâm đường theo giặc ...

Chị Hà, như người cha và anh cả tôi, đã mất tích.

...

Chị Hà đã mất tích, đã lẫn mù vào đời sống quay mùa điệp trùng, đang ra sao ở một nơi nào đó. Có phải chị còn bên kia biên giới Việt Lào, còn bên kia giòng phân chia Nam Bắc, đang rằng cả tai căng đứng ca hát trước đám dân Thượng, đang ngồi họp giữa những hội nghị cấp cao, súng chạy băng băng theo một viên đạn vừa bắn ngay chóc vào thân tàu giặc ngang trời, đang thoi thóp u ơ trong bệnh xá biên khu; hay đang khuất lấp hèn mọn giữa cái miền nam tự do chen chúc mỹ hời này, còn bông con ngồi ru hát đêm ngày chờ tin dữ của người chồng vẫn vẹn đang lẫn lóc trên chiến trường Đông dương, còn mặc áo đại tang đi đòi quyền sống, còn theo bọn lính què cụt hết thời đi cắm cọc chiếm đất, hay đã ngã sấp xuống trong những vụ thảm sát máu me, đang ghẻ lở trong các chuồng cạp chuồng beo...,

(Ngự Ngừ: Chị Hà - tạp chí Văn Đề số 44)

- Ngay cả người sĩ quan Dù miền Nam mở chốt lựu đạn tự sát trên đồi máu sau khi đồi bị tràn ngập thì cũng bị Ngụy Ngũ đem ra mai mĩa bốn cột “anh chưa chết đâu anh”.

... Không. Vâng, không phải người ta quay lại cảnh khốn nạn đó để đám thanh niên Nam Việt sợ không dám đầu quân đi lính để chết mất xác bên Miên bên Lào hoặc để lên án cuộc chiến tranh phi nhân đang thiêu sống cả một thế hệ thanh niên trên khắp bán đảo Đông Dương này, mà trái lại, là đang hỗ trợ thêm cho chiến tranh, đang vẽ thêm một lớp sơn bóng ngời trên cái vóc dáng biệt kích của bọn lính Nam Việt, ve vuốt vào cái kiêu hãnh bệnh hoạn của chúng, kéo chúng ở lại trong hàng ngũ để bảo vệ cái dải đất tăm tối hời mỵ này khỏi rơi vào "vòng nô lệ của Cộng Sản".

... Chuyện kể lại cái chết của một tên sĩ quan dù tại mặt trận Hạ Lào, nhắc lại thuở y còn là một thiếu úy, thiếu úy dù đi xe gắn máy chồng ba bốn mạng một xe chạy giữa phố Sài Gòn, tông nhầm một cô gái, cô gái nhận làm em gái hậu phương đi ca hát gì đó cho lính nghe rồi nhận làm vợ tên thiếu úy luôn, tên thiếu úy lên đại úy, tên đại úy đi trận sang Lào và mở lựu đạn chết khi căn cứ bị tràn ngập, chết xong chưa yên chuyện lại còn hiện hồn mang mặt máu về đứng hát anh chưa chết đâu em.

(Vấn Đề số 52 tháng 11-71)

Sự bôi nhọ rửa xà này nếu đến từ những tạp chí thiên tả như *Đổi Diện, Trình Bày, Tự Quyết* v.v... thì không nói làm gì, nhưng những tờ báo trên chỉ chống Mỹ, chống chính quyền chứ chưa hề có một bài nào bôi xấu người lính miền Nam, chỉ có duy nhất là mỗi một tờ *Vấn Đề* mới đăng loại truyện như vậy. Mặt khác nếu Ngụy Ngũ là văn công thì không nói làm gì, đảng này y mang đồng phục lính miền Nam, được ưu đãi không ra trận một ngày!

Nghĩ mà tội cho thế hệ trẻ hôm qua. Họ không có tiếng nói. Nhất là những người cầm súng chiến đấu ngoài vòng đai SG. May mà còn có *Tình Thương*.

Cuối cùng, một câu hỏi, với những hy sinh lớn lao như vậy, làm cách gì để được đọc tác phẩm của họ, hay những di cảo

của họ? Làm cách gì để biết tiểu sử của họ, và sự đóng góp lớn lao của họ vào nền văn chương thời chiến, giúp cho những tạp chí có tầm cỡ như *Văn*, *Khởi Hành*, *Thời Tập* sống mạnh, sống vững? Làm thế nào để tham khảo mảng văn học chiến tranh kéo dài từ 1964 đến 1975?

Cách dễ nhất là mở bộ Văn Học Tổng Quan Miền Nam của Võ Phiến để tham khảo. Hoàn toàn tôi không tìm thấy.

Kết luận

Không có một tạp chí nào mà nửa thế kỷ sau, người nguyên là chủ nhiệm lại thôn thức khi nhớ đến một người bạn đứng sau lưng để giúp đỡ hỗ trợ báo *Tinh Thương* mà ông gọi là cảm tình viên, như thế này:

“... Trời ở Lyon Pháp bây giờ sang Thu làm tôi nhớ Sài Gòn Nov 63, cây cối bắt đầu trụi lá buồn thênh thang, nhớ quê hương yêu dấu đã vĩnh viễn xa rồi gần 35 năm qua, hình ảnh Phạm Văn Lương đã hiện về trong tâm khảm tôi, nước mắt trào lên mắt tôi, niềm cảm xúc quá mạnh tôi thôn thức khiến vợ tôi trên lầu chạy xuống và âu yếm nói: “Mon Vy, pourquoi tu pleures, je reste à côté de toi, le passé et les souvenirs sont toujours difficile à supporter”. Ma pauvre Sylvienne oi! La vie n'est pas plus simple comme ça, laisses moi pleurer pour mes “disparus”. Ngàn lần vĩnh biệt Phạm Văn Lương.” ()*

(*) Sau năm 1975, Phạm văn Lương tuần tiết trong trại khổ sai).

Vì sao?

Vì nó không phải là của riêng ai, hay của nhóm hay thế lực nào. Nó là của chung. Nó có một trái tim rất lớn là trái tim tuổi trẻ, một tuổi trẻ trí thức nhập cuộc và dấn thân. Nó là một mái nhà chung cho một đại gia đình. Nó là một nơi qui tụ những người biết mình phải làm gì. Tôi không hiểu với những người áo trắng ấy, một đêm có khi bị lôi dậy năm, mười lần, hay bận bịu phải lo những kỳ thi, thực tập, bài vở chất đống, vậy mà có

thì giờ đâu để mà bồi dựng tờ báo đến 4 năm như thế. Vậy mà họ đã làm. Và thành công. Và họ hãnh diện. Như nhà văn/ nhà thơ Trang Châu đã hãnh diện về cái “lò” *Tình Thương* của ông:

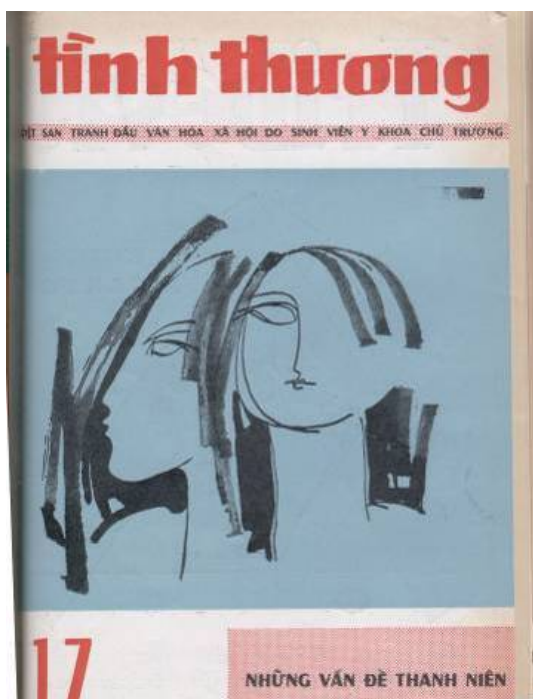
Riêng tôi, ngồi viết lại kỷ niệm của thời làm báo Tình Thương, tôi có thể nói mà không sợ người đọc cho rằng tôi giả bộ khiêm nhường, rằng nếu không có hai năm viết lách hăng say trên tờ Tình Thương, không chắc gì tôi còn theo đuổi nghiệp văn chương cho đến ngày hôm nay.

(tập san *Y Sĩ* số 184)

Trần Hoài Thư

SƠ LƯỢC VỀ NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG CỦA SINH VIÊN Y KHOA, SAIGON

TRẦN XUÂN DŨNG



Vài tuần sau khi cuộc cách mạng 1-11-1963 thành công, anh Trần Xuân Ninh, lúc đó vừa học hết năm thứ 6 Y Khoa, nảy ra ý kiến, cần phải xuất bản một tờ báo cho Sinh viên Y Khoa. Anh bèn tự đánh máy trên giấy Stencil một giấy mời rồi đem đi in ronéo, và phổ biến tại Trường và các Bệnh viện, thỉnh cầu anh em Sinh viên tới Trường để họp bàn về vấn đề này. Y Khoa Đại Học Đường, từ 1954 -1966, tọa lạc trên một khu đất rộng ở số 28 đường Trần Quý Cáp - Sài Gòn. Đây là một con đường rất đẹp, hai bên đường trồng toàn cây me. Mùa hè đi dưới tàn cây, mát rượi. Bóng nắng nếu có, chỉ lốm đốm, nhỏ

li ti như bèo tấm ở trên mặt hồ. Sau mỗi cơn mưa rào, những giọt nước còn trên lá me, nhỏ tí tách xuống mặt đường khiến không khí được mát mẻ rất lâu.

Vị trí của Trường có một giá trị lịch sử đặc biệt: Vua Minh Mạng đã sinh tại đây.

Ông Vương Hồng Sên đã viết trong cuốn “Sàigòn năm xưa” (4-1961) như sau : Chùa Khải Tường, năm 1859, Ông Nguyễn Tri Phương lập làm đồn chống Pháp, qua đêm 6-12-1860, binh ta phục kích giết quan ba Barbé nơi đây nên Chùa bị Pháp dẹp. Chùa này có đặt sử chính hoàng tử Đảm (sau lên ngôi là Đức Minh Mạng), sanh nơi hậu liêu vào năm Tân Hợi (1791) giữa cơn ty nạn giặc Tây Sơn. Qua năm 1804, Cao Hoàng nhớ tích cũ, để tạ ơn Phật đây công che chở mấy năm bôn tẩu, nên gởi tặng Chùa một cốt Phật Thích Ca thật lớn bằng gỗ mít, thếp vàng tuyệt kỹ. Từ năm 1867, Chùa bị dẹp... Nền Chùa Khải Tường truy rõ lại, ở lọt vùng đất Trường Đại Học Y Dược hiện thời, số 28 đường Trần Quý Cáp, trên khu đất mang số bông đồ kim thời 1, 8, 9 – Section B, 2è feuille, ville de Saigon.

Giữa khu đất là một biệt thự 2 tầng. Phòng của Khoa trưởng và Văn phòng nhà trường đặt tại đây. Tầng dưới có một căn phòng dùng làm Thư viện, chỉ có 2 cái bàn dài, đủ chỗ cho khoảng 20 người ngồi. Các buổi lễ trình Luận án Y Khoa Bác Sĩ đều được tổ chức tại phòng này. Từ căn lầu này đi về phía sau, qua một giàn hoa giấy là tới 3 phòng học xếp theo hình chữ U. Phòng phía tay phải dành cho Sinh viên Dược Khoa (từ 1954-1964, tên Trường là Y Dược Đại Học Đường và gồm cả hai Phân Khoa). Phòng phía trái và phòng nằm ngang dành cho Sinh viên Y Khoa.

Tới ngày giờ ấn định, gần 50 Sinh viên có mặt. Trần Xuân Ninh mở đầu cuộc họp, trình bày những lý do tại sao Sinh viên Y Khoa cần phải có một diễn đàn của chính mình, một cơ quan ngôn luận riêng. Sau hơn 3 giờ bàn luận, mọi người đều đồng ý là phải xuất bản một tờ báo. Toàn thể anh em đề nghị Trần Xuân Ninh làm Chủ nhiệm. Anh Ninh từ chối, lý do là chỉ còn 3 tháng nữa anh sẽ phải lên đường nhập ngũ. Anh em đang chọn người khác thì một câu hỏi được nêu lên khiến mọi người khựng lại. - “Báo sẽ quay ronéo, hay in?”

Bàn đi tính lại, quyết định chung là báo sẽ phải được in bằng

hoàng, chứ không thể dùng máy quay ronéo được. Vừa quyết định xong, tất cả đều lo. Lấy đâu ra tiền để thuê in báo mỗi tháng? Nếu là quay ronéo, thì anh em còn có thể cùng nhau xoay tròn ra đánh máy, quay máy, đóng tập rồi phát hành - còn in, không thể nào có tiền được.

Bồng anh Phạm Đình Vy, vừa sắp sửa lên năm thứ 4, phát biểu: “Nhất định là phải in. Tôi quen một ông Tướng có tham dự vào cuộc đảo chánh. Tôi sẽ đến xin ông “viện trợ” cho một số tiền để in vài số đầu. Anh em hoan hô, phòng họp ồn cả lên. Ban Điều Hành Tòa Soạn được đề cử gồm:

- Chủ nhiệm: Phạm Đình Vy
- Chủ bút: Nguyễn Vĩnh Đức (Sinh viên QY)
- Tổng Thư ký: Trần Xuân Dũng
- Thư ký: Nghiêm Sỹ Tuấn

Cả 3 anh Đức, Dũng, Tuấn đều sắp sửa lên năm thứ 5 Y Khoa. Đa số Sinh viên dự họp ngày hôm đó đều đồng ý vào Ban Biên Tập.

Sau đó vấn đề đặt tên tờ báo được nêu lên. Một số tên liên quan đến chính trị và văn hóa được đề nghị.

Phạm Đình Vy đề nghị tên “Tình Thương”.

Đa số cho rằng đặt tên như vậy thì ủy mị quá. Nhưng tranh luận xong, mọi người đồng ý với Vy, vì dù sao hai chữ đó cũng hợp với nghề nghiệp của mình.

Ba ngày sau Vy thông báo, đã xin được 10 ngàn đồng (Ngày đó, lương của một Y Sĩ Trung úy mỗi tháng khoảng 5.000 đồng).

Sau khi đã gom đủ bài vở và chọn được hình bìa, tôi (là Tổng Thư ký) ra Kim Lai Ấn Quán, nhà in nổi tiếng nhất thời đó, hỏi giá tiền in bìa offset, và 64 trang trong.

Câu trả lời làm tôi choáng người: “8.000 đồng”.

Nếu in ở đây chỉ xong một số, là tiêu tan cái “gia tài” mà Phạm Đình Vy vừa đem về. Tôi bèn đến nhà in Trường Sơn, ở đường Nguyễn An Ninh hông chợ Bến Thành, và Cliché Dầu hỏi giá. Kết quả, tổng cộng mọi chi phí chỉ ba ngàn đồng cho mỗi số báo. Số báo đầu tiên in ra xong và phát hành, đã gây một chấn động toàn diện trong giới Sinh viên, không những chỉ ở trong Trường Y Khoa, mà còn ở các Trường khác nữa như Luật Khoa, Văn Khoa, v.v... “Nguyệt san *Tình Thương*” là tờ báo đầu tiên trong giới Sinh viên của tất cả các phân khoa

thuộc viện Đại Học Sài Gòn, đã được in đăng hoàng như một tờ báo chuyên nghiệp.

Sau đó không lâu, Sinh viên Dược Khoa xuất bản tờ *Đất Sống*, Bùi Khiết và Vũ Văn Tùng phụ trách, cũng in cùng một nhà in với tờ “*Tình Thương*”.

Sau khi tốt nghiệp, tôi trở thành một Quân Y Sĩ Thủy Quân Lục Chiến, Nghiêm Sỹ Tuấn gia nhập Binh chủng Nhảy Dù, Phạm Đình Vy cũng vào Thủy Quân Lục Chiến sau tôi một năm. Về sau Ngô Thế Vinh là Chủ bút của “*Nguyệt san Tình Thương*”.

Một điểm đáng lưu ý là ba người đã từng điều hành Tòa soạn, hoặc ở trong Ban biên tập của Nguyệt san *Tình Thương* đã đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật:

- Lê Văn Châu (Trang Châu): Giải Văn Học Nghệ Thuật bộ môn Văn, 1969 với tác phẩm “Y Sĩ Tiền Tuyến”.
- Ngô Thế Vinh: Giải Văn Học Nghệ Thuật bộ môn Văn 1971 với tác phẩm “Vòng Đai Xanh”
- Trần Xuân Dũng: Giải Văn Học Nghệ Thuật Quốc Khánh Việt Nam, năm 1998 do Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam trao tặng, với tác phẩm Chiến sử Thủy Quân Lục Chiến xuất bản năm 1997.

TRẦN XUÂN DŨNG

Úc Châu, 11-2009

(*Nguồn: Tập san Y Sĩ số 184 chủ đề Tình Thương một thời nhân bản*)

Phạm Đình Vy (Lyon, France) viết đề:

NHỚ PHẠM VĂN LƯƠNG

ủng hộ viên tâm huyết báo Tình Thương ngay trong thai nghén

Đồng tưởng niệm đến các Tình Thương viên: Nguyễn Vĩnh Đức, Nghiêm Sỹ Tuấn, Bùi Thế Hoàn, Lê Sỹ Quang, Hoàng Thiện Căn, Nghiêu Đề và các Giáo sư Phạm Biểu Tâm, Ngô Gia Hy, Trần Văn Bàng, Nguyễn Hữu...

Tôi không có dịp quen biết Phạm Văn Lương trong hành lang của các bệnh viện thực tập ở Sài Gòn vì anh học trên tôi nhiều năm và là sinh viên Quân y. Tôi kết thân với anh nhiều tuần lễ trước ngày đảo chánh 01-11-1963 trong sân trường Y khoa ở đường Trần Quý Cáp qua nhiều lần tâm sự về số phận, tương lai của Đất Nước trong hoàn cảnh chiến tranh hiện tại, về vai trò của sinh viên, của giới trí thức để giải quyết hiện trạng ngày càng đen tối do ý đồ của Cộng Sản và sự bất lực tham nhũng của chính quyền Sài Gòn. Chúng tôi đồng ý và thống nhất một điểm, sinh viên phải vùng dậy đứng lên và hoạt động trường kỳ để gánh vác trách nhiệm vì không ai hy sinh cho mình cả. Tôi đưa ra ý định “ra báo” để làm cơ quan ngôn luận tranh đấu văn hóa, xã hội trường kỳ của Sinh viên Y khoa vì dư luận rất tin tưởng nơi các “thầy thuốc tương lai” như bất cứ quốc gia nào trên thế giới, nhất là Á Châu. Để thực hiện bước đầu giấc mơ ấy, chúng tôi đã tổ chức hội thảo ở sân trường Y khoa Sài Gòn và xuống đường nhiều lần ở trước Quốc hội, ban đầu chỉ có sinh viên Y khoa và sau đó có dân chúng tham dự. Qua tranh đấu hội thảo, tôi biết nhiều về Phạm Văn Lương. Dáng của một người Việt trung bình, già trước tuổi nhưng đôi mắt vẫn còn nhiều sinh lực, lập gia đình sớm ở Quảng Trị, cháu vợ của Tướng Đỗ Mậu Cục An Ninh; tinh thần độc lập, tánh tình kín đáo.

Cuộc đảo chánh 01-11-1963 lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm thành công như ý muốn của Washington, đã mở ra một cơ hội mới cho Đất Nước và tuổi trẻ. Tôi và Phạm Văn Lương cảm thấy nhiều lạc quan trong ý đồ “làm báo” trường kỳ. Phòng họp là Amphithéâtre của trường Y khoa, ngày hôm đó 03-11-1963 đầy sinh viên và tinh thần sôi nổi như chưa từng có, với sự góp sức của anh Trần Xuân Ninh, chúng tôi quyết định hai vấn đề đưa ra trước hội thảo của SVYK ngày hôm ấy để được chấp thuận:

- Ra báo Nguyệt San để làm cơ quan ngôn luận tranh đấu văn hóa xã hội của SVYK Sài Gòn.

- Chấp nhận lấy tên Tình Thương do tôi đề nghị và bầu tôi ở chức Chủ Nhiệm.

Ở chức Chủ Nhiệm Tình Thương, tôi hứa với hội thảo là tờ báo sẽ độc lập về tài chánh qua việc xin quảng cáo các viện bảo chế và tinh thần Dân Chủ trong sinh hoạt của ban biên tập và quản trị. Ngay sau đó tôi và Phạm Văn Lương chia tay, tôi lo tìm quảng cáo để khởi sự xuất bản Tình Thương. Phạm Văn Lương lo tổ chức cơ sở cho SVYK, bầu ban đại diện SVYK Sài Gòn và Tổng hội Sinh viên Sài Gòn. Việc ra báo Tình Thương đã qua giai đoạn đầu tìm tài chánh ở các viện bảo chế như OPV, Tenamyd, Roussel, Trang Hai, Phạm Doãn Điềm... như ý muốn vì Tình Thương là tờ báo của SVYK, những thầy thuốc tương lai, và phần do sự giới thiệu của thân phụ tôi là GS Phạm Đình Ái mà đa số môn đệ là những người đầu não trong giới Y học, Bảo chế.

Với ý định và ý hướng có sẵn, những suy nghĩ trước khi bắt tay vào việc, tôi đã có một ban biên tập xuất sắc, tâm huyết, tin cậy ngay ở phút đầu như người Mỹ thường nói “*Seeing, Believing*”, cộng tác cho đến lúc ra trường Y khoa, trong số đó phải kể đến Ngô Thế Vinh làm chủ bút Tình Thương kế tiếp Nguyễn Vĩnh Đức cho đến ngày đình bản Tình Thương, bốn năm sau ngày khai sinh.

Tôi không có tin tức về Phạm Văn Lương nhiều năm sau đó, vì chúng tôi vào Quân Đội, đi khắp mọi nơi trên đất nước để phân phối “Tình Thương” cho dân chúng bị đau khổ bởi chiến tranh và sự bất lực của nhà cầm quyền.

Sau 30-04-75 chúng tôi bị đưa vào trại Cải Tạo của Cộng Sản. Tôi chịu đựng bốn năm rưỡi, Phạm Văn Lương đã tuần tiết, tự

tử trong tù ngay phút đầu. Sự qua đời ấy không làm tôi ngạc nhiên, tôi biết Phạm Văn Lương và nhớ nhiều về Lương. Trời ở Lyon Pháp bây giờ sang Thu làm tôi nhớ Sài Gòn Nov. 1963, cây cối bắt đầu trụi lá buồn thênh thang, nhớ quê hương yêu dấu đã vĩnh viễn xa rời gần 35 năm qua, hình ảnh Phạm Văn Lương đã hiện về trong tâm khảm tôi, nước mắt trào lên mắt tôi, niềm cảm xúc quá mạnh tôi thổn thức khiến vợ tôi trên lầu chạy xuống và âu yếm nói: “Mon Vy, pourquoi tu pleures, je reste à côté de toi, le passé et les souvenirs sont toujours difficile à supporter”. Ma pauvre Sylvienne oi! La vie n'est pas plus simple comme ça, laisses moi pleurer pour mes “disparus”. Ngàn lần vĩnh biệt Phạm Văn Lương.

PHẠM ĐÌNH VY

Lyon, France 10/2009

(Nguồn: Tập san Y Sĩ số 184 chủ đề Tình Thương một thời nhân bản)

TÌNH THƯƠNG NGÀY THÁNG CŨ

Đỗ Hữu Trác

Trời vào thu độ hai tuần thì anh Trần Mộng Lâm email cho tôi hỏi tôi có định viết gì cho Tập San Y Sĩ số chủ đề về Nguyệt san Tình Thương năm xưa không? Đang lưỡng lự thì anh Ngô Thế Vinh điện thoại hỏi han đôi điều, nhân vui chuyện tôi đọc lại một bài thơ học trò đăng năm xưa mà tôi còn thuộc, anh Vinh liền thúc tôi phải viết vì anh cho rằng trí nhớ tôi còn tốt. Viết gì bây giờ? Vì thật ra tôi biết tôi quên nhiều lắm, mà viết chuyện năm xưa sai sót, thế nào cũng gây phiền lòng.

Hồi đó trong những năm “Tình Thương” từ 63 đến 67, tôi viết về *Thế Giới Chúng Tôi* với bút hiệu Đỗ Trần, do thân cận với mấy anh họ Trần. Ngoài ra có một lý do thâm kín khác mà nói không được (thuyết bất đắc). Thế giới chúng tôi có nhiều chuyện để nói lắm. Trước hết về ngôi trường Đại học Y Dược ở 28 Trần Quý Cáp, nơi mà trong lúc ngồi chờ đi thực tập, anh em chúng tôi ngồi hàng dài ngắm các người đẹp Dược khoa đi ngang. Chúng tôi cũng thường họp nhau ở quán ăn nhỏ có bán xôi lạp xưởng, cạnh bồn xi-măng tròn lớn, mà theo cụ Vương Hồng Sển, khi xưa là nơi đứng trụ của con voi đá mà sau này ta thấy ở Thảo Cầm Viên. Khi xưa, một bà phi của chúa Nguyễn Ánh trong lúc bị quân Tây Sơn truy đuổi đã trở dạ sinh thái tử Đờm, sau này là vua Minh Mạng, ở đó. Sau khi lên ngôi, nhà vua cho xây dựng lại và dựng Voi nơi đó để tôn vinh nơi chôn nhau cắt rốn của ngài. Cụ Sển cho là trường Y có chân mạng đế vương. Sau này, với biến đổi lịch sử, địa điểm đó sang tay sở Liêm Phóng Pháp và tượng voi được chuyển về sở thú. Tương truyền sở Liêm Phóng Pháp từng giam giữ và tra tấn những người yêu nước chống Pháp tại đó. Trước khi thành trường Y thì địa điểm này thuộc về bà Henriette Bùi. Không mấy ai dám ở đó vì nghe đồn đêm đêm có tiếng than khóc của các oan hồn uổng tử và có nhiều tiếng

ném đá. Đến khi sang tay trường thuốc thì những hiện tượng này mới hết. Cụ Sên kết luận “con ma bệnh đã gặp thầy thuốc”. Quả thật hồi đó, tôi tôi bao nhiêu sinh viên ngồi học bài ở các giảng đường M1, M2, chẳng ai sợ ma cả kể cả nữ sinh viên nhất tính. Nhưng ít năm sau, trong một cơn giông gió, một cây cổ thụ ở góc Lê Quý Đôn bị đổ, báo hiệu cho những sự kiện không may. Khởi đầu là sự chia uyên rẽ thùy với trường Dược. Ngôi trường Dược mới ở phía tây gây nên cảnh: phương đông ngồi nhớ phương đông, một người chín nhớ mười mong một người. Sau đó là những biến động chính trị, Sinh viên Y khoa xuống đường, chia rẽ trong giảng huấn, ám sát các thầy, ám sát sinh viên ở trường Y khoa Hồng Bàng...

Thế giới chúng tôi có nhiều chuyện để viết lắm. Tôi còn nhớ loạt bài về người thù sao. Ở năm đầu Y khoa, sinh viên rất phấn khởi khi được đi thực tập với chiếc áo blouse trắng thù một ngôi sao. Học hành ngày đêm, cuối khóa đậu lên lớp được dịp mang áo đến khoe với người yêu để nhờ nàng thù thêm một sao. Nhưng có biết bao cay đắng quanh chuyện này. Nhiều anh em bị sao rụng, thi 4 lần không đậu bị ra ngang, người yêu thất vọng bỏ đi lấy chồng. Bao cuộc tình dang dở, bao giấc mộng tàn... Lại còn hiện tượng sao đề nữa. Nhiều cặp kết nhau từ năm dự bị rất thắm thiết cho đến một ngày nàng quay ngang khi gặp một đàn anh nhiều sao và thần tượng hơn. Chú em bị sao nhét đầy miệng đành tro mắt ếch. Lại có những cặp gán bó từ năm đầu cả trường biết, đến năm chót chàng quẹo trái vì một bóng hình mới mà không báo trước khiến nàng chới với dở khóc dở cười.

Về sau khi anh chủ nhiệm Phạm Đình Vy xoay sở đủ tiền, tờ TÌNH THƯƠNG có một tòa soạn hẳn hoi nằm trên đường Nguyễn Bình Khiêm, gần góc đường Tự Đức. Đường này có trường Trưng Vương. Gần tòa soạn có mấy cô Trưng Vương họ Vũ, họ Ngô nổi tiếng xinh đẹp. Anh em chúng tôi có nơi sinh hoạt và đầu láo thường xuyên hơn. Viết quan điểm có anh Ninh, anh Cát Quỳnh, anh Bùi Thế. Anh Trần Xuân Dũng viết phiếm mục Ngang Dạ. Truyện ngắn anh Trần Mộng Lâm, anh Bình, anh Tuấn, anh Thuần, anh Vinh... Anh Vinh hồi đó còn phụ trách tòa soạn và từng nổi tiếng với “Vòng Đai Xanh”. Riêng anh Trang Châu phụ trách Thơ. Nói về thơ, một lần tòa

soạn nhận một bài thơ lời lẽ giản dị như nói chuyện của một cô 17 tuổi. Cô là hoa khôi học lớp đệ nhị ở một trường tỉnh, trường Thoại Ngọc Hầu, Long Xuyên. Cô gửi về toà báo bài thơ mang tựa “Thư Cho Anh”. Bài thơ gồm 5 đoạn gửi cho người yêu đang học Y khoa trên Sài Gòn, chắc còn ở năm đầu mải lo học vì sợ *sortie latérale* nên lơ là với nàng. Chúng tôi quá thú vị đọc bài thơ này và xúm nhau bàn luận cào cào. Cho đến hôm nay tôi còn nhớ nguyên bài đó nên chép lại ra đây với lời bản sau đó:

THƯ CHO ANH

*Anh nghĩ gì khi người ta nói yêu em
Khi trời mưa người ta đưa em đến trường
Người ta bảo người ta thường hay khóc
Vì em nhìn người ta quá dửng dưng*

*Chủ nhật khi em đi dự lễ
Anh nghĩ gì khi người ta lại gần em
Người ta quỳ bên em đọc kinh khe khẽ
Em nghe người ta đọc tên em*

*Người ta yêu em anh có buồn không?
Nhớ một mai em gọi người ta bằng chồng
Anh có còn yêu em không nhỉ
Chết! Người ta đang nhìn em ngoài song*

*Mai nhớ về thăm em nghe anh
Để người ta hiểu em không sống một mình
Người ta có yêu thì yêu hai đứa
Yêu em và yêu anh*

*Đừng giận người ta nghe anh
Khi trời mưa người ta đưa em đến trường
Vì không có anh nên em xin phép
Để người ta tạm đón đưa em thay anh*

Cô nữ sinh này tên Lý Thị KX, thật nhí nhảnh, nhưng thật ác. Thơ cô cứ như nói cười tự nhiên, không dùng chữ nào cầu kỳ. Chúng tôi suy đoán anh chàng người yêu chắc bị cô hành điều

đứng lăm. Đoạn mở đầu cô giới thiệu anh chàng đang trồng cây si cô ở dưới tỉnh. Anh chàng này xem ra đa sầu đa cảm (thường hay khóc), xem ra có vẻ là một địch thủ nặng ký. Cô lại ồm ờ hỏi “*anh nghĩ gì*”. Tuy nhiên cô lại trấn an người yêu ngay “*nhìn người ta đứng đung*”. Sang đoạn 2 mới thấy cây si miệt tỉnh say mê nàng đến độ vào lễ còn đọc tên em: *Phật bảo kinh mà không phải kinh*, như câu thơ Du Tử Lê. Đoạn 3 lộ cái ác của cô: *Nhờ một mai*. Cái nhờ lừng lơ con cá vàng sao độc địa. Cô lại không trả lời sau khi đặt câu hỏi mà lại la lên “*eo ơi người ta đang nhìn em ngoài song cửa*”. Đoạn 4 nhắc nhở khéo cho chàng nhớ về thăm và lại trấn an chàng là hai đứa vẫn là một. Đến đoạn kết thì cô nàng tỏ ra ngoan xin phép hăn hoi cho cây si tạm đón đưa nhưng không có gì bảo đảm là lộng giả thành chân, từ tạm lên chính thức mấy hoi. Khi lên Sài Gòn thăm người yêu cô ghé tòa soạn, nhưng ít người có duyên diện kiến cô. Cô được tả là có vẻ đẹp giống các cô trong tranh vẽ Lê Trung ở thập niên 50.

Cái mục thơ thần này còn gây phiền toái khác. Anh Trần Xuân Dũng trong khi đi thực tập ở Từ Dũ gặp một người đẹp có đôi mắt trong như hồ thu làm một bài thơ: *Đôi Mắt* mở đầu bằng câu:

Anh mới đến nơi đây lần thứ nhất

Trong phòng sanh ngơ ngác chẳng ai quen

Bài thơ dài tả vẻ đẹp đôi mắt với câu kết:

Để biết chắc thôi không còn cô độc,

Từ bây giờ em mãi của riêng anh.

Mấy cô kiểm hỏi anh Trần làm Đỗ Trần vất vả giải thích.

Anh Trang Châu còn gây rắc rối hơn nữa với bài “*Bần khoản*”, bài thơ anh mở đầu với:

Hai người đàn bà yêu tôi

Một cô nữ sinh và một người thiếu phụ

Sau khi giải thích lý do yêu cô nữ sinh và thiếu phụ anh kết luận:

Tôi yêu hai người đàn bà

Trong hạnh phúc vô biên

Chợt thấy mình tội lỗi

Hồi đó đang có film Dr. Zhivago, các bà các cô khó chịu về ông Bác Sĩ vừa có vợ hiền vừa có người tình nên chắt vắn cái bần khoản của Trang Châu hơi nhiều. Anh Châu và tôi có kỷ

niệm *Đi Cứu Lụt Miền Trung* 3 tuần ở quận Đại Lộc Quảng Nam, mà anh Lê Thành Ý có vẽ tranh hí họa. Chúng tôi ở trong đồn đêm nghe địch gọi loa tuyên truyền, ngày ăn uống toàn thịt vịt (vì chúng sống sót lụt) hoặc cá chép sông Thu Bồn. Một cái họa khác do thơ anh là bài *Tiến Chân Anh Khoá*, dựa theo bài của cụ Á Nam. Vì đụng chạm đến quý vị cầm quyền hồi đó mà đa số xuất thân từ Khóa 1 Nam Định. Vị tướng coi Cục An ninh đã hốt một mớ anh em về Cục để dần mặt. Anh Vũ Thiện Đạm ở cạnh tòa soạn có kinh nghiệm vụ này. Vì anh chị em vị tướng đều ở trong giới Y Dược nên ông không nặng tay. Mục quan điểm và bình luận cũng gây rắc rối. Trong một bài luận cứ “*Tính dục trong sinh hoạt tôn giáo*”, anh Bùi Thế mang phân tâm học của Sigmund Freud để bàn về hiện tượng các cô nữ sinh thích đi nghe các thầy giảng và sinh hoạt. Bài viết gây chống đối rất nhiều, nhất là với các cô bị tạm giam ở thành Ô Ma trong biến động Phật giáo. Anh em Tình Thương bị gọi là giáo gian. Thế nhưng không phải phía Phật giáo mà Công giáo trong cuộc biểu tình từ Hồ Nai chống hiến chương Vũng Tàu cũng đến bao vây toà báo vì bài viết của anh Hoành và Quỳnh. Khiến anh em phải đóng cửa sắt tránh đối đầu đám đông giận dữ.

Những chuyện lăm cẩm trong thế giới chúng tôi viết sao cho hết mà trang báo thì có hạn. Thời gian qua thật mau. Thoáng đấy mà hơn bốn thập niên rồi. Cô học trò hoa khôi trường tỉnh bấy giờ chắc lên bà nội, bà ngoại. Cảm khái chi đâu! Lý Bạch khi uống rượu ngắm trăng đã cảm khái niềm hữu hạn kiếp nhân sinh mà than thở: “*Kim nhân bất kiến cổ thời nguyệt. Kim nguyệt tăng kinh chiếu cổ nhân*” (Người nay đâu thấy trăng xưa... Trăng nay lại từng soi bóng cổ nhân). Anh em nhóm Tình Thương ngày nay không còn cơ hội sinh hoạt lại dưới mái trường Y Trần Quý Cáp cũng như toà soạn Nguyễn Bình Khiêm, nhưng ngôi trường và toà soạn đó đã từng bao che, ấp ủ anh em với bao kỷ niệm êm đẹp, bao hoài bão, bao cuộc tình trọn, bao cuộc tình lỡ. Nhóm Tình Thương ngày nay tán mác năm châu. Kê Âu, người Úc, số lớn bên Canada, số ở Hoa kỳ, ít người bên Việt Nam.

Tình Thương nhóm cũ tản muốn nơi

Nhấn gọi viết bài góp giúp vui

Lớp cũ bồi hồi lòng thốn thức

Trường xưa ray rứt dạ đầy vơi

Càng bồi ngùi và thương cảm khi nhớ tới một số anh em không còn nữa. Người đầu tiên ra đi là anh Nghiêm Sỹ Tuấn, một người tài hoa và là cây bút chủ lực của nhóm. Anh hy sinh trên chiến trường Khe Sanh khi còn quá trẻ. Tin anh mất trong lúc đang săn sóc một đồng đội Nhảy Dù làm bàng hoàng và rung động cả nhóm. Một anh khác là Phạm Văn Lương chết trong tù cải tạo. Một anh nữa ra đi ở tuổi còn trẻ là Lê Sĩ Quang. Rồi anh cựu chủ bút Nguyễn Vĩnh Đức, anh viết quan điểm Bùi Thế Hoàn, anh họa tranh Hoàng Thiện Căn, anh dịch thuật Vương Ngọc Phát. Viết đến đây, lòng tôi như chùng lắng, chợt thấy thấm thía mấy câu thơ trong bài ông Đồ năm xưa của Vũ Đình Liên:

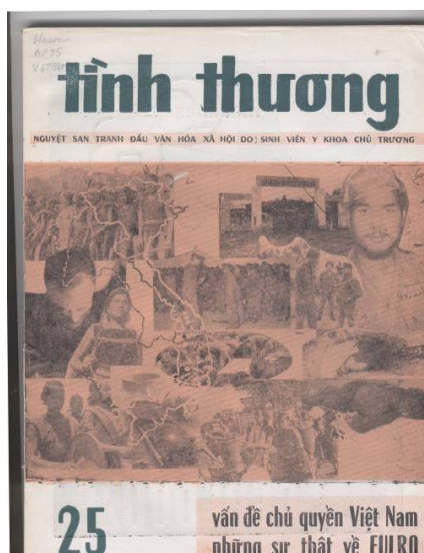
Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

ĐỖ HỮU TUỐC

Seattle, Mùa Thu 2009

(Tập san Y sĩ, số 184)



NGÔ THẾ VINH

Tìm lại thời gian đã mất
NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG 1963-1967
Tiếng nói của Sinh viên Y Khoa

*Gửi Nghiêm Sỹ Tuấn
và các Bạn Nhóm Tình Thương*

DẪN NHẬP: Nhà văn Trần Hoài Thư, người đầu tiên thực hiện kỹ thuật POD/ Print-On-Demand cho sách báo Việt Nam ở hải ngoại, và mới đây Thư Quán Bản Thảo đã hoàn tất bộ sách Văn Miền Nam, dày hơn hai ngàn trang, tập hợp hầu hết các tạp chí văn học trước 1975 - chỉ thiếu báo Tình Thương. Anh THT cho biết như vậy. Rồi cũng thật bất ngờ, khi hai anh Trần Mộng Lâm và Thân Trọng An từ Montréal Canada cho biết “Tập San Y Sĩ sẽ thực hiện một số chủ đề về báo Tình Thương: viết về sự ra đời, vai trò và những thành quả của tờ

báo này, cùng với những kỷ niệm một thời xa xưa của chúng ta.” Hy vọng đây sẽ là một số báo đặc biệt với nhiều người viết, liên hệ tới một nguyệt san ra đời cách đây đã 46 năm của những người sinh viên áo trắng, đã tốt nghiệp, rời xa mái trường xưa, trong đó có một số Bạn đã ra đi rất sớm trong chiến tranh hoặc những nguyên nhân khác về tuổi tác sau này. Được tham dự vào ban Biên tập Tình Thương từ số báo đầu tiên cho tới ngày báo bị đình bản, với tôi đó là những năm tháng không thể nào quên. Với một bút ký ngắn như một sơ thảo, có thể còn thiếu sót nhưng vẫn mong đây là một đóng góp với các bạn trong nhóm Tình Thương cho số báo chủ đề TSYS ấy để cùng “Tìm Lại Khoảng Thời Gian Đã Mất.”

VẬY MÀ ĐÃ 46 NĂM RỒI

Thời gian ở trường Y khoa, đó thực sự là những năm xanh của một đời người. Không phải chỉ có học, chúng tôi còn có những bận rộn ngoài chuyên môn y khoa như hoạt động sinh viên và cùng với các bạn trông nom tờ báo Tình Thương. Tờ báo ấy ra đời trong một hoàn cảnh và thời điểm đặc biệt ngay sau biến động tháng 11 năm 1963. Ý kiến ra báo có lẽ là từ nhiều người, như các anh Trần Xuân Ninh, Phạm Đình Vy, Phạm Văn Lương... Với manchet báo mang tên *Tình Thương*, ban đầu do Phạm Đình Vy đứng tên Chủ nhiệm, Nguyễn Vĩnh Đức Chủ Bút, Trần Xuân Dũng Tổng Thư ký, Nghiêm Sỹ Tuấn Thư ký và Vũ Thiện Đạm là Thủ quỹ. Với đường lối được ghi dưới tên báo: cơ quan tranh đấu văn hóa xã hội của sinh viên Y khoa.

Khởi đầu với danh sách một ban biên tập khá hùng hậu; phải nói là có nhiều khuynh hướng trong tòa soạn ngay từ những ngày đầu cho tới khi báo bị đình bản [tháng 08 năm 1967]. Có thể điểm qua những khuynh hướng ấy:

— Khuynh hướng đại học/ *academic* phải kể tới Nghiêm Sỹ Tuấn (y sĩ Nhảy Dù sau ngày ra trường đã tử trận ở Khe Sanh 1968), Đặng Vũ Vương [Mỹ], Bùi Thế Hoành [Mỹ, đã mất], Hà Ngọc Thuần [Úc], Nguyễn Vĩnh Đức còn có thêm bút hiệu Tô Tam Kiệt dùng cho các bài viết văn nghệ [Canada, đã mất]. Đặng Vũ Vương được biết tới rất sớm qua những bài viết sắc

sảo về *Y khoa Nhân Bản* và *Tinh Thần Đại Học* ngay từ những số đầu của *Tình Thương*. Riêng Bùi Thế [bút hiệu của Bùi Thế Hoàn] với những bài khảo luận “ngược dòng” như *Thử tìm hiểu đám đông*, *Tính dục trong sinh hoạt tôn giáo* thì luôn luôn “gây sốc” và cả dư luận chống đối.

_ Sinh hoạt văn nghệ: với Lê Văn Châu [Trang Châu, Canada] phụ trách trang thơ, sau này ra trường với tập bút ký *Y Sĩ Tiền Tuyến* mà các chương đầu tiên đã được đăng trên *Tình Thương*; Đỗ Nghê [Đỗ Hồng Ngọc, Việt Nam] với các bài thơ nổi tiếng từ *Tình Thương* như *Thư cho bé sơ sinh*, *Cổ tích về ngôn ngữ*, *Lời Ru...*; Hằng Hà Sa [Tôn Thất Chiêu, Mỹ] với thơ và tùy bút *Khói Bay Mây Bay*; Đặng Đức [Đặng Đức Nghiêm, Mỹ] với *Thế Giới Trường Thuốc*; Trần Đoàn [Mỹ] với “*Thằng Cu hay Cái Bướm, trai hay gái theo ý muốn*” bài đăng nhiều kỳ; Phạm Đình Vy với bút hiệu Phạm Hồng cũng rất văn nghệ qua *Những Lá Thư Viết Từ Bệnh Viện*.

_ Riêng trang phiếm luận “*Ngang Dạ*” với logo là một biếm họa qua nét vẽ tài hoa của Hoàng Thiện Căn trên mỗi số báo là một tiết mục vui tươi được nhiều người đọc, do các cây viết như Trần Xuân Dũng [Úc], Trần Đông A [Việt Nam], Nguyễn Thanh Bình [Canada], Trần Mộng Lâm [Canada, còn là trưởng ban truyện ngắn]. Trang “*Thế Giới Chúng Tôi*” do Đỗ Hữu Tước [Đỗ Trần, Mỹ] phụ trách, là tạp ghi những mẩu chuyện liên quan tới thế giới những người Áo Trắng. Ra hải ngoại, Trần Xuân Dũng thì vẫn sắc sảo như độ nào với các bài phiếm luận trên *Tập San Y Sĩ*.

_ Thiên về chính trị Phạm Văn Lương [Việt Nam, đã mất trong tù cải tạo sau 1975], Trần Xuân Ninh [Mỹ], Phạm Đình Vy [Pháp], Hà Xuân Quỳnh [Cát Quỳnh, Canada], Đường Thiện Đông [Mỹ, đồng thời làm cho báo US & News Report], Trương Thìn [Lê Trương, Việt Nam].

_ Những cây viết khác mà tôi còn nhớ được như Lê Sỹ Quang [Mỹ, đã mất], Nguyễn Tường Giang [Mỹ], Vũ Văn Dzi [Mỹ], Dương Hồng Huy [Canada], Ngô Thế Quý, Phạm Bá Lương, Phan Giang Sang, và giai đoạn sau có thêm Vương Ngọc Lâm [Pháp], Vương Ngọc Phát [Pháp, đã mất]... Về trang sinh hoạt sinh viên, thời sự, phóng sự do Ngô Thế Vinh và Phạm Đình Vy. Phụ trách *Hộp Thơ* và trả lời thư tín do Trang Châu.

_ Các Bạn đồng môn như Nghiêm Đạo Đại [Mỹ], Trần Công

Phát [Pháp], Trần Nguyên Tường [Việt Nam, đã mất], Phạm Văn Hanh [Mỹ], Đỗ Thị Văn [Việt Nam, Ủy viên hoạt động xã hội] Đặng Ngọc Cương [Mỹ, Đoàn Cấp Cứu Thường Trực Y khoa 1964] và những anh chị khác nữa đã cùng góp sức với sinh hoạt *Tình Thương* mà nay không thể nhớ hết... và cũng không thể không kể tới số bài viết từ những phân khoa khác như Bùi Khiết bên Dược khoa, và cả các cây viết bên ngoài như thơ Lữ Quỳnh, Ninh Chữ, Từ Kế Tường, Nguyễn Đắc Xuân...

_ Về trình bày và biếm họa cho tờ báo chủ yếu là hai họa sĩ cây nhà lá vườn rất tài hoa là Liza Lê Thành Ý [Canada], Kathy Bùi Thế Khải [Pháp], có thêm cả Hoàng Thiện Căn [Mỹ, đã mất] và không thể không nhắc tới một tài năng của hội Họa Sĩ Trẻ là Nghiêu Đề [Mỹ, đã mất] cũng đóng góp những mẫu bìa rất đẹp cho các số báo Xuân lúc đó như Bách Khoa và *Tình Thương*.

Tuy là báo sinh viên nhưng cũng có các bài viết khá thường xuyên của các Giáo sư Y khoa. Như GS Trần Ngọc Ninh [Mỹ] viết về các vấn đề Giáo Dục và Tinh Thần Đại Học, hai Giáo Sư Nguyễn Đình Cát [Canada, đã mất] và Bằng Văn Trần Văn Bằng [Pháp, đã mất] viết về các đề tài Văn chương và Y khoa, GS Ngô Gia Hy [Việt Nam, đã mất] viết về phân tích chính trị thời sự, Bác sĩ Vũ Thị Thoa [Pháp] từ BV Nhi Đồng cũng viết bài đăng tải trên *Tình Thương*...

Giáo sư Khoa Trưởng Phạm Biểu Tâm [Mỹ, đã mất] đã tỏ ra tâm đắc với manchette mang tên *Tình Thương* mà thầy cho rằng ý nghĩa rất phù hợp với chức năng của những người Áo Trắng và thầy Tâm có viết một bài Editorial để giới thiệu tờ báo. Không nhiều biểu lộ nhưng báo *Tình Thương* luôn luôn được sự hỗ trợ tinh thần của Giáo sư Khoa Trưởng. GS Trần Ngọc Ninh thì nhận định về báo *Tình Thương* như sau: “ Các sinh viên Y khoa chủ trương một tờ nguyệt san lấy tên *Tình Thương* từ 1963, tư tưởng hướng về nhân bản theo cái nghĩa đương thời thuở ấy và một xã hội lý tưởng không chủ nghĩa bắt đầu hình thành từ đó” [trích Tựa cho ấn bản tiếng Anh Vòng Đai Xanh/ The Green Belt 2003].

MỘT TÒA SOẠN *TÌNH THƯƠNG*

Rất sớm, ngay từ đầu báo Tình Thương có được sự độc lập về tài chánh, tờ báo sống nhờ quảng cáo từ các viện bào chế như Roussel, Tenamyd, OPV, Phạm Doãn Diễm, Trang Hai... và với số tiền báo bán được trong giới sinh viên Y khoa. Cách phát hành “*self service*” báo Tình Thương mỗi đầu tháng trong khuôn viên trường Y Khoa [28 Trần Quý Cáp, Sài Gòn] là một nét sinh hoạt đáng ghi lại: chồng báo mới khoảng 50 số còn thơm mùi giấy mực đem về từ nhà in Trường Sơn, được bày trên một chiếc bàn gỗ dài nơi hành lang trước giảng đường. Không có ai đứng bán báo mà chỉ có một hộp giấy nhỏ bên chồng báo; thường số lượng báo tiêu thụ hết trong ngày và số tiền bán báo cuối ngày được thu về đầy đủ.

Cũng không lâu sau đó, số độc giả Tình Thương ngày một tăng thêm, không phải chỉ trong giới sinh viên mà cả ngoài dân chúng nữa qua hệ thống phát hành báo chí tới các sạp báo và nhà sách về tới các tỉnh, ra xa tới tận miền Trung.

Khoảng tháng Sáu năm 1964, Tình Thương đã có đủ phương tiện để thuê một tòa soạn khang trang có cả thư ký, ở địa chỉ: 103 Nguyễn Bình Khiêm Sài Gòn, chỉ cách nhà Vũ Thiện Đàm một căn và không xa đài Phát Thanh Sài Gòn, đầu đường Phan Đình Phùng, cũng là mục tiêu rất sớm phải chiếm lĩnh của các phe đảo chánh lúc đó. Tòa soạn cũng là nơi phải chứng kiến những cuộc biểu tình dấy dấy đi qua các đường phố với giáo mác gậy gộc và mục tiêu nào sẽ bị tấn công cũng rất là bất trắc. [Hình 1]



Từ phải qua: Phạm Đình Vy, Ngô Thế Vinh,
Lê Văn Châu, Bùi Thế Hoàng

Đến Tỉnh Thương Số 9, thành phần Tòa Soạn được bầu lại với sắp xếp như sau: Chủ nhiệm Phạm Đình Vy, Chủ bút Nguyễn Vĩnh Đức, Tổng thư ký Ngô Thế Vinh, Thư ký Nghiêm Sỹ Tuấn, Thủ quỹ Vũ Thiện Đạm, Quản lý Trương Thìn. Cùng với các trưởng ban: *Quan Điểm* Đặng Vũ Vương, *Khảo Luận* Hồ Tân Phước, *Truyện Ngắn* Trần Mộng Lâm, *Thơ Trang Châu*, *Sinh Hoạt Y Khoa* Đặng Ngọc Cương, *Bàn Tay Nắm Lẫy Bàn tay* Ngô Thế Quý / Lê Sỹ Quang, *Thế Giới Chúng Tôi* Đỗ Trần, *Sinh Viên và Đại Học* Nghiêm Đạo Đại. [trang 1, TT 09/ 1964]

Tòa báo Tỉnh Thương trước hết là nơi sinh hoạt hội họp của ban Biên tập, cũng là địa điểm thăm viếng của các bạn y khoa và các phân khoa khác, có cả các phái đoàn sinh viên quốc tế như WUS / World University Service và các nhà báo ngoại quốc tại Việt Nam thời bấy giờ như một người Nhật mà tôi còn nhớ tên là Takashi Oka phóng viên của báo Christian Science Monitor & New York Times, Jean-Claude Pomonti ký giả báo Le Monde và cả Phạm Xuân Ẩn làm cho hãng thông tấn Reuters, báo Times trong chiến tranh Việt Nam... [mãi tới sau 1975, mới được biết Phạm Xuân Ẩn là tình báo chiến lược của Hà Nội, nhưng rồi bị thất sủng vì bị xem là “hủ hóa” trong thời gian hoạt động ở miền Nam, và đã mất năm 2006].

Báo Tỉnh Thương còn có khả năng – dĩ nhiên bằng phương thức nghèo, gửi phóng viên như tôi lên Cao nguyên, ra miền Trung, để làm những phóng sự đặc biệt tại chỗ. Vài kỷ niệm mà tôi còn nhớ từ những chuyến đi đó: những lần lên Pleiku, Kontum, Ban Mê Thuột để theo dõi các vụ bạo loạn của người Thượng thuộc phong trào Fulro [Front Unifié de Libération des Races Opprimées] khởi xuất từ các trại Lực Lượng Đặc Biệt do người Mỹ thiết lập. Tới một Quảng Ngãi trắng khăn tang sau vụ lũ lụt lớn nhất Miền Trung [1964] với các đoàn sinh viên từ Sài Gòn ra cứu lụt. Chứng kiến đơn vị Thủy quân Lục chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Lệ Mỹ/ nước mắt người Mỹ [03/1965] ở Đà Nẵng – khởi đầu cho giai đoạn Mỹ hóa cuộc Chiến tranh Việt Nam. Ghi nhận sinh hoạt cổ đô Huế khi nhóm Sinh viên Tranh đấu chiếm đài phát thanh... Những chương sách đầu tiên của tiểu thuyết Vòng Đai Xanh được hình thành trong giai đoạn này.

Cùng với Nguyệt San *Tỉnh Thương* Y khoa, hình như trong

giai đoạn đó không có phân khoa đại học nào mà không có ra báo như *Đất Sống* của Dược khoa, các báo của Văn Khoa, Luật khoa, rồi báo của Tổng hội Sinh viên...

Theo tôi sự bền bỉ sống còn của tờ báo *Tình Thương* là điểm thành công đầu tiên, cho dù không thiếu sóng gió trong sinh hoạt nội bộ của tòa soạn và có cả áp lực từ bên ngoài muốn ảnh hưởng chi phối tờ báo. Tờ báo có một cơ chế hoàn toàn độc lập đối với các Ban Đại Diện Sinh viên Y khoa luôn luôn biến động của thời bấy giờ.

Mới ra được 9 số báo, vấn đề nhuận bút tinh thần *Tình Thương* cũng được đem ra thảo luận: ngoài báo biểu tác giả bài viết, nhuận bút có thể là một “phiếu mua sách” tương đương chứ không phải là hiện kim.

Và cho dù đã có một tòa soạn trên đường Nguyễn Bình Khiêm, “*Nhưng việc tòa soạn nằm ngoài phạm vi trường Y khoa chỉ là tạm thời tuy cần thiết cho sinh hoạt. Một dự án xây cất trụ sở báo Tình Thương bằng vật liệu nhẹ trong sân trường Y khoa 28 Trần Quý Cáp đã được hoạch định – để gây không khí sinh hoạt đông đảo và cũng là vấn đề ‘tự vệ’ của tòa báo. Một ủy ban xây cất và ban bảo trợ được thành lập với phần họa đồ do kiến trúc sư Lê Quý Phong đảm trách*” [trang Sinh hoạt Y khoa, *Tình Thương* 09/1964]

Đây phải kể là một “tầm nhìn xa” của sinh viên Y khoa trong nhóm *Tình Thương* nhưng do những xáo trộn thời cuộc liên tiếp và rồi tới giai đoạn Đại học Y khoa di chuyển sang trường sở mới trên đường Hồng Bàng Chợ Lớn, nên kế hoạch xây cất trụ sở *Tình Thương* phải bỏ dở dang và cho đến nay cũng rất ít ai còn nhớ.

NỘI DUNG BÁO TÌNH THƯƠNG

Về nội dung tờ báo, nay có dịp nhìn lại, ngoài những mục thường xuyên có tính thời sự đáp ứng nhu cầu chính trị xã hội và văn hóa của giai đoạn ấy, cũng có một số công trình có giá trị dài hạn được đăng tải liên tục trong suốt những số báo, nhưng rồi cũng dở dang do báo bị đình bản, vào khoảng tháng 8 năm 1967. Tôi còn nhớ tên một vài công trình ấy như: *Lịch sử Y khoa* của Hà Hợp Nghiêm [do Hà Ngọc Thuần và Nghiêm Sỹ Tuấn cùng biên soạn], *Dưới Mắt Thượng Đế* tập

truyện của Hans Killian dịch rất hay từ nguyên bản tiếng Đức của Nghiêm Sỹ Tuấn, Nguyễn Vĩnh Đức [mất ở Canada], *Nuôi Sợ* tiểu thuyết xã hội của nhà văn Triều Sơn mà bản di cảo duy nhất do GS Trần Ngọc Ninh [Mỹ] còn giữ được từ những năm 50, thì nay cũng thất lạc. Một số công trình báo chí, có các cuộc phỏng vấn như với Bộ Trưởng Thanh Niên BS Nguyễn Tấn Hồng Sài Gòn, PV Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi Đà Nẵng, PV 96 phút với Thượng Tọa Thích Trí Quang ngoài Huế... Về phân tích thời sự như với biến cố Tổng Nổi Dậy của người Thượng tại khắp các tỉnh ở Cao Nguyên [12/1965] với bài viết của Phạm Đình Vy “*Miền Thượng: Một Cổ Xe với Ba Tên Xà Ích*”, cổ xe ấy là vùng địa bàn chiến lược Tây Nguyên và ba tên xà ích là người Mỹ, Cộng sản Hà Nội và Chính phủ Sài Gòn; bài viết về sinh hoạt thanh niên hướng về nông thôn như Chương Trình Hè / Summer Program...

Ngoài những số báo Tình Thương định kỳ ra mỗi đầu tháng, còn phải kể tới những số Tình Thương Phụ Bản ra mỗi tuần [khi cần] để kịp đáp ứng những biến cố thời sự diễn ra dồn dập trong giai đoạn đó. Điển hình như tờ Tình Thương Phụ Bản Số 2, ra ngày 25 tháng 11 năm 1964, nhằm yểm trợ Phong Trào Cứu Lựt Miền Trung, được coi là một thiên tai với mức độ tàn phá lớn nhất lịch sử. Lúc đó, các phân khoa Đại học, các trường Cao đẳng đều tự động hăng say tổ chức lạc quyên, lập các đoàn cứu trợ, nổi bật nhất là Đoàn Cấp Cứu Thường Trực của trường Y Khoa. *Tranh Không Lờ* của Liza Lê Thành Ý trên trang nhất số Tình Thương Phụ Bản này đã ghi lại hoạt cảnh các sinh viên Y khoa ăn chực nằm chờ ngoài phi trường với đầy phẩm vật cứu trợ và thuốc men vì không có phương tiện di chuyển, trong khi số máy bay hiếm hoi có được thì dành cho các phái đoàn quan chức chính phủ chỉ để đi quan sát hay thăm viếng... [số Tình Thương Phụ Bản này là một tài liệu hiếm còn lưu trữ được trong cuộn *microfilm* của Thư viện Đại học Cornell, Ithaca New York] [Hình 2]

16 9 • 38 - 11 - 1948 • ĐO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TỊCH

CHÚNG TÔI PHẢI ĐƯỢC TRẢ LỜI

[illegible][illegible][illegible][illegible]

Đến nay, các địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhất là trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, bất cập, cần tiếp tục khắc phục, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

Đ. T. H. (thực hiện)
— Bà già nhất quê đã bị cáo đi rừng
quên đi đến tại đây, rồi chết tại đây
(Tháng 1/1960, bà già này đã bị bắt đi rừng
ở Đ. T. H. và bị bắt chết tại đây, rồi bị bắt
đi rừng ở Đ. T. H. và bị bắt chết tại đây)
(Kính gửi ông)

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



Nhận-định về cuộc xô xát đẫm máu
chiều ngày 22-11-1964 tại Saigon

Hãy để chúng tôi biết địa chỉ của bạn để chúng tôi có thể gửi thông tin về các chương trình và tài liệu của chúng tôi. Chúng tôi sẽ giữ thông tin của bạn an toàn và không chia sẻ nó với bất kỳ ai khác. Chúng tôi sẽ gửi thông tin của bạn cho các đối tác của chúng tôi để họ có thể gửi thông tin của họ cho bạn. Chúng tôi sẽ gửi thông tin của bạn cho các đối tác của chúng tôi để họ có thể gửi thông tin của họ cho bạn.

Thống kê hàng năm về tình hình kinh tế xã hội của Việt Nam, Bộ Tài chính Việt Nam, Hà Nội, 1997.

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110

©2004 The McGraw-Hill Companies. All rights reserved. Reproduction or translation of this work without written permission of McGraw-Hill is prohibited. This work may be registered with the Copyright Clearance Center, Inc., 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923.

(During the visit also)

© Emerald Group Publishing Limited. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored, transmitted, or disseminated, in any form, or by any means, without prior written permission from Emerald Group Publishing Limited, to whom all requests to reproduce copyright material should be directed, in writing.

¹⁰ The fact that the majority of the respondents are from the same country may limit the generalizability of the findings.

[illegible]

Time Required _____

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

Bảng Nhà và Nước mất chúng tôi mất nên những gì :

— Văn hóa Chăm-Pa lại được tiếp thu và đồng hóa dần dần, để lại một số dấu vết trong các di tích và di sản văn hóa của vùng này.

— Thanh niên ta gọi các ông là ông lớn. Các ông này có thể đi đâu cũng được, họ đi đâu cũng có người đón tiếp, họ đi đâu cũng có người phục vụ. Ông lớn là người có quyền, có thế, có tiền, có địa vị, có danh tiếng, có uy tín, có ảnh hưởng, có sức mạnh, có khả năng, có tài năng, có trí tuệ, có lòng dũng cảm, có lòng kiên trì, có lòng trung thành, có lòng nhân ái, có lòng tận tụy, có lòng hy sinh, có lòng cống hiến, có lòng phục vụ, có lòng trách nhiệm, có lòng kỷ luật, có lòng tự giác, có lòng tự trọng, có lòng tự tin, có lòng tự cường, có lòng tự lập, có lòng tự chủ, có lòng tự quyết, có lòng tự định, có lòng tự lập, có lòng tự chủ, có lòng tự quyết, có lòng tự định.

— T.N.S.V.N.S. với một bằng cấp ở các trường học của các tỉnh từ tỉnh lỵ, thành

Đảng cũng đã đề xuất xây dựng là 8 đảng mới như sau: Dân tộc Trung-

Đó như là một bài học về lòng tin cậy.

Số này sẽ bỏ vào quỹ cứu trợ Miền Trung

Tiền báo bán được số này sẽ bỏ vào quỹ cứu trợ Miền Trung

93

Centrale] sáng lập tại Paris trong một hoàn cảnh vô cùng đặc biệt lúc đó. Tuy hoạt động không lâu, nhưng sách do Minh Tân Paris xuất bản đều là những tác phẩm giá trị như hai bộ Tự Điển Pháp Việt và Tự Điển Hán Việt của Đào Duy Anh, Danh Từ Khoa Học, La Sơn Phu Tử và Lý Thường Kiệt của Hoàng Xuân Hãn... Có lẽ ít ai biết tới công lao của một người lính thợ Việt Nam sống ở Pháp đã yêu và học tiếng Việt cũng như học kỹ thuật “Linotype” để hoàn tất những tác phẩm của nhà xuất bản Minh Tân với trình độ ấn loát cao như vậy ở thập niên 50, từ một nơi cách quê nhà đến hơn nửa vòng trái đất. Riêng tiểu thuyết Nuôi Sẹo thì còn ở dạng bản thảo, báo Tinh Thương đăng chưa hết thì bị đình bản và bản thảo duy nhất viết tay ấy thì nay đã bị thất lạc. Triều Sơn chết rất trẻ ở cái tuổi 33 [1921- 1954]. Hy vọng qua số báo chủ đề của Tập San Y Sĩ, với những số báo Tinh Thương còn tìm thấy, từng trang sách tiểu thuyết Nuôi Sẹo sẽ được nối kết lại – cho dù chỉ còn là một tác phẩm dở dang nhưng đó vẫn là một mảng văn học độc nhất vô nhị của một thời kỳ biến động nhất của đất nước. [Hình 3]

nuôi seo

■ TRIỀU SƠN



CHƯƠNG TÂM

Công việc của Nuôi Seo chẳng còn bao nhiêu nữa; chỉ còn hai cái sán đỉnh phải quét dọn cho sạch sẽ. Bên trong đình mờ mờ, tối tối như một buổi chiều hè lúc sắp có cơn mưa lớn. Tất cả mọi đồ vật ở đây, Nuôi Seo đều quen thuộc như bạn

thân: cái hương án sơn son thếp vàng đặt ở đình, bên trên năm đỉnh chuông, năm bát hương, một đôi bình, song bình, năm mâm đồng lóng lánh những cột lưm cao lớn - sáng sủa làm tôi nhớ cái trống cái lớn nằm ngang trên giá gỗ, cái hương án, vàng khè và đã lỗ chỗ rách từ năm nay... Cũng quen thuộc cái lợp ánh sáng, phớt từ bên trên tỏa xuống ở phía sau hương án, trước hậu cung, giữa khe hở của hai mái nhà cái mái âm thầm,默默 lẫn vào bụi, nơi những đồ vật cũ thiếu bàn tay người sờ mó, sờ. Gió lạnh ở bên ngoài theo lợp ánh sáng từ vào trong đình. Nuôi Seo vừa quét vừa run run muốn chui vào phía sau hậu cung để làm một giấc. Nhưng gã sợ Lý Phát hay Trương Nghê ra đình, chợt gã bỏ việc.

Hôm kia, cụ Tuấn ban ra thăm đình, thấy đỡ nhớ nhọc nhằn có bảo cho Lý Phát biết. Lý Phát sai tuần đi tìm Nuôi Seo về quét dọn đình. Lý Phát sợ khắp nơi trong làng, ngoài phố không có một gã đầu. Đến chiều, người ta mới thấy gã về. Phát hỏi gã đi đâu. Gã nói đi đây về cho anh bị đi tới một làng ở cuối huyện, từ hai hôm nay mới về. Bị hỏi dồn mãi, gã lắp bắp nói cho Phát biết rằng khi tới nơi, gặp nhà người ta dăm, gã ở lại mò lợn làm giúp nhà đang chờ anh lung cho tới giữ đám. Lý Phát giận quá đi cho gã cái bạt tai. Gã cúi đầu cõng chạy. N chiều hôm ấy, Lý Phát bàn với chức dịch từ làng hoặc đuổi cổ gã đi hoặc không cho gã đi ra ngoài làng hết. Nhưng phân lộn các chức đều nhận thấy rằng Nuôi Seo làm mồ lộng khi có hương thì phải làm phu bên ngoài mới có những khi trong làng không có đám xê. Về lại, Bà Tỉnh hỏi: « đuổi thẳng Nuôi Seo đi rồi kiếm được một người như nó ». Các cụ không ai trả được. Đến khi Lý Phát gợi ý với cụ Tuấn, cụ phát đi thì không ai dám nghĩ đến chuyện đuổi Nuôi Seo nữa. Và từ hôm qua đến nay, Lý Phát cũng Trương Nghê đã giao cho gã việc quét-

NUÔI SEO • NUÔI SEO • NUÔI SEO • NUÔI SEO • NUÔI SEO • NUÔI SEO • NUÔI S

52

thị trường - Số

MỘT NHÀ IN CÓ TÊN TRƯỜNG SƠN

Nhà in Trường Sơn, trên đường Nguyễn An Ninh Sài Gòn là của nhà văn Nguyễn Thị Vinh, lúc đó ở tuổi 40 nhưng bà đã nổi tiếng từ những thập niên 50-60 với các tác phẩm *Hai Chị Em*, *Thương Yêu*, *Xóm Nghèo*, bà cũng là chủ bút tạp chí Tân Phong; nhưng người trực tiếp điều hành nhà in Trường Sơn là anh Trương Cam Vĩnh. Nguyệt San Tình Thương và Đất Sống của Dược Khoa được đem đến in tại đây.

Tuy là một nhà in lớn nhưng kỹ thuật ấn loát còn ở giai đoạn *typo*, trang báo được sắp với những mẫu tự bằng chì, thợ sắp chữ đa số gốc người Hoa từ Chợ Lớn không rành chữ Việt

nhưng quen thuộc với các bát chữ nên sắp rất nhanh để có những bản vổ / morasse tương đối ít lỗi. Mùi giấy, mùi mực từ giai đoạn sửa bản vổ, rồi ký “*bon à tirer*” cho in tới khi số báo hoàn tất, phải nói là những cảm xúc của một thời kỳ khó quên. Vì bìa báo Tình Thương in 4 màu nên phải qua 4 giai đoạn in từng màu chồng lên nhau, sao cho không bị so lệch cũng lại cần tới một “*chef typo*” nhiều kinh nghiệm và cả đức kiên nhẫn.

LÀM BÁO SINH VIÊN GIỮA THỜI CHIẾN

Bốn mươi lăm năm sau [1964-2009], khi hồi tưởng lại một giai đoạn làm báo Tình Thương, anh Vũ Thiện Đàm vẫn còn nhớ và kể lại với cảm xúc như mới hôm qua. Đó là một buổi chiều yên tĩnh năm 1964, không phải là ngày họp định kỳ của ban Biên tập, chỉ có hai người có mặt trong tòa soạn Tình Thương lúc đó là Nguyễn Vĩnh Đức chủ bút rất ít viết về chính trị mà thiên về hoạt động văn nghệ và Vũ Thiện Đàm thủ quỹ. Bất chợt một chiếc xe Jeep mang số ản tể leo lè, đậu ngay trước cửa tòa soạn. Hai người lạ, mặc thường phục ngang nhiên bước vào, kêu đích danh Vũ Thiện Đàm và Nguyễn Vĩnh Đức ra xe và cả hai được đưa về Cục An Ninh Quân Đội. Và không phải không có tiền lệ, trước đó, tổng thư ký của Tình Thương cũng đã nhận trát gọi lên An Ninh Quân Đội với lý do cho biết sau. Từng bước, từ phòng chờ với khoảng thời gian dài đợi chờ cho tới khi được đưa vào gặp ông Tướng An Ninh, tất cả mang đủ tính chất của một trận đòn cân não với súng ngắn, đồ la xanh và cả những lời hăm dọa. Rồi những ngày sau đó, chủ nhiệm, chủ bút thay phiên nhau lên Bộ Thông Tin để trả lời, giải thích một số bài viết bị coi là vi phạm kiểm duyệt và cả lưu ý về chức năng báo chí cần phản ánh cái “*chính diện*” chứ không phải “*phản diện*” của xã hội đương thời, quan điểm của Tình Thương là cố gắng tạo sự cân bằng cả hai... Chủ bút Nguyễn Vĩnh Đức, bao nhiêu năm sau vẫn còn nhớ phản ứng giận dữ của Tướng Loan, khi ông cho biết là “*Tình Thương rất được Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lưu tâm và tất cả các số báo TT đều được lưu trữ ở Cục R*”. Thực sự thì không phải chỉ có báo Tình Thương mà tất cả sinh hoạt báo chí miền Nam lúc ấy đều là đối tượng theo dõi

và điều nghiên của Mặt Trận.

Đó là phía chính quyền, bên này chiến tuyến và cho dù có khó khăn gì đi nữa thì chúng tôi vẫn còn một không gian để sinh hoạt.

Nhưng phía bên kia là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, với Đoàn công tác Thanh niên Sinh viên Sài Gòn Gia Định rất tích cực hoạt động nhưng giấu mặt hoặc lộ diện thì giấu đi căn cước của họ, được trực tiếp chỉ đạo từ cấp Bí Thư Đảng Ủy, lại có thêm hỗ trợ của “*bạo lực*” nên sự đối đầu rất bất định và nguy hiểm hơn nhiều. Từ thư nặc danh đe dọa gửi tới tòa soạn, tới giai đoạn rải truyền đơn lên án tử hình một số sinh viên trong đó có sinh viên Y khoa, tiến thêm bước nữa là giai đoạn “*khủng bố trắng*” với súng đạn, có án mạng và đổ máu. Cũng nên ghi lại một số sự kiện nay đã thuộc về lịch sử: chỉ riêng với trường Y Khoa, đã có hai giáo sư bị sát hại [Gs Trần Anh, Cơ Thể học và Gs Lê Minh Trí chuyên khoa Tai Mũi Họng], rồi đến sinh viên Y khoa II Trần Quốc Chương [con của Thảm phán Trần Thúc Linh] có một giai đoạn vào bụng, sau trở về học lại thì bị trói tay bịt miệng ném từ lầu ba xuống đất ngay trong vòng thành trường Y Khoa trên đường Hồng Bàng, một cái chết rất thảm khốc. Sinh viên Luật khoa Lê Khắc Sinh Nhật cũng bị bắn chết. Hai sinh viên khác bên Văn Khoa cũng bị nhóm Biệt Động Thành bắn trọng thương nhưng may mắn sống sót là Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ, hai anh ấy hiện đang sống ở Mỹ.

Rõ ràng có một cái giá phải trả của giới làm báo kể cả làm báo sinh viên trong suốt giai đoạn đó [nói tới sinh hoạt báo chí của miền Nam 1954 - 1975, không thể không nhắc tới sự hy sinh của các nhà báo như Từ Chung ký giả nhật báo Chính Luận [1965], một nạn nhân nổi tiếng khác bị ám sát nhưng thoát chết là nhà văn Chu Tử, chủ nhiệm nhật báo Sống [1966]...

TÌNH THƯƠNG VỚI CÁC PHONG TRÀO SINH VIÊN

Do những động lực trong sáng, dù ở đâu và bao giờ thì các phong trào thanh niên sinh viên cũng rất dễ có quần chúng và vai trò của họ lúc nào cũng như một chất men làm thăng hoa xã hội. Họ chưa là một lực lượng chính trị đúng nghĩa nhưng là sức mạnh áp lực thúc đẩy tiến trình dân chủ. Có thể kể một

vài trong rất nhiều những phong trào sinh viên thanh niên lúc đó: Tổng hội Sinh viên, Hội đồng Đại diện Liên khoa, Summer Program hay Chương trình Hè, Đoàn Thanh niên Thiện chí, Phong trào Thanh niên Sinh viên Hướng về Nông thôn, Phong trào Thanh niên Trừ gian, Đoàn Văn nghệ Gió khơi, Đoàn Văn nghệ Nguồn sống, Phong trào Du ca... Không kể những tổ chức thanh niên sinh viên hoạt động nội thành của MTGPMN.

Mọi phương thức hoạt động đều được đưa ra thử nghiệm, tuy hiệu quả tác động trên xã hội lúc đó cũng hạn chế nhưng lại có khía cạnh tích cực là những người trẻ tuổi ấy đã được thử thách, và không ngạc nhiên khi thấy những năm rất xa sau này, kể cả ra hải ngoại họ vẫn dễ dàng xấp lại để cùng làm việc với nhau như thuở nào.

Tuy nhiên ở bất cứ thời điểm nào, trong hoàn cảnh nào, cũng không phải là không có lần vào một số “*tuổi trẻ cơ hội*”, tuy rất ít – hoặc bị lợi dụng hoặc có ý thức chủ động, nhưng chính thiếu số này lại là nguyên nhân gây phân hóa mạnh mẽ và làm mất niềm tin của quần chúng trong giai đoạn ấy. Có lẽ cũng cần sớm rút ra những bài học từ các phong trào thanh niên sinh viên sau 1963, là những năm xáo trộn với rất nhiều giận dữ ồn ào nhưng đã kết thúc như một cơn mộng lữ.

NHỮNG THÀNH TỰU VÀ DỞ DANG

Thế mà đã hơn 40 năm kể từ ngày báo Tình Thương bị đình bản. Là một tờ báo sinh viên định kỳ ra rất đều đặn mỗi tháng, với những số chủ đề đáp ứng kịp những biến động trong sinh hoạt đại học và ngoài xã hội.

Nếu tờ báo Tình Thương đã tạo được tiếng vang và một số thành quả nào thì đó là cái thành công chung của cả một tập thể sinh viên Y khoa chứ không do từ một vài cá nhân nào. Kinh nghiệm quý giá nhất mà chúng tôi học được trong thời gian ấy là sinh hoạt dân chủ và đoàn kết trong tinh thần tự trị đại học của tập thể sinh viên Y khoa.

Ngay trong nội bộ tòa soạn, mặc dầu có nhiều khuynh hướng rất khác nhau đôi khi cả đối nghịch nữa, đưa tới những cuộc tranh luận gay gắt kể cả bút chiến công khai tương như có thể

gây đổ vỡ nhưng do nơi ý thức trách nhiệm đối với sự sống còn của tờ báo, biểu tượng cho sinh hoạt dân chủ nên cuối cùng thì chúng tôi vẫn đi tới được sự dung hợp với một mẫu số chung rộng rãi: tờ báo luôn luôn như một “*open forum/ diễn đàn tự do*” của những quan điểm khác nhau về mọi vấn đề chính trị giáo dục và xã hội.

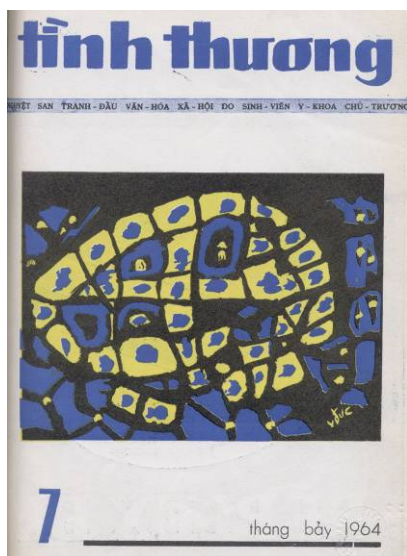
Tôi còn nhớ sau 1963 giữa những năm cực kỳ xáo trộn, với những cuộc biểu tình dấy dậy ngoài đường phố. Ngay trong vòng thành trường Y khoa cũng là cái nôi của thứ sinh hoạt quá độ ấy. Diễn hình là cuộc bút chiến, mà tôi còn nhớ rõ giữa hai anh, đều trong ban biên tập báo Tình Thương: Bùi Thế Hoàn chủ trương sự ổn định và Tôn Thất Chiêu nghiêng về các phong trào tranh đấu, cả hai đều có những luận cứ sắc bén. Cuộc bút chiến ấy lan cả ra báo chí bên ngoài, như trên tờ báo Sống của nhà văn Chu Tử, và cũng không ai thắng ai, mỗi người kéo theo được một đám đông. Và theo tôi đó mới thực sự là sinh hoạt dân chủ. Sau 1975, thì cả hai anh ấy sang sống ở Mỹ, và hình như họ xích gần lại với nhau hơn ở quan điểm nhận định về tình hình đất nước. Anh Bùi Thế Hoàn thì nay không còn nữa.

Có thể khái quát mà nói rằng, cho dù giữa những năm chiến tranh, báo Tình Thương đã thể hiện được một tinh thần tự trị đại học, trong sinh hoạt tương đối có tự do, có tinh thần dân chủ, tôn trọng khác biệt, trong một mẫu số chung rộng rãi và đoàn kết cùng hướng tới một xã hội nhân bản. Viết về lịch sử trường Đại học Y Khoa Sài Gòn, có lẽ không nên lãng quên tờ báo Tình Thương. Điều đáng tiếc là Tình Thương đã không tồn tại lâu dài để trở thành một truyền thống và như một nhịp cầu giữa vòng thành Y khoa ra bên ngoài Xã hội.

NGÔ THẾ VINH

Sài Gòn 1963 – California 2009

MỘT THỜI ĐỂ NHỚ TRANG CHÂU



Không nhớ rõ ngày, nhưng chắc chắn là một buổi chiều của tháng 12 năm 1963. Đang đứng hóng mát trước nhà, tôi thấy Nguyễn Vĩnh Đức lái chiếc Vespa chạy ngang qua. Tôi vẫy tay chào. Đức ngừng xe lại. Tôi hỏi:

- Mày đi đâu đó?

- Tao đi ra tòa soạn báo Tình Thương.

Tôi khen:

- Tình Thương số một được lắm. Y khoa mình có một tờ báo lúc này thật là tuyệt!

Đức mở lời mời :

- Nghe nói mày có làm thơ. Chọn một bài đưa tao, tao đăng cho.

Tôi vừa làm được một bài thơ khá ưng ý, nghe Đức nói, liền

hưởng ứng ngay.

- Tao có một bài thơ mới làm, sẽ đưa mày xem, nếu thấy được thì đăng. Nói trước là thơ tự do đó nghe.

- Tao rất thích thơ tự do. Thơ loại tiền chiến xưa rồi.

- Tòa soạn Tình Thương nằm ở đâu?

- Số 103 đường Nguyễn Bình Khiêm.

- Thế thì không xa nhà tao. Để tao chép bài thơ rồi mang lại tòa soạn.

Sau khi Nguyễn Vĩnh Đức phóng xe đi, tôi trở vào nhà ngồi nắn nót chép lại bài thơ để gởi đăng báo Tình Thương.

Vào năm 1963, tôi và Nguyễn Vĩnh Đức là bạn cùng lớp đang học năm thứ tư y khoa. Kể từ khi lên năm thứ ba, bài vở nhẹ đi rất nhiều, tôi lao vào thú đọc sách tiếng Pháp. Lúc bấy giờ loại sách “le livre de poche” bán la liệt ở lề đường Lê Lợi với giá rất rẻ. Về thơ, tôi mua đọc hầu hết các thi phẩm của G. Apollinaire và J. Prévert. Tôi rất thích thơ Nguyên Sa. Tôi tự nhủ mình cũng sẽ làm thơ tự do nhưng sẽ không bắt chước Nguyên Sa, có thể sẽ như J. Prévert nhưng “à la vietnamienne”.

Chiều hôm sau tôi mang bài thơ đến tòa soạn, gặp Nguyễn Vĩnh Đức ở đó. Đức giới thiệu tôi với Phạm Đình Vy và Ngô Thế Vinh. Đọc Tình Thương số một tôi thấy ghi: Chủ Nhiệm Phạm Đình Vy, Chủ Bút Nguyễn Vĩnh Đức, Tổng Thư Ký Trần Xuân Dũng, Thủ Quỹ Vũ Thiện Đạm. Ngoài Nguyễn Vĩnh Đức, cả ba người còn lại học dưới Đức và tôi một lớp.

Nguyệt San Tình Thương số 2 đăng bài thơ Bức Họa của tôi. Liên sau đó, Đức nhắn tôi lại tòa soạn vì “anh em muốn gặp mày”. Tôi đến tòa soạn thì thấy cả 3 người chủ chốt của Tình Thương ngồi chờ. Vy thay mặt Đức và Vinh, ngỏ ý mời tôi giữ chức thư ký tòa soạn với nhiệm vụ đọc và trả lời thư độc giả, đồng thời giữ mục thơ cho tờ báo. Chọn đăng thơ độc giả gởi tới và mỗi số tôi phải có một bài thơ góp mặt. Tôi còn nhớ câu nói hóm hỉnh của Ngô Thế Vinh “Rất nhiều hy vọng thơ của anh sẽ làm tăng số lượng nữ độc giả, đặc biệt nữ độc giả Trưng Vương và Gia Long!” Thấy nhà mình không xa tòa soạn, với lại năm thứ tư tương đối rảnh rỗi, mình có thể thường xuyên có mặt ở tòa soạn nên tôi vui vẻ nhận lời.

Nguyễn Vĩnh Đức lúc bấy giờ là một nhân vật quan trọng vì anh là Phó Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn. Thấy anh lúc nào cũng chinh tề sơ mi, cà vạt, tay xách cặp. Thịnh thoảng anh xẹt qua tòa soạn đưa bài, hỏi thăm tin tức rồi lại phóng xe đi. Phạm Đình Vy hình như hoạt động mạnh phía Phật Giáo. Chính anh là sinh viên duy nhất dám đọc điều văn trước quan tài của văn hào Nhất Linh. Nhìn Vy lúc đó tôi đoán trước sau anh cũng sẽ đi con đường làm chính trị. Còn Ngô Thế Vinh đang còn sinh viên mà đã nổi tiếng vì có tác phẩm xuất bản: cuốn tiểu thuyết Mây Bão. Và giờ đây sau 45 năm, Vinh vẫn còn sắt son với nghề tay trái của mình.

Hai năm giữ mục thơ cho tờ Tình Thương là giai đoạn tôi làm thơ với những tứ thơ mới mẻ. Minh như tìm thấy được cho mình một lối đi. Đó là những bài thơ tự do ngắn ngắn. Đại khái như :

*“Để thay đổi không khí cho tình yêu
Em nên đi lấy chồng
Và nhớ đến anh trong những giờ hạnh phúc.”*

*“Để mừng em thêm một tuổi
Anh sẽ trừ cho em một tuổi
Và đòi đòi em trẻ mãi trong anh.”*

Giờ đây ngồi đọc lại những bài thơ của thời ấy, tôi tự hỏi “nàng thơ” của tôi thuở ấy là ai ? Hình như không phải chỉ có một. Bằng chứng là qua bài thơ Bản Khoản đăng trên Tình Thương năm 1964, tôi viết:

*“Hai người đàn bà yêu tôi
Một cô nữ sinh
Và một người thiếu phụ*

.....
*Trong hạnh phúc vô biên
Chợt thấy mình tội lỗi!”*

Nhưng có một “nàng thơ” hiện ra khá rõ nét trong thời kỳ này. Học ở Yersin, nàng có cái tên tây Isabelle. Tôi không nhớ làm sao tôi quen Isabelle. Chỉ nhớ lần đi chơi đầu tiên và cũng là

duy nhất, Isabelle nhận lời đi xem chiếu bóng. Tôi còn nhớ rạp Eden hôm đó chiếu phim: La guerre des tuques". Xem phim xong, Isabelle ngồi Vespa để tôi chở đi ăn kem. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, nàng gặp một ông tướng Không Quân. Hai hoa mai nơi cổ áo của tôi làm sao tranh cho lại hai ngôi sao của ông tướng này. Trên một số báo Tình Thương tôi viết mấy bài thơ ngắn để tặng Isabelle;

“Trong cuộc đua chạy về trái tim em

Anh là con ngựa què

Nên chỉ thủ một vai về ngược

Nếu em muốn làm ngăn cách

Cần gì phải một con đường hay một dòng sông

Cần gì phải một chấn song hay một bức thành

Em chỉ cần gõ cửa tim anh

Gọi tên một người rất lạ”

Nhưng trên Tình Thương không phải lúc nào tôi cũng đăng thơ tình của mình. Tình hình chính trị miền Nam của những năm 64, 65, 66 rất xáo trộn. Sinh viên xuống đường, Công Giáo xuống đường, Phật Giáo xuống đường. Sài Gòn ngập thơ trong không khí chính trị bất ổn. Trong một lúc bực mình, tôi mong Quân Đội về Thủ Đô dẹp các cuộc biểu tình. Tôi làm bài thơ “Mong các anh về”, bài thơ khá dài, giờ đây cố moi trí nhớ, tôi chỉ còn nhớ lờ mờ mấy câu, không đầu không đuôi;

“Các anh ơi !

Mong các anh về

Đường Thủ Đô rộng mở

.....

.....,

Mong các anh về

Này đây những rừng cò

Này đây muôn ánh mắt

.....

Mong các anh về

Mang cho tôi niềm vui bé nhỏ

Niềm vui được sống bây giờ

.....

Mấy ngày sau khi bài thơ xuất hiện trên báo Tình Thương,

một đêm anh nội trú Phạm Văn Lương tìm gặp tôi. Lúc bấy giờ Lương có người cậu là tướng Đỗ Mậu đang làm Tổng Trưởng Thông Tin Văn Hóa. Lương nói với tôi:

- Tôi vừa đọc bài thơ của Châu. Có lòng và có lửa lắm. Bấy giờ Châu có thể chính mình đọc bài thơ này trước khoảng năm ngàn người không?

Tôi giật mình:

- Năm ngàn người! Lấy đâu ra vậy?

- Chuyện đó tôi lo.

- Nhưng với mục đích gì?

- Châu không cần biết.

Thấy Lương bí mật quá tôi đâm lo, kiếm cách từ chối.

- Tôi không quen đọc thơ trước một đám đông hàng ngàn người như vậy. Anh cứ tự tiện sử dụng bài thơ của tôi và nhờ ai khác đọc hay ngâm cũng được.

- Tôi muốn chính tác giả đọc mới có ý nghĩa.

Tôi vẫn một mực từ chối. Lương lộ vẻ thất vọng nhưng cũng không ép tôi nữa. Anh nói khi bắt tay từ giã:

- Nếu Châu đổi ý thì cho tôi hay.

Tôi không rõ sau đó Lương có tổ chức cuộc mít tinh 5000 người và có sử dụng bài thơ của tôi hay không. Tình hình chính trị thay đổi khá nhanh. Và tôi nhớ tướng Đỗ Mậu ở chức Tổng Trưởng Văn Hóa Xã Hội cũng không lâu. Báo Tình Thương cũng bị cuốn vào vòng chính trị. Khi tướng Nguyễn Cao Kỳ lên làm Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương thì nhân sự trong Tình Thương có kẻ chống người bênh. Nhóm bênh vực thì xem tướng Kỳ như một Nasser (Ai Cập) của Việt Nam. Tướng Kỳ hay tổ chức những buổi ăn sáng để tiếp xúc với ký giả. Một hôm Phạm Đình Vy rủ tôi tham dự một lần cho biết. Ký giả có mặt rất đông. Thức ăn, nước uống để đầy trên chiếc bàn dài nhưng chẳng thấy ai ăn uống gì bao nhiêu. Toàn là những câu hỏi. Tôi nhớ Phạm Đình Vy xưng là báo Tình Thương và đặt một câu hỏi. Tôi không nhớ Vy đã hỏi gì tướng Kỳ. Chỉ nhớ sau đó đại tá Nguyễn Ngọc Loan, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia, lừ lừ tiến tới trước hai đứa chúng tôi. Ông nói chậm rãi nhưng gần từng tiếng: “Mấy anh sinh viên vừa vừa thôi nhé, làm quá tôi cùm hết bây giờ.”



tranh phác họa trên Tình Thương

Tình Thương không chỉ là môi trường cho tôi đăng thơ, Tình Thương còn là đất để tôi thí nghiệm khả năng viết văn xuôi của tôi.

Năm 1964 miền Trung bị lụt lớn. Các sinh viên Quân Y năm thứ 5 và năm thứ 6 được điều động ra Trung làm dân sự vụ. Toán chúng tôi 10 người được lệnh đi Quế Sơn. Chúng tôi mỗi ngày sẽ thay phiên nhau khám bệnh phát thuốc cho dân chúng ở các địa điểm khác nhau. Thời gian công tác là hai tuần. Một hôm tôi nổi hứng mang khẩu carbine theo chân ông Quận Trưởng cùng một đại đội Bảo An đi hành quân. Cũng vượt đồi, vượt sông. Có chạm súng lẻ tẻ với du kích Cộng sản. Bắt một số tình nghi và tịch thu được một số vũ khí chôn giấu. Đây là lần đầu tiên tôi trực diện với chiến tranh nên rất hồi hộp. Tôi mang vốn sống đó về Sài Gòn viết bài “Nhật ký một chuyến đi” đăng trên Tình Thương. Ngô Thế Vinh viết Lời Tòa Soạn để giới thiệu tôi như một trí thức dân thân.

Bài văn xuôi thứ hai tôi đăng trên Tình Thương là bài “Khóa 68 Nhảy Dù”. Tôi đang ở giữa năm thứ 6 và đang làm nội trú tại bệnh viện Đô Thành. Vào dịp hè, tôi ghi danh đi học lấy bằng Dù vì đã có chọn lựa sẵn trong đầu, ra trường là tình

nguyện về phục vụ Quân Y Dù. Đây là bài bút ký đầu tiên tôi viết. Khi khởi sự viết cuốn Y Sĩ Tiền Tuyến vào đầu năm 1969, tôi đã đưa nguyên bài viết này vào chương hai của cuốn sách.

Ra trường vào đầu năm 1966, về làm y sĩ Trường Tiểu Đoàn 6 Dù, hậu cứ ở Vũng Tàu, tôi mất hẳn liên lạc với anh em trong Tình Thương. Cuộc sống của tôi cũng thay đổi luôn. Sống và nghĩ bây giờ qui về một mối là tuyến đầu, là mặt trận. Tiểu Đoàn 6 Dù, lực lượng tổng trừ bị mà bị cầm chân hơn 3 tháng trời ở Tam Quan Bông Sơn vì cuộc biến động miền Trung làm tôi bất mãn với tất cả những xáo trộn đang xảy ra ở hậu cứ, trong đó tôi nghĩ là có mặt một số anh em trong Tình Thương. Tôi đã cay cú làm bài thơ “Xin một ngày” mở đầu bằng mấy câu:

*“Mày nói anh em
Ngưng một ngày đấu tranh
Nói các Thầy
Đêm nay Rằm
Đình chỉ xuống đường
Nói các Cha
Sáng mai chúa nhật
Đừng căng biểu ngữ”*

Chữ “mày” trong đoạn thơ này tôi nhắm vào vài anh em trong Tình Thương. Năm 1967 nguyệt san Tình Thương bị rút giấy phép cùng một số nhật báo. Người ký sắc lệnh đóng cửa Tình Thương là tướng Nguyễn Bảo Trị Tổng Trưởng Thông Tin. Tôi không rõ những số báo sau cùng đã đăng những bài viết của ai nhưng nội dung chắc chắn là chỉ trích chính quyền nên phải bị đình bản.

Về sau gặp lại Chủ Nhiệm Phạm Đình Vy, tôi nói đùa:

- Chắc “toa” ra trường rồi không muốn tờ báo lọt vào tay ai khác nên làm mọi cách cho nó chết luôn chứ gì?
- Giỡn hoài !

Nhìn lại những nhân sự đã từng cộng tác với Tình Thương, tôi ngạc nhiên thấy sau khi ra trường, một số không nhỏ anh em đã theo chân tôi chọn phục vụ những Binh Chủng thứ dữ, Thủy Quân Lục Chiến : Phạm Đình Vy, Trần Xuân Dũng, Lực Lượng Đặc Biệt: Ngô Thế Vinh, Lê Thành Ý; Nhảy Dù: ngoài

tôi ra có Trần Đoàn, Nghiêm Sỹ Tuấn, Đường Thiện Đồng. Thì ra những người thích chống đối cũng là những người dám dấn thân chấp nhận hiểm nguy.

Riêng tôi, ngồi viết lại kỷ niệm của thời làm báo Tình Thương, tôi có thể nói mà không sợ người đọc cho rằng tôi giả bộ khiêm nhường, rằng nếu không có hai năm viết lách hăng say trên tờ Tình Thương, không chắc gì tôi còn theo đuổi nghiệp văn chương cho đến ngày hôm nay.

Trang Châu

Montréal 4-11-2009

(Nguồn: Tập san Y sĩ số 184 tháng 1-2010 chủ đề *Tình thương một thời nhân bản*)

NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG

Sau đảo chánh 1/11/1963, chế độ của Tổng thống Ngô Đình Diệm bị sụp đổ. Tổng Hội Sinh viên Quốc gia hồi đó do bà Dược sĩ Nguyễn Khoa Thi làm chủ tịch, là tiếng nói của chính quyền cũng bị đổ theo. Tất cả sinh viên của mọi phân khoa tại Sài Gòn như thoát cũi xổ lồng vươn vai đứng dậy và từ đó không khí chính trị đã bắt đầu tràn lan vào khung cảnh học đường. Về mặt tổ chức và tinh thần học tập tại Đại học dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa vẫn chưa thoát khỏi khuôn mẫu của tổ chức giáo dục do người Pháp tạo dựng. Cho nên mặc dù Việt Nam đã độc lập, nhiều người trong giới sinh viên vẫn thao thức một sự đổi mới theo nhãn quan của một xứ sở đã được độc lập. Thao thức đó chỉ chờ dịp, chờ cơ hội là trào dâng lên. Một trong những biểu hiện của sự khao khát này là sự xuất hiện nhiều cơ quan ngôn luận của sinh viên ngay sau khi đảo chánh 1/11/1963 thành công.

Tại trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn, BS Phạm Đình Vy ngày nay hồi tưởng lại năm đó anh là SVYK năm thứ II đã gặp BS Phạm Văn Lương năm đó là SVYK năm thứ V, hợp ý hợp tình trong việc thai nghén một cơ quan ngôn luận cho Sinh viên Y khoa. Sau đó anh Phạm Đình Vy là chủ nhiệm của tờ báo này.

Gần nửa thế kỷ sau 2009, những người sinh viên năm xưa nay đã qua hoặc sắp tới “thất thập cổ lai hy” muốn nhắc nhở lại những cảm nghĩ và kỷ niệm khi tạo dựng và điều hành Nguyệt San Tình Thương. BS Ngô Thế Vinh nguyên là chủ bút của Tình Thương nhiều năm, đã xúc động đi tìm lại các bạn cũ, tài liệu cũ để in ấn lại. Anh đã không quên tìm tới chúng tôi mà năm xưa là sinh viên của trường Đại Học “Y Dược hỗn hợp”, cũng đã có một Nguyệt San Đất Sống cùng thời với Nguyệt San Tình Thương. BS Vinh muốn tôi có những cảm nghĩ và “*cái nhìn khác từ bên ngoài*” về tờ Tình Thương. Chúng tôi vui vẻ nhận lời song tự nghĩ làm gì có cảm nghĩ và cái nhìn khác các anh. Vì chúng tôi đã có một thời, cả ba giới Y-Dược-Nha đều học chung thầy, sử dụng chung phòng thí nghiệm, nghiên cứu chung thư

viện, học chung các phòng ốc và hồ sơ lý lịch chung một cơ sở hành chánh. Quá nhiều cái chung thì cái riêng, cái khác tất phải hiếm. Thôi thì tạm thời đóng vai bàng quan để nghĩ và viết lại.

Chúng tôi nhớ lại ban biên tập của Nguyệt San Tình Thương thật đông đảo. Chủ nhiệm là anh Phạm Đình Vy. Chủ bút đầu tiên là anh Nguyễn Vĩnh Đức. Anh Đức học chương trình Pháp thời Trung học, nhưng rất ham mê viết lách tiếng Việt. Do cùng chí hướng nên chúng tôi quen biết nhau. Anh còn lấy bút hiệu là Tô Tam Kiệt. Chúng tôi có nhiều thơ văn in trên các báo vào thập niên 50. Chủ bút kế tiếp là anh Ngô Thế Vinh. Anh Vinh rất tài hoa và là tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết dài, tiểu thuyết ngắn và những truyện về Dòng Sông Cửu Long về sau này rất được độc giả hoan nghênh. Anh có hai cuốn tiểu thuyết bằng Anh ngữ xuất bản tại Hoa Kỳ. Các cộng tác viên là sinh viên Y khoa gồm có: anh Phạm Văn Lương, anh Nghiêm Sỹ Tuấn, anh Lê Sỹ Quang, anh Trần Xuân Dũng, anh Hà Ngọc Thuần, anh Trang Châu, anh Trần Xuân Ninh, anh Bùi Thế Hoành, anh Ngô Thế Quý, anh Đặng Đức Nghiêm, anh Đặng Vũ Vương, anh Tôn Thất Chiêu... và còn nhiều tài năng khác mà tôi không nhớ hết.

Chúng tôi cũng là người sáng lập và chủ bút tờ Nguyệt San Đất Sóng của Sinh viên Dược khoa. Một số cây bút của tờ báo này có bài vở trên tờ Tình Thương. Riêng cá nhân chúng tôi được anh Trang Châu “*thương*” nên đăng nhiều bài thơ trên Tình Thương. Tôi chỉ còn nhớ tên một bài là “Trường Ca Sinh Viên”. Bài thơ khá dài nói về tinh thần yêu dân yêu nước của thế hệ đàn anh năm 1945-1946 tại Hà Nội và năm 1963 tại Huế và Sài Gòn.

Về cảm nghĩ chúng tôi thấy tờ Tình Thương rất đẹp. Nội dung gồm có nhiều bài của các giáo sư rất hay. Nhưng cảm nghĩ chính mà chúng tôi chú ý tới là sinh viên rất có lý tưởng. Đa số sinh viên chúng tôi sinh trưởng trong các gia đình bình thường, nhưng có lẽ vì giáo dục gia đình và hoàn cảnh xã hội mà hình như chúng tôi luôn luôn suy nghĩ về trách nhiệm mang sự hiểu biết của mình phổ biến để nâng cao dân trí. Nguyệt San Tình Thương đã cống hiến cho sự nghiệp này.

Một cảm nghĩ nữa là chúng tôi thao thức lo âu về một cuộc chiến tàn khốc kéo dài trên quê hương. Chúng tôi động lòng thương xót về bao điều mình trông thấy, nghe thấy. Một xã hội

từ thành thị đến nông thôn bị thảm, chết chóc và nghèo đói. Các bi thảm sinh ra từ sự bất lực của chính mình. Những điều trông thấy mà đau đớn lòng. Văn chương của Nguyệt San Tình Thương gom góp bao lời bi thương nhân ái. Văn chương của Tình Thương có những giọt nước mắt buồn tủi khóc cho những thân xác vô tội phải nằm xuống quá sớm. Trong thơ văn, truyện, kịch nhiều bài trong Nguyệt San Tình Thương, các tác giả đã ký thác, gửi gắm rất nhiều tâm sự. Đó là tâm sự đau đớn của những thân phận bất hạnh, số phận hẩm hiu và chịu đựng mọi tàn nhẫn.

Cảm nghĩ tiếp theo, chúng tôi là những thanh niên sinh viên vừa độ trưởng thành, chúng tôi thấy rõ những trói buộc, những cản trở của bao đầu dây mối nhợ của một xã hội chậm tiến. Những bất công thối nát, những gian manh thủ đoạn mọc lên từ tổ chức xã hội, từ hệ thống chính trị, từ yếu kém giáo dục, từ văn hóa đồi trụy. Chúng tôi muốn phá bỏ ràng buộc, muốn đổi mới, muốn hít thở một bầu không khí trong lành. Muốn bay bổng lên cao theo những ước muốn đã thu thập được từ từng trang sách học. Nhưng những trói buộc từ lâu đời quá chặt, đã khó cởi bỏ mà đôi khi còn có khả năng trì kéo và chìm sâu chúng tôi xuống. Từng trang báo Đất Sống và báo Tình Thương đã nói lên những ước vọng thầm kín của lớp tuổi chúng tôi tin tưởng ở một tương lai hy vọng, dù ở trong điều kiện khó khăn. Niềm tin đã đẩy lùi thất vọng. Nhưng cơn sóng dữ dội của lịch sử đôi lúc đã che mờ hình ảnh chúng tôi khiến độc giả quần chúng chỉ thấy những bóng hình mờ nhạt, không tương.

Cảm nghĩ cuối cùng về báo Đất Sống và báo Tình Thương là những dòng mạch văn chương chứa đầy tình yêu đất nước, yêu dân tộc, yêu tập thể nhưng vẫn trang trọng với cá tính bẩm sinh và tôn trọng tha nhân. Vì trọng mình và trọng người nên chúng tôi yêu dân chủ và quý nhân quyền. Chúng tôi chống đối độc tài dưới mọi hình thức, chúng tôi ước vọng một đất nước Việt Nam hòa bình, hạnh phúc, tự do và độc lập. Để tiến tới những mục đích này, chúng tôi cố lách mình qua các vỏ bọc văn hóa khép kín, chủ quan và thiếu óc suy luận khoa học.

*

Về kỷ niệm với báo Tình Thương, chúng tôi có nhiều kỷ

niệm. Kỷ niệm đặc biệt nhất là năm 1964, chúng tôi in báo Đất Sống cùng với báo Tình Thương tại nhà in Trường Sơn trên đường Nguyễn An Ninh kế bên chợ Bến Thành. Nhà in này của bà Nguyễn Thị Vinh. Chúng tôi vì lo cho tờ Đất Sống của Dược Khoa nên có cơ hội gặp gỡ một số anh em Y khoa bên Tình Thương. Nhiều nhất là với anh Nghiêm Sỹ Tuấn và anh Nguyễn Vĩnh Đức. Trong dịp này, chúng tôi được đọc truyện ngắn “*Những người đi tìm mùa xuân*” của Nghiêm Sỹ Tuấn. Văn của anh cứng cỏi, trong sáng, ý tứ sắc bén và sâu sắc. Xin quý vị đọc trong TSYS này truyện của Nghiêm Sỹ Tuấn để thấy những phán đoán của anh đi trước sự suy nghĩ bình thường của nhiều người đọc. Buồn thay, sau khi ra trường rồi nhập ngũ vào binh chủng Nhảy Dù, anh đã tử trận vì bị pháo kích tại mặt trận Khe Sanh. Chúng tôi không bao giờ quên được ngày ấy, bốn anh em chúng tôi gồm hai người là dược sĩ và hai người là bác sĩ, đó là các anh: Vũ Văn Tùng, Bùi Khiết, Trần Xuân Dũng, Lê Sỹ Quang đã chia nhau canh gác linh cữu của anh Nghiêm Sỹ Tuấn tại Bệnh viện Cộng Hoà, sau đó chúng tôi ném từng bông hoa xuống huyết mộ tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi để vĩnh biệt anh.

Nghiêm Sỹ Tuấn, Nguyễn Vĩnh Đức, Lê Sỹ Quang là ba bác sĩ tài hoa, những con người lý tưởng đã khuất núi quá sớm. Viết tới đây chúng tôi lại rớt nước mắt tưởng chừng như ngòi bút không thể di chuyển được nữa.

Tôi nhớ tới những lời đầy luyến nhớ của cô Nghiêm Mậu, là em gái của Nghiêm Sỹ Tuấn. Hồi sinh thời của Tuấn, Mậu còn rất nhỏ nên hầu như bạn của Tuấn ít người biết Mậu. Sau này tôi có cơ duyên được gặp Mậu. Năm 1998, tôi hành nghề tại Dược phòng của riêng mình. Đó là *KB Pharmacy* tại đường Marlborough, San Diego. Một hôm tôi tiếp đón một nam bệnh nhân khoảng 40 tuổi, sau khi trao thuốc và dặn dò cách sử dụng, tôi lại bận rộn tiếp bệnh nhân khác. Điều mà tôi hơi ngạc nhiên là thấy người bệnh nhìn tôi đăm đăm định nói điều gì nhưng rồi lại thôi và quay đi gấp. Ít hôm sau người bệnh quay trở lại với người vợ, và người vợ tự giới thiệu em tên là Nghiêm Mậu, em ruột của anh BS Nghiêm Sỹ Tuấn. Nghe tới đó tôi rụng rời. Mậu giới thiệu tiếp đây là nhà em, anh Trần Tuấn Vy. Tôi mừng rỡ chào đón hai người và tôi hứa sau buổi gặp gỡ này, tôi sẽ tới thăm cô chú. Những buổi họp mặt sau đó, tôi được biết thêm

nhiều điều về Tuấn. Tôi đã không còn cảm được nước mắt khi Mậu cho biết, sau khi Tuấn tử trận thì hai người em trai của Tuấn cũng tử trận. Gia đình Tuấn mất mát quá nhiều. Cô Nghiêm Mậu và chồng là Trần Tuấn Vy đến Mỹ thật muộn màng. Nửa năm sau, Vy mất. Ngôi nhà thờ làm tang lễ rất gần Dược phòng của tôi. Tôi đã đóng cửa để đi dự tang lễ và cầu kinh cho Vy. Vy mất đi để lại Mậu chơ vơ với hai cháu gái nhỏ khoảng 9 và 5 tuổi. Mậu rất buồn. Vợ tôi, sau khi bị stroke nặng phải dùng wheelchair, nghe chuyện về Mậu đã buồn rầu nói rằng: - *Em tưởng mình đã quá xui xẻo, ai ngờ cô Mậu lại khổ hơn.* Cả gia đình tôi đôi khi tới thăm Mậu. Vợ tôi muốn nhận hai cháu gái về nuôi một thời gian để Mậu khỏi vất vả. Mậu rất cảm động nói cảm ơn. Sau đó Mậu báo tin sẽ di chuyển về Texas để sống với chị.

Anh Ngô Thế Vinh rất quý mến Nghiêm Sỹ Tuấn nên đã đề nghị tôi xin Mậu một tấm ảnh của Tuấn để in lên báo. Tôi vội gọi điện thoại cho Mậu. Vinh lại giục tôi phải viết bài ngay, đừng có chậm trễ. Tôi lại vội vã viết ngay, nhưng tôi báo cho Vinh biết, đừng quên tôi đã quá thất vọng cổ lai hy rồi. Cứ vội vã như thế này lỡ tôi nằm xuống sớm anh có đền được không. Nói đùa chơi như vậy đó. Tôi sẽ gọi điện thoại nhắc Mậu về tấm hình, Mậu và hai cháu đều bận bịu. Trong khi chờ đợi hình của Tuấn, tôi lại nghĩ tới ngày xa xưa, ngày sinh viên đẹp nhất của chúng tôi, ngày của Đất Sống, của Tình Thương đã vui nhanh vào dĩ vãng.

BÙI KHIẾT

Little Saigon 06/11/2009

(nguồn: tập san Y Sĩ số 184 tháng 1-2010)

VÀI KỶ NIỆM VỚI NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG

VŨ THIÊN ĐẠM



Câu chuyện điện thoại với anh Ngô Thế Vinh mới đây đã gọi lại cho tôi những kỷ niệm với báo Tình Thương hơn 40 năm về trước mà tôi tưởng đã chìm sâu trong ký ức.

Việt Nam sau cách mạng 11/1963, khí thế sôi động. Chúng tôi, một nhóm sinh viên Y khoa đã họp nhau lại và quyết định ra một tập san định kỳ để làm diễn đàn cho Sinh viên Y khoa. Sau nhiều bàn cãi sôi nổi tên NGUYỆT SAN TÌNH THƯƠNG đã được mọi người đồng ý chấp nhận. Cho đến nay tôi vẫn thấy cái tên ấy thật dễ thương và thích hợp. Những người áo trắng sẽ dùng tình thương và kiến thức chuyên môn để xoa dịu những khổ đau, bệnh tật của tha nhân.

Ban biên tập sơ khởi gồm có các anh Nguyễn Vĩnh Đức, Trần Xuân Dũng, Trần Xuân Ninh, Phạm Đình Vy, Trần Mộng Lâm, Đỗ Hữu Tước, Ngô Thế Vinh, Trang Châu, Nghiêm Sỹ Tuấn và vài anh nữa mà tôi không nhớ rõ. Tôi được vinh dự giữ chức thủ quỹ của tòa báo. Tôi cho đó là một vinh dự vì đã được các bạn trong nhóm tin cậy, không sợ tôi “biến thủ tài chánh” tuy rằng thuở ban đầu ngân quỹ còn trống rỗng. “Có thực mới vực được đạo”, có tiền mới in được báo, thuê được

nhà để làm trụ sở. Chúng tôi nghĩ ngay đến các hãng Bào chế Dược phẩm. Đối với các y sỹ tương lai, các hãng Bào chế thuốc cũng không mấy ngần ngại bỏ ra một số tiền nhỏ so với lượng tài sản to lớn của họ kiếm được phần lớn nhờ giới y sỹ. Tôi thương thuyết thuê được tầng dưới của một tòa nhà bốn tầng ở gần nhà tôi, 103 Nguyễn Bình Khiêm, Sài Gòn để làm trụ sở cho Nguyệt San Tình Thương. Trụ sở này ngoài việc làm nơi họp để làm báo còn là địa điểm để mọi người sinh hoạt, tán chuyện gẫu.

Tình hình Việt Nam lúc đó hết sức sôi động. Hết cách mạng đến chỉnh lý, biểu tình, xuống đường. Nguyệt San Tình Thương đã được mọi giới hưởng ứng nồng nhiệt. Dĩ nhiên nội dung của báo là tiếng nói của Sinh viên Y khoa. Ngoài những thơ văn, truyện ngắn, bài viết về y khoa, báo còn có những bài bình luận chính trị nhằm ảnh hưởng đường lối của chính quyền lúc đó. Chính vì những bài có xu hướng chính trị này mà tôi và anh chủ bút Nguyễn Vĩnh Đức, đã có một “*kỷ niệm khó quên*”.

Một buổi chiều cuối thu 1964, Sài Gòn sau Cách mạng 11/1963, lá ngoài đường không rụng nhiều và trên không cũng chẳng có những đám mây bàng bạc như trong truyện Quê Mẹ của Thanh Tịnh, tôi và anh Đức đang ngồi trong toà soạn, bỗng có một chiếc xe cảnh sát mà người dân Sài Gòn gọi là “xe cây” đỗ xích trước cửa Tòa soạn. Hai tên công an mặc thường phục bước vào cửa rồi lớn tiếng hỏi ai là Vũ Thiện Đạm và Nguyễn Vĩnh Đức. Chúng tôi ngạc nhiên nhưng cũng điềm tĩnh trả lời. Một tên nói: “Các anh theo tôi về Cục An Ninh có việc.” Chúng tôi hỏi: “Việc gì?” Tên thứ hai trả lời một cách hỗn xược: “Đến đó thì biết, đừng có nhiều lời”. Chúng tôi theo chúng lên xe cây để về Cục An Ninh, không cách xa Tòa soạn lắm, ngay trên đường Nguyễn Bình Khiêm, gần Sở thú Sài Gòn. Chúng tôi ngồi đợi ở phòng dưới nhà, lẳng lẳng không nói với nhau một lời vì có những tên công an khác đi quanh canh chừng. Một lúc sau, một tên công an từ trên gác xuống gọi chúng tôi lên trình diện ông Tướng An Ninh. Cửa phòng mở, ông Tướng đã chờ sẵn, ông dáng người gầy ốm, mặc quân phục với Jacket chống đạn. Ông Tướng ngồi trên ghế bành, hai chân với bottes de saut gác lên bàn, với khẩu súng lục nòng ngắn quay chung quanh ngón tay trở phải

kiểu cao bồi. Ông ta cho biết là báo Tình Thương đã có nhiều bài viết không đúng đường lối cách mạng và ra lệnh cho chúng tôi từ nay phải sửa lại đường lối viết lách cho hợp với đường lối của chính phủ đương thời, nếu không ông bắn bỏ thì hối cũng không kịp.

Cũng nên nhắc lại là ông Tướng tuy là người Việt nhưng lại dùng toàn “tiếng Đức” của “các tay anh chị” khi nói với chúng tôi.

Và để cho thêm phần “uy tín”, ông ta lấy khẩu súng lục nòng ngắn dí vào mông tang của anh Đức và tôi và dặn: “nhớ nghe con”.

Có lẽ bốn năm sau (1968), khẩu súng này đã được dùng để kết liễu đời của tên đặc công Cộng sản với hai tay bị trói ra đằng sau. Hình ảnh cuộc hành quyết này đã được một phóng viên Mỹ ghi lại và phổ biến khắp thế giới và đã làm dư luận quần chúng Mỹ cũng như dư luận thế giới có ý kiến bất lợi cho cuộc chiến tranh Việt Nam.

Cho đến bây giờ tôi mới được biết là hai anh Ngô Thế Vinh và Phạm Đình Vy cũng được diện kiến ông Tướng An Ninh trong hoàn cảnh tương tự.

Bốn mươi lăm năm đã trôi qua. Biết bao vật đổi sao dời. Tôi không khỏi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm và bạn bè cũ.

Nhiều người đã ra đi vĩnh viễn: các anh Nguyễn Vĩnh Đức, Bùi Thế Hoàng, Lê Sỹ Quang và trước đó, Nghiêm Sỹ Tuấn đã anh dũng hy sinh trên chiến trường.

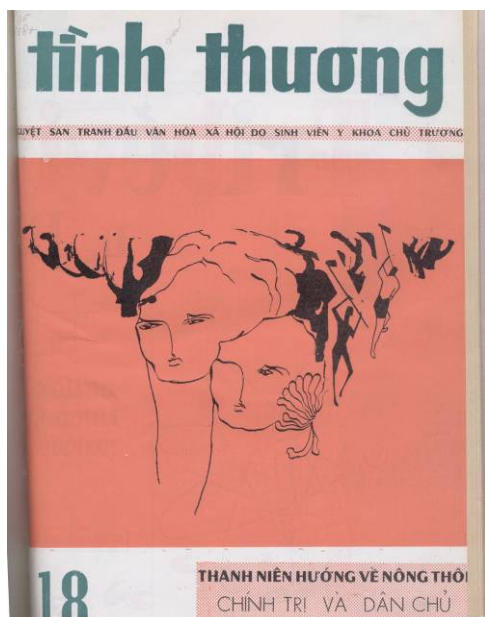
Cám ơn Tập San Y Sĩ đã ra số chủ đề đặc biệt nói về Nguyệt San Tình Thương. Mong rằng tiếng nói của Y sĩ Việt Nam trên thế giới sẽ còn mãi mãi vang vọng qua Tập San Y Sĩ.

VŨ THIÊN ĐẠM

California 11/2009

(Nguồn: Tập san Y sĩ số 184 tháng 1-2010 chủ đề *Tình thương một thời nhân bản*)

**NHỚ LẠI NGUYỆT SAN
TÌNH THƯƠNG
TRẦN XUÂN NINH**



Cách đây không lâu, có anh Nguyễn Lương Tuyền gọi điện thoại cho tôi hỏi tôi còn nhớ gì về nguyệt san Tình Thương thì xin viết cho một bài vì anh đang tính cùng với mấy bạn viết về tờ báo của sinh viên Y khoa Sài Gòn này. Tôi hứa để xem. Vài hôm sau, lại có anh Ngô Thế Vinh, một bác sĩ có nhiều tác phẩm, cũng gọi hỏi về tờ Tình Thương, mà anh cho biết rằng chẳng ai còn giữ, trừ có vài bản ở thư viện đại học Yale. Trải qua một cuộc bể dâu đời ở miền Nam với sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hoà, nhiều thứ to lớn bao nhiêu mà không còn dấu tích, hướng chỉ là tờ báo Tình Thương của sinh viên Y khoa! Câu hỏi của anh Ngô Thế Vinh tôi nghĩ chỉ là để mà hỏi cầu âu thôi, chứ không phải là để tìm một ấn bản Tình

Thương, từ một người vượt biển tị nạn suýt mất mạng trên biển Đông mùa bão, là tôi. Chúng tôi nói chuyện cũng lâu lâu. Và anh Vinh cũng nhờ viết một bài.

Thế mà đã 46 năm, cách cái “ngày xưa thân ái” ở trường Y khoa đó. Tôi nói với anh Vinh rằng buổi họp đầu tiên bàn về kế hoạch xuất bản tờ Tình Thương là do tôi triệu tập cùng với một số anh em sinh viên, không nhiều, nhưng tôi cũng không nhớ hết tên người tham dự, trừ một số rất thân cận hợp tác. Tôi cũng không nhớ rõ địa điểm họp, có thể là ở nhà tôi hay đâu đó, ít lâu sau ngày 1 tháng 11 năm 1963. Sau cuộc điện đàm này, thì Trần Xuân Dũng cho biết rằng đó là trong một giảng đường, có lẽ là M1, ở trường đại học hỗn hợp Y Dược khoa cũ, số 28 đường Trần Quý Cáp, Sài Gòn. Tôi không nhớ rõ ở đâu, vì trước cuộc họp này thì tôi đã có bàn với TXD và vài bạn khác ở nhà. Nhắc tới ngày 1 tháng 11/1963 ở đây, vì có thể nói rằng không có nó thì không có nguyệt san Tình Thương. Ngày này tôi đã từng chấp nhận cái tên là “cách mạng 1/11”, và mong mọi xảy ra, tuy tôi biết rằng nó chỉ là một cuộc đảo chánh, mà người cầm chịch là đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge. Tôi khẳng định như vậy, vì tuy chỉ là một sinh viên y khoa, một nội trú bận mờ người với khu giải phẫu tiểu nhi bệnh viện Nhi đồng đường Sư Vạn Hạnh, mà giáo sư trưởng khu là Trần Ngọc Ninh nổi tiếng hắc búa nhất trường Y khoa, nhưng tôi cũng vẫn quan tâm theo dõi tình hình thời cuộc từ sau khi Hà Nội lập ra Mặt Trận Giải phóng miền Nam và mở ra cuộc tấn công vào Tây Ninh gây thiệt hại nhiều cho một đơn vị VNCH. Lý do đơn giản là tôi lo ngại mất miền Nam về tay Cộng sản, mà tôi không biết rằng sẽ làm sao, nếu xảy ra, sau khi đã di cư vào miền đất của đất nước.

Phải nói rằng cho tới năm 1954, di cư vào Nam là điều tôi không bao giờ nghĩ tới. Sài Gòn lúc đó là một thành phố xa lạ, mà sự lôi kéo nếu có chỉ là âm sắc của tiếng nói líu lo lạ tai tôi đã được nghe từ một bà phán Sài Gòn người mập mạp, búi tóc và răng vàng, ở thuê trên gác cùng một căn nhà với gia đình tôi ở phố của Trường, thành phố Nam định. Tôi hồi đó chừng 3-4 tuổi. Bà phán Sài Gòn không hiểu vì lý do gì lại thích tôi, cứ lâu lâu (tôi không biết là bao lâu, vì còn quá nhỏ không có ý niệm thời gian chính xác) lại xin phép mẹ tôi để được dẫn tôi

đi buổi tối ra bờ sông Nam định hóng gió và cho ăn “cà rem” mua của một ông bán kem, múc ra từ một cái thùng bằng tôn mà chung quanh quần bao tải. Có lẽ lần đầu tiên tôi biết thế nào là “kem” từ đó.

Gia đình tôi di cư vào Sài Gòn vì được nghe chuyện một số bạn bè cùng học với tôi ở trường Chu văn An từ hậu phương đi ra, sau khi gia đình bị tổ khổ, tuy chẳng khá giả gì bao nhiêu, cũng chỉ lèng xèng như bố tôi làm công chức Sở hỏa xa kiếm sống. Ngoài ra, thì bố tôi cũng sợ Việt Minh mà về Hà Nội thì họ sẽ bắt tội là về thành theo Tây. Tuy lý do tôi biết rõ chỉ là vì sống ở làng quê không được bởi cái nhà độc nhất của ông bà nội tôi làm nơi tá túc đã bị Tây đi càn quét, về làng đốt cháy và những chum lúa chôn dưới đất cũng bị hư thối hết, không còn gì để ăn trong khi bố tôi thất nghiệp, không biết đi cày không biết đi buôn, không làm được gì với sự hiểu biết của một cái bằng diplome (trung học phổ thông), ở một vùng quê thời loạn không có ai đi học! Còn bà mẹ tôi? Đã chết vì hậu sản, mà về sau này khi học y khoa tôi nghĩ có lẽ là vì bệnh lao, sau khi sinh đứa em gái út năm 1946, bố tôi mất việc, tài sản không có, cho nên lo lắng, người rộc đi và lúc chết năm 33 tuổi thì gầy tới độ chỉ còn da với xương, ngồi trên xe kéo để về làng mà mỗi khi xe lắc lư vì thụt xuống ổ gà thì đều kêu đau vì xương đụng thành xe.

Vào đến Sài Gòn, tôi đã ủng hộ ông Diệm hết mình, khi thấy ông dẹp tan băng đảng Bình Xuyên cờ bạc đi điểm nắm giữ an ninh ngay ở Sài Gòn, các giáo phái sứ quân hùng cứ vùng này chỗ nọ, các tướng tá thân Tây tàn dư của chính phủ Nam kỳ tự trị từ thời Nguyễn Văn Xuân chống ông Diệm vì không muốn mất quyền, và hệ thống thư lại phong kiến mà tôi có kinh nghiệm qua một số lần đi xin giấy tờ. Ông Diệm dưới mắt tôi là người gây dựng lên miền Nam vững mạnh ổn định sau khi Tây ra đi và vua Bảo Đại bù nhìn ăn chơi yên thân bên Pháp. Sau đó, những tin tưởng này dần dần mất đi, trước những bàn tán về gia đình trị của ông Diệm, và bà Nhu lộng quyền, từ các nhân vật đảng phái tung ra, không thể kiểm chứng nhưng thuận tai, vì sự tin tưởng sai lầm của ông Diệm vào Công giáo như lực lượng nòng cốt chống Cộng để mà biệt đãi những

người Công giáo, tạo ra một số kẻ thời cơ đi rửa tội theo đạo để thăng tiến công ăn việc làm, v.v... Từ khi xảy ra chuyện cắm treo cờ Phật giáo tại Huế nhân lễ Phật đản và có người chết, những cuộc biểu tình và tự thiêu của tăng ni, những lời tuyên bố hàm hồ của bà Nhu trên báo Mỹ về sự tự thiêu của các sư sãi, thì tôi thấy rằng cần phải chấm dứt những lộn xộn này nếu không muốn miền Nam rơi vào tay CS. Vì thế cho nên như trên đã nói tôi mong cho ông Diệm ra đi, và nghĩ một cách ngây thơ rằng Mỹ, qua đại sứ Cabot Lodge sẽ giúp miền Nam đứng vững là một tiền đồn chống Cộng. Vì thế tôi chấp nhận ngày 1/11 là ngày cách mạng, tuy biết rằng nó chỉ là một vụ đảo chính, hy vọng rằng nó sẽ đem lại một tinh thần cách mạng cho mọi người, mở ra một giai đoạn mới cho miền Nam vùng lên, tương tự như vụ di cư năm 1954. Trong ước muốn này, tôi đã nảy ra ý kiến làm một tờ nguyệt san của sinh viên Y khoa, như là tôi đã làm tờ bích báo Thông Xanh năm 1954, khi mới di cư vào Nam, học ở trường Chu văn An tạm lập ở bên cạnh trường Pétrus Ký, để xin phép đi phát từng lớp Chu văn An cũng như Pétrus Ký. Với hy vọng là đem sự hăng say của những học sinh di cư chia sẻ với các bạn trường Pétrus Ký. Tôi đã viết thư lên Bộ Thông tin của thủ tướng Ngô Đình Diệm trình bày ý kiến và nhờ giúp đỡ in, và không ngờ lại được. Điều này làm tôi cảm thấy chính phủ của thủ tướng Diệm thật là cách mạng và đáng tin cậy. Chín năm sau, vì mong muốn cho các đồng môn cái tinh thần tích cực hơn trong cuộc sống ngoài chuyện học hành thi cử, nhân cuộc “cách mạng” 1/11/1963, tôi đi vận động làm báo Tình Thương, dù rằng lúc đó đã ra trường chỉ còn chờ đi trình diện đơn vị phục vụ. Trong buổi họp, nhiều người thích văn nghệ đã nhanh chóng đồng ý làm một tờ báo - một đặc san - y khoa kiểu xuân thu nhị kỳ. Nhưng tôi đã phải vất vả trình bày mọi lý do để thuyết phục mọi người làm nguyệt san, chứ không phải chỉ là một đặc san. Tôi đã nêu lên tính khả thi và sự phân chia công việc, trách nhiệm cho một nỗ lực trường kỳ, vì như đã nói, tôi ước mong xây dựng được một cái ý thức quan tâm đến những vấn đề ngoài đời sống sinh viên y khoa. Sau nhiều bàn cãi qua lại, mọi người có mặt đều đồng ý. Và bầu tôi làm người trách nhiệm. Nhưng tôi đã từ chối, lý do rất đơn giản là tôi chỉ còn chờ nhận đơn vị. Vấn đề then chốt là tiền bạc đâu mà in ấn.

Nhiều phương cách giải quyết đã được đưa ra, mà chủ yếu là quảng cáo và xin chính quyền giúp đỡ (nếu có người quen, hay nếu đúng là chính phủ có tinh thần “cách mạng”, như tôi đã gặp năm 1954). Anh Phạm Đình Vy đã xung phong lo tìm sự giúp đỡ ban đầu, qua sự quen biết của thân phụ, giáo sư Phạm Đình Ái, với một số chính giới quan trọng. Thế là xong. Vì thế mà anh Phạm Đình Vy được bầu làm chủ nhiệm và cũng vì thế mà tên tờ báo được lấy là *Tình Thương* (theo đề nghị của anh Vy, để gọi là phản ảnh thiên chức những người áo trắng), tuy rằng mọi người, đều cho rằng hai chữ đó “hơi yếu”. Chính tôi trong đáy lòng, tôi không đồng ý, nhưng tự nhủ chẳng sao, có tên vừa ý thì hay mà nếu không thì tên gì cũng được. Cái cần là nội dung và từng bước xây dựng dần dần. Bầu xong anh Vy chủ nhiệm thì đến Nguyễn Vĩnh Đức được làm chủ bút. Nguyễn Vĩnh Đức hứa hẹn xin quảng cáo. Như thế kể là đủ. Tuy nhiên, các anh em dự họp muốn rằng là tôi đi vắng thì phải có Trần Xuân Dũng tham dự vào ban biên tập để chắc chắn rằng có sự đóng góp tích cực của chúng tôi, ít ra là trong những bước đầu, trong khi nhiều người chưa có quyết tâm làm báo trường kỳ. Thế là TXD được bầu làm Tổng thư ký, và chịu trách nhiệm mọi sự, từ liên lạc tìm bài đến sắp xếp nội dung và thực hiện in ấn... Một mục đặc biệt mà tôi thấy cần có để gọi là qua cười cợt mà chỉnh lại phong thái và suy nghĩ. Đó là mục *Ngang Dạ* mà tôi và TXD đã gặp anh Hoàng Thiện Căn giải thích để nhờ vẽ hình Sau khi nghe trình bày ý nghĩa, anh Căn đã phóng bút vẽ một cái hình người chỏ mõng, cúi nhìn lại đằng sau. Quả là “ngang dạ” nhìn đời khác thường, và cho nó có chút ý nghĩa châm biếm để nhẹ đi những điều thật mất lòng.

Trong một vài số đầu tôi có viết bài, cho tới nay không còn nhớ là những gì. Nhưng từ khi nhận nhiệm sở ở đại đội 22 quân y, Sư đoàn 22 Kontum đầu năm 1964 thì liên lạc khó khăn, vì phải hành quân và sau đó là di động tuyển binh, tôi không còn đóng góp nữa. Trần Xuân Dũng cũng chỉ ở một thời gian chừng một năm gì đó rồi thôi vì đã kê ngày ra trường. Tờ báo *Tình Thương* tiếp tục đều đặn nhiều năm sau đó, xuất hiện hàng tháng. Nó đặc biệt vì là một nguyệt san của sinh viên y khoa, một ngành đại học được kể là bận rộn học

hành vất vả bậc nhất trong khi các ngành khác thì chỉ có đặc san lâu lâu một lần. Tôi không biết những lý do trực tiếp và cụ thể khiến nguyệt san Tình Thương đã ngưng. Nhưng mà nhìn từ xa tổng quát, thì phải chăng là nó đã trở thành già (quá sớm) để hết sức, hay là không lớn kịp để mà đáp ứng nhu cầu của sinh viên Y khoa Sài Gòn mà theo tôi nói chung có tinh thần rất đặc biệt khăng khít, như anh chị em trong một gia đình, sẵn sàng chung tay góp sức? Đến đây, tôi không khỏi nghĩ đến sự kiên trì dai dẳng của Tập San Y sĩ. Nhiều người góp tay đã là những người trong ban biên tập Nguyệt San Tình Thương.

TRẦN XUÂN NINH
(ngày 13 tháng 11/2009)

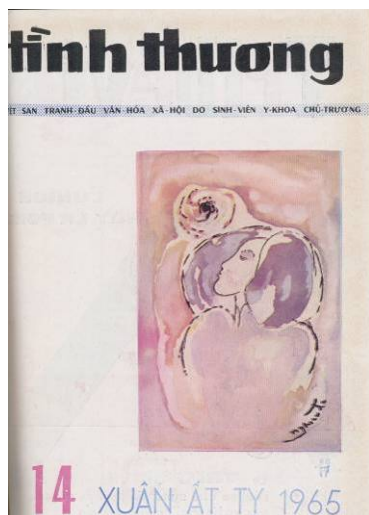
(Nguồn: Tập san Y sĩ số 184 tháng 1-2010 chủ đề *Tình thương một thời nhân bản*)

Đỗ Hồng Ngọc (*)

“...muốn đưa mây về lấp một dòng sông”

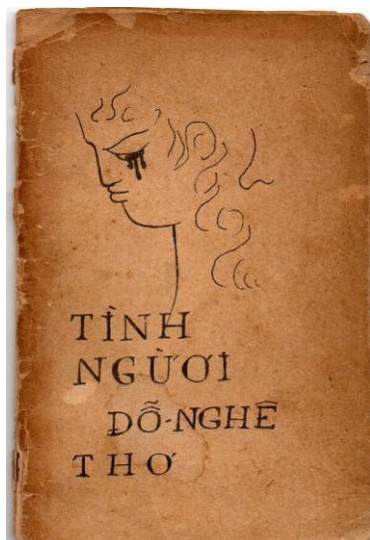
(Những bài thơ Đỗ Nghê trên
Nguyệt san Tình Thương 63-67)

*Anh ray rứt với tháng ngày chóng mặt
Vạch bàn tay tìm dấu vết tiền nhân
Rồi ngầy ngất tưởng mình đầy phép lạ
Muốn đưa mây về lấp một dòng sông...*
(Dỗ em, Đỗ Nghê, 65)



Nguyệt san Tình Thương của Sinh viên Y khoa Saigon (63-67) đăng khá nhiều thơ, nhiều thơ hay, nhưng có thể nói có một “dòng thơ” Đỗ Nghê những năm tháng đó, trên Tình Thương mà sau này tác giả đã tập hợp in trong tập Tình Người, thơ Đỗ Nghê, (1967) do người bạn cùng lớp, Lữ Kiều trình bày bìa. Tập thơ ronéo, không giấy phép, in với một số lượng ít (200 cuốn), dành cho bạn bè anh em. Bìa tập thơ Tình Người với tranh Cocteau, và những dòng nước mắt... khó cho

quê hương cùng những ước mơ cháy bỏng của người sinh viên tuổi mới ngoài đôi mươi...



(bìa tập thơ Đỗ Nghê, Saigon 1967)

“Muốn đưa mây về lấp một dòng sông...” gần như là chủ đề xuyên suốt của thơ Đỗ Nghê trên nguyệt san Tình Thương lúc đó, với ước mơ tràn đầy phép lạ để xóa đi những nỗi chia cắt trên quê hương, xóa đi những vết hằn lịch sử như một lời nguyên truyền kiếp.

Nhưng ước mơ vẫn chỉ là ước mơ. Phép lạ không hề có. Chỉ còn lại nỗi chua chát:

Em khóc đi, khóc đi rồi anh đỡ

Khóc nhiều hơn khóc nhiều nữa đi nghen

Này tui nhục với niềm đau nỗi khổ

Của quê mình không đáng khóc sao em?

Đỗ em (Tình Thương, tháng 5/65)

Gọi là có một “dòng thơ” Đỗ Nghê trên nguyệt san Tình Thương bởi những năm tháng đó Đỗ Nghê chủ yếu chỉ có những bài thơ nặng trĩu thế sự, những lời thơ chua chát, xót xa, cay đắng, nghẹn ngào... từ nỗi lòng của người tuổi trẻ trong thời tao loạn, nhiễu nhương, chiến tranh ngày càng khốc liệt trên quê hương... Cuộc chiến tương tàn giữa anh em, mà ngày nay đã rõ ra là một cuộc chiến tranh “ủy nhiệm”. Nỗi ước mơ xây dựng một đất nước thanh bình, chấm dứt cuộc

chiến nổi da xáo thịt đó, ám ảnh như bởi một lời nguyện từ thuở đầu lập quốc khi Lạc Long Quân và Âu Cơ chia đàn con nửa lên non nửa xuống biển, để rồi từ đó mà Sông Gianh, mà Bến Hải... cho đến ngày nay vẫn mãi mãi đôi bờ...

Hơn 40 năm trước, Thu Thủy (Võ Phiến) viết về Thơ Đỗ Nghê: "... dù đề cập đến nhiều đề tài, giữa các bài thơ trong tập không phải không có một mối liên hệ. Có lẽ không được đặt thành chủ đề chung, nhưng mỗi ưu tư về “chiến tranh và hòa bình” bàng bạc, thấm nhuần gần khắp các sáng tác của ông Đỗ Nghê (...) Hoặc khi nhắc lại huyền thoại Lạc Long Quân chia con đi hai ngả để liên tưởng tới tình trạng Nam Bắc lưỡng phân; hoặc khi nói về cổ tích ngôn ngữ để ám chỉ cuộc xâu xé liên miên giữa các dân tộc; hoặc nghe một bản tin thời tiết hàng ngày; hoặc làm một bài về cho niềm mơ ước đơn giản v.v..., lúc nào người ta cũng nhận thấy nhà thơ bị vấn đề chủ yếu nọ ám ảnh: Chiến tranh trên quê hương; Hòa bình cho quê hương” (Chính Luận 11.1974).

Và từ những ước mơ vô vọng, đã trở thành câu hỏi không lời đáp:

*Trong giấc ngủ có loài hoa bỏ ngõ
Tiếng mẹ hiền còn mãi mãi à ơi
Dòng sông xưa nước đục chảy muôn đời
Sao trong mắt chưa thấy niềm sám hối?*

Ý nghĩ (Tình Thương, tháng 5/64)

Nên chỉ còn là nỗi xót xa:

*Niềm tủ nhục cũng tràn theo với tuổi
Máu xương rồi cũng thấy máu xương thêm
Chợt ngoảnh lại súng gươm cười nghiêng ngửa
Nhục nhằn này xin muôn kiếp đừng quên...*

Ngô ý (Số 12 tháng 12/64)

Nhà thơ Nguyễn Thị Khánh Minh mới đây nhìn lại lần nữa thơ Đỗ Nghê: “Một tập thơ in cách nay nửa thế kỷ (1967) có tên Tình Người, với bút hiệu Đỗ Nghê, ông nói về một ước mơ, Súng dòn

*Ánh sáng lóe lên
Đạn đạn trên nền trời
Thành hai chữ Việt Nam*

Những kẻ tử thù nhìn rõ mặt nhau

Khóc vì mừng

Anh em

(Ước Mơ)

Định mệnh một cuộc chiến... Đã biết bao gia đình, trong một nhà anh cầm súng vì bên này, em ra chiến trường cho bên kia. Hai phía ngỡ ngàng khi súng đạn lóe sáng nhìn ra nhau anh em... Người thơ ước sao cho đường đi của súng đạn đan thành hai chữ Việt Nam, để thức tỉnh nhau còn khóc được vì mừng... Và đường như có một đau lòng, nỗi chia cắt đất nước, nỗi phân ly ý thức hệ” (tuongtri.com/2017).

“Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” (Kim Cang). Đừng trụ vào đâu cả để mà sanh cái tâm. Nói vậy mà không phải vậy đâu! Những danh từ đao to búa lớn kia cũng chỉ là để bịp lừa để đổ máu đổ thôi.

Trong bài Tổ quốc, Đỗ Nghê viết:

*“lịch sử sẽ ghi bằng những lời nói dối
mặc kệ- chúng mình thương nhau...”*

Bởi hạnh phúc thực sự chỉ là:

... ngày hai bữa cơm khoai

rừng núi sông hồ

đời người tự do

(...) Thế nhưng mọi sự không vậy, cho nên cuối cùng:

“nếu anh vẫn một mực chối từ

và nhất định đòi cho tổ quốc một chiếc áo màu –dù xanh dù đỏ-

hay khoác một định nghĩa -dù trắng dù đen-

tôi đành nhặt một cọng cỏ rất xưa về làm tổ

rồi khóc trên đó

loài chim bỏ đi!” .

Tổ quốc (Tình Thương, tháng 9/65).

Chỉ còn lại nỗi trơ trụi, hoang vu:

Rời từ đó cỏ cây cùng sừng sốt

Loài chim thiêng vỗ cánh về rừng xưa

Người với người hơn bao giờ chưa xót

Ngước mắt nhìn nhau hổ thẹn sao vừa

Ý nghĩ (số 5 tháng 5/64)

Khi mắt đã biết ngờ ngàng nhìn ra bao trần trụi, trong “Thư cho bé sơ sinh” (1965):

*(...) Khi em mở mắt ngờ ngàng nhìn anh
Anh cũng ngờ ngàng nhìn qua khung kính cửa
Một ngày đã thức giấc
Với vôi vàng với hoang mang
Với những danh từ đao to búa lớn
Để bịp lừa để đổ máu đỏ em...*

Khi niềm tin chỉ còn là nỗi đắng cay:

*Thôi trần trọng chào em
Mời em nhập cuộc
Chúng mình cùng chung
Số phận
Con người...*

(Thư cho bé sơ sinh, 1965)

Lạc Long Quân rồi cũng đành đắm ngực, ăn năn, van vỉ các con:

*Đốt hết sách vở xé hết cờ xí đi
Rồi đứng ôm nhau mà khóc
Nước mắt sẽ làm tươi lại cỏ cây
Nước mắt sẽ làm phì nhiêu mảnh đất...*

Bởi:

*Muôn lỗi lầm này có phải vì ta
Khi ta đưa các con 50 người xuống biển
Và vợ ta đưa 50 đứa lên rừng...*

...

Bởi còn chút hy vọng:

*Các con sẽ không bao giờ quên
Đã cùng sinh ra trong một bọc
Một trăm trứng
Một trăm con
Các con sẽ không bao giờ quên...*

(Tâm sự Lạc Long Quân. 1965)

Khánh Minh viết: “Bạn ơi, lời ước nguyện này trải qua mấy mươi năm vẫn tươi rói hiện thực cảnh quê hương chúng

ta. Mảnh sao băng kia đã thành bụi hư vô rồi mà chưa thành tựu được một ước mơ tưởng là rất dễ dàng đối với những đứa con sinh cùng một bọc Việt Nam này! Trái tim người thơ ấy đã thổn thức gần nửa thế kỷ, và vẫn còn theo thời gian...” (<https://tuongtri.com/2017/02/17/do-hong-ngoc...>)

“*Muốn đưa mây về lấp một dòng sông*” xuyên suốt dòng thơ Đỗ Nghê trên *Tình Thương* của sinh viên y khoa thời đó và như còn mãi đến tận hôm nay không khác đi, khi mà lòng sông thì sẽ được lấp, mà lòng người thì mãi mãi chia xa... không phải chỉ bởi ở thời gian, không gian của đôi bờ cách biệt. Bao giờ cho đến Gaté Gaté Paragaté Parasamgaté Bodhi Svaha đây?

(ĐHN, Saigon tháng 3.2017)

.....
(*) Đỗ Nghê là bút hiệu của Đỗ Hồng Ngọc.

■
LTS: Để quý bạn có thể đọc trọn vẹn những bài thơ mà tác giả đã trích dẫn trong bài này, chúng tôi xin đăng lại một số bài mà chúng tôi sưu tầm được trên Tình Thương:

đỗ em

*em chưa khóc đã hứa làm thơ đỗ
tiếng khóc mềm và nước mắt em ngoan
vùng tóc rối quện tròn khung trời nhỏ
tuổi vào tay nghe ngày tháng hao mòn
dòng nước mặn ôm gầy gò đôi má
sao mà thương vị muối của quê hương
niềm chua xót có thấy tràn môi đó ?
(tiếng súng dòn nuôi xác chết mười phương!)
anh ray rút với tháng ngày chóng mặt*

vạch bàn tay tìm dấu vết tiền nhân
rồi ngậy ngất tưởng mình đầy phép lạ
muốn đưa mây về lấp một dòng sông.

em khóc đi! khóc đi rồi anh dỗ:
khóc nhiều hơn! khóc nhiều nữa đi ghen
này tui nhục với niềm đau nỗi khổ
của quê mình không đáng khóc sao em?
(Tình thương số 17 tháng 5-1965)

ý nghĩ

Rồi từ đó cỏ cây cùng sửng sốt
Loài chim thiêng tung cánh về rừng xưa
Người với người hơn bao giờ chưa xót
Ngước mắt nhìn nhau hổ thẹn sao vừa!

Năm tháng rơi với niềm tin mòn mỏi
Lấp vùi quên trong giấc ngủ hoang vu
Người ngơ ngác như loài nai dĩ vãng
Có một lần tưởng gập bước chân thu...

Chợt nghe tiếng thì thầm sâu ý nghĩ
Bàn tay gầy làm yêu dấu quê hương
Mảnh đất thân cha, nắng sáng đan vườn
Nghe da thịt bao nhiêu lần thôi rữa

Trong giấc ngủ có loài hoa bỏ ngõ
Tiếng mẹ hiền còn mãi mãi à ơi
Dòng sông xưa nước đục chảy muôn đời
Sao trong mắt chưa thấy niềm sám hối!

(Tình Thương số 5 tháng 5-1964)

ngổ ý

Niềm tủi nhục cũng tàn theo với tuổi

Máu xương rồi càng thấy máu xương thêm
Chợt ngoảnh lại súng gươm cười nghiêng ngửa
Nhục nhằn này xin hãy đặt làm tên!

Xin hãy đến với bàn tay bé bỏng
Với nụ cười chưa quá đắn đo
Với hơi thở còn trinh nguyên nhựa sống
Với niềm tin chưa làm úa màu thơ!

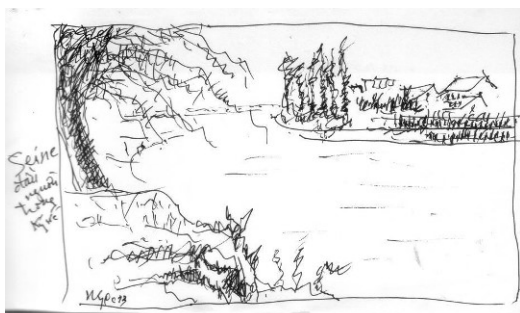
Rồi góp nụ cười, bàn tay, hơi thở
Góp niềm tin căng gió vượt trùng dương.
Nét kiêu hãnh của Trường Sơn còn đỏ
Sóng Nhị-Hà trôi mền Cửu Long giang.

Phải làm lại như thuở đầu lập quốc
Những đoàn người đi phá thạch khai sơn.
Thành quách cũ đã bao lần cúi mặt
Thì tiếc thương gì cho thẹn tiền nhân.

Rừng với bể, ôi quê hương mình đó!
Sông với hồ, ôi đất nước mình đây!
Cây lấy đất cho lòng com thêm ngát
Bữa lấy rừng cho nhìn thấy mây bay.

ĐỖ NGHÊ

(Tình thương số 12 tháng 12-1964)



ký họa của Đỗ Hồng Ngọc

cho mượn

tặng XH-TDT

tôi cho mấy người mượn
con đường độc nhất về quê nội
để thử những quả mìn mới

tôi cho mấy người mượn
những nhà hàng phở xá đông đúc
để thử lựu đạn plastic

tôi cho mấy người mượn
cửa nhà, vườn tược, ruộng nương
để thử sức tàn phá của bom

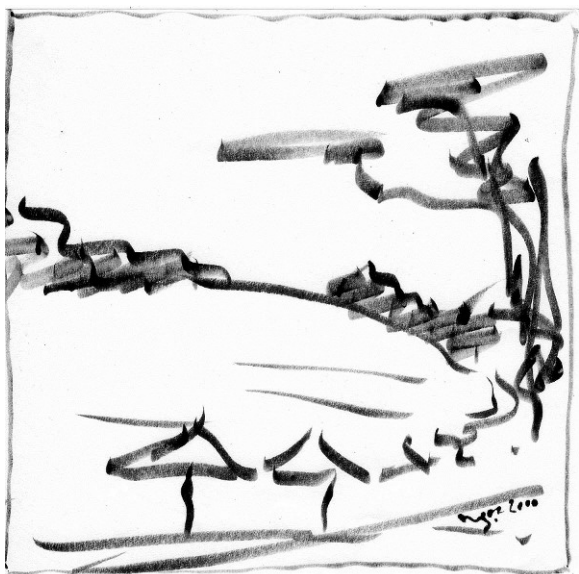
tôi cho mấy người mượn
tuổi trẻ căng đầy nhựa sống
làm bia thử vũ khí cá nhân

tôi cho mấy người mượn
ông già, bà lão, con nít, thiếu niên
để thử các chánh sách chấn dân, cai trị

tôi cho mấy người mượn
khối óc linh hồn
để thử thuốc nhuộm đen nhuộm đỏ

tôi cho mấy người mượn hết rồi đó
xin dành lại cho tôi
những nỗi căm hờn
và tấm lòng độ lượng rất đông phương

(Tình Thương số 24 tháng 12-65)



Ký họa của Đỗ Hồng Ngọc

THƯ CHO BÉ SƠ SINH

*khi em cất tiếng khóc chào đời
anh đại diện đời chào em bằng nụ cười
lớn lên nhớ đừng hỏi tại sao có kẻ cười người khóc
trong cùng một cảnh ngộ nghe em,*

*anh nhỏ vào mắt em thứ thuốc màu nâu
nói là để ngừa đau mắt
ngay lúc đó em đã không nhìn đời qua mắt thực
nhớ đừng hỏi vì sao đời tối đen.*

*khi anh cắt rốn cho em
anh đã xin lỗi chân thành rồi đó nhé
vì từ nay em đã phải cô đơn
em đã phải xa địa đàng lòng mẹ*

em là gái là trai anh chẳng quan tâm

*nhưng khi em biết thẹn thùng
sẽ biết thế nào là nước mắt trong đêm
khi tình yêu tìm đến*

*anh đã không quên buộc etiquette vào tay em
em được dán nhãn hiệu từ giây phút đó
nhớ đừng tự hỏi tôi là ai khi lớn khôn
cũng đừng ngạc nhiên sao đòi nhiều nhãn hiệu*

*khi em mở mắt ngỡ ngàng nhìn anh
anh cũng ngỡ ngàng nhìn qua khung kính cửa
một ngày đã thức giấc với vội vàng với hoang mang
với những danh từ đao to búa lớn
để bịp lừa để đổ máu đỏ em!*

*thôi trân trọng chào em,
mời em nhập cuộc
chúng mình cùng chung
số phận
con người...*

Đỗ Nghê (Bệnh viện Từ Dũ, Saigon)

TÂM SỰ LẠC LONG QUÂN

*khi ta đưa các con 50 người xuống biển
và vợ ta đưa 50 đứa lên rừng
lòng ta đã rất đổi bản khoăn
có một điều gì khiến ta linh cảm trước
nhưng vì yêu vì thương các con
vì muốn non sông mình thêm gấm vóc
và cũng vì mẹ các con đoan chắc
các con sẽ không bao giờ quên
đã cùng sinh ra trong một bọc
một trăm trứng
một trăm con
các con sẽ không bao giờ quên...*

nhưng bây giờ mọi sự xảy ra
các con đều đã rõ
những vết ô nhục trong lịch sử chúng ta
các con đều đã rõ
nên ta vẫn đau lòng tự hỏi
muôn lỗi lầm này có phải vì ta
khi ta đưa các con 50 người xuống biển
và vợ ta đưa 50 đứa lên rừng

càng ăn năn ta càng thương các con nhiều nữa
nên vẫn hằng mong
nếu các con còn nhớ
đã cùng sinh ra trong một bọc
thì hãy nghe ta
đốt hết sách vở, xé hết cờ xí đi
rồi đứng ôm nhau mà khóc
nước mắt sẽ làm tươi lại cỏ cây
nước mắt sẽ làm phì nhiêu mảnh đất
thì hãy nghe ta

hỡi các con gái con trai của ta
trót mê cuồng trong dục vọng đảo điên
trót bán tâm hồn buôn thể xác
hãy tha thứ cho nhau – tha thứ hết
rồi nắm tay cùng gây dựng lại quê hương
vì lỗi lầm này nào phải bởi các con

khi ta đưa các con 50 người xuống biển
và vợ ta đưa 50 đứa lên rừng...

Đỗ Nghê (1965)



Ký họa của Đỗ Hồng Ngọc

TÌNH THƯƠNG *(Trích)*

PHAN HUY MỘNG

người chết ở pleime

thằng vũ chết rồi trong trận pleime đó em
thằng vũ chết rồi trong trận đánh pleime đó em
khủng khiếp và khốc liệt
những lần về phép sau này em ra cửa đón anh
sẽ không bao giờ thấy nó
nó chết rồi
thằng vũ nó chết trong trận pleime cho quê hương
đó - nó nằm đó - nó ngồi đó
những tràng súng nổ chính nó bóp cò, địch bóp cò
cho tất cả chúng ta trong trận giặc chúng ta
đó - nó nằm đó che giấu chỗ nát bấy trên ngực
dòng máu đỏ đọng lại trên thảm cỏ khô
đến nhận diện đi em
em hãy khóc lớn một chút rồi đốt cho nó mấy que nhang

thằng bạn đồng đội chĩa mũi súng lên trời hét lớn:
ta sẽ thù cho mày - sẽ trả thù cho mày
xong tất cả
đồng cúi xuống đập lên mình nó một lá cờ
tổ quốc đó nghe vũ
tổ quốc khóc mày đó - thương mày đó

*nam trung bắc nhớ ơn mây với chiến trường pleime
tao đây nghe vũ với cảm xúc phiền muộn
nổi đốn đau cồn cào trong lồng ngực
hết rồi hết rồi - nhận diện vũ lần cuối
đến nhận diện vũ lần cuối đi em
nó chết rồi trong trận pleime và cho quê hương.*

(Tình Thương số 28 tháng 4-1966)

LÂN

tình sẽ không lời

*rồi đêm cũng vào không tiếp thu
mây cao lạnh lạnh thả sương mù
đã nghe rét mướt vào hơi thở
này có điều hui giấc mộng du?*

*và cũng từ nay nghe rất quen
bên mình biến biệt một tìm quen
dăm nét âm u hong mắt mỗi
buồn lại thắm nghe khi nhắc tên*

(NS Tình Thương số 13)

██████████

CHU TÂN

Lần về phố thị

Giờ anh rời bỏ cao nguyên

*Dầu xa còn dáng môi mềm tiễn đưa
Chim buồn bã cánh vẫy khua
Mắt xanh màu mạ, gió đùa thủy tinh*

*Anh mong em vẫn yên lành
Bụi cao nguyên đỏ - dấu hình em xa
Lần về phố thị bơ-vơ
Gió hôn tóc nắng lệch bờ môi khô*

*Rồi mai phiêu-bạt sông hồ
Anh nâng niu nỗi lọc lừa trong anh
Đường về vẫn dáng chênh vênh
Nép chân mây để hồn mình lãng-du*

CHU-TÂN

(Nguyệt san Tình Thương - Số 28)



trần huyền thoại

Đêm

*bây giờ nhìn trước ngõ sau
thấy trong cuộc chiến lao đao phận mình
nỗi ưu phiền cũng lớn lên
tôi xuôi tay ngó trăm miền lửa binh
tôi còn mỗi mắt trong đêm
soi thân ngấm dạng thấy thèm tương lai
thôi em còn chút đêm này
cho anh ngồi nhớ lại ngày thanh xuân
**

*bây giờ hồn đã lớn khôn
nên thân thể cũng u buồn hơn xưa*

trần huyền thoại
(Tình Thương số 28)

HOÀNG THỊ THỦY TIÊN
ý nghĩ buổi sáng

*người thiếu phụ chạy băng qua cánh đồng
mùa thu có trái đầy xác chết
lúc ấy vào nửa đêm
nàng nhớ rất nhiều giọt nước mắt để
mong thấp sáng khuôn mặt yêu dấu nhưng vô vọng
một lũ quạ đen xòa đôi cánh đen phù thủy và
những tiếng rên la thảm thiết từ cỏ non dấy lên
nàng kinh hãi ngã xuống
và lúc tỉnh dậy thì ánh sáng không bao giờ mọc*

Hoàng thị Thủy Tiên
Qui Nhơn
(Tinh Thương số 18 tháng 6-1965)

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

bài tình yêu cho nga

*anh cúi xuống ôm tình yêu đã lớn
lòng bỗng buồn rung rức gọi tên Nga
đêm nước mắt chảy về thăm biển rộng
anh đợi chờ Nga đã bỏ đi xa
nên từ đó đời không còn vui nữa
tuổi ngoan hiền anh sớm đã bỏ quên
mùa hạ đến rung hồn như đóm lửa
tìm giọt mưa tươi xuống khoảng ưu phiền.
cùng ngày tháng buồn chia từng nhánh nhỏ*

*cháy qua hồn từ trước đã hoang vu
nắng quá nhiều giờ trời trơ mắt đỏ
cánh tay già như lau lách mùa thu.*

*anh bỏ đi tìm Nga như thuở trước
làm con tàu cùng ngày tháng xuyên sơn
ở lại sân ga nỗi buồn anh đếm bước
nên tương lai chưa xốt gọi trong hồn.*

(trích phiên ca hoang)

(Tình Thương số 18)

■■■■■■■■■■

NGUYỄN PHƯƠNG LOAN

mùa hạ

tặng Lộc và Trường

*Nàng gặp chàng trong một khu nhà
Và sáng mở mắt chàng lại đi xa
Cỏ hoa vàng trong tim khô héo
Nàng quàng áo ôm cô đơn ngủ suốt buổi chiều
Ôm vào tâm hồn con đường ghi dấu chân chàng
Quyến luyến những buổi chiều tóc môi gần gũi*

Nguyễn Phương Loan

(HOANG CA)

(Tình Thương số 19)

■■■■■■■■■■

NÀNG LAI

Thơ cho bạn

*Ta muốn tiếng nhạc cao hơn niềm yên lặng
hồi chim ngoan hãy hát nổi ngọt ngào
mắt bạn ta bây giờ không mở nữa
tay đã xuôi và trán đã bình an
Trong ngực im còn nguyên niềm bí mật
nguyên nụ cười và tiếng nói lênh đênh
nguyên những quen thân của từng khuôn mặt
những mơ hồ bao ước vọng mộng mênh
những sớm hư vô, những chiều bề bạn
những đêm về khu phố nhỏ có nhau
Via hè băng quơ tiếng giày gỗ nhịp
những hơi nồng tan cuộc rượu tiễn đưa
Chim hãy hát những lời thu ca ấy,
như tờ trời trong tuổi nhỏ bạn ta
cho giấc ngủ ngàn năm không còn nặng
nỗi thanh bình từ đó khỏi xót xa*

*Bởi khi sống chỉ nghe lời súng trận
mắt chỉ nhìn lửa đốt cháy quê hương
hai mươi năm đi qua đời không trọn
trong tim buồn còn thiếu một lời ru*

*Hát cao lên, hát cao lên chim ơi
Xin hát cao chim ơi, niềm mộng mị
Mẹ vỗ về con, chị vỗ về em
giấc ngủ bạn ta cũng chừng cảm động
thấy trên đời bạn hữu bỗng đông vui
những đứa ở xa trở về góp mặt
mềm môi say theo với nước mắt tuôn
chuyện cũ vi vu, những ngày lặn đạn
có nhau rồi binh lửa cũng xa xôi*

*Nhưng còn ta đã nửa ngày im tiếng
Giọt nền tàn mà nước mắt cũng khô
Buổi chiều hắt hiu xám dần ngoài đó
Ta giật mình, lòng đã sớm hư vô?*

*Bốn bức tường vôi ngậm ngùi vĩnh biệt
Giương mắt nhìn không giấu được phân vân
Mà tai bạn ta không còn nghe được nữa
Để nghe người, lừa lọc với ăn năn*

*Hay là chim dạy ta lời phủ dụ
Dạy cho ta lời bí mật vô biên
Ta sẽ hỏi thăm bạn ta rất nhỏ
Khi chết rồi còn muốn dặn chi không?*

NÀNG-LAI
(Tình Thương - Số 29)



PHẠM NGỌC LÂN

Gia tài

*Này chia cho một cánh tay
Hãy đem phơi trên miệng súng đồng
Hãy cắm sâu vào đầu lưỡi lê
Hãy đem treo lên dàn bếp đồ
Cho nắng thiêu cho khói củi un*

*Này chia thêm một cánh tay
Hãy bóc da hãy lóc thịt đi
Da khô rồi căng làm trống trận
Lấy khúc xương to làm một cái dùi
Này chia cho đôi chân dài ngoằng*

*Qua cánh đồng rào dây kẽm gai
Bước ngang thân địch thù ngã xuống
Vào quê hương đất mẹ nhục nhằn
Ôi khu vườn với mùa trái cũ
Với xóm làng lửa đạn cháy tiêu
Dẫm hào sâu hầm chông bầy sập*

*Này chia cho chiếc đầu lâu
Hãy ấn cổ tôi vào máy chém
Nhớ cặp mắt cho đôi điều hâu
Hãy khoét đi để khỏi nhìn thấy*

*Này phần em, trái tim trong ngực
Hãy moi ra làm của hồi môn
Nhớ dòng máu bắt đầu ngưng đọng
Hãy thoa lên cho môi đỏ hơn.*

(Tình Thương số 29)



TRANG CHÂU

mừng em

*Đêm nay thức trắng cùng ly rượu
Say để mừng em mặc áo hồng
Khốn nạn, chưa hề vui đến thế
Anh với hồn anh cười vỡ phòng
Pháo cười nơi này e rộn rã
Giờ này em tôi e sang sông
Lạy trời gió thuận, thuyền xuôi mái
Chở hộ em về một bến trong
Xa xôi anh gửi hồn theo mộng
Đếm bước em đi tận cuối lòng*

Sắc áo đã mờ bên xứ họ
Bụi hồng còn vết bánh xe không
Đêm nay anh uống cơn sầu nào
Vời rượu mà vui em lấy chồng
Chắc hẳn ngày mai buồn tẻ lắm
Người đi mang hết mấy mùa xuân
Đã cố chôn sâu nhiều dĩ vãng
Mà quang gánh lấy nghiệp phiêu bồng
Nhưng năm tháng chết hồn cô lạnh
Không kín nỗi buồn em sang sông
Người ta đến với trầu cau thật
Anh đến với em hai bàn tay không
Vâng, em không thể chờ mong kẻ
Trọn đời là một gã tình nhân.
Anh say anh thấy em mời rượu
Anh uống cho em dậy má hồng
Anh muốn rủ hồn vui một bận
Cho hồn quên bớt nỗi long đong
Em ơi! Rượu không say mà đắng
Đắng cả đôi môi, đắng cả lòng
Người đi có mấy người đưa tiễn
Chỉ một người về mang nhớ nhung
Gởi em một chút tình thương nhớ
Chất chứa trong ly rượu cuối cùng
Từ phút giây này em đã chết
Anh gọi thăm em : LAN, cố nhân

trang châu
(trong Tình Một Thuở)
(Tình Thương số 6)

Bùi Thế

HẤP LỰC TÍNH DỤC trong SINH HOẠT SÙNG TÍN ở thời đại chúng ta

Sau khi những cơn gió lốc thời cuộc đã thổi qua, tâm trí mọi người mới thanh thoi đôi chút để kinh ngạc nhìn thấy sự bành trướng mau lẹ của những tổ chức tôn giáo đấu tranh chính trị. Những tổ chức này được sự tham gia đông đảo của thanh niên nam nữ đầy khả năng và nhiệt huyết, đang ra sức hoạt động để gây thêm uy tín và ảnh hưởng trên phần đất tự do còn lại này của Tổ quốc Việt Nam.

Hiện tượng này, nếu xảy ra ở một thời gian và không gian nào khác thì có lẽ nó đã không mang cái tính chất QUÁI GỖ và NGƯỢC ĐỐI bằng sự xuất hiện của nó vào hậu bán thế kỷ thứ XX này, trong lúc mọi GIÁO HỘI (ÉGLISES) đang tàn tạ và trong lúc Khoa-Học và Kỹ-Thuật đang thay được quyền Tạo Hóa.

Quả thật đó là một hiện tượng kỳ khôi. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi từ ngày 1-11-1963 đến nay, các tổ chức tàn mác đó đã tụ tập lại được thành một phong trào lớn, được sự tham gia đông đảo thật sự của nhiều tầng lớp dân chúng mà đặc điểm là sự có mặt ngày càng nhiều của giới thanh niên nam nữ, phần đông đều là Sinh viên, Học Sinh Thủ đô và các

thành thị lớn.

Tại sao cái “hiện tượng” này lại quái gở và ngược đời ?

- Tổ quốc chúng ta đang bị xâm lăng, cái viễn tượng kinh hoàng của muôn gót sắt quân Tàu đỏ giày xéo non sông gấm vóc này, cùng với tình trạng chậm tiến về mọi mặt của xứ sở đã không làm cho mọi người chú ý và bận tâm, bao nhiêu khả năng và nhiệt huyết, người ta đang vung phí để tổ chức và cổ suy một TRIẾT LÝ BI QUAN, LỖI THỜI KHÔNG CÓ MỘT CHÚT TÍNH CHẤT ÁI QUỐC VÀ TIẾN BỘ NÀO.

Ngược đời là ở chỗ đó! Còn quái gở là sự thành công nhanh chóng của cái “hiện tượng” này, từ con số không, chỉ trong một thời gian ngắn đã trở nên một lực lượng quần chúng mạnh mẽ, chi phối mọi hoạt động quốc gia.

Sự thành công và bành trướng như thổi của cái “hiện tượng” trái cựa này đặt ra cho chúng ta những câu hỏi lớn:

- Tại sao nó đã thành công?

- Vì sao nó đã thành công?

Nó đã thành công vì nó đã thu hút được một số lớn dân chúng.

Vì sao nó đã thu hút được dân chúng?

Đó là câu hỏi mà bài này, trong phạm vi nhỏ bé của nó sẽ cố gắng trả lời.

Trong thời kỳ gay cấn của những cuộc đấu tranh, sự chiến thắng của nó một phần lớn là do công lao của một nhóm NGƯỜI-LÃNH-ĐẠO can đảm và thông minh đã biết khéo léo lợi dụng thời cơ và tâm lý quần chúng.

Nhưng thời cơ thuận lợi thì không lúc nào cũng có, mà quần chúng thì vì công việc và cuộc sống cũng ít khi chịu chú ý vào những việc thời sự một cách liên tục. Vậy nếu chỉ giản dị có thế thì đáng lẽ chỉ sau một thời gian bùng cháy, phong trào phải nguội dần đi.

Trái với mọi dự liệu, không những với thời gian, nó được củng cố mà mỗi ngày càng phát triển lớn mạnh thêm lên.

- VẬY THÌ MẠNH LỰC NÀO ĐÃ LÔI KÉO QUẦN CHÚNG TẠO RA CÁI “HIỆN TƯỢNG” ĐÓ? Những lý lẽ sắc mùi tuyên truyền như bảo vệ cái này, cái kia, chống đối cái này, cái nọ chỉ có thể hiểu được trong những ngày đầu nóng bỏng của cuộc đấu tranh. Nó đã gây được lòng uất hận và thù hằn của quần chúng đối với kẻ thù của phong trào và vì vậy đã đóng góp một phần lớn vào sự chiến thắng. Nhưng những lý lẽ

này không cắt nghĩa được sự nuôi dưỡng và bành trướng của phong trào một khi đối tượng đấu tranh đã bị đánh ngã.

- Vậy thì mê tín dị đoan chăng? Lý lẽ này có thể dẫn chứng được nếu thành phần những người tham gia phong trào chỉ gồm toàn ông già bà lão. Nhưng không, vì ngoài ông già bà lão, phong trào còn được sự tham gia tích cực và ngày càng đông của Sinh viên Học Sinh thành phần trẻ trung và tiến bộ nhất của xã hội Việt Nam. Thật là khó hiểu?

Lý lẽ nghe xuôi tai nhất có lẽ là viễn tượng một cuộc chiến tranh không bao giờ dứt đã biến phong trào này thành nơi AN ỦI TỐI HẬU CỦA DÂN CHÚNG VIỆT NAM BẮN KHOẢN VÀ HOẢNG SỢ SAU BAO NĂM CHỊU ĐỪNG GIẶC GIÃ...

Tìm nguồn an ủi. Được lắm nhưng bằng cách nào? Hình thái và tính chất của sự an ủi ấy ra sao?

Xét qua những đám người đông đảo ùn ùn và chăm chỉ lui tới những trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng, chúng ta có thể đưa ra giả thuyết là sự an ủi đó - nếu có - đã thể hiện dưới hình thức những “SINH HOẠT SÙNG TÍN”) (activités mystiques) hay đi xa hơn nữa “cuồng tín”.

Hình thái của nó có thể như vậy nhưng tính chất của những “sinh hoạt sùng tín” này có mang màu sắc sùng tín thật sự không, chúng ta không thể quyết đoán được vì đó là một sự kiện chủ quan cần phải bàn luận.

Thật vậy, tuy sự sùng tín là một trong những sinh hoạt tâm linh căn bản của con người, nhưng không thể tin được là ngày nay, ở giữa thời đại Nguyên tử và Hòa tiền, con người trong xã hội hiện tại có thể còn vương vấn cái “sùng tín giác” (Sens mystique) của những thời cổ xưa xa xăm, cái thời mà tôn giáo còn là nền móng của đời sống gia đình và xã hội. Nói thật, bây giờ chúng ta khó lòng mà hiểu được ý nghĩa của những đền chùa mà tổ tiên ta đã xây cất rải rác khắp nơi trên đất nước. Vậy nếu những “sinh hoạt sùng tín” đó không mang tính chất sùng tín thì tính chất thực sự của nó là gì?

Chúng tôi xin đưa ra đây một giả thuyết nữa để có thể giải thích một cách hữu lý sự xuất hiện đột ngột của những “sinh hoạt sùng tín” ở thời đại chúng ta.

Đó là “HẤP LỰC TÍNH DỤC” (attraction libidineuse) (1) của những sinh hoạt này. Nó là hậu quả tất nhiên của sự diễn tiến

tính dục (évolution de la libido) sau khi đã bị những CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ VÀ THÀNH KIẾN ĐỀ NỀN. Nó cũng là hậu quả của sự đụng chạm của hai nền văn minh Đông và Tây và của hai thế hệ già và trẻ trong xã hội Việt Nam loạn ly ngày nay.

Sau bao năm bị cấm đoán dưới chế độ chính trị cũ, nam nữ thanh niên ngày nay đã dùng khoảng thời gian để lo âu, khắc khoải khi trước vào những cuộc “sinh hoạt sùng tín” đầy hứng thú và phấn khởi mà ở đó họ có dịp làm quen với những “khuôn mặt mới”, và cùng nhau sinh hoạt trong “đạo đức và tình thương mến”. Trong những dịp này họ được thoát ly gia đình một cách chánh đáng và tránh được dị nghị của mọi người. .

Trong khi một số ít gia đình “mới” nhìn sự tiếp xúc giữa thanh niên nam nữ dưới những đôi mắt khoan dung và hiểu biết thì một đa số khác lên án nghiêm khắc những cuộc gặp gỡ đó nếu bọn trẻ không khôn ngoan dán lên trên những nhãn hiệu tôn giáo.

Cũng hợp bạn, cũng cấm trại, nhưng một đảng thì bị cấm đoán và chê trách còn một đảng lại được khuyến khích và đề cao; cả hai đảng, đảng nào đưa đến những mục đích tương tự thì ai đại gì mà lại đi chọn con đường bị người ta cấm đoán và chê trách?

Đó là những hành vi bình thường của sự biểu lộ bản năng tình dục (instinct sexuel) của mỗi người nam cũng như nữ. “Tình dục” này là một sự kiện bình thường (Normal) giữa những con người lành mạnh cùng có những điều kiện xã hội, văn hóa và tâm lý như nhau (de même condition) không có gì là lạ lùng khó hiểu (2). Có lạ lùng đôi chút phải chăng là sự xuất hiện của “hấp lực tính dục” giữa những người thân phận khác nhau như giữa thầy và trò, con và bố mẹ hay giữa người thể tục và kẻ tu hành. Đối với người phạm tục sự kiện trên đây xem ra có vẻ dị thường lắm nhưng luôn luôn vẫn được những nhà phân tâm học và xã hội học quan sát. Freud, từ lâu, đã nhận thấy thật dễ dàng khi những tương quan tình cảm (relations affectives) xây dựng trên sự biết ơn hay ái mộ, biến thành những ham muốn tình dục (désirs érotiques). Ông viết rằng “những tương quan tình cảm này, ngay từ lúc mới chớm nở, tuy mới đầu không có dụng ý gì, cũng trực tiếp mở đường cho

những thèm khát tình dục” (2), PFISTER trong cuốn “LA PIÉTÉ du COMTE DE ZINZENDORF” còn đưa ra những thí dụ điển hình chứng minh rằng một sự sùng tín cao độ (intense attache religieuse) có thể dễ dàng biến thành sự thèm muốn tình dục nóng bỏng (ardente convoitise sexuelle) (3).

Hiện tượng tâm lý này có thể giải thích được sự có mặt đồng đảo của dân chúng nhất là của nữ giới, trong các cuộc “Sinh hoạt Sùng tín” đã nói tới ở trên.

Đối tượng của sự thèm muốn tình dục đó, chính là những lãnh tụ điều khiển các cuộc “Sinh hoạt Sùng tín” này.

Trước mắt đám người ái mộ kia, họ tượng trưng cho đạo đức, lòng can trường, trí thông minh và tài giỏi. Họ là hình ảnh người tình lý tưởng của mọi trái tim nam cũng như nữ vì theo FREUD, ái tình đồng phái (amour homosexuel) cũng bắt nguồn từ hiện tượng tâm lý đã nói trên (2) Trong tâm khảm mọi người, tình trạng khác biệt về thân phận hầu như không còn nữa và để tâm hồn mặc tình tượng tượng ra những ảo ảnh tượng (imago). Nhưng trong thực tế ái tình đó là một thứ “ái tình bị cản trở” (amour entravé) nên nó có tác dụng làm tăng cường độ của những khuynh hướng tình dục này. Biết là không thể nào lấy được người mình yêu, người ta bèn kiếm cách để được gần gũi hoặc được ngắm nhìn hay lắng nghe người mình yêu mến. Đó là bước đầu cho sự “Cao thượng Hóa” (Sublimation) những khuynh hướng tình dục bị ngăn trở đó. (4).

Giả thuyết “hấp lực tính dục” vừa được trình bày ở trên có thể cắt nghĩa được sự đồng đảo và siêng năng của người ta trong sự tham gia những buổi “Sinh hoạt Sùng tín”.

Người tình thương mến đang chờ đợi ta, vậy ta hãy tới để ngắm nghía dung nhan và nghe lời dạy dỗ triu mến của chàng để được chia sẻ những hiểm nguy mà chàng phải gánh chịu để được thỏa tình than khóc khi chàng phải hy sinh tính mệnh... !!

Qua phần trình bày trên, “hấp lực tính dục” giữa tín đồ với nhau và giữa tín-đồ với người tu hành, hậu quả của cái tình thần khủng hoảng của dân chúng sau 20 năm chiến tranh, của cuộc xung đột văn hóa Đông Tây và của viễn ảnh một tương lai bấp bênh đã không ít thì nhiều cắt nghĩa được sự xuất hiện của những phong trào tôn giáo và sự bành trướng mau lẹ của

những phong trào này ở thời đại chúng ta, thời đại biểu hiện sự đại bại của các triết lý hủ hóa và yếm thế trước các thành công rực rỡ của KHOA-HỌC và KỸ-THUẬT.

Đặt ra giả thuyết trên, tác giả bài này không có ý đưa ra một kết luận nào cả mà chỉ mong độc giả coi những dòng chữ này như một cố gắng để giải thích một cách có thể nghe được (plausible) một “hiện tượng” trái cựa.

Bùi Thế

(1) Nachmansohn - Freud's Libidotheorie verlichen mit der Eroslehre Platos. (Internal. Zeilsch. f./ Pschoanal).

(2) Freud – Sexualtheorie

Totem et Tabou

Tabou et Ambivalence

(3) Pfister – La piété du comte de Zinzendorf

(4) Robertson Smith - Kinship and Marriage.

(Nguyệt san Tình Thương số 17 tháng 5-1965)

Người bệnh nhân số 15

TRẦN VĂN BẢNG

(truyện)

Người trưởng trại:

- Anh Ba dẫn ông này đến giường số 15.

Anh Ba người y-công:

- Dạ!

Người trưởng trại nhìn tôi với con mắt thân nhiên, giọng nói của ông bình thản. Công việc của ông quá bận rộn, ông không có thì giờ để ý đặc biệt đến tôi.

Tôi đi theo anh Ba đến giường số 15, một cái giường sắt, trên khung màn đeo một tấm bảng có viết con số 15.

Từ bây giờ, tôi với con số 15 có liên-lạc mật thiết. Nhân viên bệnh-viện, từ bác sĩ, sinh-viên, y-tá đến y công không có ai kêu tên tôi, mà đều gọi tôi là “Ông số 15”. Tôi còn nhớ hồi Pháp thuộc, người ta kêu tên những người lính-khố đỏ bằng con số: anh cá-dán (40), anh vanh-liêng (21), anh xăng-cát-tô (114). Đánh số những người bệnh cũng như những xe-hơi, những dãy nhà, những dụng cụ trong một xưởng máy. Tôi trở thành con số, tôi hết là “Tôi”, tôi thành con người trừu tượng, tôi hết bản ngã, tôi mất linh hồn...

Tôi đang triết lý vắn vơ, thì một thanh niên mặc áo bờ-lu trắng tiến tới:

- Ông đau bệnh gì? - Anh hỏi tôi đột ngột.

Tôi chưa gặp anh bao giờ, anh cũng không tự giới-thiệu, nên câu hỏi của anh làm tôi hơi ngạc-nhiên. Nhưng tôi trông thấy tên anh thêu bằng chữ đỏ trên ngực, và đoán đây là một sinh viên y học.

- Ông đau ở đâu? Đau sao? Từ bao giờ? v.v... - Anh sinh viên dồn dập hỏi tôi nhiều câu

- Ông có nghiện rượu không? Nghiện thuốc không? Có bệnh hoa liễu không? v.v...

Tôi thấy ngượng. Tôi có cảm tưởng anh đang đi sâu vào đời tư của tôi.

Ngay lúc bấy giờ, một nữ y tá trẻ đẹp đến lấy mạch cho tôi. Anh sinh viên và cô này cứ liếc nhau hoài; hình như hai người này không đếm xỉa đến sự có mặt của tôi. Họ coi tôi như một vật vô tri, vô-giác. Tôi tự nghĩ, nếu bây giờ tôi chết đi thì hai người rất có thể hôn nhau bên cạnh xác chết của tôi.

Người nữ y-tá ra khỏi phòng thì một tốp sinh viên, tôi không biết là bao nhiêu người, có cả nữ sinh viên, kéo đến. Họ xúm quanh giường tôi, lần lượt họ nắn bụng tôi. Có một vài bàn tay nhẹ nhõm, còn phần nhiều là những bàn tay cục mịch làm cho bụng tôi đã đau lại đau thêm. Rồi một người lấy bút chì vẽ lên bụng tôi chu vi lá gan và lá lách - Anh vẽ một cách thần nhiên, anh coi bụng tôi như tấm bảng anh dùng để vẽ chơi. Tôi không hiểu anh vẽ để làm gì nên cảm thấy khó chịu.

- Thầy tới! Một sinh viên nói lớn. Tôi thấy một bác sĩ đứng tuổi, và theo ông một đoàn sinh viên, tiến tới giường tôi. Lời ông nói đầu tiên là chất vấn anh sinh viên phụ trách thảo hồ sơ bệnh lý của tôi. Ông có vẻ lưu ý đến sinh viên hơn là đến bệnh nhân. Tôi đoán chắc là ông giáo sư. Nhưng ông đóng vai giáo sư nhiều hơn vai trò bác sĩ điều trị. Ông chăm chú nghe người sinh viên đọc hồ sơ bệnh lý. Rồi ông ngấm ngấm cái bụng tôi. Ông để ý đến cái bụng tôi nhiều hơn là để ý đến tôi. Đường như chỉ có cái bụng tôi với gan sưng và lá lách nở là đáng để ông và học trò ông chú ý, còn mặt mũi tôi chắc không có gì khả ái.

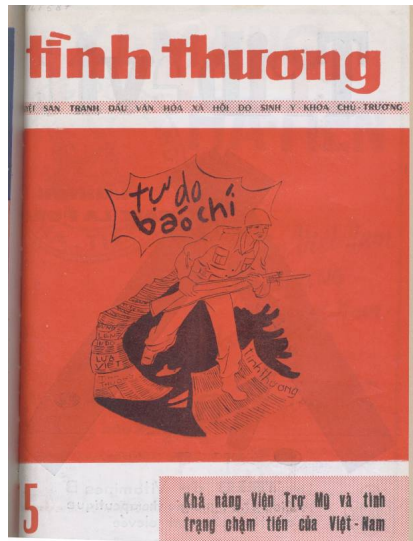
Ông bắt đầu giảng bệnh của tôi cho học trò nghe. Ông nói thao thao bất tuyệt. Ông phan phui bệnh trạng. Ông kể ra những biến chứng hiểm nghèo của bệnh tôi - Sau hết ông mạt sát chứng nghiện rượu kinh niên của tôi. Ông nói một cách hăng say. Có lẽ ông quên rằng tôi có thể hiểu những lời của ông. Xong rồi, ông gõ, ông đo, ông nắn, ông mân mê lá gan của tôi một cách chăm chú.

- Các anh coi, lá gan này khô như cục gỗ. Nếu ta lấy dao cắt thì sẽ như kêu “còn cọt”! Tôi nghe mà rùng mình - Tôi tưởng tượng như đang nằm trên bàn giải phẫu tử thi và người ta đang xúm nhau vào cắt tôi ra từng mảnh.

Giáo sư và sinh viên bước ra khỏi phòng. Tôi còn nghe vọng lại lời phê bình khoái trá “C'est un beau cas” (một trường hợp thật là hay! Nhưng chỉ hay đối với bác sĩ, không hay đối với bệnh nhân).

Tôi bàng hoàng, cúi xuống nhìn những nét bút chì vẽ trên bụng. Người ta đã quên tôi là bệnh nhân và chỉ biết tôi là một “trường hợp bệnh”.

Trần văn Bả
(Tình thương số15)



nàng lai

trên đồi



là lô cốt

đoạn văn của
Nàng Lai

Phía tây thành phố Huế có một ngọn đồi không cao lắm. Trên đồi có một lô cốt bỏ hoang. Trên mặt lô cốt thì có những hòn đá, hòn sỏi mà tụi con nít leo lên chơi bỏ lại. Những hòn đá nằm vô tội và hòa bình hết sức. Tôi chỉ cho người con gái đi cạnh tôi xem những viên đá ấy, nàng không để ý, chỉ bằng khuôn mặt hỏi:

- Lúc trước, mấy người ở trong lô cốt chắc nóng lắm...

Một lần khác, tôi thấy một họa sĩ đặt giá vẽ lên trên mặt lô cốt. Ông ta còn trẻ và muốn vẽ dòng sông dưới chân đồi. Tôi nói: “Đẹp”. Ông ta trả lời: “Đẹp”. Thật ra, ông không có dáng nghệ sĩ lắm. Tôi tin là ông hoàn toàn không để tâm thắc mắc đến những người đã sống trong lô cốt này có nóng không.

Ở Huế, tôi phải gọi những người em gái của cha tôi là O. Ở Bắc thì Cô. Ở Nam, người ta lẫn lộn cô với thím. Trong liên hệ ấy, tôi phải gọi người con gái đi cạnh tôi trên đồi là O. Căn nhà O ở nằm bên một con đường vắng. Ở Huế, phần nhiều những con đường đều vắng như vậy. Tôi biết O đã lớn lên nơi đây, bên con đường này, thở không khí này. Tôi biết O mười bảy tuổi, học lớp đệ nhị trường Đồng Khánh, ban vạn vật... Tôi biết đã bao năm, O mỗi ngày đạp chiếc xe đạp con gái son

trắng, qua trường rồi trở về, đều đặn trên con đường yên tĩnh. Tôi còn biết O chưa hề yêu một người con trai nào. Sự nhận biết sau cùng này òa vỡ trong tôi những xúc động nửa băng quơ, nửa cấp thiết.

Làm sao và làm sao cắt nghĩa điều đó, làm sao cắt nghĩa được sự kiện người con gái mười bảy tuổi, lớn lên nơi đây, không hề nghĩ đến một người con trai? Nhất là khi người con gái ấy đẹp. Những đêm dạo chơi với những người bạn dưới vòm trời đầy sao, đi ngang nhà O, tôi vẫn có thói quen ngó vào để nhìn khuôn cửa mở rộng, ánh đèn trắng xanh, và bóng O ngồi dưới bóng đèn ấy. Đẹp. O ngồi trước bàn học, hai tay bình yên nắm cuốn vở, mái tóc đen ôm lấy vai, khuôn mặt cúi xuống, hai bờ vai mảnh dẻ, gầy đến xót xa. Tôi nghĩ rằng không còn hình ảnh nào an phận hơn hình ảnh một người con gái ngồi một mình dưới ánh đèn. Dáng người của O làm tôi có cảm tưởng O đang buồn trong khi tôi hiểu rằng O không hay buồn. Nhưng ở O có một điều gì đó ngăn cách O với thế giới bên ngoài khuôn cửa kia, ánh đèn trắng xanh kia. Trong thế giới của O có nỗi bình yên và trầm tĩnh, cái gì đơn độc và quanh hiu, những điều ấy vây bọc lấy dáng bé nhỏ của người O.

Nhìn O, tôi vẫn thường mang cái cảm giác se sắt. Tôi định nói điều ấy với O, nhưng tôi biết là không thể nào nói được. O thường ở nhà và ít bạn. O có đôi mắt to và đen. Tôi nói với O rằng đôi mắt O đẹp lắm. O cười ngượng ngùng và nói rằng O không thích tôi nói như vậy. O có cái dáng thân nhiên và bình yên lạ lùng. Không bao giờ tôi thấy O hốt hoảng hay mất bình tĩnh. Khuôn mặt O không hề biểu lộ một biến động tình cảm nào, nhưng tôi biết O chưa hề nghĩ đến một người con trai, phải tôi biết, O mười bảy tuổi và chưa hề nghĩ đến một người con trai. Dáng bình yên của O nói lên điều đó. Nhiều điều không cắt nghĩa được đã nói lên điều đó. Thật ra có thể tôi nhầm. Nhưng tôi không hề nghĩ như vậy.

Những ngày trời mưa, trời nắng, những ngày mùa thu, mùa xuân, mọi sự đều trôi qua bên cạnh O hay chính O trôi bên cạnh mọi sự. Cái sinh hoạt đầy biến động của tuổi trẻ hoàn toàn xa vắng trên khuôn mặt O. Mỗi lần nhìn O, tôi muốn hòa đồng vào cái thế giới của O để quên đi những cái đang ở trong tầm tay và ngoài tầm tay mình.

O rất ít nói. Tôi vẫn thường qua thăm O những buổi sáng chưa nhật. Bấy giờ nắng trên những cánh cửa màu xanh. O ngồi bên cạnh tôi. O có mái tóc thề đẹp hết sức. Những người con gái ở Huế thường có mái tóc ấy. Những sợi tóc đen và mềm làm tôi mang cái ước muốn lồng mười ngón tay của mình trong rùng tóc ấy. Đôi lúc tôi làm điều tôi muốn. Tôi thấy những ngón tay mình phạm phu vô cùng. Còn O, những lần đó, O chỉ khẽ gỡ tay tôi ra và nói với tôi là O không thích tôi làm như vậy, tóc O sẽ rối lên.

O hay ngồi im lặng nghe tôi nói chuyện. Bao giờ tôi cũng có nhiều chuyện để kể với O. Tôi vẫn thường mang cảm tưởng rằng nói được với O, tôi sẽ đỡ khổ sở một mình. Có những điều tôi nói ra mà biết là O không hiểu. Có những điều tôi bịa. Nhờ O, tôi được nói một mình mà không cảm thấy độc thoại. O không bao giờ hỏi. O không tò mò. O chỉ ngồi và nghe. Thỉnh thoảng O cười. Còn tôi thì thích vừa nói vừa nắm lấy bàn tay O. Bàn tay bình yên và hiền dịu, vô tội và con gái. Tôi nói với O rằng tôi biết nhiều người con gái, nhưng không ai có bàn tay thánh thiện như O. O chỉ khẽ cười và rút tay lại.

Thành phố Huế hiện ra trên O. Nên tôi nghĩ khi xa Huế, mỗi lần nhớ đến thành phố cũ, tôi sẽ nhớ đến O. Cũng như mỗi lần nhớ đến O, tôi sẽ nhớ Huế. Nhớ lắm.

Tôi biết rằng thế nào mình cũng xa Huế. Tôi đã lớn lên nơi đây, đã thuộc vào lớp người thân yêu của thành phố, nhưng thế nào tôi cũng phải đi. Thế nào cũng phải chia tay. Phải rút khỏi những ràng buộc với sinh hoạt thường ngày và quen thuộc này. Phải nhận lấy đổi thay. Phải chọn lựa. Phải tham dự. Những người bạn đã ra đi. Một tên lái máy bay viết thư về kể cho tôi nghe rằng y bắt đầu được dự vào những chuyến bay đêm. Y nói đến những vì sao trên trời và bảo rằng mỗi lần nhìn thấy vì sao hôm, y lại nhớ Huế hết sức. Một tên trấn đóng cái đồn ở vùng Cao nguyên kể chuyện các cô gái Thượng và mơ ước nhìn lại những mái tóc thề. Nhiều tên nữa. Dứa nào cũng nói là nhớ Huế, nhớ Huế, nhớ Huế lắm.

Tôi viết thư cho chúng nó: “Hạnh phúc cho chúng ta còn có một quê hương để nhớ đến.” Tôi biết những người ở đây khi đi xa, bao giờ cũng mang sau lưng những ràng buộc dai dẳng

với thành phố cũ. Trong cái nhìn bình yên và an nghỉ của Huế vẫn có một cái gì đang phấp phồng, nồn nóng, lo âu, chờ đợi. Kê ở xa, mỗi lần nhớ đến cái dáng ấy, không thể nào bình tâm được.

Những ngày mùa hạ này, tôi thường đi một mình qua rất nhiều con đường của thành phố. Đi từ Đập Đá, theo con đường Lê Lợi, dọc theo sông An Cựu rồi lên núi Ngự. Nhìn xuống: Thành phố nhỏ vô cùng! Qua Thành Nội vào Tây Lộc đi dọc theo bờ thành Nội, trở ra con phố nhỏ với hai dãy phố không bao giờ đổi thay. Góc phố đó, cửa hàng đó, vè bầy biện đó và những khuôn mặt đó. Huế có một bề ngoài nhàn nhã. Rất nhiều, rất nhiều người đi xe đạp, đi bộ trên hè phố, để nhìn nhau, cái nhìn ám tàng ý nghĩa nhận biết và quen thân. Chỉ những người của thành phố này mới nhìn nhau kiểu như vậy. Cái nhìn vừa phải, không lãnh đạm cũng không vồn vã. Nó chỉ nói lên điều này: Chúng ta là dân Huế.

Huế như thế đó. Ai đi xa mà không nhớ. Nhưng tôi phải đi. Sự nuông chiều của thành phố làm tôi bé nhỏ mãi. Tôi phải lớn lên. Phải sống đúng kích thước của mình. Nằm trong lòng Huế, tôi an toàn với những giấc ngủ bình yên. Không một tiếng súng ở xa. Không một tiếng thét dữ dội nào. Nhưng tôi không thể làm kẻ ở lại khi các bè bạn đồng lứa đã đi xa. Tôi biết mình không có quyền nằm ngủ những giấc bình yên. Tôi được tin nhiều người bạn đã chết và bị thương trong những cuộc hành quân. Tôi biết thế hệ mình chưa thể an nghỉ trong niềm vui nhỏ của con phố nhỏ. Tôi phải đi. Để khỏi cảm thấy mình ở cái vị trí không thể khinh ai nên chỉ biết khinh chính mình. Tôi phải đi.

Tôi muốn cắt nghĩa với O dài dòng hơn về những điều đó. Nhưng tôi biết O mười bảy tuổi, lớn lên bên con đường vắng vẻ này, chưa hề yêu một người con trai, làm sao và làm sao O hiểu được.

Nên trong những ngày cuối cùng ở lại với Huế, tôi rủ O đạp xe lên ngọn đồi phía tây thành phố.

Dưới đồi là nghĩa địa dòng họ chúng tôi. Khi tôi và O lên đó thì trời đã về chiều. Bấy giờ O ngồi xuống cạnh mộ cha, nét mặt nghiêm nghị và ngơ ngác. Tôi nhìn O và thấy thương O vô cùng. O không còn là O nữa, O hiện ra dưới mắt tôi như một người con gái mười bảy tuổi, đẹp thùy mị, ngồi bên mộ

người thân, người con gái mặc áo lụa trắng, và nắng trên tóc nàng, trên cái nón đề ngựa cạnh nàng. Nàng nói sao ở đây buồn và vắng. Tôi cười. Nàng gượng cười theo, vừa lấy tay khoác những sợi tóc vương trên vùng trán đầm mồ hôi. Nàng nói đạp xe lên những cái dốc vừa rồi, nàng mệt lắm vì chưa khi nào nàng đi chơi xa thế này.

Tôi ngồi yên lặng ngó lên bầu trời và ngạc nhiên thấy trời quá xanh. Tôi nhìn lên đồi, lên con đường cong queo dẫn lên đồi và trông thấy cái lô cốt sừng sững trên ấy. Cái lô cốt bỏ hoang từ hồi đình chiến. Bao lần tôi nhìn nó, và lần nào cái vẻ hoang tàn của nó cũng làm tôi xúc động. Tôi rủ O khóa hai chiếc xe đạp lại rồi lên đồi chơi. O cười nhỏ nhẹ và gật đầu.

Tôi đi cạnh O lên đồi. Gió thổi làm áo O bay. Dạo trước, khi còn đông đủ, tôi với những tên bạn thỉnh thoảng lên đây vào buổi chiều. Bây giờ thì đứa ở xa, đứa thì đã mất. Tôi nghe thức dậy trong lòng chút hạnh phúc nhỏ của người ở lại trở về nơi cũ. Mà bên cạnh thì còn có một người con gái đẹp. Tuổi trẻ, có những lúc, chỉ ước mơ có thế.

Tiếng O thoảng bên tai tôi, ấm và nhẹ:

- Hoa chi đây?

- Hoa dại...

- Đẹp.

O cúi xuống ngắt mấy cánh hoa. Cái lưng thon dài của O thật dịu mát. O đưa cho tôi xem mấy cái hoa trắng, cười bằng mắt. Tôi hỏi O thích hoa màu tím không. O ngạc nhiên hỏi tại sao tôi đi hỏi vậy. Tôi nói rằng những người con gái Huế phần đông thích màu tím. O khẽ cười và không nói gì cả.

Khi đứng trên đồi, tôi nhìn thấy cái lô cốt, và nhìn dòng sông ở dưới. O cùng đứng bên tôi, nhìn lô cốt và nhìn dòng sông ở dưới. Nắng trên sông. Tự nhiên, tôi thấy lòng se sắt và muốn kể cho O nghe chuyện về cái lô cốt này. Nhưng tôi không nói gì. Chúng tôi đứng yên lặng bên nhau thật lâu. Ngọn đồi vắng. Cỏ thì đầy cả bóng chiều, chạy dài xuống chân đồi. Tôi nhìn những ngón tay hiền từ của O lồng trong nắng. Tôi muốn nắm chặt lấy, nhưng O ở bên tôi, trong trắng vô cùng, thánh thiện vô cùng, nên không dám làm cái cử chỉ phạm phũ ấy.

Người ta thường bảo rằng con sông ở Huế đẹp, thật ra, con sông còn quyền rũ. Đẹp chưa đủ. Con sông như cánh tay với dãy núi lam xa xôi. Con sông như một tiếng gọi tha thiết và nhỏ nhẹ. Như giọng nói của những người con gái Huế. Nghĩa là quyến rũ lắm. Vào mỗi chiều, đạp xe qua cầu Bạch Hổ, nhìn dòng sông và dãy núi, tôi thường bị xúc động trước vẻ đẹp tràn lan của con sông. Xa Huế, nhớ sông, chắc tôi sẽ nhớ đến hình ảnh ấy. Cầu Bạch Hổ sơn đen, dùng cho những chuyến tàu lửa chạy qua. Đứng trên cầu, cái nhìn tôi rộng và bao quát. Nhìn lên: núi. Nhìn xuống: cột cờ, cầu Tràng Tiền trắng long lanh, tàng cây rậm rạp của công viên. Hôm ở trên đồi trở về, O với tôi dừng lại trên cầu. Cầu bấy giờ vắng. Tự nhiên O quay sang nhìn tôi và khẽ nói với tôi rằng tôi đi, O sẽ buồn và nhớ. Nói xong O cười e thẹn và giục tôi đạp xe về.

Những ngày cuối cùng tôi ở lại với Huế, trời nhiều mây. Tôi đạp xe lên cầu Bạch Hổ một mình, đứng nhìn con sông xanh lam và dự tính cho ngày sắp đến... Tôi không biết làm gì cho hết mấy ngày còn lại. Tôi nghĩ đến một cánh huệ trắng cắm vào chiếc bình màu hồng. Tôi muốn sang thăm O lần cuối với cánh huệ trắng ấy... Người gác cầu quen biết thấy tôi đứng tần ngần, tới gọi chuyện. Ông ta kể cho tôi nghe về tai nạn vừa xảy ra trên cầu này. Nạn nhân là một người con gái. Ông ta chỉ cho tôi xem vũng máu người ta quét chưa sạch, bây giờ khô lại. Tôi tự nhiên thấy nghẹn ngào trong một niềm giận dữ vô cớ. Tôi nghĩ rằng mỗi người không có thẩm quyền về sự sinh ra thì ít nhất cũng có quyền về cái chết của mình. Tôi đạp về, không muốn nhìn dòng sông lâu hơn và cảm thấy khuôn mặt mình nửa khôì hài, nửa bí đất. Tôi hay có những xúc động trẻ thơ như vậy. Và lấy đó làm gương lắm.

Tôi không ngờ người con gái bất hạnh trên cầu là O. O trở về nhà sau buổi học, có những tên con trai theo chọc ghẹo, O luống cuống đâm vào chiếc xe nhà binh. Khi tôi về nhà, người em của O vừa kể cho tôi nghe những điều đó, vừa khóc. Tôi lên bệnh viện thăm O. Bấy giờ trời bắt đầu tối. O bị thương nặng và chưa tỉnh. Tôi chỉ được nhìn O xa xa... Người y tá chưa cho vào thăm. Đêm về, tôi thức trắng, hút những điều thuốc, thở khói ra cửa sổ, nghĩ đến cánh hoa trắng, đến những ngày đã qua. O mười bảy tuổi...

Sáng lại, tôi đến thăm O. Nắng trên hành lang bệnh viện. O nằm trên giường, xanh xao, ngó tôi, gượng cười. Tôi đến ngồi đầu giường, nhìn O, không nói gì cả. Người ta phủ lên mình O một lần chăn trắng. Mái tóc đen dịu mát của O xoa trên mặt gối. Đôi vú bé nhỏ của O mong manh một cách tội nghiệp dưới lần chăn mỏng. Tôi nắm lấy tay O. Bàn tay mềm và lạnh. Một lát, những ngón tay O vùi vào tay tôi. Tôi đau đớn hết sức. Lần đầu tiên tôi muốn khóc vì O. Tôi sờ lên tóc O, cười buồn bã. O gượng cười, đôi mắt long lanh. Tôi không nói gì và hôn thật nhẹ lên trán. O thở đều đều. Tôi biết có những đôi mắt đang nhìn tôi và O. Tôi đặt môi lên tay O, muốn nói một lời nhưng không tìm ra lời mà nói. Tôi biết O mười bảy tuổi và chưa hề ai hôn lên đôi môi trinh trắng của O...

Buổi trưa O kiệt sức. Buổi chiều thì người con gái đó qua đời. Buổi tối, tôi một mình lên cầu Tràng Tiền, dừng lại giữa cầu nhìn lên vòm trời đầy sao. Ánh trăng thượng tuần vàng và rầu rĩ. Một khoảng trống trước mặt. Và thành phố cũng đã bắt đầu tuột khỏi vòng tay. Lần đầu, tôi mang cảm tưởng hai dãy phố đứng dậy đuổi tôi ra khỏi ngõ.

Đáng lẽ tôi phải kể cho O nghe chuyện về cái lô cốt trên ngọn đồi phía tây thành phố Huế. Tôi biết sẽ còn nhiều đứa trẻ leo lên đó chơi và để lại những viên sỏi. Tôi biết sẽ còn nhiều họa sĩ mang giá vẽ lên đó để vẽ dòng sông dưới chân đồi. Nhưng tôi biết ít người thắc mắc như O, thắc mắc không biết những người lúc trước sống trong cái lô cốt này có nóng không. Bây giờ O không còn. Tôi chẳng biết kể với ai chuyện muốn kể. Mà thật ra, chuyện vô duyên và không có gì. Đó là điểm làm tôi ngại ngùng. Nếu O còn, chắc O cũng đồng ý với tôi. Chuyện đã xưa, đã thuộc về cái thời gian đã qua, đã chìm trong trí nghĩ mọi người. Cái gì rồi cũng trôi qua. Điều bi đát là có những lúc thức tỉnh, chúng ta ý thức sáng suốt điều đó và không làm gì được.

Chuyện rằng hồi gần đình chiến – năm 1954 – trong lô cốt này có năm người lính và một hạ sĩ quan. Đêm đình chiến cả sáu người bị giết. Người ta tàn sát sáu người để chiếm lấy những khẩu súng vô tri. Không ai nghe một tiếng súng vì

người ta giết sáu người bất hạnh ấy bằng dao găm và lưỡi lê. Cố nhiên sự việc xảy ra trước nửa đêm, trước giờ đình chiến. Sáng lại, người ta thấy sáu cái xác còn tươi. Riêng tôi, tôi thấy có cái gì ám muội trong ấy. Tôi tự hỏi biết đâu cuộc tàn sát xảy ra sau giờ đình chiến, sau giờ mà những người trong lô cốt chợt thấy an toàn không cần phòng vệ? Chuyện chỉ có vậy. Chiến tranh thì có lắm chuyện đáng ghê sợ hơn thế. Tôi biết rằng không ai nhớ đến chuyện ấy nữa. Kể cả tôi. Phải, cái gì rồi cũng sẽ qua đi! Như cái chết của O sẽ nguôi trong trí nhớ mọi người. Không ai còn nhớ một người con gái đã sống mười bảy năm nơi đây, bên con đường này, thở không khí này, chưa hề có một tình yêu, và chết đi. Không ai còn nhớ một người con gái ngày hai buổi đạp xe đi về, đêm ngồi dưới ánh đèn trắng lạnh, hai tay nắm cuốn vở, hai vai gầy đến xót xa...

Cái gì rồi cũng sẽ trôi qua, như tuổi trẻ của mỗi người rồi sẽ mất. Phải, đáng lẽ tôi phải kể cho O nghe, chuyện về cái lô cốt trên ngọn đồi phía tây thành phố. Cũng như đáng lẽ tôi phải hiểu là tôi yêu O, yêu O từ lâu rồi.

1961

Nàng Lai

(Tình Thương số 6 tháng 6 năm 1964)

LTS (Thư Quán Bản Thảo):

Tựa đề truyện ngắn này được dùng làm tựa cho tập truyện của Lữ Kiều (bút hiệu mới của Nàng Lai), được Thư Ấn Quán xuất bản năm 2006. Trong lần in này, tác giả đã giải thích thêm về lý do sáng tác:

Trên đồi Vọng Cảnh ở Huế, còn lại một cái lô cốt. Năm 1957, học sinh trường Nguyễn Tri Phương cắm trại ở đó, và tôi đứng trên lô cốt nhìn dòng sông Hương lặng lẽ trôi quanh chân đồi. Quá đẹp.

Cái lô cốt ấy chứng kiến tình bạn đầu đời của chúng tôi, những người rủ nhau viết văn làm thơ thời 15 tuổi, hình thành tờ Gió Mai, tiền thân của tờ Ý Thức sau này.

Cái lô cốt chứng kiến mối tình đầu của tôi. Mối tình đơn phương, đau đớn, mãnh liệt, và theo tôi suốt cuộc đời còn lại. Người con gái ấy không hề hay biết tôi say đắm nàng đến như vậy. Đêm đêm, tôi rủ Lữ Quỳnh, Châu Văn Thuận, Ngự Hữu đi xe đạp ngang nhà nàng ở cửa nhà đồ Thành Nội, dừng lại trên chiếc cầu gỗ: Ôi, tuổi 15 với những đại khờ đầu đời, ngờ đâu thành vết sẹo không lành cho đến ngày tóc bạc.

Tôi viết truyện này khi đậu Tú Tài bán phần, 1961, dựa trên câu

chuyện tai nạn có thật của một nữ sinh trường Đồng Khánh. Tôi muốn chấm dứt ám ảnh của một cuộc tình vô vọng và cay nghiệt. Bài đăng ở nguyệt san Tình Thương vào năm 1965, khi tôi đã học năm thứ 3 trường Y khoa, Sài Gòn.

Độc lại, thấy thật quá. Thật đến nỗi như không thật. Bởi vậy, nên người con gái ấy, một tình đầu ấy vẫn tồn tại trong tôi, năm mươi năm sau.

Tháng 7 năm 2006

MÂY NGÀN BAY THEO GIÓ

truyện của YÊN THẢO

Tôi nằm yên, mắt mở lớn nhìn lên trần nhà, nhưng tôi không thấy gì hết ngoài màu vôi trắng. Tôi hay có những lúc kỳ lạ như vậy: tôi nhìn nhưng không thấy, hay có thể là tôi thấy nhưng không có một ý niệm nào về những vật hiện hữu trong tầm mắt. Tôi không hiểu những lúc như thế có phải là “phút xuất thần” như người ta thường nói hay không, nhưng tôi thì luôn luôn tiếc những lúc ấy mỗi khi nó qua đi - và nó qua đi thật mau chóng - vì sau khoảng thời gian gần như vô tri vô giác ấy, tôi lại phải bận tâm với những nỗi lo nghĩ thường xuyên.

Tôi chụm mấy ngón chân phải sát nhẹ trên chân trái rồi đưa tay phải vuốt dọc theo cánh tay và nửa thân mình bên trái. Không có gì lạ, và tôi lại yên tâm nằm bất động như một xác chết. Từ ngày bị tai nạn, nửa thân mình bên trái của tôi tê liệt hoàn toàn: Không cử động được và cũng chẳng còn cảm giác. Tôi có cảm tưởng như người ta đã gắn một khúc gỗ vào thân thể của tôi, một khúc gỗ có hình dáng của con người. Tôi coi nửa thân bên trái như đã chết, nhưng tôi sẵn sóc nó, lo lắng cho nó hơn cả phần thân thể còn hoạt động được. Tôi biết trong đó sự tuần hoàn vẫn còn tồn tại, sự “sống” vẫn còn tiếp diễn nhưng tất cả đều đang đi đến suy tàn, và tôi sẵn sóc nó, bảo vệ nó như người ta bao bọc che chở cho một kẻ yếu đuối. Bây giờ, tôi không còn việc gì nữa ngoài việc sẵn sóc nửa thân hình bệnh hoạn của tôi và đọc sách báo, và chính sách báo thường đem lại cho tôi những nỗi lo sợ vẩn vơ... Tôi nhớ đến câu chuyện của một người bị bệnh tê liệt như tôi đã bị chết vì đàn kiến. Phải, đàn kiến đã kéo nhau đến hàng vạn hàng triệu con để đục khoét một miếng thịt bò và nạn nhân lịm đi, lịm đi mãi mãi... Từ ngày đọc câu truyện khủng khiếp ấy, tôi thường

hay lẫn thân đưa tay vuốt khắp người như xua đuổi đàn kiến tưởng tượng và đêm đêm, trong những cơn ác mộng, kiến vẫn là giống vật ám ảnh tôi nhiều nhất. Những lúc đó tôi hoảng sợ hét lên và bao giờ cũng vậy, mẹ tôi là người đầu tiên giật mình thức dậy bật đèn và lay gọi tôi; tiếng mẹ ngen ngào như sắp khóc. Mẹ đắp chăn lại cho tôi, gài màn cẩn thận rồi ngồi canh tôi ngủ... Tôi biết cả gia đình ai cũng thương và yêu tôi, nhưng liệu tôi có xứng đáng để nhận những sự yêu thương ấy hay không? Tôi chỉ là một cái xác, một mối bận tâm, một gánh nặng cho mọi người...

Tôi quay nhìn vào phía trong. Mẹ tôi ngồi bó gối trên chiếc divan, mặt mẹ đầy những nếp nhăn, lưng đã hơi còng... Mẹ xõa tóc cho Loan - em tôi, nhổ tóc bạc. Mặt Loan nghiêng nghiêng, môi mím lại như nũng nịu, đôi bàn tay nhỏ và trắng thoăn thoắt làm việc. Tôi nghe tiếng Loan nói khẽ, giọng thoáng buồn :

- Tóc mẹ bạc nhiều quá, nhổ đến bao giờ cho hết.

Mẹ tôi thở dài:

- Mẹ già rồi còn gì!

Tiếng mẹ tôi có pha một vẻ gì cay đắng... Tôi chợt nhớ đến những ngày khói lửa, đến những nỗi vất vả của mẹ tôi buồn tẻ bán tảo để nuôi con, đến cái chết thâm thúy của anh Hoàng... Mắt tôi cay cay, ánh đèn chợt lóe lên, và hình bóng mẹ tôi, hình bóng em Loan nhòa đi. Tất cả như mờ khuất sau một làn sương mỏng. Tôi khóc. Nước mắt tôi chảy dài trên má buồn buồn như có vật gì bò. Con kiến! Tôi hoảng hốt nghĩ đến đàn kiến và cúi nhìn nửa thân bên trái. Không có kiến, chỉ có đàn muỗi đói đang xúm xít hút máu trên cánh tay tàn tật của tôi: chúng vừa hút, vừa xoay mình chen lấn lẫn nhau, hai chân sau ngo ngoay, hai chân trước nhấc lên rồi đặt xuống như đang tận hưởng một bữa tiệc ngon. Tôi gờ tay phải định đập nhưng chợt dừng lại. Đâu có để cho chúng chết một cách mau chóng và êm đềm như vậy được, phải cho chúng chết từ từ, chết trong đau khổ. Tôi đưa tay chụp nhẹ một con bứt đứt một cánh và một chân rồi thả nó trên ngực áo: nhìn con vật quằn quại, lẫn lộn, đập chiếc cánh còn lại kêu vo vo, tôi thấy sung sướng vô cùng - sung sướng vô cùng!... Tôi lại bắt một con khác, rồi một con khác Tôi say sưa hành hạ những con vật nhỏ bé ấy với một nỗi hoan lạc vô biên. Tôi quên hết, quên tôi, quên mẹ

tôi, quên Loan, quên Ngọc, quên hết...

Một tiếng sét nổ vang - cơn gió lạnh lùa lá khô chạy sạt ngoài sân và ủa vào làm tôi rùng mình. Có lẽ trời sắp mưa. Mẹ tôi đứng dậy đóng cửa và bảo:

- Loan, con ra đắp chăn và bỏ màn cho anh Vũ - Trời lạnh.

Tôi nghe bước chân nhẹ nhàng của Loan đi lại phía tôi, rồi tiếng Loan trách móc: - Anh ác quá.

Tôi ngược nhìn Loan, đôi mắt em trong suốt ướt mọng và ngây thơ như mắt của một chú nai non. Hình như em sắp khóc. Loan hiền quá và hình như lúc nào em cũng khóc được. Tôi chợt thương em vô hạn. Tôi thật thiếu bổn phận đối với em. Đáng nhẽ tôi phải săn sóc và bảo vệ cho em thì bây giờ, ngược lại, em phải săn sóc và bảo vệ tôi với tư cách một người chị. Không hiểu lúc đó nét mặt tôi ra sao, nhưng tôi thấy Loan chớp chớp đôi mắt rồi em úp mặt vào hai bàn tay òa lên khóc. Qua tiếng nức, tôi nghe giọng Loan đứt đoạn:

- Đừng nhìn em như vậy nữa, anh Vũ, em sợ lắm, trông mắt anh đại đi như mắt người điên.....

Mẹ tôi quay lại nhìn chúng tôi nhưng không nói, mẹ chỉ thở dài. Những cảnh tượng tự xảy ra quá nhiều rồi không còn làm mẹ tôi ngạc nhiên nữa.

Tôi đưa tay phải vuốt lại những sợi tóc bị nước mắt làm dính trên má của Loan và mỉm cười :

- Anh không điên đâu, ... Em đỡ anh ra gần cửa sổ để anh nhìn mưa...

Loan gật đầu. Phải khó nhọc lắm em mới dìu được tôi đến bên cửa sổ. Cả hai anh em yên lặng nhìn phong cảnh bên ngoài. Trời mưa không lớn lắm. Qua vũng sáng vàng vọt tỏa ra bởi ánh đèn đường, những hạt mưa nhỏ lắt phất đan chéo vào nhau, óng mượt như một tấm lưới dệt bằng tơ: Những bóng cây đen xám chạy dọc theo đại lộ trông sừng sững như một đàn quái vật. Vài cặp tình nhân dìu nhau dưới những tàng cây rậm rạp ấy: bóng họ quyện lấy nhau, đồ dài trên mặt đường, thu lại dưới chân họ rồi lại đồ dài về phía sau... Mưa vẫn rơi. Giá như ngày xưa, chắc chắn tôi đã không bỏ lỡ một dịp để lang thang một mình trên phố vắng, để hứng những giọt mưa trên tóc, trên áo, để hòa mình vào không gian mênh mông... Dĩ vãng bao giờ chẳng đẹp, nhất là đối với một người mới bị tàn tật như tôi... Không gian của tôi bây giờ nhỏ hẹp quá, không

đủ cho tôi thở, không đủ cho tôi cử động, và ngoài kia là của mọi người.

Hắt hơi! Chắc Ngọc nhắc. Ngày xưa, Ngọc vẫn thường bảo tôi: “Khi nào anh hắt hơi là em đang nghĩ đến anh đó”. Tôi thoáng buồn. Ngọc trẻ con quá nhưng thật dễ yêu. Không hiểu lúc này Ngọc làm gì? Học? Đọc sách? Hay đang nghĩ đến tôi? Một chiếc xe vụt qua, bánh xe cán nước kêu sần sật. Tiếng cười của một thiếu nữ vang lên những âm thanh giòn và ngắn. Tôi quay lại nhìn Loan: Hình như Loan đang mỉm cười. Tôi thấy em đẹp và có duyên...

oOo

Ngọc đến thăm tôi vào buổi sáng, với tà áo màu thiên thanh, với một bó hoa hồng tươi thắm trên tay, với một khuôn mặt rạng rỡ hồng lên vì ánh hoa phản chiếu, Ngọc là hình ảnh của một cô dâu... Tôi nghĩ vậy và mỉm cười. Ngọc có vẻ ngượng, Nàng loay hoay cắm bông hồng vào một lọ hoa, và sắp lại những quyển truyện tôi quăng bê bộn ở mặt bàn, đoạn nàng ngồi nép bên cạnh giường của tôi. Chúng tôi yên lặng nhìn nhau không nói... Thật ra, lúc này tôi còn biết nói gì với Ngọc? Những lời yêu đương thắm thiết ư? Chúng tôi đã nói với nhau quá nhiều rồi. Tôi thốt nhớ đến những chiều chúng tôi lang thang trên đường phố vắng, tay trong tay, đến những đêm trời trong và nhẹ, chúng tôi ngồi hàng giờ bên nhau trên chiếc ghế đá ở trước nhà đêm sao trời, đếm những chiếc lá vàng rơi theo gió nhẹ nhàng và uyển chuyển như những cánh bướm. Những lúc đó tôi thường siết chặt bàn tay thon nhỏ của Ngọc và thì thầm bên tai nàng:

- Anh yêu em.

Và Ngọc sẽ gật đầu, chớp mắt:

- Em cũng yêu anh.

Thời gian có làm cho tình yêu đậm đà thêm hay không, chính tôi cũng không hiểu, nhưng tình yêu làm tôi chín chắn già dặn hơn, và tôi ít dùng đến những tiếng yêu đương, trẻ con ấy nữa. Sự thay đổi ấy làm Ngọc buồn không ít. Nàng thường trách: hỏi này anh “làm sao” ấy. Tôi chỉ biết mỉm cười, vì thật ra tôi cũng không biết giải thích làm sao cho Ngọc hiểu. Tiếng Ngọc nói nho nhỏ:

- Anh kỳ quá, em đến thăm anh mà anh không nói với em

được một lời, chỉ nghĩ ngợi đầu đầu.

- Em trách cũng phải, nhưng em không biết anh nhìn em như vậy là nói với em rất nhiều hay sao? Những gì người ta có thể "nói" với nhau không phải bằng ngôn ngữ bao giờ cả thành thật và đầm thắm hơn.

- Nhưng gặp nhau chỉ để nhìn nhau thôi sao?

- Với anh thế là quá đủ. Những lúc gặp em, anh đã yên lặng để sống trọn với hiện tại, và ngày mai, em biết không, anh sống với dĩ vãng vì ngày mai, cuộc gặp gỡ của chúng ta hôm nay đã đương nhiên trở thành dĩ vãng của anh rồi.

- Lúc nào anh cũng muốn khuấy động dĩ vãng. Tự nó cũng đủ làm mình điêu đứng thì cần gì phải khuấy động lên nữa.

Nghe giọng Ngọc, tôi biết nàng buồn nhiều, nhưng tôi chỉ yên lặng vì lời an ủi của tôi lúc này thật vô ích, nó có vẻ khô héo và giả tạo... Ngọc ngồi nghiêng nghiêng, mắt mở lớn, làn tóc mai buông xõa trên đôi má hồng đào. Đôi bàn tay thon nhỏ của nàng đang bối rối xoắn lại với nhau, ngón út bên trái có đeo một chiếc nhẫn nam ngọc. Tôi không hiểu chiếc nhẫn đó có ý nghĩa gì, nhưng mỗi khi cầm lấy bàn tay xinh xinh của Ngọc, tôi thường mơ màng nghĩ đến một ngày nào đó, tôi sẽ thay chiếc nhẫn nam trên tay nàng bằng một chiếc nhẫn đàn ông... Từ ngày quen nhau, tôi thấy Ngọc không có gì thay đổi cả. Bây giờ, nàng ngồi kia, cách tôi một khoảng ngắn, tôi chỉ cần đưa một cánh tay giữ lấy vai nàng, và kéo lại phía tôi là nàng sẽ ngoan ngoãn nằm gọn trong vòng tay siết chặt của tôi... Nhưng chuyện đời đâu có dễ dàng như vậy! Khoảng cách giữa chúng tôi ngắn ngủi thật nhưng nó cũng là một bức tường kiên cố mà cả hai chúng tôi không ai có thể, không ai dám hay đứng hơn là không ai muốn vượt qua. Mỗi người có một lý lẽ riêng, tôi không trách Ngọc nhưng tôi hối hận vì ngày xưa đã nói yêu nàng, đã tạo những hoàn cảnh thật khó xử. Tôi biết ngày xưa, khi nói yêu tôi, Ngọc thành thật, nhưng bây giờ có lẽ nàng đang hối hận, vì dù muốn dù không, nàng cũng phải làm ra vẻ chung thủy... Con người thường bị những ràng buộc vô lý như vậy ép vào khuôn khổ với mục đích duy nhất là để cứu vãn cái vỏ bề ngoài và để che đậy nhược điểm của mình. Ở đời ai cũng sống với một chiếc mặt nạ thì tôi còn lý do gì để trách cứ Ngọc: dù sao nàng cũng là người và nàng còn đủ sức để giữ được chiếc mặt nạ... Chắc chắn có một lúc nào đó,

Ngọc sẽ kiệt quệ và để rơi mặt nạ của mình, nhưng ý định lột mặt nạ của Ngọc ngay lúc này đến với tôi thật chớp nhoáng. Tôi biết tôi vô lý, tôi biết tự ti mặc cảm đã làm tôi hoài nghi tất cả mọi người, nhưng tôi vẫn nhất quyết thi hành ý định. Tôi quàng tay phải qua vai Ngọc và kéo nàng lại phía tôi, giọng cố làm ra vẻ âu yếm:

- Ngọc, anh yêu em. Nhưng bây giờ anh không còn xứng đáng với em như ngày xưa nữa.

Sự đụng chạm làm Ngọc rung mình, nàng đẩy tôi ra và ngập ngừng :

- Anh đừng nói như - Dù sao em cũng ... vẫn yêu anh...

Giọng nói của Ngọc có một vẻ gì miễn cưỡng làm tôi hoài nghi của tôi tăng thêm. Tôi nhìn sâu vào mắt nàng, cố tìm một vài nét giả dối... nhưng không, mắt nàng vẫn đen láy và ngoan ngoãn như thửa nào. Tôi hối hận đang định xin lỗi Ngọc thì nàng đã đẩy mạnh tôi ra:

- Kìa anh, nhờ mợ thấy thì kỳ lắm! Rồi nàng nhìn quanh, về mặt bối rối và nàng che giấu sự bối rối ấy bằng cách bắt con mèo tam thể lên lòng và vuốt ve bộ lông mịn màng của nó. Cử chỉ của Ngọc thật khả ái, nhưng lúc này, cơn giận của tôi chột đèn, mãnh liệt và tàn bạo. Tôi cười nham nhở:

- A, ra bây giờ anh tàn tật, bản thủ không bằng con vật.

Vừa nói, tôi vừa vớ tay nắm lấy gáy con mèo. Cử động phản xạ khiến con vật giật chân trước cào mạnh vào tay tôi rách một vết dài, cho đến bây giờ, cơn giận của tôi không sao kìm hãm được nữa. Một sức mạnh kỳ lạ làm tôi vùng ngồi dậy, đùi bên phải đè chặt đầu con vật xuống thành giường, tay phải vung lên rồi chặt mạnh xuống. Rắc! Chân sau bên trái của con vật gãy lìa. Nó gào lên thảm thiết và quay lại cắn mạnh vào đùi tôi; nhưng lúc đó tôi không biết đau đớn là gì nữa, tôi cảm chắc lấy chân trước bên trái con vật bẻ mạnh:

Rắc! Xương gãy, con vật lại gào lên. Tôi quăng nó xuống đất. Thế là nó giống tôi! Nhìn con vật xoay tròn và cố lê từng bước, tôi thích chí quay lại phía Ngọc và mỉm cười. Nụ cười ngây ngô và đầy thú tính của tôi vụt tắt khi thấy Ngọc đang nhìn tôi trừng trừng, mặt nhợt nhạt vì sợ hãi, nhưng ánh mắt lại loé lên những tia sáng kỳ dị, nửa khinh bỉ, nửa thương hại. Tôi hét lên:

- Cô khinh tôi lắm phải không? Được lắm. Đừng bao giờ

chúng ta gặp nhau nữa là hơn. Cô về đi, về ngay đi!

Thấy Ngọc vẫn yên lặng, tôi càng nóng nảy. Tôi chụp lấy lọ hoa trên bàn và lao mình về phía Ngọc. Mảnh thủy tinh vỡ bắn tung toé, các cánh hoa hồng gãy nát rơi lổn nhổn trên mặt đất.

Tiếng Ngọc nghẹn ngào:

- Em nào dám khinh anh, nhưng em thương hại.

Tôi ngắt lời:

- Ai cần cô thương hại ? Tôi đủ sức chịu đựng tất cả những sự khổ sở mà. Thương hại! Cô mừng vì chưa gặp phải cảnh khổ như tôi thì đúng hơn...

- Anh không cần nhưng em cứ nói. Em thương hại anh, thương hại bản thân của em và thương hại chúng ta...

- Cô về đi, hãy để cho tôi yên. Đây ảnh của cô tôi trả lại.

Tôi hét lên và cầm khung ảnh của Ngọc để trên bàn lao mạnh về phía nàng. Khung kính vỡ tan, và ảnh Ngọc nằm trơ trọi trên mặt đất.

Ngọc không chịu đựng nổi nữa, nàng ôm mặt òa lên khóc, khóc lớn và nức nở như một đứa trẻ con...

oOo

... Tôi tô lại cặp mắt của Ngọc. Đuôi mắt hơi trĩ xuống làm tăng thêm vẻ đẹp và buồn... Từ ngày bị tật, tay vẽ của tôi hình như mạnh và sắc hơn trước, nhưng tôi vẫn chưa đủ tài để diễn tả hết những nét đẹp huyền bí và lạ lùng trên khuôn mặt của Ngọc: Mặt nàng có một vẻ gì, một vẻ gì thật đậm đà, thật quyến rũ, nhưng mơ hồ và xa vắng, tất cả ngoài khả năng diễn tả của tôi...

Đã hơn một tháng nay, tôi chưa kịp gặp lại Ngọc, tôi thấy nhớ nàng, nhớ lắm, vì ảnh của nàng tôi cũng chẳng còn... Không hiểu trong thời gian xa cách có khi nào Ngọc nghĩ đến tôi hay không, nhưng tôi thì ngạc nhiên khi thấy mình đã sống được một khoảng thời gian dài như vậy mà không có sự hiện diện thường xuyên của Ngọc. Đối với tôi, Ngọc là một sự cần thiết chứ không phải là một xa xỉ phẩm như người ta thường nói, và sự hiện diện của nàng trong đời tôi cũng giống như người ta cần một ngọn lửa khi muốn hút thuốc... Cố nhiên, lúc ngồi bên nhau thì tôi không nghĩ như vậy, chỉ khi xa nhau tôi mới thấy

nhớ nàng. Có nhiều lúc, ý định gặp nàng đến với tôi thật mãnh liệt, thật quyến rũ, nhưng rồi tất cả lại dịu xuống vì sự bất lực của tôi. Những lúc đó, tôi buồn ghê gớm và đành chịu không sao phân tích nổi nỗi buồn của mình. Đó là sự cô đơn, một nỗi nhớ nhưng xa vắng hay một ham muốn vật chất không thỏa mãn? Chỉ biết nỗi buồn thường bao bọc lấy tôi, xâm xé tôi và lòng ao ước gặp Ngọc lại tăng gấp bội. Kể ra, ước muốn của tôi tầm thường và bình dị thật, nhưng ở đời có phải người ta ước sao là được vậy đâu?

Tôi thêm màu hồng vào đôi môi của Ngọc những thớ thịt nhỏ nhỏ chạy dọc trên đó làm tăng thêm vẻ quyến rũ. Tôi liếm môi và hơi ngượng vì cử chỉ kém đẹp của mình. Nhưng dù sao, cảm giác mềm mại và hương vị nhàn nhạt của những nụ hôn ngày xưa vẫn làm tôi rung mình.

Có bóng người thấp thoáng và tiếng ho quen thuộc. Không quay ra tôi cũng biết là Mẫn. Bao giờ cũng vậy, hắt vào nhà mà không gọi cửa, và tiếng ho của hắt thay cho tiếng chuông. Tôi nói, tay vẫn tiếp tục công việc.

- Ngồi đi!

Mẫn không ngồi, hắt đến cạnh tôi loay hoay nghịch mấy hộp màu, và một lúc sau, hình như nhớ ra chuyện gì, hắt ... à ... một tiếng rồi nói:

- Hôm nọ tao gặp Ngọc trên phố. Em có vẻ buồn.

Nét bút của tôi ngừng ở đầu môi Ngọc. Mẫn tiếp:

- Elle hỏi thăm mày và bảo...

Tôi đập mạnh cây bút xuống bàn :

- Thôi, để tao yên ! Mày tưởng elle nói thật hay sao? Đàn bà có bao giờ nói như họ nghĩ.

Mẫn đỏ mặt vì ngượng. Hắt không trả lời chỉ lững thững đến ngồi ở salon. Tự nhiên tôi thấy thương hại hắt và hối hận vì sự nóng giận vô lý của mình. Dù sao, lúc này, Mẫn cũng là người bạn duy nhất còn nghĩ đến tôi, còn đến thăm tôi như thường lệ, trong khi các bạn khác đều biệt vô âm tín. Tôi nhìn Mẫn và bất gặp hắt đang nhìn tôi. Chúng tôi làm lạnh với nhau bằng một nụ cười.

Chợt Loan từ phòng bên chạy ra, tiếng em riu rít:

- Hai anh lại cãi nhau phải không? Em bắt đèn cho mà coi!

Loan hay khóc, hay buồn, nhưng em cũng dễ vui, và lúc này

Loan đang vui. "Đàn bà họ mau quên thật ..." Tôi thâm nghĩ và thờ dài. Ngày xưa, Loạn cũng đối với Huân như vậy, và bây giờ thì Huân đã chết... Huân chết trong một trận phục kích của địch. Người ta không tìm thấy xác Huân mà chỉ thấy một cánh tay có đeo tấm plaque đề tên chàng. Tấm plaque ấy được gởi đến Loạn, Loạn khóc nhiều nhưng rồi em cũng quên đi, chứng cứ là chỉ mấy tháng sau khi Huân chết, tôi không còn thấy tấm plaque trên tay Loạn nữa: Em bỏ nó vào tủ áo và người đeo nó bây giờ lại chính là tôi! Tôi không trách Loạn, vì chả lẽ cứ mãi mãi chung tình với người đã chết, nhưng kỷ vật bị hắt hủi quá làm tôi tủi lòng. Ngay em Loạn mà còn thế thì tôi còn trách ai nữa? Lòng tôi lảng hẩn xuống vì chán chường...

Có tiếng Loạn nói nhỏ:

- Tóc Mẫn rồi hết. Để Loạn chải lại cho anh.

Tôi thấy mắt Mẫn sáng lên. Nhìn nét mặt đầy vẻ mãn nguyện của hần, tôi bỗng thấy ghét hần kỳ lạ. Thì ra từ trước tới nay, hần đến thăm tôi là vì Loạn chứ nào phải vì tôi. Một điều dễ dàng như vậy mà bây giờ tôi mới nhận thấy. Con giận ứ lên đến cổ, tôi đập mạnh tay xuống bàn và hét lên:

- Khốn nạn.

Mẫn ngăn người, trong khi Loạn quay lại nhìn tôi, mắt chớp chớp. Chắc em lại sợ tôi điên, và lần này có lẽ điên thật...

YÊN THẢO

(Tình Thương số 8 tháng 8-1964)

Lời Tòa soạn Tình Thương

Bạn,

Những giòng tâm tư sau đây chúng tôi trích trong tập nhật-ký của một sinh viên Y-khoa không kể ngày tháng, chúng tôi chỉ chọn những trang tiêu biểu viết dưới hình thức một bức thư cho mẹ, hoặc những diễn biến tư tưởng của người viết trong một phiên trực bệnh viện. Tư tưởng vẫn khái quát, nhưng những riêng tư không thể nào tránh khỏi, vì mỗi chúng ta là một cá biệt chìm trong biển cả Nhân Loạ. Mong các bạn sẽ tìm thấy nơi đây chính bóng hình của các bạn.

***TRÍCH NHẬT KÝ CỦA T.D.
Phương Tuấn***

TÂN ĐỊNH, NGÀY... THÁNG... NĂM...

Những giờ đầu hè.

Nắng Saigon đã bắt đầu gắt lên rồi, đỏ lửa, màu phượng như màu máu ngập đầy đường. Mắt mình hoa lên như ngày đầu tiên khoác chiếc blouse “một ông sao”, khép nép bước vào phòng giải phẫu. Mùi éther xông lên từ tứ phía. Máu bệnh nhân thấm ướt mấy chiếc khăn phủ màu xanh. Đầu nặng, choáng váng, tim đập nhanh, mình phải rời khỏi phòng mổ. Đó là kỷ niệm đầu tiên ngày mình thật sự bước vào thế giới của Y khoa.

TÂN ĐỊNH, NGÀY... THÁNG... NĂM

Thương gửi má,

Xung quanh con đau khổ còn nhiều quá, má ơi! Con thấy giữa

những giờ phút này con sống cho riêng con không còn đủ nữa. Làm sao cho con đừng ích kỷ, mở rộng cõi lòng, đón nhận và xoa dịu một phần nào những khổ đau...

Hôm qua đi xem phim “Adieu aux armes”, nhưng hình ảnh con nhớ mãi không phải là những đồi núi tuyết, những cảnh sắc hùng vĩ của đất nước Thụy Sĩ, mà chính là những căn nhà lộng lẫy của một bệnh viện Âu châu. Con chạnh nghĩ đến những hành lang khu Nội thương, lầu 1 và 2 bệnh viện Chợ Rẫy, bệnh nhân trải chiếu nằm la liệt. Tha hồ cho nắng lọt và gió lộng, má à... và mỗi lần khám bệnh con phải quì gối xuống!

TÂN ĐỊNH, NGÀY... THÁNG... NĂM

Hôm nay mình lại trở về thư viện Y khoa. Những mái đầu xanh vui đầu bên trang sách. Hình ảnh sao mà linh động! Ước mong ngày mai trên thế giới không còn nhà tù và trại lính nữa để những nơi kia biến thành trường đại học, an dưỡng đường, phòng thí nghiệm. Làm sao cho trái đất ta thắm tươi một màu xanh hy vọng! Đó chính là công việc của mỗi chúng ta ngày hôm nay. Trên luống cày sâu tưới bằng hy sinh, nước mắt và mồ hôi ta ngày mai sẽ nở một cánh hoa tươi thắm nhất. Cuộc bầm, ta quyết giữ mảnh vườn của ta để tặng cánh hoa đầu mùa cho những người thân yêu.

TÂN ĐỊNH, NGÀY... THÁNG... NĂM...

Thư cho má,

Quá giờ ngủ rồi nên con không buồn ngủ nữa, con ngồi đây lắng nghe yên lặng đêm khuya tràn về thấy lòng đơn độc. “Qui me donneras des allés pour que je m'envole vers celle que j'aime?” Phải chi con chấp được đôi cánh thiên thần về hôn nhẹ lên trán má. Nhưng rồi trong đêm tối con vẫn hình dung được hình ảnh bất-diệt của má, với cặp mắt đen và hiền, nụ cười luôn nở trên môi. Trong những giờ phút cực nhọc nhất của những năm Y khoa dài đằng đẵng, tưởng chừng lúc nào má cũng ở cạnh con bên ánh đèn khuya, giúp con học thêm một trang bệnh lý buồn nản. Má đã thể hiện được hình ảnh mẹ muôn đời của Pearl Buck. Đời con sẽ chẳng bao giờ có thể

phản bội được cái nhìn âu yếm đầy lòng trắc ẩn của má. Má ơi! Má có nhớ ngày con mười sáu tuổi, một năm trời đau ốm, hết bệnh viện này đến thầy thuốc khác? Má có còn nhớ con đã nói gì với má?: “Ngày lớn lên, con muốn làm người y sĩ, để khỏi thấy mình làm bệnh nhân.” Một năm trên giường bệnh đã mở mắt con ra. Tư tưởng con lúc bấy giờ quả thật đã già trước tuổi mười sáu: con đã tự nguyện làm người y sĩ với khối óc và con tim trọn vẹn. Con không muốn thành người thầy thuốc máy móc, xem bệnh nhân như một dụng cụ hư cần sửa chữa, hành nghề như mua bán như những người y sĩ đã chữa chạy cho con.

Chắc má sẽ chẳng đọc được những giòng con viết cho má ngày hôm nay trong nhật ký của con. Điều đó không quan hệ má à. Con viết lại đây những biến cố ngày qua và tư tưởng tình cảm con những ngày sắp đến. Nghệ thuật không phải là lối văn bay bướm, nhưng chính là sự thành thật. Ít nhất là lòng thành thật trong lúc viết. Nhưng má ơi! Biết đâu ngày mai con sẽ không phản bội những gì con đã viết ngày hôm nay? Giúp con nhiều đi má nhé! Con muốn đạp chân lên ngọn đỉnh Hy mã Lạp Sơn của cuộc đời bằng con đường phía bắc, con đường chưa in vết chân người. Và tưởng chừng trong đêm khuya dưới ánh sao mờ không còn ngọn núi nào cao hơn nữa. Nhưng chắc chỉ ngày mai con vẫn còn đứng vững trước muôn nghìn thử thách, dục vọng kiêu sa của cả thể xác lẫn tinh thần. Biết làm sao cho được như lời Louis Pasteur: «Heureux qui porte en soi un Dieu intérieur, un idéal de beauté et qui lui obéit...»

Dù sao, má à, giữa mùa đông lạnh lẽo con bỗng khám phá ra rằng trong lòng con vẫn còn một mùa hạ không gì thắng nổi.

TÂN ĐỊNH, NGÀY... THÁNG... NĂM

Mười một giờ sáng hôm nay mình ghé qua phòng P. C. Mấy cậu ở đây đang mổ một cái “kyste sébacé” sau lưng một bệnh nhân. Cái bướu to quá đáng lý phải mang lên phòng giải phẫu lớn nhưng không được đành phải làm ở đây với Novocaine 1% và 2%... Máu chảy nhiều quá, thật là hải hùng cho bệnh nhân!

Thế đó, ở đây không thiếu chi những người có thiện chí, nhưng hoàn cảnh không cho phép họ làm hơn. Mình cứ nghĩ, bệnh viện của mình như đang sống giữa thế kỷ mười chín chứ không phải hai mươi. Nhưng oán trách làm chi một dân tộc bị chiến tranh gieo rắc tang tóc và đau thương từ năm 1940 đến giờ? Đau xót làm sao khi hai bệnh nhân còn phải nằm chung một giường, khi có những bệnh nhân chưa khỏi đã phải rời bệnh viện, không ngoài lý do nhường chỗ nằm cho kẻ bệnh nặng hơn.

Và nói làm sao cho hết thống khổ của những bà mẹ Việt Nam đưa con ra chào đời trên nền xi măng lạnh của một bảo sanh viện lớn nhất nhì Saigon -Chợ lớn? Và tủ nhục làm sao trong những giờ đau thương đó còn có những con người khoác chiếc “blouse” trắng - họ có thể là y tá nữ-hộ-sinh hoặc y-sĩ - đã có những thái độ hách dịch với bệnh nhân. Thế đó, đất nước ngày hôm nay mưa gió bão bùng. Giặc trong giặc ngoài đâm trước chém sau. Những cảnh tượng sầu thảm ngày hôm nay làm mình nhớ đến lời nhắn nhủ của một giáo-sư có lòng:

“Các em là những người y-sĩ tương lai. Điều cần nhất khi các em khám bệnh là hãy tự đặt mình vào địa vị của bệnh nhân. Các em không bao giờ có quyền xem họ như những con vật thí nghiệm mà xã hội ngày hôm nay đã vứt bỏ vào đây. Họ là những giá-trị chúng ta phải kính trọng. Họ cũng mang trong người tất cả những vui buồn u-uẩn như mỗi chúng ta. Các em hãy nhớ, trong thế chiến thứ hai, đã có những y-khoa bác-sĩ Đức lừng danh vì công cuộc tìm tòi nghiên cứu cứu của họ. Nhưng họ đã có một lỗi lầm nhân-loại không tha thứ được là đã lấy những tù nhân làm vật thí-nghiệm.”

TÂN ĐỊNH NGÀY ... THÁNG... NĂM...

Chiều hôm nay mình rời quê hương miền Trung sau một tháng nghỉ hè. Xa rời những ngày nắng sáng.

*Nhớ ơi!
Xa Huế thương
Một chiều tắt nắng
O! Nhớ ơi!*

Giòng sông Hương
Im lìm sóng nước
Có những con đò buồn nhẹ trôi xuôi
Và những chòm xanh, chòm xanh
Của Vĩ dạ
Của Đập đá
Của khóm dừa nho nhỏ đứng ven sông
nhưng thôi
xa rồi
những ngày nắng ấm
chờ trông
và đâu
Thuận An
một ngày gió lộng
nắng hanh
những giọng cười cởi mở
trong lành
những gương mặt
trong sáng
quen thân
Ơ! Nhớ ơi!
người con gái miền thùy dương
miệng nhỏ
mắt hiền
tóc xòa bờ vai
sao tôi mơ
ngày trở lại
để viết tiếp
bài thơ
thương nhớ...

Ra đi mang nặng trong lòng nhớ thương vương vấn. Đời của mình bên ni là thư viện, bệnh xá; bên kia là cuộc đời tung bồng những màu sắc. Nào đâu hoa của lòng ta?

Quê hương ơi! Ta hẹn mi mùa hè năm sau. Nhưng hè năm sau biết bao nhiêu là mong ngóng chờ trông! Chỉ mong nắng xuống mưa nhiều cho cây cỏ quê hương ta tốt tươi, cho lòng người thêm dịu. Mình trở về Saigon nơi ghi dấu những ngày đầu tranh của tuổi trẻ. Biết bao giờ mình mới tìm lại được yên

ồn và hạnh phúc trong những giờ ra đi? Nhớ những tà áo bay bay trên cầu sông Hương những chiều hè gió lộng. Nhưng có còn chi nữa mà mong! Trên đường ta đi ngày hôm nay đã bắt đầu vắng bóng những nàng tiên nhỏ áo tím áo xanh. Lỡ sinh ra làm kiếp con người tình cảm lại đóng khung vào một cuộc sống giả tạo không tình thương. Ta đang đi giữa lòng sa mạc cát vàng! Đây là bóng mát của rừng dừa xanh, của tình yêu muôn nghìn ngõ lối. Tất cả đối với ta như những vì sao nở quá sớm trên một bầu trời hoang dại. Ta đi lên không tìm thấy hàng sao. Nàng tiên nhỏ ơi! Cuộc đời bừng lên rồi đó, sao em chưa thức giấc.

Saigon ơi! Nắng vàng còn sót lại ảm lên cả phố phường. Nhưng sao ngày trở lại thăm mi ta buồn? Phải chi ta là một con người sinh ra không biết nhớ không biết thương?

Ai cho ta đôi cánh chim bằng để ta bay về quê hương ta nơi đồng xanh núi thẳm, sống cuộc đời hoang dại với cỏ cây? A ha giọng đời là tất cả những gì u buồn nhất!

TÂN ĐỊNH, NGÀY ... THÁNG... NĂM...

Bảo sanh viện Hùng Vương, một phiên trực

Người đàn bà nằm đó, trên giường sanh, mở đôi mắt to đen nhìn mình. Cặp mắt thoảng đượm u buồn. Mình ngạc nhiên thấy nàng không rên rĩ không khóc than trong những phút đau đớn nhất của cuộc đời người đàn bà: giờ phút làm mẹ lần đầu tiên. Nàng bình tĩnh đến lạnh lùng giữa những tiếng rên la của những người đàn bà xung quanh.

Trong lúc lập hồ sơ bệnh nghiệm mình mới biết nàng chỉ mười chín tuổi đời, và người chồng quân nhân đã đền xong nợ nước cách đây đúng một tuần lễ, trước khi thấy được mặt đứa con đầu lòng! Thề ra giờ đây mình đã hiểu. Qua cái nhìn mình đã thấy người đàn bà mang nặng trong lòng nỗi thương đau, không phải của chính nàng, cũng không phải của chính mình, nhưng của cả một dân tộc sống trong hai mươi năm khói lửa bom đạn. Cái nhìn của người mẹ Việt Nam, đau thương lên tận cổ, tắt nghẹn cả cổ họng rồi. Làm sao còn nước mắt để khóc nữa ! Làm sao còn tiếng nói để rên rĩ nữa ! Và tiếng khóc của bé sơ sanh... Bé ơi! Tội tình chi ngày lọt lòng mẹ Bé đã không cha? Nhưng mà có sao đâu Bé! Người mẹ của Bé đã

chít khăn tang, và ngày đầu tiên mở mắt nhìn đời, Bé đã thấy qua cái mông lung của khối óc non nớt của Bé màu trắng tang tóc. Hình ảnh của Bé là hình ảnh của muôn nghìn Bé Việt Nam khác ra chào đời ngày mai. Đời là thế đó, anh biết ăn làm sao, nói làm sao với Bé đây? Ngày lớn lên chắc anh sẽ không còn có dịp gặp Bé nữa. Có gặp chăng chắc anh cũng không còn nhận ra Bé ngày xưa mà anh đã mang hết hiểu biết và tình thương ra sẵn đón. Anh ước mơ Bé sẽ học giỏi và chăm. Và cũng như anh, một ngày nào đó Bé sẽ khoác chiếc blouse màu trắng, cũng sẽ đi trong dãy hành lang này và nhất là Bé sẽ mang nặng tình thương những người phó thác cuộc đời mình vào hai bàn tay và trí óc của Bé. Bé sẽ xây đắp thế giới của tình yêu mà không cần đến những danh từ kêu to rỗng tuếch Cộng Sản, Tư Bản. Thế giới của Bé sẽ là Thế giới của Tình-Thương. Trên đường Bé đi sẽ đầy hoa thơm cỏ lạ... Bé ơi! Ngày mai hoa sẽ nở!

TÂN ĐỊNH, LÁ THƯ MÙA XUÂN.

Má.

Tiếng súng đạn ngay trong lòng đất quê nhà đã thay tiếng pháo xuân. Ngày hôm nay con cố tìm dư âm cũ của 6 mùa xuân qua. Những ngày vui chỉ để lại trong con bao nỗi tiếc thương, ngậm ngùi và chua xót. Ai cho con sống lại một ngày xuân xưa bé dại! Một ngày thôi để rồi vĩnh viễn con bước chân vào đời mà mỗi bước đi là muôn ngàn hy sinh và nước mắt. Hết rồi bóng hình của một bé thơ trong chiếc áo mới tung tăng nhặt xác pháo đỏ cánh mai vàng.

Lại một mùa Xuân xa gia đình. Bao nhiêu là cảm giác lạ xâm chiếm tâm hồn con. Saigon trắng lè xa hoa cũng đón xuân đấy, nhưng tìm đâu cho thấy không khí ngày đầu xuân của quê ta? Saigon rực sáng lên giữa đêm giao thừa, nhưng Saigon không mang lại cho con sự đợi chờ kỳ nhiệm những giờ phút cuối năm. Nhưng dù sao cả mùa xuân cũng về đó rồi, con biết gởi chỉ về cho má đây? Lá thư đầu xuân với tất cả tấm lòng triu mến má nhé! Mắt má vẫn hiền như một chiều nào năm xưa bước đi con ngoảnh mặt nhìn lại. Lần đó con đã thấy biết bao nhiêu là ước mơ trong vắt trong tâm tư má. Con chỉ cầu mong mùa xuân sau gió đông hay gió tây, gió nam hay gió bắc sẽ

mang con về quê hương ta. Ánh mắt con đêm nay đã xuyên vạt dặm đường thương nhớ về sưởi ấm lòng ai! Giữa cuộc đời sóng gió con muốn vượt lên đầu ngọn sóng để mang về tặng đóa hoa xuân tươi thắm của lòng con.

TÂN ĐỊNH, NGÀY ... THÁNG... NĂM...

Chuyện bé Bạch-Tuyết

Lần trở lại thực tập tại bệnh viện Bình Dân, mình chọn phòng 11 - Khu chuyên trị những bệnh về xương - Bé Bạch-Tuyết chiếm giường số 25. Năm nay bé 16 tuổi, nhưng người bé khẳng khiu, chân tay xiêu vẹo, mình có cảm tưởng Bé chỉ độ mười hai.

Bạch-Tuyết kể cho mình nghe cách đây bốn năm, một buổi trưa nắng ráo đi học về Bạch Tuyết lên một cơn sốt xoàng, cổ họng sưng, Bạch Tuyết mưa, ăn cơm không được, đi ngoài lỏng, nhức đầu dữ dội và đau ê ẩm ở đường xương sống. Một thời gian sau Bạch Tuyết sốt lên 30°, mỗi lần nằm xuống muốn ngồi dậy Bạch Tuyết phải chống đỡ bằng cả hai tay. Một tuần lễ sau, nhiệt xuống còn 27°, nhưng cũng từ đó Bạch Tuyết bắt đầu bại hẳn không đi được. Thế là xong! Hết rồi những ngày vô tư chạy nhảy. Hoài vọng chỉ nữa cũng bằng thừa. Nằm trên giường bệnh, Bạch Tuyết nhắm mắt tưởng tượng lại những buổi sáng cắp sách đến trường với con Thu, con Cúc. Giờ chắc tụi nó quên Bạch Tuyết rồi. Đau khổ làm cho Bạch Tuyết già trước tuổi. Mặt Bạch Tuyết ồm hăn lại, chỉ còn cặp mắt sâu thẳm linh động. Những bắp thịt tay và đùi teo lại. Làn da mỏng lơ lửng từng chỗ.

Đó là ngày đầu tiên tôi gặp Bạch Tuyết!

Một hôm sau giờ chẩn bệnh của giáo sư, tôi tò mò đi sâu vào cuộc sống riêng tư của nàng. Bé Bạch Tuyết gọi tôi bằng “bác sĩ” và xưng mình bằng “con”:

– Má con chết năm con lên mười tuổi, vì bị băng huyết dữ dội lần sanh cuối cùng. Cái chết của mẹ con như một giấc ngủ dài, con đợi mẹ con dậy. Nhưng rồi tháng năm cứ lớn lên, mẹ con không bao giờ dậy nữa. Từ đó con mới hiểu rằng trên cuộc đời con bắt đầu thiếu hơn nửa tình thương. Ba con tiếp tục lái Taxi nuôi một đàn con sáu đứa, đứa nhỏ nhất mới ba ngày. Mười ngày sau khi mẹ con chết, con phải bồng đứa em út vào bảo

sanh viện Hùng Vương xin cho nó được nằm ở phòng dưỡng nhi vì về nhà không có sữa bú.

Hai năm sau đau khổ đã đến với con: Con bị bệnh tê liệt trẻ con như bác sĩ đã biết. Tuổi của con hôm nay tình yêu đời rào rạt, thế mà con nằm đây nghe thảng năm dài chồng chất lên xương tủy gặm nhấm mòn cuộc sống và tuổi thanh xuân. Con cam chịu số phận như một món quà cay đắng Thượng Đế dành cho con. Ngoài đường phố sáng hôm nay con thấy những tà áo trắng nữ sinh bay bay.... con tự hỏi: sao mình lại nằm đây như một con vật tàn phế giữa xã hội loài người, tàn phế giữa tuổi mười sáu đôi mươi!

Nhưng hôm nay con đã bắt đầu ngồi dậy rồi đây. Con tập đi quanh giường. Mỗi bước con đi đau buốt tới tim gan. Nhưng có hề chi, con không muốn sống bám vào những người xung quanh. Bác sĩ ạ! Con trả lời đây! Con đi làm lại cuộc đời bằng một con số không.

TÂN ĐỊNH, NGÀY... THÁNG ... NĂM...

Phiên trực bệnh viện Hồng Bàng

Mùa mưa bắt đầu về lại trên cổ đô. Ánh đèn phòng trực hắt ra ngoài vườn sũng ướt một vệt dài vàng bệch. Phiên trực cuối năm học ở đây sao mà buồn và lạnh. Mười lần bị gọi trong một đêm. Thật là hiếm có, vì những phiên trực ở đây vẫn nổi tiếng là nhàn. Mình khoác chiếc blouse, với cái ống nghe, bước vội về phòng cấp cứu. Bệnh xá vắng ngắt, nằm im lìm dưới ánh đèn đêm, chỉ nghe mưa lao xao trên lá. Phòng cấp cứu nằm ở một khu biệt lập, những giường là giường chen chúc nhau. Tội mình vẫn gọi đùa đó là nhà xác thứ hai, vì ở đây phần lớn toàn bệnh nặng. Bệnh nhân vừa gọi mình xuống là một người đàn bà trạc bốn mươi tuổi. Khu nhà trong chật cả nên bà ta phải nằm ngoài hành lang. Mưa vẫn lất phất bay vào tận giường bệnh nhân, không một chiếc chăn, không một manh chiếu. Bệnh nhân không hô hấp đều nữa chỉ há hốc mồm thở vào mặt mình. Người chồng bệnh nhân đứng cạnh bên giường vội kéo tay áo người vợ, giúp mình đặt ống đo áp huyết. Tình thế tuyệt vọng. Mình viết vào tờ bệnh nghiệm:

Ngày 28 – 5

0 giờ 5 phút:

*Bệnh nhân thở huyết nặng, máu đỏ tươi, hơn nửa lít.
Tim đập nhỏ, chậm không đều
Phổi có nhiều “râles”
Cho thở gấp 02
Adrénoxyl
Wit, K
Solucamphre.*

Mười lăm phút sau mình lại bị gọi xuống phòng cấp cứu một lần nữa. Lần này không có cách gì cứu vãn được tình thế. Mình không còn nhớ đó là ngày thứ mấy, nhưng người đàn bà bệnh nhân đã vĩnh viễn ra đi, bỏ lại đằng sau cuộc đời nghèo đói, ô trọc, với người chồng bạc phước.

Nhưng thôi thế cũng là xong! Xin linh hồn bệnh nhân đừng oán trách cuộc đời, đừng oán trách người sinh viên trực đêm hôm nay. Mình đã làm tròn nhiệm vụ nhưng không thắng nổi tử thần thường trực ở nơi đây. Nhưng rồi giữa đêm khuya vắng lạnh mưa dầm, người chồng của bà bệnh nhân xấu số kia đã bỏ trốn khỏi bệnh viện Hồng Bàng. Chàng bỏ trốn người thân yêu độc nhất còn lại trên thế gian này vì lý do quá nghèo khổ không mua nổi cho vợ một cỗ áo quan. Sáng ngày sau, người y tá trực ở phòng cấp cứu cho mình hay: “Người chồng của bà bệnh nhân chết hôm qua bị bệnh cùi, nhưng vì hành lang khu cấp cứu không có đèn nên ông không thấy được.”

Rồi mình mới hiểu ngày chết đi, người vợ vẫn còn hạnh phúc hơn người chồng hủi. Vĩnh viễn bị vắt vào thế giới đơn côi của những người cùi, Thượng Đế cũng đã cướp mất đi người vợ của anh nguồn an ủi duy nhất và cuối cùng của anh trong những ngày tàn phế còn sót lại.

(Tình Thương số 9 tháng 9-1964)



bông hồng đỏ

nguyên tác của : MARIE NOEL
bản dịch của : HOÀNG VŨ

"....Chị Hoa, chị xích lại gần đây với em, chị... Hôm nay em có câu chuyện muốn nói với chị. Em chưa kể cho một ai nghe câu chuyện ấy hết bởi vì em chắc không có ai hiểu chị ạ...Nhưng chị, em tin là chị sẽ hiểu. Em không muốn đi mà lại không nói cho ai nghe....Em sẽ nói cho chị ..."

Em bé bệnh nhân đặt hai bàn tay xanh và gầy lên trên tấm chăn vải. Đầu em ngả trên gối, khuôn mặt héo hon, và cặp mắt mệt mỏi của em làm cho ta nghĩ đến cánh hoa "pensée" ép khô trong một quyển sách kinh.

"...Câu chuyện này nếu chị muốn kể lại cho mọi người nghe, xin tùy ý chị. Song chị sẽ nói cho họ biết đây là một câu chuyện có thật chị nhé..."

Hồi đó em mười sáu tuổi, và đang học trung học. Các bạn em gọi em là Mến, như chị biết. Em có một người bạn rất thân tên là Trang. Cũng không phải là em tìm cho Trang làm bạn thân đâu chị ạ. Trang đến với em như là được xếp đặt sẵn từ trước, khi Trang mới gần mười hai tuổi, và em mười một. Ba Trang và ba em là bạn đồng nghiệp - Cả hai đều làm việc cho Chính Phủ trong bộ Tài chính - Nhưng ba Trang ở tỉnh xa nên Trang ở nội trú, và mỗi chủ nhật là em lại đón Trang về nhà em.

Em yêu Trang. Không biết em có yêu Trang không?... Em cũng không biết. Lúc bấy giờ em không biết yêu. Em như ở trên rừng, man dã đến nỗi em không dám ra khỏi chính em để đi đến với người khác. Em sợ tất cả các bạn em. Song sự thật thì họ có để ý gì đến em đâu.

Khi em đến trường, ăn mặc lôi thôi lếch thếch, đi đứng cứng nhắc như que củi, tay cắp một cái cặp đầy ụ những sách vở, thì không có một ai gọi em từ đằng xa mà cũng chẳng có ai thèm nhìn em đang đi đến.

Em thấy chỗ này chỗ kia các bạn tụm năm tụm ba họp nhau lại nói chuyện vui như pháo ran. Họ tụm họp mà không có em. Em cũng lại gần họ nhập bọn, em cũng có thử góp chuyện với họ, nhưng những lời nói của em lại càng làm em trông trái hơn nữa, vì họ không thích nghe em. Em không biết nói chi ạ, em nói vụng lắm.

Nhưng ở cuối sân trường, trong khu nội trú, Trang đã thấy em, thế là Trang chạy ngay lại với em, quàng tay em và xách cặp cho em. Thế là em lại vui ngay, lại thấy trong người ấm áp lại.

Trang! Ở trong Trang em cảm thấy dễ chịu như ở nhà, em nói với Trang những câu nói thường, như một con chim không biết sợ gì, nhẹ nhàng và liên thoảng. Trang thực sự tốt chị ạ, để mà chơi với em là một đứa chả ai thèm chơi với, Trang là bạn thân thiết của em! Trang không xinh hơn em ... Nhưng Trang thông minh hơn em nhiều, Trang bao giờ cũng đứng đầu lớp, và cuối năm bao giờ cũng được phần thưởng nhất. Cái gì đối với Trang bao giờ cũng dễ cả - mà đối với em cái gì sao cũng khó thế. Trang nói gì, làm gì cũng hay và đẹp, chữ Trang viết cũng đẹp, em chưa trông thấy ai viết chữ đẹp như Trang. Em thích nhìn những bài của Trang làm, nhìn mà không đọc. Nhưng đến lớp là các thầy giáo, bà giáo đều đọc bài của Trang cho tất cả nghe, và khen không ngớt lời. Thịnh thoảng họa hoằn lắm, mới thấy các vị chê nhẹ một câu:

"Chị không đi sâu vào vấn đề", ngoài ra, toàn những lời khen cả. Chúng em thần phục Trang, coi Trang không khác gì một tác giả trong sách học.

Còn em, thì em thứ nhì về Quốc văn, thứ nhì về Sử ký, một đôi khi về Địa dư, nhưng bao giờ cũng gần bết về vẽ, mặc dù em cố gắng hết sức và khi vẽ thì cứ lấy lía lảy lịa.

... Không! Trang không xinh như em. Thực ra, thì em chắc em cũng không xấu hơn ai, nhưng trong mắt em và trên miệng em có một sự yên lặng nó làm cho bộ mặt của em không cởi mở, còn Trang thì lúc nào cũng vui vẻ tươi cười với tất cả mọi người, như thể Trang là kho tàng quý báu của bất cứ ai. Và em lấy thế làm buồn và khổ đau lắm. Em nghĩ rằng vì Trang là bạn thân của em, mà em chỉ có một mình Trang thì không ai được lấy Trang của em. Nhưng, không lúc nào là người ta không lấy Trang của em đi.

Trừ khi ở nhà, những ngày ra trường. Những ngày ấy là em cố dẫn các bạn thường vẫn đến thăm em những ngày khác. Em không cần bọn chúng lắm. Khi tụi nó đến thì em cũng nói chuyện, cũng chơi giải-gianh, cũng chơi đàn với tụi nó. Nhưng khi tụi nó về, thì em còn thích hơn là phải họp mặt với chúng. Còn Trang, Trang là nguồn vui riêng của em. Vì Trang, em trang hoàng phòng của em... Phòng em đầy hoa! Những hoa kèm theo có những câu thơ, câu đố để Trang đọc và đoán khi Trang đến: hoa leo, "Tôi chết nơi tôi ràng buộc"; hoa myosotis, "Xin đừng quên tôi". Em mang những sách mới ra đọc với Trang, mở những trang hay cho Trang đọc. Trang cũng mang đến cho em kho tàng riêng của Trang: "Mén này, Trang mới khám phá ra mấy câu thơ này của Muset... đọc muốn khóc lên được! Mén nghe đây này..."

Bà nội em chợt đi ngang qua, ngoái lại nói: "Hai cháu tôi đẹp đôi quá!".

Hồi đó em thật sung sướng, chị Hoa ạ, hoàn toàn sung sướng. Nhưng thôi, để em kể nhanh lên cho chị nghe vì câu chuyện còn dài.

Năm ấy vào tháng một, nhân buổi lễ hàng năm, chúng em học sinh lớp năm, diễn vở kịch "Kẻ Ghét Đời"

Đáng lẽ em đóng một vai như các bạn em, vì em đọc có giọng nhất lớp, nhưng vì em yếu tim cho nên ba em không cho phép em tập dượt thêm ngoài giờ học, sợ em mệt. Thế là đối với em không có chuyện đóng kịch nữa. Trang đóng vai Phillinte. Mặt Trang dễ thương, đáng điệu mềm mại, tính ưa chiều chuộng mọi người. Trang giữ vai Phillinte thật là hợp. Còn em, nếu có đóng, chắc là em sẽ giữ vai Alceste, anh chàng ghét đời luôn chít khăn xanh, nhưng buổi tối hôm ấy em không là cái gì

cả, em chỉ là Mến, em ngồi nhìn các bạn diễn trò và vỗ tay tán thưởng họ trong bóng tối.

Đến màn cuối, màn vừa hạ là em đã chạy đến nhập bọn với họ ở ngoài hành lang để xem họ cởi bộ đồ hóa trang với dáng điệu các bà lớn, với cử chỉ của các Quận công, Hầu tước và ngôn ngữ ở trong phòng khách tiếp tân và ở triều đình. Rõ ràng là họ còn chưa tỉnh giấc mơ trong kịch. Với những lọn tóc uốn quăn rắc phấn, trong bọn không còn là Trang, là Liên, là Mỹ hết mà chỉ còn những "Célimène...Alceste...Eliante". Em cảm thấy em không còn phải là người thuộc thế hệ của họ nữa, họ đã thuộc về thế kỷ khác, thế giới khác, còn em thì em vẫn mang cái tên thường ngày của em, với mái tóc cùn cộn của em.

Chúng em tất cả đều xuống dưới phòng ăn cơm tối, bữa cơm những ngày hội. Các học sinh ngoại trú được nhà trường mời ăn trong những ngày trọng thể như ngày hôm nay.

Đoàn diễn viên ngồi riêng ra một bàn. Trong bàn ấy không có chỗ cho em, và em cũng không tìm được chỗ nào ở một bàn khác. Sau cùng em thấy còn một chỗ trống ở bàn "lớp tư", em ngồi vào đấy có một nửa người và bắt đầu ăn, bàng hoàng như một người du khách ngồi ăn ở quầy hàng ngoài ga xe lửa và ăn vội ăn vàng giữa đám người không quen biết cũng đang tập nập ăn uống.

Trang ở xa, không thấy em. Em chỉ trông thấy có Trang, không nói một lời, lòng buồn khôn tả.

Thế rồi đến buổi chiều khiêu vũ ở ngoài sân trường. Em tự bảo ra ngoài sân em sẽ gặp lại Trang.

Song em không tìm thấy Trang.

Trang đang mãi nhảy với Célimène khi em bước chân vào trong sân với một người bạn tình cờ trông mặt cũng không vui cho lắm.

Trang bây giờ đã là một ngôi sao sân khấu, và người ta thi nhau đến tranh giành Trang-Philinte, cũng như người ta tranh dành Alceste, Oronte và tất cả các ngôi sao khác. Em cố thử lại gần Trang, và ra hiệu cho Trang. Có lẽ trong khi hoang mang, em đã không đủ mạnh dạn. Sự thật thì hôm ấy Trang còn nhiều việc khác để làm hơn là nhìn về phía em. Trong không khí náo nhiệt tung bừng của ngày hội, em đã hoàn toàn biến đi mất trong mắt Trang.

Em như bị đâm thẳng vào tim, tận đáy sâu của đời em... Chắc khi người ta bị giết bất thành linh kêu thất thanh thì cũng chỉ bị đâm đến như thế thôi. Trang bạn thân của em !... Trang không còn là bạn thân của em nữa. Không bao giờ Trang là bạn thân của em cả.

Trang chỉ có vẻ là bạn thân của em thôi, vì Trang có cử chỉ dễ thương và Trang biết nói với em những câu nghe êm ái. Thế mà em lại cứ cho những câu ấy là thật... là sự thật !... Tất cả chỉ là vẻ đẹp bề ngoài. Nhưng đến tối hôm nay thì em đã có đủ bằng chứng rồi. Trang!... Bạn thân của em, trời ơi! Trang.

Nhảy... Em cũng thích nhảy lắm chứ! Nhưng em không thể nhảy được nữa... Em đi tìm một chiếc ghế ở trong góc và em ngồi đấy như khúc gỗ với chiếc áo len màu xanh nước biển quá sẫm của em. Chị có để ý không, chị Hoa? Khi người ta khổ sở quá, chiếc áo đang mặc bỗng thành ra xấu hẳn đi. Chiếc áo của em là một chiếc áo đẹp nhất, mà Mẹ em đã thuê một người thợ khéo nhất may, với những nếp xếp nhỏ tằm có viền nhung nổi. Nhưng dưới ánh đèn thì em trông nó thấy đen ngòm: không khác một áo tang.

Em cứ ngồi đó, trong lòng trống rỗng; như một người vừa bị đánh bất tỉnh mà chưa có ai nâng dậy. Thỉnh thoảng một người bạn đến mời em nhảy. Em nhảy bằng hoàng như cái máy...

Trang không bao giờ thoảng thấy em cả. À có! Khi em sắp ra về vì có người nhà đến đón đang đợi em ở phòng người gác cổng, Trang mời em nhảy một bài chót. Em từ chối không nhảy. Em đau đón khó chịu quá rồi. Viên có "nhức đầu"...

Em chỉ muốn ra ngay ngoài đường, chạy biến về nhà, để nằm trên giường của em mà đau khổ một mình, để tìm lại em trong sự đau đón hoang đường làm em mù quáng và để nhặt nhạnh bên trong em những mảnh còn lại của kho tàng đã tan vỡ của em.

Và em đã trải qua một đêm đau đớn nhất, đen tối nhất và dài nhất trong đời em: một đêm canh xác một người chết, trong khi không biết chắc là người chết ấy có chết hay không, và cứ cố tìm một cách vô vọng trong các bóng rung động trên mặt người chết ấy, một dấu hiệu của sự sống.

Em cố tìm Trang trong em. Những cử chỉ và lời nói của tình bạn của chúng em trở lại lần lượt trong trí em, để làm chứng

phản lại Trang hay để bên vực Trang. "Chủ nhật trước, Trang yêu mình khi Trang cho mình bông hoa ấy... Nhưng ngày hôm qua?... Nhưng ngày hôm kia ?..." Thế là em không còn trông thấy gì nữa hết. Thình thoảng em lại thốt lên một tiếng rên ngấm đẽ cho Ba Mẹ em ở phòng bên không nghe thấy. Ba Mẹ em thường hay dậy luôn ban đêm khi em ốm để cho em uống thuốc. Đối với các bệnh nhân thì còn có thuốc mà sống. Đối với một người bạn mình coi là thân mà sự thật không thân với mình thì làm gì có thuốc gì mà chữa.

Ngày hôm sau đi học, chúng em xếp hàng lên lớp, không khí tung bừng của ngày hội hầy còn quện trong lời nói, bột ngân nhũ hầy còn óng ánh trên những mái tóc mà người ta cố tình chải dối, những câu của Molière vẫn còn thốt ra ở cửa miệng, những tên kiêu kỳ của các nhân vật " Oronte đang làm gì đấy?... Thế nào, Hầu tước có đến không?..." Trang-Philinte cũng vừa đến, tay khoác tay Célimène. Trang ra hiệu cho em một cái nhỏ xiu. Trang vẫn chưa nhận lại ra em.

Một buổi sáng Trang nhận lại ra em: "Bé Mến ơi"... vân vân. Trang biết nói những lời tử tế mà em muốn tin là thực. Nhưng thật ra Trang là thế nào? Là bạn thân của em? Hay là không phải bạn thân của em? Em cũng không biết chắc chắn được nữa. Em tiến lại Trang một cách ngập ngừng như một người đi trên một bãi đồng lầy, và bỗng nhiên thấy đất hững dưới chân mình.

Chị Hoa ơi, tại sao, sự thật về con người lại ẩn giấu sâu xa ở trong thế hờ chị? Ước gì có thể mở họ ra mà nhìn vào trong tim của họ mà không phải nói gì cả chị nhỉ! Những lời nói từ trong đó thoát ra để thành đẹp lắm chị ạ, nó lừa dối chị một cách thật vô tình, thế rồi chị tin chúng - như em đã tin chúng - để đến một ngày kia, nhân một buổi dạ hội, nó vỡ toang ra như một bong bóng xà phòng và để lại dưới đất một giọt nước mắt lớn.

Một buổi sáng, sự thứ tự trước sau ở trong lớp bị đảo lộn em không nhớ là do một bài thuyết trình nào có chiếu kèm theo phim ảnh. Chúng em rời chỗ, số ghế vẫn mang số thứ tự thường lệ A.B.C. Trang theo vần T, em theo vần M.

Bà giáo bảo chúng em: "Các chị muốn ngồi đâu thì ngồi". Em ra hiệu cho Trang. Em để dành cho Trang chiếc ghế bên

cạnh em. Nhưng Trang lại đến ngồi cạnh Bạch Liên, mỉm cười với Liên và em trông thấy Liên cười lại với Trang.

Thế là em thấy tim em bắt đầu nhảy mạnh - tim em đập nhanh quá từ ít lâu nay - và em trông thấy rõ..., rõ quá... Ta không thể tin những lời nói được - họ chú ý đến những lời họ nói nhiều quá - nhưng các cử chỉ đâu thời giờ để mà nói dối. Cử chỉ của Trang đã lật mặt trái của Trang. Rõ ràng là Trang không để ý gì đến em. Em trông thấy rõ quá..., rõ hết sức...! Bà giáo trông thấy em và nói:

"Mến, con làm sao thế? Con có đau đâu không? Con ra ngoài một tí cho thoáng khí dễ chịu đi".

Em đứng dậy đi ra ngoài. Biết đi đâu bây giờ? Đi ra nhà thuốc để được ngửi hơi nước dưỡng khí và mùi tanh-tuya i-ốt hay uống nước tía-tô sắc và nước hoa cam? Nhưng em có ốm đâu, em có bệnh gì đâu...Ngoài sự phiền muộn điên cuồng mà em không thể chịu nổi nữa.

Em tìm một lớp nào bỏ trống để trốn vào trong ấy, song lớp nào cũng đang học cả. Sau mỗi cánh cửa, em nghe thấy vang vang tiếng bà giáo đang giảng bài.

Sau cùng em mới chui vào được một căn phòng học vụn vặt. Giữa những dụng cụ để học vật lý và hai bộ xương người. Chúng nhìn em như ngao nghể chế giễu em còn phải lặn lội trong sự phiền muộn trần ai trong khi chúng đã được giải thoát rồi.

Em gục đầu xuống một cái bàn. Em không khóc, nhưng em bóp nghẹt hết sức nỗi đau khổ của em vào trong chiếc khăn quàng.

- Mến yêu!

- Trang!

Bà giáo cho người đi tìm em...

Nhưng bên trong em như có một cuộn sóng nổi lên rầm rầm và đầy bọt, làm em nhớ lại những hình ảnh hỗn độn của buổi dạ hội, của bữa cơm trợ trụi, của buổi khiêu vũ lẻ loi, em nhớ Trang bỏ rơi em chiều hôm đó, rồi ngày hôm sau cho đến hôm nay, nỗi đau khổ của em càng thấm thía hơn, càng dâng cao hơn và ghê gớm tưởng chừng như không có bờ đê nào ngăn chặn được.

Trang lấy tay quàng qua cổ em:

"Mến, Trang yêu Mến mà.

- Con Điều Thuyền!

Tiếng em bắn ra lạnh như một tiếng đạn nổ. Trang lùi lại phía sau:

- Trang có điều đầu...

- Nói điều thì có bao giờ biết, cô chỉ không biết thật thôi.

- Nói thật?...

Trang chưng hửng, ngạc nhiên và khổ sở hết sức làm cho cơn giận của em bỗng nhiên đổi thành một cảm giác yêu thương Trang rào rạt.

"Trang tha lỗi cho Mến. Thôi không có gì đâu Trang ạ. Mến dễ chịu rồi. Chúng mình về lớp với nhau đi".

Chúng em không bao giờ nhắc lại câu chuyện ấy nữa. Ngày tháng trôi đi. Mọi sự lại gần như cũ; Trang, những nụ cười, những lời nói có duyên của Trang... gần như trước... Chỉ thiếu có sự tin tưởng của em vào Trang cùng với nụ cười và lời nói của Trang.

Với người bạn lạ lòng của Trang là em, Trang bây giờ thật trọng về đủ mọi phương diện: Trang chờ đợi lúc em đến trường để Trang chạy vội ngay lại với em, Trang chăm chút em từng li từng tí. Như thể là Trang sợ không đủ là bạn thân của em - và cho chính mình Trang - những bằng cứ rõ ràng là Trang thân với em. Song cũng chả ích gì chị ạ.

Bởi vì, không phải chị, những bạn thân với nhau thực ra đâu cần phải tỏ rõ cho nhau biết như vậy? Họ thân nhau, họ yêu nhau, có thể thôi. Có ai lại nghi ngờ mặt trời chiếu sáng đâu. Song những người mà mình không tin chắc thì họ lại cứ phải tìm cách làm yên lòng mình và làm yên chính họ. Để cho nhau thấy những bằng cứ của tình bạn của họ, họ đem cộng cho nhau tất cả những dấu hiệu của tình bạn và cứ thêm mãi những dấu hiệu ấy vào.

"Không! Mình có không chú ý đến bạn mình đâu! Đâu có...

Lúc nào mình cũng ân cần... Mình hay đem quà cho bạn mình luôn... Mình mới đan cho bạn mình một cái khăn quàng đẹp ngày hôm qua, mình phải bỏ bài của mình để giúp bạn dịch một bài tiếng Anh. Mình làm tất cả mọi sự gì mình có thể làm... tất cả sự gì bạn mình muốn và hơn thế nữa. Thế là mình yêu bạn chứ gì".

Nhưng thưa chị, bài tính có đúng và bắt buộc mọi người phải công nhận đến đâu cũng vẫn sai. Sai vì thiếu một sự hết sức

nhỏ, song hết sức cần, là cái sự bí ẩn của trái tim, không tên, mà cũng không mang số tổng cộng các vật cho khác nhau được.

Và người đọc bảng tính cộng có cố hết sức tìm cho ra đủ số của mình thì cũng không thể nhằm được. Vì tất cả đều thiếu. Em biết rõ, chị Hoa ạ, tất cả những gì Trang cho em, em biết rõ ràng Trang đối với em tốt hơn hết tất cả mọi người khác. Em luôn luôn cảm ơn trong thâm tâm em... Trang, người bạn hiền, người bạn yêu của em... Song em cứ thấy mình đau khổ, về một bảng tính trừ đau đớn, nó lấy đi mỗi phút một nhiều hơn, điều mà em cần trên hết mọi sự.

Khi trở lại trường học, sau lễ Phục Sinh, chúng em trông thấy xuất hiện một bộ mặt mới: Loan, cô Loan, cô Giám thị Nội trú vừa ở Bắc vào Nam.

Cô ta còn trẻ, dáng người hơi cứng, nghiêm trang đến tận trong đáy mắt, giọng nói ngắn gọn, cặp mắt nhìn nghiêm nghị. Tất cả chúng em ai cũng phải tránh cô ấy.

Tất cả, trừ Trang.

Ngay khi Loan mới đến, là Trang yêu mến Loan ngay, và thích Loan hơn tất cả mọi người khác. Trang vốn đã sẵn là bà con trong họ với Loan. Hai người suýt soát bằng tuổi nhau. Đến cuối năm thi đỗ xong, Trang lại sẽ cũng là giám thị như Loan.

Bây giờ thì ngày nào cũng như ngày nào, khi đến trường học buổi chiều, là em cũng trông thấy từ đằng xa cô Loan ngồi trước cửa phòng học và Trang bên cạnh cô ta.

Ngay khi trông thấy em, là Trang vội đứng ngay dậy và chạy lại với em. Nhưng có ai đến họp bạn với em đâu? Không một ai... gần không một ai, chỉ một phần nhỏ xíu là Trang, và một phần nhỉnh hơn một chút các bạn khác của em. Trang và em gần như không còn gì nhiều đẹp đẽ và bí mật để kể cho nhau nghe từ khi Trang thích nói chuyện với Loan hơn, thích đọc những sách của Loan, thích đưa cho Loan xem quyển vở Trang ghi chép những tư tưởng hay... Em không còn biết làm gì với những kho tàng mà em cất đi dành cho Trang nữa. Em không còn gì để cho Trang hết.

Có lẽ Trang cũng yêu em? Cũng...thế nào là cũng?... Cũng là thêm vào, thêm một chút thừa. Em là thế nào mà bằng lòng

với cũng được? Cảm thấy mình bị thiệt thòi, em thôi không nói gì nữa. Từ ngày Trang thốt lên tiếng thất thanh thì em không còn chịu đựng nổi vẻ mặt ngạc nhiên ngỡ ngàng và đau khổ của Trang, nhưng ở bên trong tâm hồn em có một ngọn nước âm ỉ, cay đắng còn hơn nước mắt, sẵn sàng trào ra nhân bất cứ dịp nào.

Chỉ một tiếng cũng là đủ. Trong lớp học, em thấy nó ở bất cứ trang bài giảng nào. Hoặc là khi phải định nghĩa thế nào là lòng chân thật, thế nào là sự thật, là giả dối, là trang nguy, là vờ vĩnh hoặc là khi phải phân biệt người đang yêu với cái đáng yêu, người ngay thẳng với người khôn khéo, cái thực với cái giả, tất cả đối với em đều có thể là duyên cớ để em nguyên rủa những sự dối trá trong tâm tình.

Sự tình cò lắm, trong kỳ tam cá nguyệt ấy, chúng em phải học "Kẻ Ghét Đời"¹ mà tư tưởng ám ảnh em từ tháng một vừa qua. "Tôi muốn người ta đừng lẫn tôi và để nói thẳng cho ông nghe! Tôi chán ngán nhân tình thế thái lắm rồi".²

Em lấy roi quất vào Philinte những ngọn đòn ác độc. Em không để cho hắn ta còn có một cử chỉ nào là một cử chỉ ngay thẳng hết. Nhưng, Philinte chỉ là Philinte. Và chính Trang mới thật là người nhận hết tất cả các lời ăn tiếng nói cay nghiệt của em. Em đã làm thương tổn Trang nhiều. Bà giáo phải nói với em:

"Mến, em đừng nói quá! Có gì là tuyệt đối đâu, em phải biết điều một chút mới được. Tại sao trong tình bạn lại không có sự chia sẻ được? Ở đời tất cả đều là chia sẻ. Ai không biết chia sẻ là mất hết".

Nếu thực như thế, thì đúng là em sinh ra để mất hết!...

Một hôm em đem đến lớp một bản văn kinh khủng để chứng minh cho quan điểm của em làm cho cả lớp và đến chính bà giáo đều phải sững sốt ngạc nhiên: bản văn của Napoléon mà em đã lục lọi tìm ra được trong cuốn "Ký ức tại hoang đảo Sainte Hélène".

"Bertrand bỏ tôi, tôi bầu vịu vào chú như con tôi, bởi vì tôi tin rằng chú chỉ yêu quý một mình tôi thôi. Vì nếu chú yêu quý một người khác ngoài tôi ra, thì tức là chú không yêu tôi. Tôi không tin rằng bản chất chúng ta lại cứ bắt chúng ta yêu mà lại phải đem chia sẻ. Trong các tình yêu, bao giờ cũng có một thứ mạnh mẽ hơn hết. Tôi muốn người tôi yêu và được hân hạnh

tôi đặt lòng tin cậy của tôi, phải yêu tôi hơn tất cả mọi người khác. Tôi không muốn có sự chia sẻ"

Napoléon!

Trang, từ thuở nhỏ, vẫn tôn sùng Napoléon; Khi mới lên mười, còn ở nhà với cha mẹ, Trang thường hay đi ngủ sớm mỗi tối để có thể nghĩ tới Napoléon ở trong giường. Tại Fontainebleau, nhân buổi đi chơi của toàn trường, Trang đã khóc và nhặt một hòn sỏi nhỏ trong sân "vĩnh biệt". Trang chếp lại vào một quyển vở to các bài ca ngợi Napoléon.

"Bao giờ cũng Napoléon, Napoléon ở mọi chốn, mọi nơi!..."

Thế mà bây giờ em lại đem Napoléon đến giữa Trang và em, để bên vực em chống lại Trang.

Em nhìn thấy Trang. Em thấy hai mí mắt của Trang chớp chớp, Trang hình như muốn trả lời em, nhưng buồn bã, Trang lại không nói gì.

Em đáng ghét quá, chị Hoa ơi, chị đừng bên em! Em thực đáng ghét!

Đến đây là câu chuyện thực của em bắt đầu. Tất cả những điều em vừa nói với chị chỉ là để chị trông thấy rõ em xấu đến mức nào. Nếu em không xấu, thì đã không có phép lạ hiện ra chị ạ. Phép lạ đến với em vào dịp lễ *Pentecôte*. Trước ngày lễ năm ấy mặt trời thực xán lạn huy hoàng, tiết trời thật nóng, bầu trời thật xanh, có những áng mây dừ tợn làm lủi muốn dâng lên. Chúng em ngồi trong sân trường, quay tròn lấy bà giáo, để dự một trong những buổi học nhẹ nhàng và vui thích giáp hè. Trang đến sau những người khác. Trang có xanh không, em cũng không biết nữa, nhưng em cảm thấy chắc chắn có một sự nguy hiểm đang lớn vờn quanh Trang. Em nói với Trang:

"Trang ồm đấy, Trang ạ."

"Không! Trang chỉ nhức đầu một tí thôi."

Em nhắc lại:

"Trang ồm thực, ồm hơn là Trang có vẻ đấy."

Trang cười vào mũi em, nói:

"Mén điên đấy à!"

Sáng hôm ấy hai mắt Trang khác hẳn mọi khi, chưa bao giờ em trông thấy mắt Trang như thế, cặp mắt không cười, rất rộng, rất sâu, rất tư lự.

Đến trưa, em gặp Trang lại, trước khi khởi hành? Tất cả khu

nội trú đều nhộn nhịp. Hòm rương chồng chất trong nhà người gác cổng. Tiếng sấm. Không xa, rền gầm.

Em đã từ biệt Trang và đi ra phía cổng qua hành lang bên ngoại trú - không bao giờ em quên được nơi ấy và giờ phút ấy - Trang đến đón chặn ở trong hành lang.

"Mến, trước khi đi, Trang có điều muốn nói với Mến. Trang muốn nói với Mến sự thật."

Sự thật... người em run lên... con giông tiến lại gần chúng em. Tiếng sấm gầm vang, ở ngay cạnh.

"Mến, thật ra Trang yêu Mến lắm. Thế là nhiều lắm, Mến ạ. Song còn điều này nữa. Nếu Trang yêu một người khác hơn Mến, thì Trang cũng không biết làm thế nào khác. Chiều nay Trang muốn giảng cho Mến hiểu... Bị coi là nói dối, nói điều, dù Mến có không nói ra chẳng nữa, Trang cũng không chịu nổi. Trang không nói dối, Mến ạ; Mến không công bình đối với Trang. Trang chỉ cố thu xếp mọi sự để không làm Mến buồn quá, thế thôi. Nhưng thu xếp hay dần xếp mọi sự, với Mến, thì không bao giờ được. Mến trông rõ quá, Mến trách Trang làm Trang rất buồn. Như vậy, thà nhận tất cả với Mến còn hơn: Trang không yêu Mến như ý Mến muốn, Trang không hiểu Mến trên hết mọi sự. Đây, tất cả sự thật là thế."

Sự thật!

Một luồng gió lớn phũ phàng và trong sạch tẩy rửa tâm hồn em. Cánh cửa sổ tán nhẵn, mở toang vào trong căn phòng ô uế. Em bỗng cảm thấy con người nhẹ như được giải thoát, lỏng phôi như cất đi được một gánh nặng ép trĩu, đèn nổi em không nghĩ được ngay đến sự vừa rút rời khỏi em.

"Mến cảm ơn Trang, Trang thực tốt và thực can đảm. Mến cảm ơn Trang với tất cả tâm hồn Mến."

Trang! Lần đầu tiên, em thấy Trang đến tận tâm can của Trang, như từ trước đến bây giờ chưa bao giờ em trông thấy như thế. Em hiểu biết Trang, không phải Trang bạn thân của em, nhưng hơn thế, Trang rõ thật là Trang!

Tiếng sét bùng nổ. Chúng em phải vội vã ra về.

"Vĩnh biệt Trang nhé. Chúc Trang nghỉ hè cho vui!..."

Rồi em lại trở bước lại:

"Trang giữ gìn sức khỏe, Trang ốm đấy."

Mưa bắt đầu rơi. Em không về nhà ngay. Nhà em ở xa. Em đến thẳng nhà thờ để xưng tội, sửa soạn rước lễ Pentecôte. Em

đến nơi thì vừa vặn mưa đổ xuống như trút. Tiếng sấm gầm, dữ dội, dưới những vòm trần cong của nhà thờ. Trước tòa giải tội nhiều người đang chờ đợi.

Em đặt chiếc cặp xuống trước mặt và lắng mình, em khảo xét lương tâm em để tìm cho ra những tội lỗi của em. Trước hết, những tội thường, cứ tự nhiên cũng nhớ ra được, với tên và số lượng của chúng. Nhưng, ở trong một nỗi niềm hoang mang rộng lớn, tội nào là tội ác độc nhất mà em đang thấy mình mắc cảm? Em đã làm Trang đau khổ, Trang mà em yêu dấu! Em làm thế nào để mà định nghĩa cái tội ấy được để lên án nó trong lát nữa? Em cố thử nhớ nó, song em không làm sao tìm cho nó có một tên tội lỗi nào.

Em hỏi lần lượt đến bảy tội trong sách bốn.

Em không thể gán cho tội của em là kiêu ngạo, là xa hoa, là lười biếng được. Cũng không phải là giận dữ. Trừ một lần - đã xa lắm rồi - em đau khổ mà không tức giận.

Hay là biếng lận? Có lẽ là biếng lận. Phải chăng em có ý muốn giữ dặt lầy một mình trái tim Trang làm của riêng, không nhường cho ai một phần nào? Nhưng một trái tim - một linh hồn - không phải là một thứ "sở hữu" tồi tàn "của thế gian", cảm không được ham thích nhiều quá, mà có lẽ là một ơn huệ trời cho. Như thế phải chăng tội của em là tội biếng lận?...

Hay là đồ kỵ? hay là em ghen?

Ghen với Loan? Loan! Em không có ý làm hại Loan. May ra thì một đôi khi em mới thoáng nghĩ đến Loan. Nhưng hại thay, Loan lại là người kia. Loan đứng chặn ở đó, để cho Loan đi khuất mắt, em có thể cho hết máu huyết của em, nhưng Loan lại ở đó. Tại sao Loan lại từ miền Bắc xa xôi đến để lấy bạn thân của em đi? Loan không có lỗi gì. Không, em không hờn oán gì Loan cả.

Nhưng em đau đớn quá, em quá điên cuồng vì sự đau đớn không tốt của em; và có lẽ vì quá đau đớn nên em lầm lỗi "lỗi lầm rất to lớn của em". Chị Hoa, em không còn trông thấy gì nữa! Nhưng em sẽ hỏi linh mục và cha sẽ cho em biết đã phạm trọng tội nào.

Em tự kết mình vào tội gần như ghen, quá ghen và đau khổ quá đáng vì ghen... tuy không có ý định làm hại ai. Quá đau khổ, phải chăng là một tội, thưa cha?...

Tiếng sét, đánh sét, cắt ngang lời nói của em. Sau đó, một sự

yên lặng ngẩn. Rồi cha lên tiếng:

"Vây, rồi sau nữa, con."

Em rời khỏi tòa giải tội với cái tội không tên của em, được tha thứ lẫn trong những tội khác, nhưng không được nhận thực, không được chữa khỏi.

"Đi đi con, cha đã nói với em; để chuộc tội, con hãy đọc kinh *Veni, Creator.*"

"Xin Thánh linh, hãy đến cùng con..." Thánh linh, một Chúa Trời cao cả quá đối với em, một Chúa quá Thánh thiện... một Chúa để cho các Thánh và các Giáo Hoàng, xa vời quá - Chúa vô hình - đối với con bé nhỏ đang cầu nguyện. Nhưng chiều hôm ấy, em hoang mang, tâm hồn mê lạc quá đối nên em kêu gọi hết sức Thánh Linh để trợ cứu em:

"Chúa là nguồn an ủi... xin Chúa soi sáng cho con... xin Chúa sửa đổi kẻ thù đi cho con..."

Câu chuyện xong, em lặng im. Bên ngoài, mưa mau quá, đập dồn dập vào các cửa kính làm em không thể ra về được.

Em ngồi nguyên, yên lặng. Em nghĩ tới Trang. Thế là, ở trong em như có ai nói về Trang với em như nhập làm một với em:

"Mến yêu Trang. Mến đã làm thương tổn Trang. Nhưng, còn hạnh phúc của Trang, hạnh phúc của Trang ở đâu! Nếu hạnh phúc của Trang ở trong một người khác không phải là Mến, một người khác tốt hơn Mến, thì Trang có không được có quyền đi theo trái tim Trang, vì Mến, không? Mến hãy nhớ lời kinh bản: "yêu" có nghĩa là mang lại cho người mình yêu tất cả những điều tốt lành y như cho chính mình vậy".

- Nhưng, những điều tốt lành, Trang đều có tất cả rồi. Các bạn Trang cũng có tất cả. Còn Mến, Mến không có một ai. Mến chỉ có một mình Trang - Mến không thể nào rời Trang ra được. Mến cần có Trang! Mến cần Trang!

- Mến cần có Trang, nhưng Trang cần người khác. Trang cần một người không phải là Mến.

- Lạy Chúa, xin Chúa thương xót lấy con. Xin Chúa hãy thay đổi tim Trang

- Mến hãy thay đổi lòng Mến đi.

- Mến không thể thay đổi lòng Mến được. Mến yêu Trang.

- Mến hãy yêu Trang hơn nữa. Mến yêu Trang, nhưng yêu một tình yêu không công bình, muốn giữ lấy tất cả cho Mến, muốn được tất cả, mà không nhường một tí gì cho ai hết. Mến yêu

Trang, nhưng yêu bằng một tình yêu tàn nhẫn. Mến hãy nhìn Trang, nhìn Trang của Mến, nhìn Trang khốn khổ của Mến hiền hậu như thế. Trang trước kia tươi cười sung sướng như thế, mà bây giờ, Mến làm cho Trang buồn thảm như vậy. Mến là người bạn không tốt!"

Em òa lên khóc. Trang! Trang yêu dấu của em!...

Trang đau khổ vì em. Một đợt sóng yêu thương ân hận rạt rào làm chìm ngập tất cả.

- "Mến khóc đi. Mến sẽ khóc nhiều. Cũng không sao! Chỉ nguyên có một điều là cần thiết: là Trang cần được sung sướng."

- Bây giờ làm sao, làm sao, thưa Chúa?

- Yêu, yêu rất khó. Yêu không phải là hạnh phúc. Yêu không phải là một sự trao đổi để mỗi người giành giật lấy phần của mình. Yêu, là cho đi tất cả, tất cả những gì mình có! Và là mất đi tất cả những gì mình đã cho.

- Trời! Làm thế nào mà con chịu thế được?

- Mến hãy nhận lấy con đường đi ngày hôm nay. Con đường sẽ dẫn dắt Mến. Mến hãy yêu mà đừng sợ đau khổ vì yêu. Tình yêu mạnh hơn đau khổ..."

Con mưa đã dứt. Em ngừng đầu nhìn lên. Em vừa nhận được ơn trên về ngày lễ *Pentecôte*. Em vừa nhận được từ đấng Thánh linh bài học thương yêu đầu tiên của em.

Ngoài trời và trong lòng em, một sự êm ả vô bờ.

Trong những ngày sau, em sửa soạn những lời em sẽ nói với Trang, để tặng cho Trang sự hy sinh của em khi nhập trường lại, ngày thứ tư lễ *Pentecôte*. Và có lẽ em sẽ nói thêm nhiều câu nữa khi tim em hồi hộp đập nhanh. Em sẽ nói rất giản dị, rất ngắn: "Trang đã cho Mến biết sự thật. Mến không cần biết gì hơn thêm nữa. Trang đừng băn khoăn về Mến nữa nhé. Trang cứ yêu Mến được đến đâu hay đến đấy. Nếu Trang yêu Mến ít hơn, thì là ít. Về sự ít ỏi ấy, Mến xin cảm ơn Trang." Em nhắc thăm mấy câu trên và đồng thời cầu nguyện khi em đến trường, ngày thứ tư mùa hè đẹp trời ấy! Nhưng Trang không có đấy!

"Trang không trở lại trường!" Hương Bé nói lớn vào tai em.

Bà đốc đi ngang qua vừa lúc dưới hành lang. Bà đứng lại gần em:

"Mến. Trang đau nặng lắm, Trang bị lên sỏi nặng. Có lẽ vì Trang lo học thi nhiều quá hay Trang có điều gì phiền muộn. Trang mê sảng nhiều. Bác sĩ sợ biến chứng vào óc."

Một tia sáng bén nhọn, kinh khủng sét ngang em:

"Mình giết Trang rồi ..."

Thế là vô ích, sự hy sinh của em. Vô ích, sự ân hận của em. Điều xấu thâm sâu em đã làm, bây giờ em không còn gỡ lại được nữa. Vì trễ quá rồi! Thế là Trang sắp chết rồi.

Khi ấy, để dẹp cơn thịnh nộ của Trời đã trừng phạt em qua Trang, để Chúa chứng kiến sự khước bỏ của tim em, em muốn dâng Chúa một dấu hiệu, một dấu hiệu thật, một dấu hiệu thiêng liêng, một trong những dấu hiệu ràng buộc người ta cho đến chết như chiếc nhẫn vàng của cô dâu ngày cưới.

Và em đi hái bông hồng đỏ.

Em trông thấy lại trong ký ức em màn trời xanh của buổi trưa hè năm ấy, một màu xanh mênh mông nóng hổi, huy hoàng. Khi em đến trường, trong ánh nắng của sân chơi, các bạn em cũng vừa đến, ai nấy đều cầm một bó hoa - nào là cầm churong, nào là hồng mẫu đơn, hoa lan - đem tặng cho các bà giáo mà họ yêu quý nhất.

Từ trước đến giờ, em chưa bao giờ mang hoa tặng ai hết. Ngày hôm ấy, em cầm bông Hồng của em trong tay. Một bông hồng đỏ thắm nặng trĩu, với một nụ con xinh ở cạnh.

Nghiêm trọng, em đi ngang qua sân trường, với bông hồng của em. Cô Loan, đứng trước phòng học, đang đợi chuông vào học điểm giờ. Em đưa bông hồng cho cô ta:

- Thưa cô, xin biếu cô.

- Ô! Chị Mến, chị tử tế quá. "

Tử tế! Còn hơn là tử tế nhiều! Loan không biết em là gì hết. Loan không biết món quà em biếu Loan, Trang của em.

"Đây, xin biếu cô Trang của tôi. Tôi không còn gì nữa hết".

Em nói thế nhưng không thốt lên một lời nào. Em không nói để Loan nghe, em nói ở bên trong em với đảng Cao Cả của ngày Pentecôte, là ngày đã ghi nhận dấu hiệu của em.

Giây phút ấy là giây phút thiêng liêng - như một lời ước nguyện nhưng bỗng nhiên tim em nứt rạn ra như sắp tan vỡ,

làm em muốn ôm mặt khóc òa. Em bỏ mặc Loan với bông hồng, vội chạy trốn...

Tất cả mọi sự, thế là xong.

Khi Trang trở lại trường, khỏi bệnh, vào cuối tháng sáu, em không giảng giải gì cho Trang nghe, cũng không nói với Trang về Bông Hồng. Thế rồi, tất cả mọi sự lại như trước, sự gặp gỡ của chúng em dưới hành lang, cử chỉ duyên dáng, những lời nói đáng yêu của Trang và những lời nói của em cố hết sức cho có vẻ tốt hiền.

Trang không còn sợ em nữa. Trang đã cho em biết sự thật, và em đã được sự gì em cần được. Tất cả đều rõ ràng, tất cả đều giản dị, em được mãi nguyện, tất cả đều bình thản.

Trang hãy còn xanh lắm, người hãy còn mảnh dẻ, và Loan chăm chú Trang hết sức. Con bệnh của Trang đã ràng buộc hai người bằng một sợi dây mỗi ngày mỗi thân mật hơn. Họ đối với nhau có những cử chỉ như kim châm vào tim em, song Trang không còn bận tâm đến điều ấy nữa. Nếu trong những ngày ấy, có người đem mở ngực em ra, thì có lẽ họ sẽ thấy tim em bị những mũi tên xuyên nát như hình ảnh thánh Sébastien trong các nhà thờ.

Hơn thế, bây giờ Trang không ngần ngại đem chuyện của Loan ra nói với em. Dần dần em trở thành người bạn nhỏ để Trang kể lể tâm tình. Trang nói cho em nghe hết tất cả những sự vui buồn của họ, nhưng một đôi khi, cảm thấy Trang quá yêu thương người ấy, một tiếng kêu lớn thâm lặng ghen ngào trong miệng em. Em vội mỉm cười để cho tiếng kêu ấy không thoát ra ngoài được. Có gì đâu chị Hoa! Chẳng qua chỉ là một nụ cười mong manh khốn khổ nở đầy mà héo ngay đấy, run rẩy ở góc miệng em như sắp khóc...nhưng khóc không được. Thế rồi, vì tình thế bắt buộc, em cứ tiếp tục cười mà không biết và nụ cười cũng quen ở lại với em, che phủ hết sự buồn phiền này đến sự buồn phiền khác của đời em... Không! Không! Chị Hoa ạ, không phải là em thánh thiện gì, không! Không ! Không bao giờ em lại chừa, thôi không đau khổ nữa. Nhưng đau khổ đâu có cấm nụ cười.

Sau hè, vào tháng mười, Trang được bổ nhiệm làm giám học. Phòng Trang trong khu nội trú, ở cạnh phòng của Loan. Ra

thường đến thăm Trang. Bây giờ trong gia đình em, em chỉ còn là một cô gái kén chồng vô vọng. Em đem hoa, tranh ảnh, một đôi khi một bình hoa nhũn nhặn để tô điểm cho căn phòng quá tro trọi ấy. Trang, rất tử tế, mời em:

"Thứ tư, Trang không mắc bận gì, Mến đến uống trà với Trang và Loan."

Với Loan, em cũng đến y hẹn.

"Loan, đưa cho Trang mượn cái thìa... Loan. Loan để đường ở đâu rồi?..."

Trang và Loan sống chung với nhau mật thiết như hai chị em. Họ thật sung sướng. Em thì không.

Tại sao hai người ấy lại hòa hợp với nhau đến thế. Còn em tại sao lại chỉ là cái người thứ ba thừa thãi, không được đếm xỉa tới? Em cũng muốn hiểu tại sao lại thế.

Đúng ra thì Loan cũng tốt, cũng dễ chịu chứ không như người ta tưởng. Với bộ mặt sáng sủa mặc dầu có những chấm tàn nhang, cử chỉ Loan đàng hoàng, giọng nói mạch lạc không hề mất đi một tiếng nào. Loan biết nhiều thứ lắm. Nhưng còn có gì thêm nữa chứ...?

Hơn ai hết, em biết không có chút duyên dáng nào. Nhưng Loan có duyên dáng gì không? Em không thấy. A! Tại sao thế. Trang, tại sao thế? Nhưng ai mà biết được đường tâm tình đi qua những đâu?

Một hôm em thấy Trang khóc sụt sùi. Loan sẽ trở về Bắc ngày mai, vì được bổ nhiệm làm cô giáo tại X...

Tôi nghiệp Trang quá!

Em cố an ủi Trang:

"Rồi Trang sẽ ở lại gần Loan. Dễ lắm mà. Trang chỉ việc nộp đơn cùng xin một chỗ ở trường Loan dạy.

- Được thế nào được. Loan bây giờ là cô giáo rồi. Trang chỉ là giám học, còn chưa được làm giám học thực thụ nữa, mới coi nội trú. Giám học nội trú thì có bao giờ được ra ngoài địa hạt của học viện.

- Trước sau gì rồi thì Trang cũng phải ra ngoài Học viện chứ đâu có ở đây mãi được. Rồi thì Trang cũng sẽ là cô giáo. Trang có quen biết ai có thể giúp đỡ Trang được không?"

Thế là em bỗng khám phá ra các đường lối thông thường của thế gian này.

Trang vững bụng lại:

"Ông nội Trang có quen một ông Dân biểu.

- Thế còn đợi gì nữa? Trang xin đổi đi. Viết thư ngay cho ông Trang đi. Nhờ ông dân biểu ấy đi ".

Trang làm như lời em bảo!

Còn em, trong đầu óc cô đơn của em, em cố tìm cho Trang một con đường giúp Trang qua mọi trở ngại để đưa Trang đến gần Loan.

Biết làm sao bây giờ?

Trong gia đình em không có ai làm trong ngành giáo huấn, trừ một người anh họ xa, năm thì mười họa mới đến thăm ba em. Cũng vừa lúc ấy thì anh ta đến. Em dò hỏi anh ta. May quá, đúng trong khu học viện của Loan, anh ta có một người bạn đồng nghiệp là chủ sự biết và chỉ dẫn cho Trang đường lối phải theo.

Tất cả mọi sự đều tùy thuộc ông Viện trưởng Y... Ông viện trưởng ấy là rể một bác học danh tiếng. Nếu nhờ được nhà bác học ấy giúp thì chắc chắn là sẽ được.

Nhưng ai là người có thể đi nhờ nhà bác học ấy được. Em không thấy có ai.

Chị hỏi tên ông ta là gì, chị Hoa?... Xin chị đừng tò mò. Tên ông ta, em sẽ không cho chị biết đâu, cũng như em sẽ không cho chị biết tên các nhân vật khác trong chuyện. Họ tiếng tăm lớn quá, em không dám để họ lẫn như bất cứ ai vào trong câu chuyện nhỏ bé tầm thường của nữ sinh.

Như vậy là nhà bác học ấy..., là một người mà bà nội em rất ghét. Bà nội em có đọc trong một tờ báo của nhà chung xuất bản thấy nói ông ta về hòa với những kẻ ngoại đạo ăn thịt ngày thứ sáu Thánh...Ông ta còn xa gia đình em hơn là ông Vua Tàu!

Bà em, một hôm chợt nhớ lại:

"Trước kia, ông ta thân với bác P... hàng xóm nhà mình lắm. Nhưng Bác P... gái bây giờ đã lớn tuổi. Một bà lớn xa lạ sống giữa Đô thành.



Một buổi sáng tháng năm, em đến gõ cửa nhà bà ta. Em không hiểu làm sao mà em lại trở nên táo bạo đến thế, vì khi ở nhà thờ thì em sợ hãi không dám đi ngang qua mình Thánh sợ nhờ gặp Cha thì không biết ăn nói làm sao, hay đi ngang qua trước cửa nhà những người lạ là em chỉ muốn ba chân bốn cẳng chạy vụt đi cho mau, mà bây giờ em lại dám gõ cửa một nhà kính khứng nhất trong một khu sang trọng nhất.

Em tự giới thiệu bằng một tấm thiệp của ba em, trong đó ba em tự cho phép nhắc lại những dây liên lạc cũ bằng những lời lẽ trân trọng, để giới thiệu với bà chủ nhà quý phái một con bé nhỏ đi chạy chọt là em. Sự thật thì ba em cũng ngạc nhiên về sự cầu cạnh của em.

Bà P... quả thực là một bà lớn, rất có duyên và rất đẹp. Khi em vào, thì ba ta đang nói chuyện với một bà khác cũng đã lớn tuổi, mái tóc hoa râm, đầu chít khăn nhung đen, trông cũng có vẻ hiền hậu như bà.

Hai bà nội. Họ đang đem chuyện các cháu của họ kể cho nhau nghe. Một sự êm ả, một khoảng không khí thanh thản ấm áp xâm nhập vào em đột ngột khi em đến gần họ. Em bắt đầu trình bày lý do sự có mặt của em một cách ngập ngừng. Thực là lạ, khi đi xin một chân dạy học ở X...thì em lúng ba lúng

búng không nói được cho gãy gọn với Ông Chủ Sự ngồi sau bàn giấy, nhưng đến khi phải giải bày cho bà mệnh phụ này nghe về trường hợp của Trang và Loan, thì em lại lưu loát thao thao bất tuyệt... Lẽ dĩ nhiên là em không đả động một tí gì đến em. Em đang làm một việc chống lại chính em. Nhưng em cũng không nghĩ tới nữa.

"Trời! Thật tiếc quá! Bà P... phải kêu lên, tại sao cháu không đến sớm hơn! Bà vừa mới ra là bà M... đấy. Phải chi cháu có dịp nói thẳng với bà ấy!"

Bà vợ nhà bác học! Nhạc mẫu của Viện Trường!

Thực em may mắn có một không hai rơi vào đúng tổ con chuồn chuồn!

"Được, cháu cứ để bác thu xếp cho, bà P... nói với em. Ngay ngày mai, bác sẽ nói với bà M... bác sẽ hết sức giúp cháu. Bác cũng muốn làm vui lòng ba cháu, ba cháu có bao giờ nhờ bác giúp việc gì đâu!"

Các đức tính của gia đình đến cứu viện em và nâng đỡ em hết sức.

Ba em thấy sự tiếp đãi ân cần của bà P... đối với em là một sự tự nhiên, nhưng ba em khuyên em đừng lạc quan quá. Một nhà bác học và một ông con rể sá gì đến ý muốn của một đứa con gái như chúng em?

Vài tuần sau, khi em đến trường, chính bà Đốc báo tin cho em biết:

"Trang được bỏ đi X... chị ấy thực là may."

Trang sượng đến nhón người thêm.

"Ông Trang đã cảm ơn ông Dân Biểu."

Em vui thích trông thấy Trang vui sượng. Em cũng buồn nữa, vì thấy Trang đã quay hẳn về tương lai, ra đi tìm hạnh phúc không đoái hoài đến những gì Trang bỏ lại phía sau. Trang đã quên em cũng như Trang đã quên em ngày dạ hội.

"Mến sẽ đến thăm Trang nhé!

- Chắc chắn rồi!"

Chúng em nói với nhau toàn những lời là lời...

Nhưng khi Trang đã đi khuất, khi em không có gì để làm nữa, khi chuyến tàu đưa Trang đã xa hẳn, và em trở lại con đường mệnh mang trống rỗng, thì em nhận ra điều em đã làm và em biết em sẽ mãi mãi cô độc - em muốn nói là sẽ không bao giờ

em còn có Trang ở bên em nữa.

Không có Trang. Nhưng trong nỗi đau đớn của em, một sự êm ả từ trên trời tủa xuống ôm ấp lấy em, sự êm ả của mùa Thánh Linh giáng lâm. Và em nói:

- Yêu, phải chăng là thế?

- Yêu, đúng là thế!" - sự êm ả trả lời em.

Đây, câu chuyện chỉ có bấy nhiêu, chị Hoa ạ. Em không còn gì để nói thêm nữa hết.

Về sau, Trang và em, chúng em chỉ còn là những người tẻ-chán như tất cả mọi người khác.

Trang theo đuổi nghề dạy học gần như không rời Loan ra đến một bước. Trang chết trẻ trong một tỉnh Trang ghé ngang qua. Loan lúc ấy ở xa. Em cũng vậy. Em hay tin Trang đau bệnh, em đi tàu đến nơi thì vừa lúc.

"Mến đến đây làm gì?" - Trang hỏi em. Có lẽ Trang hy vọng gặp một bộ mặt khác.

Khi ấy, lần đầu tiên, em là người bạn thân độc nhất của Trang. Em ở liền cạnh Trang cho đến khi Trang chết, cho đến phút chót, em đã ru Trang... cho đến phút chót... Em mệt quá ! Chị Hoa...

Kiệt sức, Mến im bật. Đầu Mến ngã xuống gối. Phải, Mến mệt hết sức rồi. Mồ hôi vã ướt trán Mến, lấm tẩm như những hạt sương sa. Mến thu mình cho thật bé lại, kiệt quệ, như chiếc đèn dầu đã cháy đến giọt cuối cùng.

Mến nói thêm trong một hơi thở nhẹ:

"Chị có bao giờ yêu chưa, chị Hoa? Chắc là có chứ nhỉ! Nhưng em muốn nói: Yêu một tình yêu dang dở?... Điều em muốn nói với chị ngày hôm nay... để chị sẽ nhắc lại... là khi chị quá đau khổ vì yêu, khi mối tình của chị u uất bên trong chị không có ngõ thoát... thì chị hãy nhớ, chị Hoa... rằng Thánh Quan Thầy của những người đang yêu chính là Đấng Thánh Linh Mùa Lễ *Pentecôte*. Chị hãy kêu gọi, Đấng Thánh Linh sẽ đến cứu trợ chị và dẫn dắt chị."

¹" Le Misanthrope"

² "J'aime qu'on me distingue et pour vous parler net, L'ami du genre humain n'est pas du tout mon fait."

MARIE NOEL

HOÀNG VŨ dịch

(Tình Thương số 3 tháng 3-1964)

NHỮNG TRANG BẰNG HỮU



Đôi hoa quì vàng
tranh Đinh Cường

(THT chọn đăng bức tranh này như là tấm lòng gửi về Anh. Anh luôn luôn nhắc đến
Mùa hoa ở Đơn Dương của THT)

Lê Văn Trung

DẠ KHÚC TRẮNG

Em ơi đêm nay trăng không về
Trăng còn lang thang mù cơn mê
Ôi trăng vàng xưa mùa nguyệt nở
Ôi trăng tình xưa vàng câu thơ

Trăng thơm ôi mùi hương trăng phai
Ôi trăng hôn tôi trên vai gầy
Em về qua phố trăng vàng phố
Tôi về qua em trăng sương bay

Sao không cùng tôi trăng mơ huyền
Sao không cùng tôi trăng nguyệt cầm
Ôi trăng về đâu năm cung trầm
Tương tư từ trong mùa trăng tan

Em ơi trăng còn say sương ngàn
Nao nao hôn tôi cơn mê hoan
Ai trói hồn tôi bằng sợi tóc
Ai giam tình tôi đôi môi ngoan

Thôi thôi, đành thôi, trăng hoang đường
Thôi thôi, đành thôi, mù trăng sương
Ai giết hồn tôi bằng đôi mắt
Ai thắm tình tôi ngời thiên hương

Em ơi! Còn đâu? Trăng muôn phương!

NHỮNG ĐOẠN KHÚC RỜI

6*

Ngàn năm rượu cháy hồn du tử
Ngàn năm tình úa vàng chiêm bao

Ta ném đời ta như mảnh vỡ
Trượt hoài trên mặt nước thương đau

Ngàn năm xa lạ hồn cô lữ
Một tiếng chim kêu cũng nhớ nhà
Một giọt sương rơi lòng cũng ngỡ
Lệ người nhỏ xuống buổi ta xa

Ngàn ly chia biệt hồn lưu lạc
Đứa ngóng đầu sông đứa cuối ghềnh
Ai ném tình trôi trong bão cát
Ngàn năm bèo bọt chút hư danh

Ngàn năm tàn rữa mồ thiên địa
Tiếng gào vô vọng suốt hư không
Trắng xưa chết yếu tan thành máu
Chảy suốt hồn ta huyết lệ buồn

Ngàn năm ta gặp ta lần cuối
Điêu hiu ngòi đời giữa trần gian
Bỗng thấy bóng người xưa vẫy gọi
Trắng một vành khăn trắng nghẹn lòng.

TỪ HOÀI TÂN

Lau lách Bình Thành

Ta về đây phát ngọn cỏ lau
Dẫn bầy lâu la là đám con nhỏ
Tập trận trên những luống khoai mì
Trông bờ đắp mới xong hôm qua
Bên dòng nước phèn tanh tưởi
Những luống khoai của một trận địa nghèo khó
Với bầy con ở trần quanh năm
Bên mẹ vợ ở nhà què đưng giường thì dễ

Hàng chục năm quá khứ bỏ lại sau lưng
Cùng những ngày phố thị bị truy đuổi
Những năm đau lòng vĩnh biệt một cuộc chiến tranh
Cảnh chia ly không ngờ tới
Bỏ lại một chặng đường
Bởi không còn cách nào để ở lại với những ngày lang thang
và đói
Sau những cuộc ra đi thất bại

Ta về đây với bông hoa trăm đồng nội
Rừng bạt ngàn lau lách
Đất bùng biển
Nước trong xanh chỉ để soi mặt mình, không uống được
Những trắng bàng mệnh mông nổi tiếp tận chân trời
Chỉ để thấy sự cô độc của kẻ không nơi nương náu
Về dựng chòi trên bờ kinh xáng mức
Những nhát cuốc xuống vùng đất mùn
Khơi tìm mạch sống
Những năm ấy như là
Kẻ thất phu
Mang nỗi đau ngày lưu lạc
Kẻ thất phu tự an ủi mình bằng vinh quang của sự hèn nhát
cam chịu cuộc đời
Bên người vợ què suốt ngày ca sáu câu vọng cổ
Những năm ấy như là

Chìm đắm êm ái với sự vô vọng

*

Rừng ở đây và đất cũng ở đây
Từng ngày rồi từng năm tháng
Mười lăm năm không nghĩ sẽ qua
Dòng kinh xáng nước lớn ròng đôi bạn
Nằm chờ biên sông dưới bóng cây gừa
Xuôi con nước thuận dòng về bến chợ
Hàng đã lên bờ rượu đã bày ra
Vài con khô cá sặc
Chung ly rượu bằng hữu thương hồ
Ngất trời sáng khoái
Bèn cất tiếng ca rằng
Ta về đây về đây
Pháp phối ngọn cờ lau
Lãng tử hay tráng sĩ hề
Dừng dừng lòng nguội lạnh
Quê hương hay đất nước hề
Có còn không một cội
Để
Những tháng năm tràn qua
Chỉ là giấc mộng đầu hôm

TỪ HOÀI TẤN

(Xã Bình Thành Huyện Đức Huệ Tỉnh Long An - Biên giới

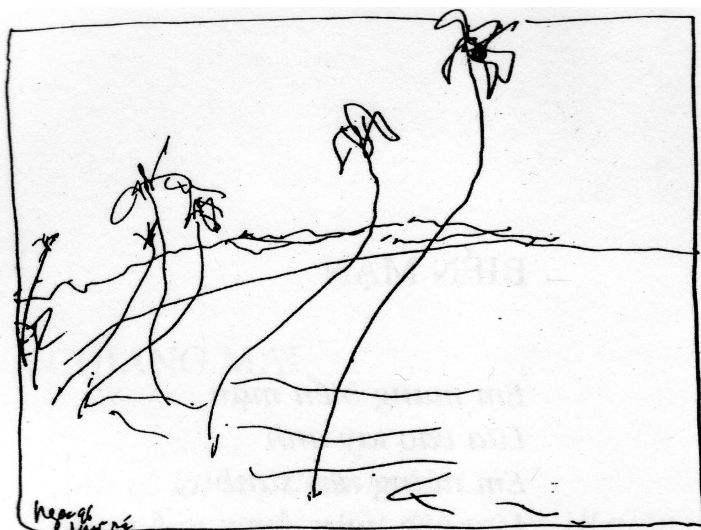
Việt Miên những năm 1980s

Viết lại Sài Gòn tháng 2/2017)

Phạm Văn Nhân
Bên cầu sương phủ

(viết để nhớ anh Bông, một đồng đội cũ)

Cứ ba tháng đúng hẹn lại đi. Vợ tôi bảo không thể chờ lâu được. Khi mà những đứa con của anh chị Hoa đang chờ một chút tanh của nước mắm và những con cá khô nhỏ bằng hai ngón tay mà tôi mang lên miền núi cho anh chị.



Mũi Né
Đỗ Hồng Ngọc

Ba tháng đúng hẹn, tôi bỏ công việc lên anh chị. Không sai một ngày. Vâng! Tôi đi đến nỗi chai mặt khi người soát vé tàu xe lửa mỗi lần thấy tôi: ông lại mang nước mắm, cá khô đi nữa? Dạ. Không có gì khác sao? Dạ, không có nhiều tiền. Tôi vừa nói vừa cười ruồi. Với cái quần ka-ki cũ và cái áo cũng cũ. Cái nón rộng vành, xóc xếch, chẳng ai biết tôi. Cứ thế tôi đi. Còn tệ hơn anh chàng bán cà rem trong xóm.

Mỗi lần lên anh chị Hoa cùng ba đứa cháu, thấy lũ nó vui, tôi

cũng vui. Thấy lũ nó tranh ăn những con cá khô rẻ tiền, tôi cũng vui. Khi ngồi trên toa tàu trống cùng với những quang gánh của các bà đi bán ở chợ về. Họ nói chuyện rôm rả. Tôi ngồi bó gối trên sàn toa. Tàu chạy từ thành phố PT lên Mường Mán khoảng một tiếng. Ỉ à. Ỉ ạch. Tàu chạy ngang qua Đại Năm, quê ngoại tôi. Miếng đất với những ngôi mộ của ông bà ngoại tôi nằm bên đường rầy xe lửa không xa, mà trước 1975 chúng tôi không thể nào vào tảo mộ cho ông bà được; vì những hàng rào kẽm gai của đồn nghĩa quân bao vây chằng chịt mìn. Bây giờ thì thoáng. Tàu chạy tới ga Phú Hội dừng lại 5 phút rồi chạy tiếp. Cứ thế tôi ngồi đong đưa hai chân xuống toa tàu nghĩ mông lung. Nghĩ đến nỗi vui trên gương mặt mấy đứa con của anh chị Hoa. Nghĩ đến tiếng ê a của mấy đứa trẻ về đêm khi anh Hoa tập chúng nó tập đọc, tập viết trên những trang giấy trắng tôi mang lên. Nghĩ đến những tập truyện tranh mà chúng nó tranh nhau tập đọc buổi chiều khi cơm nước xong. Tôi vui khi nhìn thấy cảnh nghèo của anh chị mà sao hạnh phúc quá. Mỗi lần tôi lên nhà anh, tôi ở lại vài ba hôm mới về.

Tàu dừng ở ga Mường Mán. Tôi đạp xe lên nhà anh, mất khoảng 2 tiếng. Con đường đất nhỏ lầy lội sau những trận mưa vừa qua, còn đọng lại những vũng nước. Hai bên là rừng dầu. Những cây dầu không cao lắm. Một ngôi thánh đường cũ kỹ, một xóm nhà của người dân Thiên Chúa giáo quần tụ lại có lẽ trước năm 1975? Tôi cứ thế nhón nhơ đạp xe nhìn cảnh chung quanh nghĩ ngợi, không vội vã. Con đường đạp xe đi lại bao lần, thế mà tôi vẫn thích, đạp xe qua hết khu rừng dầu này là tới con suối, không biết gọi là suối hay sông, không rộng lắm nhưng cũng không nhỏ lắm. Đạp xe dọc bờ suối ấy là đến cây cầu đúc, mà theo anh Hoa nói là có từ lâu. Có từ khi anh sinh ra trên mảnh đất này. Chiến tranh trong thời gian dài cây cầu vẫn còn ngự trị bắc qua con suối rộng để đến nhà anh chị.

Những ngày ở lại nhà với anh, chỉ chờ anh vào rừng khai hầm than để có những bao than vụn đem về. Ngoài làm nương rẫy, anh còn làm thêm những hầm than đem về Mường Mán bán. Những thanh than củi chắc cho vào bao, còn những than vụn để nhà dùng. Mỗi lần tôi lên đều đem về một bao khoảng 50

ký.

Cuộc sống êm ả, không bon chen của một người nông dân sống rất xa thành phố. Những buổi chiều tôi với anh ra ngồi trên thành cầu, bên kia là ngọn đồi còn sót lại cái lô cốt của thời Tây để lại. Tây rút đi, lính quốc gia tới, rồi cũng bỏ cái lô cốt này mà đi. Lô cốt còn đỏ như một chứng tích thời xa xưa, dân bị lừa về trong khu tập trung. Nương rẫy bỏ lại và nơi đây trở thành khu tự do cho muôn thú và đạn bom. Một vùng tự do để trút bom đạn dư thừa. Bên cầu, một cây sung to cao tỏa bóng mát. Tôi thích ra ngồi nơi đây mỗi lần đến. Chung quanh đầy tiếng chim và gió. Anh hát cho tôi nghe bài Bên Cầu Biên Giới..." *Người đi chưa hết hương sầu lữ thứ/ Hồn theo cánh gió quên tình xa xưa/ Tuổi xanh như lá thu rụng cuối mùa/ Mong về đêm đêm khát vầng trăng ngây thơ...*". Chiếc cầu làm tôi nhớ những năm tháng đóng quân giữ an ninh trực lộ, chỉ có rừng và tiếng chim, chỉ có nước dưới sông và gió từ những cánh rừng bên quốc lộ thổi về. Chỉ vui trong chốc lát khi thấy chiếc xe đồ chạy qua, và tiếng nói của những anh lơ xe như một điệp khúc quen thuộc: *đừng bỏ rác xuống cầu nghe bà con*. Tiếng hát của anh như vẫn còn đọng lại trong tôi với những chiếc cầu mà một thời tôi đã ôm súng đứng gác. Buồn! Buồn ghê gớm! Anh vẫn hát ngày nào ...*Đời phong sương cũ. Chỉ là thương nhớ/ Mong bền năm xưa/ Chỉ là mơ qua...*

Hôm nay tôi và anh lại ngồi trên chiếc cầu trong rừng nơi anh và những gia đình trở về đất cũ sau những năm dài lìa xa. Đất cũ, người cũ trở về dù vẫn còn cái nghèo chưa đủ ăn, nhưng nhìn thấy gia đình anh dù gì cũng ấm lòng người đồng đội cũ. Mặc dù tôi cũng chẳng sung sướng gì. Một chút tình khi đến với nhau. Thời chiến tranh, tôi xa anh, bây giờ gặp lại. Còn nỗi vui nào hơn.

**

Bỗng, một buổi sáng, sương còn phủ trên lối đi, thằng Bảy em anh hót ha hót hải vát chiếc xe đạp trước nhà tôi. Chạy vào nói: anh Hoa chết rồi anh chị ơi! Em đón chuyến xe lửa chợ sớm xuống cho anh chị hay. Vợ chồng tôi như người rớt từ trên cao xuống... Bảy cho biết hôm qua anh đi lấy than bị sập

hầm. Tôi với Bảy ra ga lên ngay chuyến xe 10 giờ. Vén tấm màn nhìn anh nằm trên giường mà vợ chồng anh ngủ, tôi ngồi xuống bên anh. Nhìn gương mặt anh như còn nỗi sợ hãi sau khi hầm than sập. Sao vậy anh Hoa? Trong chiến tranh anh không chết. Mà sao hôm nay anh lại chết trong cái khốn cùng của một kiếp người tìm kế sinh nhai. Ông Trời không chịu lòng người chăng? Đã nghèo lại còn khổ khi tôi nhìn thấy ba đứa con anh chưa đủ lớn.

Sáng hôm sau. Những ngọn đuốc được thắp lên khi mặt trời chưa ló dạng. Và tiếng chim rừng chưa hót. Đoàn người hơn 10 người âm thầm đưa anh đi về chốn vĩnh hằng. Qua cây cầu đúc mà mỗi lần tôi đến, anh và tôi hay ngồi nơi đây. Sương còn đọng trên thành cầu. Anh nằm xuống trên ngọn đồi cao bên cạnh cái lô cốt để anh nhìn xuống ngôi nhà tranh vách đất, nơi đó có chị Hoa và ba đứa con còn nhỏ dại. Tôi ở lại chờ ngày mở cửa mả. Đêm, thắp cho anh nén nhang, nhìn anh qua bộ áo trận, hai cái lon thượng sĩ gắn trên cổ áo nhỏ xíu. Chị Hoa nói: tôi cắt tấm hình này kỹ lắm, hôm nay đem ra thờ anh.

Một khung trời trở về trong tôi. Anh Hoa.

Voi... Đây đào anh dũng

Ở cùng xóm ba bốn năm rồi, nhà kế bên nhau, vậy mà ông Phan mới quen thân với ông Kaiser gần đây thôi. Hai người chỉ chào hỏi khi chạm mặt lúc làm vườn, cắt cỏ hay xúc tuyết vì ông Kaiser là một người ít nói, ít cười. Thời gian đầu khi ông Kaiser mới dọn đến, đôi ba lần ông Phan bắt chuyện với ông hàng xóm này nhưng lúc nào ông ta cũng trả lời cho có lệ, làm cho ông Phan có cảm tưởng mình xui xẻo, ở gần một người Mỹ có đầu óc kỳ thị chủng tộc. May nhờ thằng con là bạn học cùng lớp với cô con gái của ông Kaiser, ông Phan mới hiểu được tình cảnh của ông ta. Vợ chồng chia tay, ly dị nên ông Kaiser phải mua nhà ở riêng với cô con gái. Thảo nào ông ta luôn có vẻ sầu não, chán đời. Biết vậy, ông Phan rất thông cảm với ông hàng xóm của mình. Chính ông cũng đã trải qua một lần đang dở nên ông hiểu cái nỗi trống trải khi thiếu vắng một hình bóng thân yêu. Trong thời gian ấy, cuộc đời của ông tựa như một ly nước voi đi hết một nửa.

Tuyết tan. Xuân về. Trời ấm áp. Hôm ấy, hai vợ chồng đang lui cui quét dọn những chiếc lá vàng rơi rụng vào mùa thu năm rồi còn sót lại trên sân cỏ, ông Phan bỗng nghe tiếng chào hỏi. Ngạc nhiên thay, đó là ông Kaiser, một ông Kaiser khác lạ với nụ cười thật tươi trên môi, bên cạnh ông là một người đàn bà tuổi đã chớm già nhưng nét thanh tao vẫn còn lưu lại trên một gương mặt phúc hậu. Hỏi thăm nhau, ông bà Phan được biết ông hàng xóm của mình đã nghỉ hưu, bước thêm một bước nữa và hai người vừa mới trở về Minnesota sau mấy tháng trăng mật ở tận Hawaii.

Bà Kaiser thích nấu nướng nên rất hợp với bà Phan, và hai bà cùng nhau kết bạn thật tự nhiên. Nhờ vậy mà sau đó vài ngày ông Phan mới có dịp cộng ly với ông bạn hàng xóm của mình, mới biết ông ta là một người khá cởi mở và thân thiện.

Khi đã ngà ngà men rượu, nhân lúc hai bà bận tay trong nhà bếp, ông Phan bèn tâm sự với bạn rằng ông đã trải qua một lần tình yêu dang dở, đã sống một thời gian trầm cảm, và khi ấy ông đã nhìn cuộc đời như một ly...

Ông Phan chưa kịp nói hết câu, ông Kaiser đã ngắt lời, miệng mỉm cười, hỏi:

"Nửa voi hay nửa đầy, hả bạn?"

"Ồ... tôi nghĩ là 'nửa voi' vì khi ấy tôi rất bị quan."



"Ừ, người đời nói rằng 'nửa voi' hay 'nửa đầy' tùy theo tâm trạng của ta, bị hay lạc quan. Tuy nhiên, sau bao năm lặn hụp trong cuộc đời 'nửa voi' rồi 'nửa đầy', tôi đã may mắn nghiệm ra rằng lúc nào ta cũng có thể châm nước vào ly cho đầy. Có phải vậy không, ông bạn!?"

Ông Kaiser nói xong, tay nâng ly rượu mời bạn đổi ẩm, miệng cười ha hả. Phải đến hơn chục giây ông Phan mới hiểu cái thâm thúy của câu nói ấy, ông cụng ly với bạn:

"Đúng! Đúng lắm! Chúc mừng bạn! Cầu xin Thượng Đế ban cho ta một ly nước tràn đầy, không cần phải châm."

đàoanhdũng

NHỮNG NGÔI SAO MỜ NHẠT

Nhiều năm sau này, khi đứng dưới gốc sung bên bến nước buôn Đưng, tôi đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều ông Sáu Đồng dẫn tôi đi xem đập nước. Đó là đập thủy lợi nhỏ Sông Bung tưới 12 héc-ta. Mười hai héc-ta chia làm hai nhóm, nhưng là hai đồng lúa lớn nhất của xã Ninh Tây. Thời ấy mức sống của bà con buôn làng thấp lắm, thấp dưới mức tối thiểu, nhưng dù sao vẫn còn khá hơn bây giờ. Bây giờ, đập Sông Bung đã bị nước lũ phá vỡ tan tành, ruộng hai vụ quay lại thành ruộng một vụ, lại còn bị nạn dịch trâu làm nhiều trâu bị chết, sức kéo thiếu nên nhiều gia đình đành phải bỏ ruộng hoang. Thời ấy, ngoài ruộng rẫy người dân tộc còn đi rừng săn thú, lượm chai cục, hái hạt uoi, rút mây, bẻ măng, ... mùa nào thức nấy. Bây giờ, những thứ ấy đã bị quân Joan cướp hết rồi, rừng cũng đã bị kiểm lâm chặt phá hết rồi. Thời ấy và xa xưa hơn nữa, bà con các buôn làng người Ê-đê M'thur cả phía đông và phía tây đều dựa vào nguồn sống từ những khu rừng mưa quanh núi Mẹ Bồng Con - Chư M'Tau. Từ ngày quân Joan tràn về, họ lập ra đảng ủy, lập ra ngành lâm nghiệp, dựng các trạm kiểm lâm, những khu rừng bạt ngàn ấy đã bị khai thác trắng. Những khu dưới thấp bị chặt đốn trước, những cây cho gỗ "danh mộc" bị hạ trước, sau lên cao dần rồi mở đường vượt đỉnh núi sang bên kia. Những chiếc xe "reo" chở gỗ mùa hè tung bụi đỏ, mùa mưa quết bùn, hoạt động không ngừng nghỉ liên tục bốn mùa trong hàng chục năm trời. Và bây giờ, không còn rừng, không còn hươu nai, không còn chai cục, không còn mây tre... Bây giờ, đã thật sự không còn gì, không còn bất cứ một thứ gì để bà con có thể bươi bới mưu sinh...

Nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều ông Sáu Đồng dẫn tôi đi xem đập nước, trong ba-lô tôi vẫn còn trĩu nặng túi gạo do Mí Luê vợ ông Y Khi túm cho khi tôi từ giã gia đình để sang buôn Đưng. Vợ chồng ông Y Khi - Mí Luê đã tạo nên một công trình độc đáo. Tôi không được tận mắt chứng kiến cảnh hai vợ chồng này đào nương, nhưng tôi đã đi dọc từ

suối, theo con mương đến ruộng và ở lại trại ấy mấy ngày. Con mương được đào để dẫn nước từ suối Chình vào mấy đám ruộng mới vỡ hoang, mà đám lớn nhất cũng chỉ bằng đôi cái sân bóng chuyền. Tuy ruộng không rộng, nhưng muốn cày cấy hai vụ chắc ăn phải có nước. Thế là hai vợ chồng khởi công đào mương. Chao ôi, làm sao mà con người lại có được sự kiên trì bền bỉ và sự chịu đựng gian khổ đến mức ấy? Con mương được khởi đào từ ruộng đào đi. Cứ hai ngày đào mương thì nghỉ một ngày đi kiếm thức ăn như thăm bầy coi có dính con thú nào không, lên rẫy đào sắn, đi rừng đào củ mài, hái nấm, bẻ măng... Cá, muối nhờ vào mấy gùi chai cục... Chữ Khi tên ông Y Khi trong ngôn ngữ Ê-đê có nghĩa là sự khu khu trì chí*. Suốt một năm trời hầu như không biết đến hạt com, hai vợ chồng đã đào một con mương dài (ước chừng) một cây số, nhiều chỗ sâu quá đầu người. Chuyện cổ Ê-đê kể về một gia đình đào núi mà đời ông làm không xong, tiếp đến đời cha rồi đời con đời cháu. Hai vợ chồng ông Y Khi có lẽ đã thấm nhuần câu chuyện ấy. Nhưng trong câu chuyện cổ, khi công trình xuyên núi đào xong thì người trong gia đình và cả buôn làng ai cũng được sung sướng đặt chân lên đường, bước đi cách sáng khoái. Vợ chồng ông Y Khi không có được cái phúc ấy. Khi con mương kết thúc, mở ra suối Chình thì mức nước suối thấp hơn miệng mương quá xa. Nước có bao giờ chảy từ thấp lên cao! Thế là, công khổ cả năm ròng, đem đổ sông đổ biển. Người trong buôn xầm xì bàn tán. Người này nói: “Thế là xong!” Người kia nói: “Tội nghiệp!” Có người còn độc miệng: “Cốt khi hoàn cốt khi!” Nhìn chồng cứ ngồi bập ồng điều thờ dài, bà Luê nói trong nước mắt: “Xưa giờ, nhờ rẫy nhờ rừng, không có ruộng cũng có chết đói đâu. Thôi mình đừng buồn”. Sao không khỏi buồn, sao không khỏi nản, nhưng ông không bỏ cuộc. Ông nói: “Nghe nói người Răklây dùng ống lồ ô dẫn nước vào tận chái bếp, sao mình không làm như họ”. “Làm như họ là làm sao?” “Để mai tôi xuống xã hỏi ông Sáu Đồng”. Sáng hôm sau, mới vừa bảnh mắt đã thấy ông Sáu Đồng bước lên cầu thang. Hai người bàn chuyện và đi đến quyết định làm theo cách của người Răklây. Ông Sáu trực tiếp nhắm hướng vì ông từng có thời gian làm việc ở vùng Răklây huyện Khánh Sơn, có chút kinh nghiệm dẫn nước. Công trình được tiếp tục. Mở cửa khẩu phía trên thác, cách cửa mương cũ

độ hai trăm mét. Cũng hi hục đào đất nạy đá, nhưng không còn đơn độc và cực khô như trước. Hai vợ chồng được bà con buôn làng tiếp tay, xã huyện giúp đỡ. Mí Luê nói: “Đào nương đợt này sướng lắm. Có gạo nấu cơm, còn có tiền mua chút cá, chút thịt”. Đúng là, khi nên người giúp công cho... Nhiều năm sau này, trên đường trở lại các buôn làng quen cũ, qua khỏi đèo Núi Đeo, tôi bỗng sức nhớ đến ông Sáu Đồng. Nhà ông ở cây số 12 QL 26. Tôi dựng xe bước vào nhà định đùa tếu mấy câu rồi rủ ông đi lên các buôn trên. Nhưng vừa bước vào sân tôi đã linh cảm thấy một cái gì đó lạnh lẽo toát lên từ cảnh nhà hoang vắng. Cửa đóng then cài, trước sau không một bóng người, không một bóng gia cầm. Cây bòn bòn mọc thành bụi rậm giữa sân, bìm bìm leo cả lên mái ngói. Tìm nhà hàng xóm hỏi thăm tôi mới vỡ lẽ ra. Hỡi ơi, ông Sáu đã ra người thiên cổ ba năm nay rồi. Bà Sáu rồi con trai ông, anh Tư An, cũng lần lượt theo ông. Chị Tư An sau ba cái tang, thất kinh dẫn con về quê ngoại, nhà rao bán không ai mua đành bỏ hoang. Số là, trên đường đến các buôn để tìm hiểu về luật tục của dân tộc Ê-đê M’thur vùng giáp ranh hai tỉnh Đắk Lắk-Khánh Hòa, tôi thường ghé nhà ông Sáu nghỉ qua đêm tiện thể cùng ông rà soát lại những ghi chép còn nghi vấn. Ông Sáu giỏi tiếng Ê-đê, có quan hệ mật thiết với bà con các buôn làng, là người Kinh nhưng đã từng làm chủ tịch xã dân tộc Ninh Tây. Những lần như vậy, chúng tôi thường thức rất khuya và khi đi ngủ thì mừng đã được đưa cháu nội giăng sẵn trên bộ phản ngựa. Tôi còn nhớ rõ chuyện ông nhất định không đồng ý dùng chữ “làm dâu” để nói về việc một cô gái, sau đám hỏi, hàng ngày phải đến nhà chồng, phụ với mẹ chồng lo cơm nước và làm đủ mọi việc như một thành viên trong gia đình. Ông đòi phải dịch sát nghĩa là “làm rể”. Người Kinh nói: *Công anh làm rể Cào Cào/ Ăn cơm bắp đập phát rào khom lưng. Ngày làm việc khổ như vậy nhưng đêm đến thì: Chuột kêu rúc rích trong rương/ Anh đi cho khéo đừng giurong mẹ hay.* Người Ê-đê nói khác đi một chút: *Công em làm rể buôn Tương/ Lo cơm lo nước trăm đường anh ơi! Đêm đến cô gái Ê-đê về nhà cha mẹ mình, nên không có cảnh: Anh đi cho khéo rung sàn mí hay.* Con gái mà lại đi “làm rể” nghe tréo quảy, nhưng vì trong cộng đồng người Ê-đê không có cảnh mẹ chồng “ngồi trong đám họ nói hành con dâu”, không có khái niệm gì về tình trạng

gọi là làm dâu của người Kinh. Kiều như: *Bớ con kia/ Mày đừng có chót mớ nói rằng/ Tao đây không lụy không cần mày dâu/ Ai mà cứng trợn nàng dâu/ Chớ cười mày về tao đã nói trước sau đàng sàng/ Về nhà chồng thì phải siêng năng/ Làm dâu tao khó lắm không dễ ăn dâu mà mừng/ Hư sao hư quá hư chừng/ Vụng về khê thúì, và cái lỗ quần không nên...* (Bài chòi miền trung). Người Ê-đê cũng gọi vợ của con trai là con dâu, nhưng lại nói: “Con dâu tôi nó làm rể gần hai năm rồi mà nhà nó chưa sắm sửa đủ đồ cưới”. Người Ê-đê theo mẫu hệ, con gái đi cưới chồng, gọi là “bắt cái chồng”. Lễ vật cưới chồng (đồ cưới) phải đầy đủ, không được tùy tiện gia giảm. Ngoài tiền, vàng, ít nhiều tùy theo danh giá của nhà trai, tục lệ bắt buộc nhà gái phải đi lễ một con trâu to và năm ché rượu lớn. Vàng đi cưới thuộc sở hữu của mẹ chồng nhưng thường các bà cho lại con dâu, tiền bỏ vào lo tiệc cưới, trâu cưới không dùng để giúp đỡ “đôi trẻ” làm ruộng mà giết thịt cúng Giàng rồi thết đãi hai họ và bà con buôn làng. Với đám cưới nhà giàu, không phải chỉ gói gọn một vài bữa tiệc mà bày biện ăn uống li bì, chơi cồng chiêng và nhảy múa liên tục ba ngày ba đêm. Lễ cưới nhà giàu tổ chức rình rang và tốn kém không thua lễ Đám Trâu Bỏ Mả (tức lễ cúng mãn tang) và lễ Đám Trâu Cầu Phúc. Có một tục lệ cần lưu ý: -trai gái đi dự lễ cưới hay lễ cầu phúc tha hồ uống rượu, chơi nhạc cồng chiêng và nhảy múa, nhưng tuyệt đối không được thổ lộ tình yêu, tuyệt đối không chơi các nhạc cụ tỏ tình kèn trúc, kèn lá. Trong ba lễ thức có giết trâu này, chỉ có lễ Đám Trâu Bỏ Mả là cho phép trai gái gần gũi, cùng chơi những nhạc cụ du dương và hát những câu hát tình tứ. Trong khi trong nhà mờ, những người khóc mướn vừa giả khóc vừa hát những làn điệu dân ca buồn đến nỗi ruột để tỏ lòng xót thương người quá cố và mong cho linh hồn ấy, một khi đã đi là đi luôn, đi theo Giàng Núi Giàng Sóng, đi theo ông theo bà, đừng bao giờ quay về nữa; thì ngoài nghĩa trang, bên những bờ bụi, những đôi trai gái quán quýt không rời, nhờ có men rượu và các nhạc cụ dịu nhẹ đẩy đưa, không phải chỉ có tác lòng yêu dấu được bộc lộ mà tất cả tim gan cùng những rạo rực của tuổi trẻ đều được tỏ bày... Ở cái miệng em là đóa hoa sắp nở đợi mặt trời lên... Em mặc váy thàng một/ Gió thổi lụa váy em hờ ngang bắp vế/ Thàng hai gió lụa váy em hờ đến bắp đùi/ Thàng ba uống rượu tay

anh chạm phải ngực em/ Thảng tư con chim gọi bầy/ Có người con trai bằng anh đứng chờ em bên bờ suối/ Ước gì đôi ta/ Như hai cánh bướm song đôi/ Như hai con cóc cõng nhau trong ngày mưa/ Như hai con chuồn chuồn kia chụm đầu vào nhau bay bằng tám cánh... Người dân tộc quan niệm rằng, nếu cái chết cướp đi mạng sống, thì tình yêu sẽ khai sinh và nuôi dưỡng mầm sống mới. Không phải ngẫu nhiên mà trong nhóm tượng nhà mồ, ngoài tượng hai chiến binh đứng cầm giáo, cặp tượng chim phỉ, vài con hươu nai còn có tượng đôi trai gái đang giao hợp... Anh hôn lên má em, thơm mùi sữa bắp/ Hôn lên môi em, thơm mùi sữa mẹ/ Hôn lên ngực em, thơm mùi lúa non/ Hôn lên đôi bàn tay, có mùi chàm nhuộm vải/ Hôn lên bắp chân, thơm mùi cỏ dại...

Cuộc sống gian khổ mà đầy ắp chất trữ tình. Nhưng rồi thời hoa mộng qua nhanh, người phụ nữ Ê-đê phải chịu đựng gánh nặng về việc cưới chồng, sau đó, khi đã bắt cái chồng về nhà lại phải ra công gánh vác toàn bộ việc nội trợ và phần lớn việc đồng áng, nương rẫy. Từ nương rẫy về nhà, người đàn ông Ê-đê thường không mang gùi mà chỉ vác rựa, ngâm ống điếu. Còn người phụ nữ phải chất lên gùi đủ mọi thứ từ củi đến rau đậu, bầu bí - đưa con nhỏ thường đi sau lưng chuyển ra phía trước. Người đàn ông Ê-đê được vợ cưới bằng con trâu to, chöße rựa lớn, nhưng nếu chẳng may người vợ qua đời mà nhà vợ chẳng có ai thay thế, ông ta phải mang gùi, vác rựa về lại nhà mình, con cái để phía vợ nuôi. Còn nếu có người thay thế, dù là chị vợ hay em vợ, bất kể già trẻ miễn là đã trưởng thành mà độc thân, thì người đàn ông góa tục huyền với người đó và tiếp tục ở lại nhà vợ. Có nhiều trường hợp một người đàn ông góa còn trẻ vì thương con phải lấy bà chị vợ già quíu hoặc ngược lại, một cô gái còn trẻ măng vì thương cháu phải lấy ông anh rể tuổi đã về chiều. Thấy hơi lạ, nhưng nhờ tục này mà cộng đồng người Ê-đê M'thur không có cảnh mẹ ghẻ-con chồng. Ngày nay tục này vẫn còn nhưng không quá gò bó, cứ để cho đôi bên tự nguyện. Truyện truyền kỳ Ê-đê chỉ kể chuyện tạo thiên lập địa của ông Dồn (ông Trời) và các trận tranh hùng giữa các tù trưởng, truyện núi Bà Chứa, ngâm ngãi tìm trầm... tuyệt nhiên không có những truyện đại loại như Nghi Xuân-Tấn Lực, Tám-Cám, Tiếng Gà Cơm Cát...

Cảnh nhà tang thương của ông Sáu Đồng cứ ám ảnh tôi trên suốt dọc đường đến buôn Đưng. Sao lại có chuyện một gia đình ba thế hệ, gồm ông bà, cha mẹ và đàn cháu sống đề huề bổng dưng biến mất khỏi mặt đất, chỉ để lại có cái xác nhà. Khi vào buôn Đưng, gặp Y Mạnh tôi lại bị xựng lửng trước sự già nua nhanh chóng của ông. Thân hình vạm vỡ của Y Mạnh với những bắp thịt gồ lên nâu bóng năm nào, nay gầy rộc, đôi vai teo tóp lại, và lớp da cũng đen sạm, nhăn nheo.

“Ai như Y Mạnh, ông Mạnh phải không?”

“Ai như ông Hùng, ông Hùng phải không?”

“Sao ốm nhom vậy?”

“Sao mập ừ vậy?”

“Ông Mạnh uống rượu nhiều quá nên ốm, chớ gì?”

“Uống rượu làm sao ốm được. Tại đói không cột chóc rượu, mới ốm đó chớ!”

“Ông Mạnh giàu nhất buôn, làm sao đói được?”

“Đói cả lũ, không chứa người giàu người nghèo; đói mọi nhà, không chứa người già em bé.”

“Do đâu ra nông nổi?”

“Không còn rừng nên người dân tộc không còn được Giàng Núi-Giàng Sông che chở. Hết dịch heo đến dịch trâu, hết dịch gà đến dịch tả. Chưa đốt buôn bỏ đi đã là may, kể gì giàu nghèo. Còn sống đã là may, kể gì mập ốm.”

“Ông nói nghe sao thảm quá. Nhưng thôi buồn mà chi, để tôi ra cây số 9 mua chút gì về nhậu lai rai.”

“Rượu ngoài cây số 9 toàn mi-tóc không hề.”

“Khỏi lo, tôi có mua một bi-đong rượu tằm Ninh Hòa.”

“Rượu tằm Ninh Hòa hả? Cho ném thử một hớp coi?”

Ông Mạnh uống một hớp lớn, khả thoải mái rồi cười rung tóc bạc, cười hả hê bất chấp sự đời, cười hết cỡ, cười không giữ gìn với những âm thanh giòn giã, cỏi mở.

Đêm đó, Y Mạnh say lã ra sàn ngủ, tôi cũng đã quá chén ngã xuống đánh một giấc. Khi thức dậy tôi vẫn còn thấy con gái ông Mạnh thức khuya trạo thóc. Người Ê-đê M’thur có thói quen ăn cơm lúa tươi. Bà con gặt lúa mới vàng đuôi gié, còn đang ướt đầm nước mưa ngoài ruộng về, vò cho hạt rụng ra rồi đổ vào một cái chảo gang lớn hay cái thau nhôm bắc lên bếp lửa mà trạo. Trạo là trộn qua trộn lại sao cho vừa đủ khô thay vì phơi. Cứ ngồi trạo từ đầu hôm cho đến gà gáy mới xong

mấy nhả lúa, kịp để sáng giã cho bóc vỏ trấu, sàng sảy ra gạo đủ nấu cơm ăn trong ngày. Lúc đầu tôi cứ ngỡ vì đang mùa lúa chín mà trời mưa dầm dề không phơi được nên phải trạo, phải rang cho khô. Thật ra, ăn cơm lúa trạo là thói quen, là khẩu vị của người Ê-đê. Cơm lúa trạo thơm dẻo hơn cơm lúa phơi, dù cùng gặt về từ một đám ruộng. Bà con bắt đầu ăn lúa tươi, cắt lúa lúc mới vàng đuôi gié cho đến khi hạt vàng đều thì mới chịu gặt về, phơi khô quạt sạch, đổ bồ, đổ bao để dành. Nói đổ bồ, đổ bao cho oai chớ, với đa số gia đình, những gié lúa cuối cùng được cắt để trạo cũng chưa kịp chín vàng. Hết gạo lúa trạo thì ăn gạo chợ. Thật ra, nhiều tháng trong năm, người dân tộc ăn bắp, khoai, cứ đắp đổi lấy lát qua ngày...

Nhiều năm sau này, khi trở lại buôn Tương, tôi đã tìm hỏi nhà ông Y Khi. Buôn làng quy hoạch lại đã hoàn toàn khác xưa. Y Toa, buôn trưởng, một người đàn ông trung niên vạm vỡ và nâu bóng như Y Mạnh lúc còn trẻ, báo cho tôi một tin buồn: ông Y Khi vừa mới chết hơn một tháng. Những người quen cũ, sau ông Sáu Đồng, tới ông Y Khi đã lần lượt ra đi. Bà vợ ông Y Khi, không rõ bao nhiêu tuổi, quắc quao như một cành cây khô. Có lẽ vì gặp lại bà con buôn làng, gặp lại những số phận ngày càng mờ nhạt mà tôi đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều ông Sáu Đồng dẫn tôi đi xem đập nước, và trong ba-lô tôi vẫn còn trĩu nặng túi gạo do Mí Luê túm cho khi tôi từ giã gia đình để sang buôn Đưng. Tôi cũng đã nhớ lại cảm giác nghèn nghẹn muốn ứa nước mắt khi bụng chén cơm nấu từ túi gạo ấy... Người chết đã đành như ngôi sao rụng, người đang sống sao cứ mờ nhạt dần...

1/1991 – 12/2016

Nguyễn Âu Hồng

(*) Khu khu (phương ngữ) có nghĩa là khẳng khẳng một mực

Truyện ngắn

Nơi Lạ

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Đoan đun thêm một cây củi vào lò. Cây củi hình như còn hơi ướt. Bọt nước tươm ra, kêu lèo xèo ở phần gốc. Khói tỏa lên làm mắt Đoan cay xé. Nhà ở thành phố, đun củi, khói luẩn quẩn khó thoát ra, làm tường nhà vàng vọt. Đầu cũng vậy thôi, Đoan nghĩ thế và thở dài.

Bạn Trâm chuẩn bị nồi để nấu cơm. Đoan nói:

“Khoan đã, Trâm, chờ mình một lát.”

Rồi Đoan mở túi xách, lấy ra một gói nhỏ. Trâm nhìn, tỏ ý chưa hiểu. Đoan nói:

“Mình có mang lon gạo.”

Đôi mắt Trâm mở to, rồi nhìn xuống, nhưng Trâm không phản đối. Trâm đổ “lon gạo” của Đoan vào nồi, rồi giờ nắp thùng gạo lấy thêm hai lon nữa, đem vo.

Thấy Trâm buồn buồn, Đoan an ủi bạn:

“Trâm nè, ai cũng vậy, không phải chỉ tội mình. Thời buổi này, gạo ăn theo “tiêu chuẩn”, không phải như trước. Tội mình phải chấp nhận và... đừng nghĩ gì hết. Mình đi học, được bán gạo cũng khá, Trâm đừng lo. Má mình dặn đến thăm ai, ở lại ăn cơm, cũng nhớ mang phần gạo của mình.”

Trâm gật đầu nhẹ. Đoan nghĩ thật nhanh đến một cảnh diễn ra mỗi đầu tháng trong sân trường. Nơi đó, các sinh viên xúm xít cân gạo và các loại “nhu yếu phẩm”, mang phần của mình về nhà. Rồi thì trong khu phố, cảnh những người dân xếp hàng “mua gạo theo sổ” cũng diễn ra mỗi ngày. Nói “gạo” là nói chung thôi, thật ra trong đó phần “độn” chiếm đa số. Phần “độn” có thể là bo bo, có thể là bột mì, cũng có thể là khoai lang hay khoai mì xắt lát phơi khô. Nồi cơm nấu từ gạo và một thứ khác được gọi là nồi “cơm độn.” Mỗi ngày hai bữa cơm độn. Bo bo thì quá cứng vì vỏ ngoài chưa tróc, nấu trước cho mềm rồi cho gạo vào nấu tiếp, trở thành một “bản song ca”

chối tai. Khoai lang hay khoai mì xắt lát phơi khô thường bị sượng, ghế vào cơm rất khó ăn. Chỉ có bột mì tương đối dễ ăn hơn, vì người nấu có thể chế biến thành bánh mì, nui hay mì sợi. Và từ lúc nào, hai chữ “tiêu chuẩn” đã trở thành quen thuộc, thường nghe trong lời nói chuyện của mọi người. Gạo tiêu chuẩn, thịt cá tiêu chuẩn, đường tiêu chuẩn, bột ngọt tiêu chuẩn... nghe mãi thì quen.

Hai đứa nấu cơm, luộc rau xong, nhưng để đó. Ăn phải có giò! Chờ mẹ và em của Trâm về sẽ cùng ăn. Đôi bạn bắt đầu mang chồng nón lá ra, làm phần việc của mình: viền nón lá bằng chỉ màu. Không biết ai đó đã có sáng kiến viền nón thế này, trước đây Đoan chưa hề thấy. Có lẽ là để cho “màu mè” bắt mắt? Đoan và Trâm dùng kim lớn và chỉ len màu xanh hoặc đỏ vắt xung quanh vành nón, ra hình rẽ quạt ba chân, như dấu chân chim. Xem vậy chứ không hề dễ, phải làm sao cho đều và cho nhanh thì mới kịp giao. Tiền công thì rất eo xèo, mỗi cái nón viền xong chỉ được vài hào. Không chỉ việc này, mà Đoan cùng với nhà Trâm làm rất nhiều thứ việc vặt khác để kiếm tiền, nào dán bao giấy, nào vẽ chụp đèn, nào kết nút áo, nào vắn thuốc lá... Chưa hết, hai đứa còn rủ nhau đi Lái Thiêu, Bình Dương mua đường tán ở ngay lò đường về bán lẻ. Thời thế tạo việc làm! Ai cũng muốn kiếm thêm chút tiền để mua gạo, mua thức ăn. Tất cả mọi thứ đảo lộn sau cuộc đổi tiền. Cách sống rộng rãi của người miền Nam dần dần mất đi. Cùng lúc với chuyện đổ ra làm những việc thủ công vặt, là chuyện bán đồ đạc trong nhà để có tiền ăn. Cái gì cũng bán, từ cái tủ gỗ chạm xà cừ hay cái mâm đồng quý cho đến quần áo cũ, giấy vụn...

Viền xong chồng nón lá, hai đứa lên lầu. Từ ngày Trâm thi rớt Tú Tài và nghỉ học, đôi bạn chỉ còn gặp nhau vào cuối tuần. Những lần như thế hai đứa lại mang đàn ra đàn hát với nhau. Có khi ba của Trâm nói vui:

“Hai đứa ni, no cũng đàn, đói cũng đàn.”

Và ông cũng là người giúp đỡ hai đứa nhiều nhất. Ông gắn điện vào cây đàn guitar thùng của Trâm, ông lo đàn âm thanh cho lũ trẻ chơi đàn mỗi khi họp bạn, ông lăng xăng chụp ảnh cho lũ trẻ, loại máy ảnh to cồng kềnh, mỗi lần chụp xong một tấm hình lại phải quăng đi một cái bóng đèn.

Thế mà...

Hai đứa cùng thở dài khi nhìn thấy cây đàn và những tấm hình vui vẻ ông chụp cho lũ nhóc và phóng to treo trên tường. Trâm thốt lên:

“Nhớ Ba quá!”

Đoan cũng nói:

“Nhớ Ba quá!”

Rồi hai đứa nhìn nhau, ứa nước mắt.

Đoan biết ba của Trâm qua hình ảnh một ông già nhân hậu, tuổi ngoài bảy mươi. Ông là Thiếu Tá Bộ Binh đã giải ngũ rất lâu rồi, nhưng vẫn phải vác hành trang đi vào trại tập trung có tên “trại cải tạo”. Dù bề ngoài ông có vẻ khỏe mạnh, nhưng với tuổi tác của ông, người nhà không thể nào yên tâm cho được. Mẹ của Trâm khóc hết nước mắt rồi cũng phải cam chịu làm người chinh phụ thêm một lần nữa. Thời gian đầu không có tin tức gì. Cho đến mấy tháng sau, nhà nhận được thư ông, nói rằng ông đang ở trại tù Suối Máu. Suối Máu, thế thôi! Không thư từ gì thêm. Không cho thăm viếng. Không biết ngày về.

Đoan đàn cho Trâm hát. Bài hát không còn vui vẻ. Giọng hát của Trâm như nghẹn lại. Tiếng đàn của Đoan nghe ray rứt. Ngày mai đến trường lại học tổ, lại học chính trị, lại phê bình, kiểm điểm... Đoan chỉ còn đứa bạn này là không xa cách với mình. Thôi thì viên nón, dán bao, vẽ chụp đèn, vắn thuốc lá với bạn. Thỉnh thoảng lại rủ nhau đạp xe đi Lái Thiêu, đi Bình Dương mua đường về bán, thưởng thức tại chỗ những mẩu đường “rẻ” nóng hôi ngon như kẹo “sô-cô-la”, quà tặng của người chủ lò đường tốt bụng.

Trâm chợt ngừng hát, hỏi:

“Đoan ơi, không biết... Ba ở trong đó có được đàn không nhỉ?”

“Ồ, không biết đâu Trâm ơi! Mà dù họ có cho Ba đàn, Ba làm sao có cây đàn?”

“Chắc Ba sẽ tự làm cây đàn. Ba giỏi lắm mà, cái gì Ba cũng làm được.”

“Ừ, Ba vẫn thường chế các dụng cụ cho tụi mình đó!”

“Không biết... Ba có phải làm việc nặng nhọc không nhỉ?”

“Có thể. Nhưng Ba đã già quá mà, chắc họ phải đối xử khá một chút.”

“Làm sao biết được. Ba ở tù mà!”

Hai đứa im bất, chợt thấy mình ngô nghê như con nít. Đúng là không biết gì hết.

**

Suối Máu! Cái tên mới nghe thì sợ, nhắc mãi cũng quen. Đoàn bán khoán tự hỏi không biết cậu của mình có đang ở trại Suối Máu hay không. Và anh Đan nữa. Họ đều đã đi “trình diện” và chưa thấy nhần về, chưa biết ở đâu.

Mỗi ngày, ở nhà dì, mâm cơm càng lúc càng buồn. “Buồn”, thật ra là khổ. Thịt cá hầu như còn rất ít, rau chiếm phần nhiều. Còn cơm gạo càng thảm hơn. Nồi cơm nấu xong nhìn thấy màu xám xịt. Cơm độn, màu khoai chiếm nhiều hơn màu gạo. Có khi đang nhai, trúng phải lát khoai sùng, nghẹn ngào không muốn nuốt. Gạo thì chẳng khá gì, chỉ là gạo mục, gạo mốc, có lẫn sạn và sâu. Có hôm đi reo lên vì đã “phát minh” ra cách mới để nấu bo bo cho mềm. Dì khoe đã tìm thấy chỗ có máy xay gạo, họ nhận xay bo bo cho vỡ nhỏ ra, vỏ hạt cũng tróc đi, nấu sẽ mềm và ăn không “chợt ruột.” Thật thế, sau một thời gian biết ăn bo bo, nhiều người đã bị chứng đi tiêu ra máu.

Thế nhưng cái khổ vì ăn vẫn không đáng kể. Cái khổ tâm của gia đình mới là quan trọng. Ánh mắt, vâng, ánh mắt của những đứa con của cậu, thật khó tả. Cậu vào “trại cải tạo”, một thời gian sau mợ gửi đám trẻ cho dì, mợ đi buôn cùng bạn bè để kiếm tiền nuôi con. Nói là “đi buôn” cho sang, mợ chỉ là buôn bán nhỏ, tìm những mối hàng như trà, cà phê, gạo, đi từ tỉnh này qua tỉnh nọ để bán. Những người “đi buôn” như mợ mang những cái túi như túi quần áo, đi trên những chuyến xe đồ nhếch nhác, đa số là những chuyến xe đêm, trốn tránh bọn thuế vụ. Có khi cũng bị bắt vào trạm, bị tra hỏi, bị thu hàng, bị phạt tiền, mất trắng. Những đứa trẻ thiếu tình cha mẹ, dù sống an lành với bà con, vẫn như khắc khoải, như mong chờ một cái gì. Gia đình cậu mợ không thể trở về Đà Nẵng như những gia đình khác, như vợ con anh Đan chẳng hạn. Lũ trẻ không có chỗ để tiếp tục đi học. Không muốn ngồi chơi, hai đứa lớn, tuổi mười bốn mười lăm, ngày ngày vác túi trên vai đến nhà người bà con để vắn thuốc lá bán lẻ. Mấy đứa nhỏ ở nhà. Chờ, và chờ. Buổi tối, hai cháu lớn về nhà, người nhể nhại mò hôi,

ánh mắt mệt mỏi. Những ánh mắt khi vào bàn ăn cơm mới thật là khó tả. Cơm độn. Cơm rau. Không có gì hấp dẫn. Cả nhà đi không biết phải làm sao. Mọi người ăn cơm nhưng tránh nhìn ánh mắt của nhau. Tội nghiệp.

Thương cậu và anh Đan đi mà chưa có tin về. Họ có ở đó, Suối Máu, hay không? Suối Máu, nghe đã quen dù chưa đến. Nhưng có một điều khá chắc chắn, là ba của Trâm đang ở đó. Ý nghĩ đến thật đột ngột nhưng đủ mạnh mẽ để Đoàn chia sẻ với Trâm. Và, đôi bạn đã quyết định làm một chuyến đi.

Hai đứa không dám nói cho nhà biết, hẹn nhau ra ga xe lửa, đi từ Sài Gòn ra Biên Hòa. Mỗi đứa đi một chiếc xe đạp, chọn đi toa chở hàng để có thể bỏ xe đạp lên, nhưng người thì phải đứng vì không có ghế. Toa xe chật ních các bạn hàng, họ cũng đứng, bên cạnh là những túi, những bao, hoặc cả gióng gánh. Vậy mà hai đứa cũng đã đứng được mấy tiếng đồng hồ trên toa chở hàng. Xe lửa chạy ì ạch, giục giặc như người say rượu. Lâu nay không ra khỏi thành phố, hai đứa ngắm cảnh bên đường như người lạ mới đến. Con đường này, Đoàn giật mình khi nhớ đến những ngày ly loạn, chập chùng người và xe đổ về Sài Gòn từ các nẻo. Cũng con đường này, Thắng trở về trên xe tải thương của đơn vị. Trong tâm, vang vọng tiếng gọi như gió thoảng “Thắng ơi! Thắng ơi!” Đoàn bàng hoàng. Thắng cũng như gió, đã biến mất.

Đến ga Biên Hòa, Đoàn và Trâm xuống cùng với hai chiếc xe đạp. Hai đứa nhìn theo đoàn xe lửa tiếp tục chạy. Nó sẽ chạy ra đến Bắc.

Hỏi đường, và leo lên xe đạp, hai đứa đi vào một con đường gập ghềnh, trước đây có lẽ đã là đường nhựa nhưng giờ thì loang lổ những ổ gà. Ngừng lại trước một hàng rào với cửa ra vào hẹp chút xíu chỉ vừa đủ cho một người lọt qua, hai đứa bỗng hồi hộp và hơi sợ, khi thấy cái chòi canh trong đó có khẩu súng máy chĩa vào trong trại. Một người lính bộ đội mặt lạnh ngắt hỏi:

“Đi đâu?”

Đoàn nói thay bạn:

“Dạ chúng tôi muốn hỏi thăm tin tức người nhà...”

“Người nhà là sao?”

“Dạ người nhà... học tập ở trong trại này.”

Người lính lắc đầu, vẫn giọng lạnh lùng:

“Không có cho thăm hỏi gì cả.”

Trâm nói nhanh:

“Dạ không, chúng tôi chỉ muốn biết ba của chúng tôi có được khỏe mạnh không, xin ông giúp giùm. Ba chúng tôi tên là...”

Giữa câu nói của Trâm, hai đứa kịp nhìn kỹ gương mặt người lính bộ đội này trẻ măng. Nhưng thôi kệ, cứ gọi là ông, không mất gì.

Đoan tiếp lời:

“Thưa ông, từ ngày ba chúng tôi đi... học tập, chúng tôi chưa được gặp. Ông đã già lắm rồi, không biết ra sao...”

Trâm cất giọng nài nỉ:

“Ông giúp giùm, cho chúng tôi hỏi thăm, ba chúng tôi tên là...”

“Không biết.”

Gương mặt kia vẫn lạnh lùng, như thể người này đã được dạy phải làm như thế, và chỉ được phép nói những câu ngắn ngủn. Hai đứa thất vọng. Bỗng chốc Đoan nhớ lại những câu chuyện cậu thường kể cho Đoan nghe, khi xưa cậu đã đối xử nhân đạo với những tù binh như thế nào. Ba của Trâm cũng vậy. Và Lưu, người bạn y tá quân đội của Đoan, người đã gửi một cái chân trong đất, khi đối diện với thương binh phía bên kia, cũng đã không ngại ngần băng bó, chữa bệnh cho họ.

Bây giờ đã khác. Họ là kẻ thắng.

Hai đứa không hẹn nhưng cùng đưa mắt nhìn vào trại. Khu đất khô khan hầu như không có cây cỏ mọc. Nhiều ngày không có mưa đã khiến mặt đất khô nứt. Xa tít bên trong là những dãy nhà mái tôn san sát nhau. Hai đứa cố nhướn mắt lên để nhìn. Không một bóng người. Chắc họ đã đi lao động ở một nơi nào...

Bỗng nhiên Trâm rơm róm nước mắt, lại nài nỉ:

“Ông ơi!...”

Người lính xẵng giọng:

“Về đi!”

Rồi như để thị oai, hắn chạm tay vào khẩu súng máy. Hai đứa giật mình, nhìn nhau. Trâm lắc đầu, dắt xe đạp đi trước, Đoan làm theo. Hai đứa lên xe, đi ngược trở lại con đường đầy ổ gà. Buổi xế trưa, nắng gay gắt như vỡ vụn theo từng vòng xe.

Trước khi về đến nhà của Trâm, hai đứa đi ngang một nơi đông người đứng chen chúc. Thì ra là cửa hàng bán “cá tiêu chuẩn.” Trâm chép miệng, nói:

“Họ mua cá xô, Đoan ạ.”

“Ừ, cá xô.”

Như cũng đã quá hiểu, nghe quen rồi, chẳng phải thắc mắc nữa. “Cá xô” là cá đủ loại, cá tạp, người dân mua về muốn nấu món gì tùy ý, nhưng phải chuẩn bị tinh thần là có rất nhiều xương. Gặp lúc may mắn mua được cá nạc thì đỡ khổ, còn thường thì gặp cá lẫn tăn, cá vụn, cá nát, cá ươn. Có người nói vui là “cá Liên-xô”. Có người chua chát nói “cá xô” vì người mua tuy xếp hàng nhưng phải xô đẩy nhau mới mua được. Mà không dễ gì được mua cá xô. Phải có số.

Thấy Trâm chạy chậm hẳn lại, mắt đảo dáo, Đoan hỏi:

“Sao đó Trâm?”

“Ồ... Trâm coi có mạ hay em Trâm ở đây không.”

“À, mình xem thử có bác hay em không.”

Hai đứa cùng tìm. Không thấy. Trâm lẩm bẩm:

“Lạ vậy? Sao nhà không ra mua cá?”

Nghe câu nói này cảm thấy tủi thân quá, hai đứa im lặng. Tủi thân vì muốn có cái ăn thì phải xếp hàng, có khi đang nắng, đội mưa? Tủi thân vì mình tạm có cái ăn trong khi Ba ở trong trại không biết no đói ra sao? Không giải thích được. Cảm xúc hỗn độn trong đầu. Đoan thấy như mình bị say nắng. Mà thật, cả một buổi trưa đạp xe nơi vùng khô cháy đỏ, da của hai đứa đã sạm đen, đầu óc chơi vơi, chỉ muốn được ngã lưng đâu đó ngủ một giấc.

Đã về tới nhà. Trời đã tối nhưng không thấy đèn. Trâm và Đoan chạy vội vào, dựng xe đạp trong sân. Có người ở trong nhà. Tiếng khóc thốn thức vọng ra. Mạ và em Trâm trong đó. Trâm kêu lên:

“Mạ! Có chuyện gì?”

Đoan nhanh tay bật đèn lên. Ánh sáng chói lòa. Mạ và em Trâm ngồi ở phòng khách, vẻ mặt trông thật lạ. Mọi người nhìn nhau, cảm nín trong một khoảnh khắc tưởng như vô tận. Mãi đến một lúc, mạ của Trâm bật được tiếng nói:

“Họ tới nhà, báo... ba con đã mất trong trại vì bệnh kiết lỵ. Họ nói mình không cần làm gì hết. Họ đã chôn ba con trong trại...”

Con ơi! Minh ơi! Tôi chết mất!”

Trâm kêu lên:

“Không! Mẹ ơi! Ba ơi!”

Đoan ôm vai bạn. Nhưng Trâm đứng cứng ngắc như một bức tượng đồng. Cảm giác của Đoan cũng mất hết. Trong một tích tắc, Đoan như thấy mình đang đứng trước cổng trại Suối Máu. Nắng chiếu chói lòa, nhức nhối. Một đoàn người lam lũ đi dưới nắng. Có cậu của Đoan trong đó không? Có anh Đan trong đó không? Một ông già ngã quỵ. Người ta đưa ông vào một trong những dãy nhà lợp tôn. Căn bệnh quái ác hành hạ ông, hành hạ nhiều người khác. Bệnh dịch.

Ông già yêu văn nghệ, người lính già giải ngũ đã lâu, ở trong đó có được đàn không nhỉ? Mà dù được, thì đàn đâu ông đàn? Chắc ông sẽ tự làm một cây đàn. Ông giỏi lắm mà, cái gì ông cũng làm được...

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

2017

Thư thì mỏng

Nguyễn thị Hải Hà phỏng tác phỏng theo “The Lunchbox” của Ritesh Batra

Ở một thành phố nhỏ ít người Việt mỗi lần muốn đi ăn nhà hàng Việt phải lái xe có khi cả tiếng đồng hồ. Đa số người Việt ở các thành phố nhỏ này tự nấu ăn, hoặc vợ nấu. Người không vợ, hay vợ không biết nấu món ăn Việt thì ráng nhịn riết rồi quen. Một nhà hàng nhỏ nghĩ ra cách này. Họ nhận nấu cơm tháng, giá phải chăng, giao tận nhà. Câu chuyện xảy ra như thế này.

Ông mở hộp cơm. Trong cái hộp nhỏ để đựng đĩa muống và gia vị, có kèm một mảnh giấy. Giấy màu vàng có kẻ hàng, loại giấy đóng thành xấp thường bán trong siêu thị.

Ngày ... Tháng ... Năm ...
Thưa ông,

Tôi tự hỏi ông có thích món ăn tôi nấu hay không. Đây là ngày thứ ba tôi đề ý thấy hộp cơm của ông hết sạch. Ông có thể cho tôi biết những món ăn ông hợp khẩu để tôi phục vụ khách hàng tốt hơn.

Đầu bếp.

TB: Ông không cần phải rửa gà mên đầu. Khách hàng chẳng ai làm thế cả. Ông là người duy nhất.

-@- -@- -@-

Ngày ... Tháng ... Năm ...

Thưa cô,

Tôi đoán người nấu cơm là phụ nữ nên gọi bằng cô. Gọi cầu may chứ ở Mỹ này người đầu bếp là đàn ông cũng khá nhiều. Nếu tôi sai, xin đừng chấp. Thủ thật với cô tôi chưa bao giờ được ăn cơm phần ngon đến như thế. Món ăn của cô thật vừa miệng với tôi. Cách cô bới cơm cũng thật công phu tươm tất.

Tôi đoán cô là đầu bếp mới, bởi vì chỉ gần đây tôi mới thấy món ăn ngon đặc biệt. Cô là người đầu tiên đã viết thư hỏi ý kiến của tôi. Theo thể lệ của nhà hàng tôi không được đặt món ăn. Nếu tôi đặt món ăn, nhà hàng sẽ tính giá khác. Cô nấu ăn rất ngon nên món gì tôi cũng thích.

Cô cũng là người đầu tiên sau mấy mươi năm tôi ở nước ngoài gọi hộp đựng cơm là gà mên. Tôi rửa gà mên là vì tôi đã giao ước với ông chủ nhà hàng. Tôi không thích dùng muỗng nĩa nhựa cũng như hộp nhựa để đựng cơm. Người ta chỉ ăn xong là ném hộp nhựa đĩa muỗng nhựa vào thùng rác. Tôi không muốn dùng đồ nhựa vì ô nhiễm môi trường nên tôi đề nghị được dùng gà mên. Chúng tôi thỏa thuận là tôi sẽ có hai cái gà mên. Người giao thức ăn mới sẽ lấy đi cái gà mên cũ. Tôi rửa gà mên sạch sẽ trước khi giao lại người giao cơm. Trân trọng cảm ơn cô.

Khách hàng trung thành của cô,

An

-(@)- (@)- (@)-

Ngày ... Tháng ... Năm ...

Ông An thân mến,

Cám ơn ông đã thích món ăn tôi nấu. Nếu được nhiều khách hàng như ông tôi sẽ giữ được công việc này lâu dài. Thời buổi này tìm việc khó quá nhất là những người bị tật cầm đũa, có con nhỏ còn đi học, lại không biết dùng computer như tôi.

Tôi kể ông nghe cho vui. Thật ra những món ông ăn mấy

ngày hôm nay là những món đặc biệt tôi nấu cho chồng tôi. Anh ấy làm việc ca ba trong một xí nghiệp, nên giờ nghỉ giải lao ăn tối của anh ấy cũng là giờ ăn cơm tối của ông. Trong xí nghiệp có nhiều người Trung và Ấn Độ họ cũng đặt cơm tháng ở nhà hàng, món Trung và món Ấn do người khác nấu. Tôi nhờ người giao cơm tối cho khách hàng sẵn dịp giao cơm cho chồng tôi. Đây là một hành động xa xỉ, chính chồng tôi cũng nói như thế, anh có thể tự mang cơm đi, nhưng tôi muốn chăm sóc anh ấy nhiều hơn.

Tôi không thể bày tỏ bằng lời nên tôi muốn bày tỏ bằng hành động. Dường như chúng tôi không còn tình yêu của buổi ban đầu. Giữa hai chúng tôi là sự im lặng bao la. Tôi nhớ mẹ tôi thường bảo rằng nấu ăn ngon là có thể chinh phục tình yêu của đàn ông bởi vì đường vào trái tim của người đàn ông đi ngang qua cái bao tử. Tôi muốn tái chinh phục chồng tôi dù khi mới quen tôi chẳng phải nấu nướng nướng chịu anh gì cả. Tôi tìm được cuốn sổ gia chánh trong đó mẹ chồng tôi chép lại cách nấu những món ăn chồng tôi rất ưa thích. Bữa đầu tiên tôi rất hồi hộp mong chồng tôi về để xem anh ấy nói gì. Anh chẳng nói gì, còn có vẻ lảm lì hơn bình thường.

- Anh ơi, món ăn em nấu hôm nay có ăn được không?

- Được!

- Chỉ được thôi sao?

- Chứ còn sao nữa!

- Anh thích món nào nhất?

- Bông cải xào thịt bò.

Anh lẳng lặng thay đồ lên giường ngủ, quay lưng lại phía tôi. Tôi ôm cánh tay anh kêu nóng và mệt. Bông cải xào thịt bò? Tôi đâu có nấu món ấy. Đến ngày thứ ba thì anh ấy mắng tôi.

- Em chỉ ở nhà nấu ăn mà chẳng làm nên chuyện. Em phải thay đổi món chứ ngày nào cũng bông cải xanh xào thịt bò anh ngán tới cổ rồi.

Tôi đoán là ông giao cơm đã giao nhầm gà mên cơm của chồng tôi cho ông. Nhưng tại sao lại bông cải xanh xào thịt bò liên tiếp ba ngày? Thật là vô ý! Nhà hàng làm việc bất cẩn như vậy sẽ mất khách hàng và tôi sẽ bị mất việc làm.

Còn ông, đã đặt cơm tháng từ bao giờ? Ông không có người nấu ăn cho ông sao? Hỏi thế nhưng ông không phải trả

lời nếu cảm thấy bị xâm phạm đời tư. Chúc ông ăn ngon và ngủ cũng ngon.

Đầu bếp trung thành của ông,
Anna

-@- -@- -@-

Ngày ... Tháng ... Năm ...

Cô Anna thân mến,

Thật đáng tiếc chuyện nhâm lẫn như thế đã xảy ra, nhưng cô cũng hiểu lỗi không phải ở tôi vì tôi chỉ là người nhận. Thật là đáng buồn khi ông nhà phải ăn bông cải xanh xào thịt bò liên tiếp ba ngày mà tôi lại được ăn ngon. Tôi qua, món canh khổ qua nhồi cá thát lát thật tuyệt vời. Cái cách cô dùng lá hành để cột cho trái khổ qua đừng bị bung ra thật tỉ mỉ và đẹp mắt. Ở xứ này làm sao mà cô tìm được cá thát lát? Ở đây, người ta dùng loại cá đóng hộp không vừa dai vừa giòn như cá thát lát ở Việt Nam. Trong nước dùng lại có vài cái nấm hương đã được nấu mềm. Tôi chỉ được ăn món ngon như thế này khi mẹ tôi còn sống. Cách nấu này có lẽ đã thất truyền từ lâu, phải nói là hiếm thấy ở xứ này. Ở Hoa Kỳ một mình lâu ngày, tôi rất dễ tính trong việc ăn uống, nhưng dễ tính không có nghĩa là không “appreciate” món ăn ngon.

Còn chuyện nhà hàng xào bông cải xanh với thịt bò liên tiếp ba ngày thì tôi có thể giải thích như vậy:

Ngày thứ nhất, sau khi ăn món bún thịt nướng cô làm, tôi thích quá nên gọi điện thoại với nhà hàng khen món ăn rất ngon. Cứ tiếp tục làm như thế. Ông chủ, nhà hàng vô cùng ngạc nhiên vì có lẽ chẳng ai gọi điện thoại khen nhà hàng thức ăn ngon bao giờ. Lôi thôi họ lại tăng giá cơm tháng. Tôi ăn cơm ở nhà hàng này bao nhiêu năm đâu có bao giờ tôi khen.

Xin cô đừng trách mắng người giao cơm, và tiếp tục nấu cho tôi ăn. Tôi có thể trả giá cao hơn cho nhà hàng hoặc là góp riêng cho cô. Thủ thật với cô, mấy ngày nay tôi cứ nhấp nhòm chờ ông giao cơm. Thật ra tôi chờ lá thư của cô. Tôi phải đọc thư của cô trước rồi mới có thể ăn cơm một cách

chậm rãi, ăn để thưởng thức món ăn. Những dòng ngần ngừ của cô đủ để mang cho tôi một niềm vui nhỏ trong một buổi tối cô quạnh của tôi. Tuy nhiên, thư thì mỏng...

Đồng nghiệp của tôi thường bảo tôi là một người cô độc. Tôi không nghĩ đến sự cô độc của mình mãi cho đến lúc gần đây. Buổi tối của tôi vắng lặng và dài thăm thẳm. Chính sự vắng lặng của những buổi tối khiến tôi ngại ngần không muốn về hưu. Vâng, tôi đã đến tuổi về hưu. Thật ra tôi có thể về hưu từ hai năm trước nhưng tôi cứ chần chờ. Ban ngày tôi vui với công việc nhưng buổi tối thì... tôi thật là thèm có người trò chuyện cùng tôi.

Trò chuyện là một nghệ thuật. Người ta bảo rằng về già nên kết hôn hay kết bạn với những người biết trò chuyện. Nhưng với tôi chuyện kết hôn đã quá trễ rồi. Còn kết bạn lại càng khó khăn hơn nữa. Ở đây ít người Việt, nhưng bạn Việt hay bạn Mỹ cũng thế, chúng tôi có gặp nhau thì cũng chỉ ăn và nhậu. Chỗ làm việc lại càng ít khi tâm sự với nhau. Tôi chưa hề gặp được người nào có thể nói chuyện cho tôi nghe hay chịu khó nghe chuyện tôi nói. Có được một người có thể trò chuyện với mình, chia sẻ ý nghĩ với mình thật là quá khó. Thảo nào ông Hoàng trong truyện 1001 Đêm không thể giết cô gái chăn gối với ông chỉ vì cô biết kể chuyện và nghe chuyện ông kể.

Cô hỏi tại sao tôi ăn cơm tháng. Tôi xin thưa với cô vì không có ai chịu nấu cho tôi ăn. Xưa lắm rồi, tôi có lần kết hôn với một cô gái Hoa Kỳ nhưng cuộc hôn nhân chỉ kéo dài được hai ngày. Chuyện khá phức tạp khó giải thích trong một lá thư nhưng nếu cô tiếp tục nấu ăn cho tôi thì một dịp thuận tiện nào đó tôi sẽ kể. Tôi không biết cô có tin tôi được không nhưng tôi nghiện món ăn cô nấu mất rồi. Dĩ nhiên tôi có thể ăn ngoài tiệm. Ở đây có biết bao nhiêu nhà hàng Tàu và nhà hàng Mỹ. Thức ăn bình dân thì có Ihop, McDonald, Burger King, Roy Rogers, Kentucky Fried Chicken nhưng không có ai có thể mang hương vị thức ăn VN đến tận nhà cho tôi. Cái cách nấu chỉ những bà mẹ Việt Nam thời xa xưa mới biết.

Xin được phép kể cô nghe về một cuốn phim hoạt họa, nhân vật chính là một con chuột nấu ăn ngon. Con chuột Rémy này đã chinh phục được một nhà phê bình thức ăn nổi tiếng khắc nghiệt nhất Paris; một tay ông đã làm cho bao

nhieu nhà hàng phải đóng cửa và chủ nhân nhà hàng tự tử. Cái món ăn Rémy nấu đã chinh phục được Anton lại là món ratatouille một món ăn dân dã, giống như hương vị mà bà mẹ Anton đã nấu. Như vậy chắc cô biết là tôi quý thức ăn cô nấu đến mức nào.

A! Hôm nay tôi đông dài quá mức, xin cô tha lỗi. Cô có thể cho tôi biết vì sao cô bị mất tiếng nói và không thể nghe được không? Tai nạn hay bạo bệnh? Làm thế nào cô có thể học nói và viết thật rành rẽ khi không thể nói và không thể nghe. Không dễ dàng để viết được như vậy. Tôi thật khâm phục cô. Thân mến.

*Khách hàng trung thành của cô,
An*

Tái bút: Tôi quên cảm ơn cô đã kèm theo miếng sương sa được đổ khuôn thành đóa hoa nhiều màu. Đẹp quá nên tôi không nỡ ăn, còn để dành trong tủ lạnh. Thời bây giờ tái chinh phục trái tim chồng của cô bằng món ăn thì không thực tế chút nào. Tôi nghĩ cô nên thay đổi cách trang điểm và trang phục, hẹn hò ông chồng và thử có thêm một đứa con để hâm nóng lại tình yêu thì thiết thực hơn.

-(@)- (@)- (@)-

*Ngày ... Tháng ... Năm ...
Ông An thân mến,*

Con gái của Anna được sáu tuổi. Cháu thích xem phim hoạt hình. Còn Anna thì thích tất cả những gì liên quan đến thức ăn nên Anna cũng có xem phim Ratatouille cùng lúc với đứa con gái. Hai mẹ con đều rất thích phim này. Anna cảm ơn ông đã “nghiện” thức ăn Anna nấu. Hôm nay Anna trở tài, đây là một trong những tuyệt chiêu của Anna, vệt nấu măng. Măng khô loại ngon, được ngâm cho hết chất, Anna chỉ chọn những đoạn mềm, ngọn của búp măng khi còn tươi, xào cho ngấm trước khi cho vào nước lèo. Đây là một món ăn rất nhiều công. Gỏi để ăn với bún măng có cả hoa chuối bào mỏng, toàn là những thứ nhiều công và nguyên liệu khó tìm. Nói không phải

để kể công hay đòi lên giá tiền vì Anna hay kiêu ngạo nghĩ rằng tiền khách hàng trả công chẳng thể bì với tấm lòng người chăm chút món ăn.

Chồng của Anna là người sinh ra lớn lên ở Mỹ chuộng thức ăn Mỹ hơn thức ăn Việt Nam. Không hiểu tại sao mẹ chồng của Anna lại nghĩ là anh ấy thích thức ăn Việt. Hôm qua anh ấy bảo Anna nên học nấu spaghetti và các loại thức ăn Mỹ hoặc Ý. Rồi anh ấy lại bảo thôi đừng bới cơm cho người giao cơm cho anh ấy nữa vì bạn đồng nghiệp của anh chỉ ăn sandwich nên chế nhạo anh mỗi lần thấy thức ăn có muống dưa linh kinh linh tinh. Lúc sau này anh về nhà rất trễ, thường khi sặc sụa mùi rượu. Và sáng nay khi anh ngủ Anna soạn quần áo đem giặt thấy quần áo anh sực nức mùi nước hoa và áo anh có vết son. Son dính bên trong lớp áo như thể người ta giờ áo anh lên rồi hôn vào đó làm dấu hiệu cho Anna biết. Anna chẳng biết nói sao, làm gì cho vơi bớt nỗi buồn của mình. Có những chuyện không thể nói với người thân nhưng lại có thể giải bày với người lạ, có lẽ vì người ta chẳng biết mình là ai, lời nói hay chữ viết thả theo gió bay.

Ngày xưa anh sang Việt Nam chơi gặp Anna, đem lòng yêu đòi cưới. Anna thích lấy chồng ngoại quốc vì nóng lòng muốn thoát khỏi đời sống tù túng của xã hội Việt Nam. Theo anh sang Mỹ Anna có giấy tờ hợp pháp nhưng tiếng Anh vẫn chưa giỏi và không có nghề nhất định nên rất khó gia nhập xã hội Mỹ. Trước kia Anna thích nấu ăn và ở nhà nuôi con. Bây giờ thì rất nhiều khi Anna mơ được đi làm như những người phụ nữ trên tivi. Họ ăn mặc sang trọng đúng thời trang. Nếu Anna có một cái nghề được ăn mặc như thế thì Anna cũng sẽ đi làm suốt đời chứ không chịu về hưu đâu.

Sáng nay thấy trên tivi, có một người phụ nữ tự tử bằng cách lao đầu vào xe lửa. Con gái của cô ấy và con gái của Anna học chung một lớp. Mỗi buổi sáng chờ xe buýt đến đón con đi học Anna thường gặp người phụ nữ này. Họ ở cùng khu chung cư nhưng ở một building khác. Đứa con bị người mẹ nắm chặt tay cô vùng vẫy khi xe lửa đến nhưng không thoát được. Nghe nói rằng gia đình cô không được hạnh phúc, quá tuyệt vọng nên cô hành động điên rồ. Anna nghĩ rằng dù tuyệt vọng, dù làm mẹ, người phụ nữ này không có quyền tước đoạt sự sống của đứa con.

Anna nghĩ ông không nên lo sợ phải về hưu. Về hưu đâu có nghĩa là ông phải ở nhà hết ngày này sang ngày khác. Ông có thể đi du lịch. Ông có thể học thêm một sở thích gì đó như chụp ảnh, đánh cờ, đọc sách, hay viết văn. À sao ông không viết văn nhỉ? Anna thấy ông có khiếu văn chương lắm đó.

Mong ông có buổi tối yên lành. Hôm nay Anna kèm thêm món chè đậu mắt đen nước dừa. Ông ăn ngon nhé.

Đầu bếp
Anna

TB. Ông viết “thư thì mỏng...” là có ý gì? Tại sao lại bỏ lửng?

-(@- -@- -@-

Ngày ... Tháng ... Năm ...

Anna thân mến,

Như thế thì cô là di dân. Di dân thường thì giàu có hơn tị nạn. Hơn ba mươi năm trước tôi bước lên đất nước này với thân phận của người dân tị nạn. Từ lúc nào tôi trở thành di dân? Có lẽ từ lúc tôi nhập quốc tịch Hoa Kỳ. Tôi có người bạn thích đi du lịch. Anh ấy thăm viếng Kyoto, thành phố cổ của Nhật Bản nhiều lần, bảo rằng thích đời sống của thành phố ấy, có cảm giác thành phố Kyoto là của anh, và anh là dân Kyoto từ tiền kiếp.

Tôi vẫn tự hỏi mình sống bao lâu ở một thành phố thì có thể xem thành phố ấy là của mình, quốc gia ấy là quốc gia là quê hương của mình? Thời gian tôi sống ở nơi này đã dài hơn thời gian tôi sống ở Việt Nam, không hiểu tại sao tôi vẫn không cảm thấy nơi đây, thành phố này, là quê hương xứ sở của tôi. Và đáng buồn hơn tôi cũng không còn cảm thấy Việt Nam là quê hương của tôi nữa. Tôi có cảm giác xa lạ, thất lạc, với cả Việt Nam lẫn Hoa Kỳ. Ngôi nhà tôi đang ở là nhà của tôi. Khi đi xa tôi vẫn muốn quay về nhà. Người ta vẫn thường dùng hai chữ đi kèm, nước nhà (hay quốc gia). Tôi có nhà mà không có nước. Quê hương tôi ở không hẳn là quê hương của

tôi. Còn cô, cô có nhận nơi này là quê hương?

Có lẽ cô nên cho cháu bé đến gặp counselor của trường. Có bạn qua đời trong trường hợp như thế là một chấn động tâm lý có thể tồn thương lâu dài. Tôi tự hỏi tại sao người ta dám chết mà không dám sống. Trong chuyến vượt biển của tôi, cái chết ngay trước mặt, đói khát nhiều ngày chúng tôi vẫn cứ ôm hy vọng được cứu và được sống. Chúng tôi chống chọi với cái chết trong từng cái chớp mắt, từng hơi thở gấp. Sống trong nguy ngập đến tính mệnh vẫn cứ muốn sống. Còn người phụ nữ kia sao lại bẻ một ngọn đời xanh vứt vào đầu máy xe lửa như thế. Thật đáng thương mà cũng đáng trách.

Cấp trên của tôi lại gọi tôi vào văn phòng hỏi tôi có ý định về hưu không. Tôi bảo rằng để tôi suy nghĩ. Có những buổi sáng đi làm sớm, mùa đông tôi nhìn những hàng cây trụi lá trong sương mù chạy hun hút trên con đường. Khi về hưu chắc là tôi sẽ nhớ những hình ảnh như thế. Cửa sổ phòng làm việc của tôi ngó ra một con sông. Vắt ngang sông là một chiếc cầu quay sơn màu xanh nhạt. Buổi sáng mặt trời mọc ánh sáng chiếu lên cây cầu và dòng sông, màu hồng nhạt tím nhạt màu cam màu vàng rất đẹp. Tôi nhìn cây cầu mỗi ngày và nghĩ khi về hưu tôi sẽ không còn nhìn thấy cây cầu này nữa. Thật buồn cười, tôi sẽ nhớ quang cảnh chung quanh chỗ tôi làm rất nhiều nhưng tôi sẽ không nhớ những người đồng nghiệp. Có lẽ đúng như lời người ta nói, tôi là người xa cách và lạnh lùng, không muốn làm bạn với ai. Có lẽ người vợ hai ngày của tôi không chịu nổi tính lạnh lùng của tôi. Còn tôi suốt đời sống một mình cứ tưởng không cần bạn bè bây giờ bỗng dưng thêm có người trò chuyện.

Hôm nay tôi “nói” nhiều, mà lại nói với một người tôi chưa hề biết mặt. Mong Anna tha lỗi. Và nếu cô không có thì giờ xin cứ ném thư đi. Nhưng nếu cô có lòng nuôi bao tử của tôi, xin làm ơn nuôi thêm cái trí óc cần cỗi của tôi, và viết cho tôi vài hàng nhé. Tôi mong được đọc thư cô còn hơn mong thức ăn nữa cơ.

Khách hàng quý của cô

An

-@- -@- -@-

Ngày ... Tháng ... Năm

Ông An thân mến,

Anna vẫn còn suy nghĩ đến người phụ nữ tự tử và đứa con. Ngày mới lập gia đình, Anna đắm chìm trong tình yêu và hạnh phúc không hề nghĩ đến ngày mình phải bầu vùi vào sự đùm bọc hay thương hại của kẻ khác. Bảy năm về trước chắc là Anna không hiểu được sự sợ hãi và tuyệt vọng của người phụ nữ đến độ tự tử và bắt đứa con phải chết theo nàng. Đó là một người phụ nữ có thể nói và nghe được, có học, có bạn bè, sống ngay trên xứ sở của nàng. Còn Anna chẳng có ai ngoại trừ chồng và đứa con. Anna mặc áo đẹp, thay áo ngủ sexy nói bằng sign language là Anna muốn được yêu, và có thêm đứa con nữa. Tuy nhiên anh ấy từ chối và sẵn dịp thú nhận đã hết yêu Anna. Anh ấy có người yêu mới, một người làm việc chung với anh.

Trước khi lấy chồng và có con, Anna rất thích du lịch. Anna thích những nơi chốn xa lạ Anna chỉ có thể tưởng tượng. Ông đã xem phim *The Wind Journeys* chưa? Anna thường mượn phim của thư viện địa phương, và chỉ xem được phim có caption cho người khiếm thính. Ông hãy xem phim này để thấy vẻ đẹp của những quốc gia vùng Nam Mỹ. Phim nói về một cái đàn phong cầm, bên trên có chạm cái đầu của quỷ Satan. Người giữ cây phong cầm phải đem trả cái phong cầm này cho một tu sĩ trên một ngọn núi cao ở một vùng núi hẻo lánh. Ông ta và người đồ đệ đã mang cái phong cầm đi qua 80 địa danh nổi tiếng đẹp về phong cảnh thiên nhiên. Anna đã nhiều lần mơ ước được ngồi trên một đỉnh cao giữa núi rừng xanh thẳm bạt ngàn, hay ngồi trên những suối đá nghe dân bộ lạc thổi tiêu. Anna nghĩ rằng sẽ cùng chồng nuôi con đến lớn khôn và sẽ cùng chồng đi chu du như vậy. Một trong những cái đặc biệt của du lịch là ông có thể không là ai hết, chỉ là một khuôn mặt vô danh trong muôn vàn khuôn mặt vô danh. Hay ông có thể tiêu hết cả tiền dành dụm hàng chục năm để tưởng tượng mình là một người triệu phú.

Ông có lần kể về một người bạn của ông yêu thích Kyoto

đến độ muốn qua bên ấy ở luôn. Anna cũng thích Kyoto như vậy. Anna xem rất nhiều phim về Nhật Bản, về geisha, về samurai. Anna đọc hầu hết những quyển sách du hành về Nhật Bản. Ông có biết thiền sư Basho đi một vòng phía Bắc Nhật Bản, và sau này người ta có giả thuyết ông là người do thám cho một sứ quân thời bấy giờ đang muốn triệt hạ một sứ quân khác không. Nếu Anna có điều kiện Anna sẽ đi Nhật.

Anna cũng muốn viếng thăm Bhutan. Người phụ nữ đã tự tử có lần cho Anna mượn mấy quyển sách về Bhutan, một xứ sở đo lường sự giàu có của quốc gia bằng chỉ số hạnh phúc. Anna nghĩ nếu Anna đặt chân lên quốc gia này Anna sẽ xin được ở lại và nhận Bhutan làm quê hương. Nếu ông sợ đi máy bay thì không nên đến Bhutan, vì đường phi đạo của xứ này rất nhỏ, rất ngắn, ở một vị trí rất hiểm trở, chỉ có khoảng mười phi công đủ tài lên xuống phi đạo này. Và xin giấy nhập cảnh Bhutan nghe nói cũng nhiều khê lắm.

Nói như vậy để ông thấy rằng, cuộc đời không chấm dứt sau khi hết đi làm việc. Mong ông vui khỏe, và hãy suy nghĩ thêm về việc về hưu. Phải nói là khi ông về hưu và đi du lịch thì Anna sẽ rất buồn vì không còn người thuê Anna nấu ăn và đọc những dòng tâm sự của Anna. Đó là chuyện tương lai, còn bây giờ Anna phải suy nghĩ và quyết định, nếu chồng Anna cương quyết ly dị thì Anna sẽ ở đâu, làm gì để nuôi con. Dĩ nhiên người chồng sẽ trợ cấp nhưng có lẽ chẳng thấm vào đâu. Và căn nhà thì anh ấy mua trước khi cưới Anna nên nếu anh ấy không cho Anna ở thì Anna sẽ phải dọn ra.

Chúc ông ngủ ngon, và hy vọng món chè chuối với bánh cuốn nhân thịt hôm nay vừa miệng ông.

Đầu bếp trung thành của ông
Anna

-@- -@- -@-

Ngày ... Tháng ... Năm ...

Anna thân mến,

Nghe lời cô, tôi đã mạnh dạn xin về hưu. Tôi chỉ cần thông

báo trước hai tuần hay một tháng, tuy nhiên cấp trên của tôi có vẻ đã sẵn sàng. Tôi chưa nộp giấy tờ thì đã thấy có người dự đoán sẽ thế chỗ tôi vào học việc với tôi. Tôi nghĩ nếu người ta không muốn giữ tôi nữa thì tôi cũng chẳng muốn ở làm. Việc làm chắc cũng giống như tình yêu, không thể cứ yêu một chiều mãi mãi. Phải không cô? Tôi cũng tự thấy mình mệt mỏi. Trên chuyến xe lửa về nhà buổi chiều đông người tôi phải đứng. Tôi nhìn thấy tôi trong gương cửa sổ, lưng đã còng, tóc bạc trắng, và cặp kính trắng dày cộm làm tôi trông giống như một con cá thoi lòi. Một cậu bé đứng dậy nhường chỗ cho tôi, bảo rằng xin bác ngồi cháu còn trẻ để cháu đứng.

Tôi sẽ đi du lịch Nhật Bản, Bhutan, và Chile, để tận mắt ngắm những quốc gia này thay cô, nhưng trước khi đi tôi muốn cô giúp tôi một vài việc. Ngôi nhà tôi đang ở chẳng to lớn gì, chỉ là hai cái toa xe lửa cũ tôi mua về sửa sang thành chỗ ở. Tiền thuê đất rất hạ, điện nước cống nhà vệ sinh hẳn hoi. Đồng nghiệp của tôi thường nói bóng gió lương cao, không vợ không con, ở căn nhà bằng hai toa xe lửa, tiền chất đầy nhà băng mà không chịu về hưu.

Khoảng mười năm trước tôi là kỹ sư trưởng của một nhóm kỹ sư. Vì tôi ít nói dễ dãi trong việc kiểm tra nhân viên, nên người phụ tá lộng hành, thuê người bổ nhiệm người một cách vô trách nhiệm. Nghe nói lạm dụng tiền quỹ sao đó. Tôi chỉ chú ý kỹ thuật và an toàn. Tuy nhiên khi việc đổ bể tôi vẫn phải chịu trừng phạt vì không làm tròn trách nhiệm quản lý. Người ta đuổi việc nhân viên của tôi, còn tôi thì chỉ bị giảm chức vụ. Nếu là người khác thì người ta đã bỏ việc về hưu sớm, tuy nhiên tôi vẫn tiếp tục làm việc. Nếu người ta để tôi đi làm không trả lương tôi cũng chịu, bởi vì ở nhà chắc tôi sẽ gục xuống chết ngày hôm sau vì nhàm chán và cô đơn.

Tuy nhiên, bây giờ cô đã thay đổi ý nghĩ của tôi. Tuy không giàu, nhưng tôi giỏi quán xuyến tiện tặn, đi chơi kiểu hà tiện tôi có thể đi vài năm không về nhà.

Tôi đi chơi xa, do đó không thể thuê cô nấu ăn, nhưng tôi muốn nhờ cô làm quản gia cho tôi. Nếu cần thiết, cô có thể mang con đến ở nhà tôi trong lúc tôi đi vắng. Tôi sẽ liên lạc với cô bằng thư từ qua địa chỉ nhà tôi. Có người ở trong nhà đề phòng hư hại hay trộm cắp. Mọi chuyện khó khăn cô cứ liên lạc với người bạn của tôi. Ông V. là bạn cũng là luật sư

lâu năm của tôi. Ông có thể cố vấn cho cô nhiều vấn đề, chuyện nhỏ nhất như thuê người sửa chữa đồ dùng trong nhà, chuyện lớn như ly dị hay giúp đỡ người có thu nhập kinh tế thấp muốn được trợ giúp về mặt pháp luật. Ở đây mấy chục năm tôi biết là người ta chỉ có thể đến với công lý hay được đối xử công bằng khi có tiền. Tôi đã yêu cầu ông giúp đỡ và hướng dẫn cô. Tôi đã mở sẵn một tài khoản ngân hàng, để trả lương cho cô. Tiền lương này, ngoài việc trông chừng nhà cho tôi, còn kèm theo tiền săn sóc con mèo (bốn chân) của tôi. Tôi nuôi nó cả chục năm nay. Nếu tôi có bao giờ yêu thương một người nào đó chắc cũng chỉ bằng với yêu thương con mèo này. Tôi ngại ngần chuyện đi du lịch cũng chỉ vì không ai săn sóc Nora. Tôi có linh tính cô là người kiên nhẫn và yêu thương thú vật. Thật tình, tôi có thể gửi con mèo cho một cơ quan nuôi thú vật, nhưng tôi muốn Nora được chăm sóc và thương yêu như một người bạn nhỏ của tôi.

Tôi có computer cô nên tìm cách học, bắt đầu ở thư viện người ta thường có lớp miễn phí. Cũng có thể nấu ăn cho một vài người nhưng nhiều hơn thì bếp nhà tôi không đủ sức.

Chúc cô vui khỏe và mong rằng ngày tôi trở về hoàn cảnh của cô sẽ khá hơn.

*Bạn của cô
An*

TB. Có lần cô hỏi về “thư thì mỏng...” mà tôi quên trả lời. Đó là câu thơ tôi quên tên tác giả. Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo. Tình thì buồn như tất cả chia ly. Những lá thư qua lại giữa chúng ta có thể chẳng đi đến đâu. Nhưng tôi muốn giữ một tình bạn giữa tôi và cô. Người ta không tin là có tình bạn giữa một người đàn ông và một người đàn bà, nhưng tôi thì tin. Tại sao không?

THÔI THUA

truyện dài của *Lan Chi*

(tiếp theo những kỳ trước)

*

NHÂN VẬT

NGUYỄN VĂN TỐT: Nhân vật chính, ở Bà Rịa, vượt biên, trại tị nạn Nam Dương, định cư ở Đức

CHI: Thông dịch viên

LOHN: Luật sư

THI: Con gái của Tốt

NAM: Bạn láng giềng, gần 30 tuổi, người thấp nhỏ nhắn

MARIA: Nhân viên thiện nguyện của sở xã hội Đức, độc thân

PHI: *alias* Phi Lư Thu Lanh, 20 tuổi (khai gian 15 tuổi), dân Hải Phòng, vượt biên qua ngã Moscow.

*

Chương VI

Cô gái áo đỏ

Vừa nói Tốt vừa kéo cửa định đóng lại nhưng tên kia đã nhanh hơn, đưa chân ngăn cánh cửa, thả giọng xác xược:

“Hãy hượm ông bạn, làm gì vội thế?”

Tốt trừng mắt nghe máu nóng bốc lên đầu, anh định đưa tay đẩy mạnh tên kia ra khỏi cửa và đấm vào mặt, nhưng khác với mọi khi thường hành động bốc đồng, anh linh cảm mình đang gặp một đối thủ không phải tay vừa, xem chừng lại có dính líu đến thằng Phi Lư, anh tự nhủ phải nên khéo léo và kiên nhẫn hơn với kẻ lạ. Anh mở rộng cánh cửa, nhưng vẫn lăm lè theo cách của mình:

“Bạn với ai, tôi chưa là bạn với anh đâu. Còn chờ!”

Không chờ Tốt nói thêm, cũng chẳng để ý đến Tốt, tên kia đã sai ba bước đến bên chiếc bàn ở giữa phòng, chống hai tay trên bàn, nhìn quanh trịch thượng rồi chặc lưỡi:

“Tiện nghi chán!”.

Hắn cười nhả nhổ với hàm răng lởm chởm, tay móc gói thuốc khỏi túi áo chìa ra.

“Nghe nói anh có quen lớn ở đây?”

Tốt nhìn người đối diện với mình như nhìn một quái vật, bộ mặt tai tái, đôi mắt điều hâu và đôi môi mỏng dính, lần đầu tiên anh có ác cảm với một người đồng hương và anh đang cố gắng tranh đấu với nội tâm, với chính thiện cảm anh từng nuôi dưỡng cho bất cứ người nào cùng cảnh ngộ tha hương nơi xứ lạ, cái cảm giác tương lân tương trợ mà anh đã có ngay với cái thằng “chó chết” Phi Lư bỗng nhiên biến mất, nhường cho một nỗi kinh sợ nào đó làm vai anh run lên mà bản tính hiền lành của anh không chịu đựng nổi. Anh mím môi không trả lời, nhưng đón lấy điều thuốc, vắn vè trong tay chưa vội châm lửa. Nghe tiếng tên kia tiếp tục với giọng Bắc pha tạp nửa đùa nửa thật:

“Qua đây mà quen lớn thì anh làm giàu mấy hời, trong cái nước Đức giàu có ứ hự này. Anh đã có việc làm chưa? Vợ con ở đâu?”

Tốt đưa mắt ngắm nghía điệu bộ ăn nói của người kia, bụng nghĩ thầm, “Thằng này không lương thiện, tốt hơn mình không nên dây dưa với nó”. Anh chậm rãi từ tốn bảo:

“Có việc gì anh cứ nói thẳng, tôi không có nhiều thì giờ đâu!”

Tên kia cúi gập người trên hai đầu gối, ngược mắt nhìn qua Tốt dò xét:

“Thế Phi Lư quen anh thế nào?”

“À ra thế, nó vẫn bám theo để hỏi về Phi Lư, mình phải đánh phủ đầu nó mới được”, Tốt thầm nghĩ, mắt không rời người đối diện. Anh chậm rãi để điều thuốc lên bàn, giọng nghiêm nghị:

“Này, tôi đã nói tôi không biết gì về Phi Lư, sao anh hỏi mãi thế? Nếu không có gì khác hơn, tôi xin tiễn anh, anh đi đi, anh bạn!”.

Anh nói nhanh hơn và nhóm người đứng lên:

“Vây xin hỏi anh tên gì? Quê quán ở đâu, có bà con với Phi Lư ra sao? Tôi cũng muốn biết lắm.”

“Anh chưa cần biết tên vợ, chúng ta còn gặp nhau mà. Còn quê tôi ư, thì cũng một vùng với thằng nhỏ Phi Lư, không chừng cũng cùng quê với anh đó”.

Hắn vừa nói vừa cười hăng hắc.

Tốt đến bên cửa sổ nhìn ra, thầm nghĩ:

“Lại một tay anh chị nữa đây.”

Bồng anh nổi cáu:

“Này thằng nhỏ còn trẻ tuổi, anh không nên dạy hư cho nó!”

“Ồ kìa, bác này hay nhỉ, sao bác nói tôi dạy hư?”

“Nhưng tôi hỏi tại sao anh không chịu đi ngay mà ở đây dăm dớ với tôi này giờ. Tôi đã bảo tôi chẳng biết gì cả, anh không hiểu sao? Anh hãy nói cho tôi nghe anh là gì của thằng Phi Lư. Điều ấy tôi đang muốn biết đây!”

Tên người lạ chưa kịp trả lời, bỗng có tiếng huyên náo ở ngoài sân và tiếng la của Nam cùng tiếng chân chạy thình thịch. Cả hai người không ai bảo ai đều đứng lên và chạy ra phía cửa. Ở trước hành lang Nam đang đứng chỉ tay phía bức tường thấp: “Bắt lấy nó!”

Cùng lúc người ta thấy một bóng áo đỏ nhảy qua bức tường. Như cái lò xo Tốt nhún người lên định chạy, nhưng gã đàn ông đã nhanh nhẹn cầm tay anh lắc lắc như khi chào bắt tay, nhưng thật ra là để kéo anh lui cho chậm bước, hấn đứng như ngáng chân anh, bảo:

“Ông anh nóng nảy dữ, chuyện thiên hạ mà cứ muốn chen vào, anh hãy giữ mình và coi chừng! Thôi chào!”

Nói xong hấn đã lạng người, nhảy xuống bậc cấp, hai tay trong túi quần, đi bằng những bước chạy ra khỏi cổng. Tốt định chạy theo nhưng Nam đã đến bên, thở hổn hển:

“Con nhỏ áo đỏ! Chính hấn, chính hấn!”

Hấn kéo tay Tốt chạy đến phòng của Phi Lư ở cuối dãy. Tốt thấy phòng mở toang. Trên nền cái ba-lô thường ngày bị banh ra, các học tử đóng chưa kịp còn mở nửa chừng, các thứ lặt vặt và ít ỏi của Phi Lư nằm rải rác trên sàn nhà. Nam bảo:

“Tao tắm xong đi ngang qua phòng Phi Lư thấy trong phòng tối om mà có tia sáng vòng vèo trong phòng, tao đến bật đèn hành lang, quay lại thì bỗng có người nhào ra cửa suýt nữa va vào tao suýt té và chạy mất. Cái con mẹ đi với thằng chả kia, chứ ai. Nó mặc áo đỏ. Đúng rồi, nó áo đỏ. Nó muốn gì mà đi lục lọi phòng Phi Lư thế này? Đi, lên báo với giám đốc trại đi mậy.”

Tốt đứng giữa cảnh ngồn ngộn lổm lổm của căn phòng, vẫn còn bàng hoàng chưa định rõ chuyện đâu là đâu, từ lúc nào anh như đang bị du vào mớ bòng bong rối rắm kỳ lạ ở nơi xứ an bình này, tưởng đã được yên, khác với suy nghĩ giản dị của anh. Hóa ra chúng nó đến gặp Tốt rồi một đứa thì đi tra mánh

anh, đồng thời đưa kia đi lục lọi thứ gì đó mà Phi Lư đang nắm giữ trước khi đồ đạc của nó bị cảnh sát tịch thu.

Nam vẫn còn trong cơn nói:

“Nó đó, con nhỏ mặc áo đỏ, tao đã thấy hai ba lần rồi, nó cũng nhanh như cắt, thoát tới thoát lui, còn nhảy qua hàng rào gọn hơ... tao còn chưa đuổi kịp. Nó, nó, con nhỏ áo đỏ...”

Hắn lảm nhảm như mê sảng:

“Đỏ, đỏ, đỏ, cái con mặc áo đỏ... ghê gớm thiệt, chạy nhanh như bay, tao vớ không kịp.”

Tốt để mặc thằng Nam lảm nhảm, anh xem lại những thứ trong phòng và trong ba-lô của Phi Lư, không nhiều, nhưng cuốn sổ nhỏ cô Maria tặng Phi Lư lúc hắn mới dọn đến đề ghi chú những lời cô dặn, giờ hẹn đi làm răng, đi khám sức khỏe, trình diện sở thanh thiếu niên, báo sở lưu trú... thì không còn trong ba-lô của hắn. Phi Lư rất quý cuốn sổ này và đã ngày ngày nắn nót viết trong đó. Tốt không biết Phi Lư đã đem theo hay vừa bị lấy mất. Nếu bị lấy mất thì hắn có những địa chỉ mà Phi Lư liên lạc hay những tin tức gì đó mà cô gái áo đỏ muốn phi tang hay giữ lấy???

Tốt ngăn người, bỗng anh tắc lưỡi, rồi bất ngờ như bị lấy Nam, anh cũng lảm bảm một mình:

“Áo đỏ, áo đỏ...”

Nhớ đến mái tóc uốn lúp xúp, đôi giày cao gót nghêu nghêu, và giọng nói nghe đều đều “em đến thăm anh có được không”, điệu tảo tợn sán vào người anh lúc mới đến, anh lạ lùng lại lảm bảm:

“Áo đỏ...”

Bỗng nghe Nam nói to:

“Này, mày làm gì mà chúi người xuống đất vậy, có đi không, dậy mà đi, tìm cho ra con nhỏ.”

Rồi bỗng hắn tự hạ giọng:

“Áo đỏ, đỏ, tao đã thấy nó rồi, mấy lần tao va nó như lần vừa rồi, và nó biến mất một giây... nghe như bị điện giật.”

Và hắn la lên như bị cơn ác mộng:

“Nó chứ ai... đỏ... con áo đỏ...”

Lan Chi

(còn tiếp)

CÁI TRỌNG TY

HAI BỜ THẠCH HẪN

năm tháng trôi đi
tiếng súng đã lặng im
góc lịch sử lạnh lùng
những tờ lịch
gió thời gian cuốn vào tan tác
tai vẫn còn nghe chát chúa
pháo tập trung địch bắn lên đầu
đám dân tội nghiệp trên đường di tản
bên đại lộ kinh hoàng

chàng từ mỹ chánh tràn qua đó
trời đất hỗn mang nát nhàu bom đạn
quê em tả ngạn sông thạch hãn
nhà nhà cháy sạm tường trống hoác
vẳng tiếng gà
từ thôn xóm đìu hiu
đêm rời biên trấn đi không nghỉ
đơn vị đồn quân
cuộc chiến cuối mùa
gặp em vội vã nơi trường quân
em xanh bông lúa thơm con gái
tròn lặn cau vườn vừa chín ngoan

một ngày địch tràn qua giới tuyến
cổ thành bình địa
quảng trị điêu tàn
trời đất hôn mê giữa hai lần đạn
người với người mãnh thú thịt nhau
cây âm dương xa cách mãi sầu đau
chàng lính trận đi hoài không ngơi nghỉ
thạch hãn ơi oan nghiệp lắm tai ương
dòng đa krong chảy về tây tây bắc

từ đông hà. cam lộ. khe sanh
đến chepone vào savannakhet
đường chín nam Lào từng phân đất chết
dẫn đến xứ sở con người hiền như búp măng
tùng ngọn măng non
từ lòng đất mẹ mọc lên
một màu đỏ máu
máu con cái mẹ Âu Cơ

hôm sau trở về thôn xóm cũ
đứng nhìn quanh
cảnh tượng hải hùng
đêm hoả châu sáng xanh thép súng
đây đó tan hoang
pháo ngập đầu
đời chàng chỉ một đường đi tới
con đường ròn rợn máu xương khô
thôn vắng toàn một mùi chết tiệt
sinh trương xác người
địch và ta đạn đã lên nòng
ngửa mặt trông trời
khói mù rát mắt
sống chết đi qua cửa địa ngục con người.

LÊ KÝ THƯƠNG

TIỀN NÀNG VỀ QUÊ

*Ngắt đợt chuỗi vắn kèn
Thổi đuôi mây về rừng
Tiền đưa nàng về quê...*

*Nàng đi mấy bữa nàng về
Đừng ở lâu con nhện sẽ giăng tơ đầy phòng
Vườn cau sẽ rụng hết bóng
Giàn trầu quẩn lá động lòng bình vôi
Cầu trời gió thuận buồm xuôi
Nàng đi yên thăm cho tôi đỡ bồn chồn.*

TÌM SAO

*Một người sao sáng
Hai người sáng sao
Sao sao sao lặng*

*Sao lặng hết sao?
Có kẻ tìm sao
Sao ở nơi nao
Tìm hoài không gặp*

*Tìm ngưng nhịp đập
Tắt thở vì sao.*

ĐỨC PHỔ

KHÁT VỌNG

muốn nhắc nhở em màu lụa ấy
vàng hong gió lạ buổi lưng chiều
gom hết điều nghe cùng chuyện thấy
mới hay tình ta đã rong rêu.

muốn thấp ngọn đời lên đỉnh. hú
chiêu hồn. về đậu nhánh sông thơ
núi lạc sông rồi. người lạc xứ
mà không phai nỗi nhớ quê nhà.

muốn kéo dài đêm thôi đừng sáng
sợ đời khát, mỗi ánh dương soi
buổi mai vẫn thấp trên đường nắng
muôn sợi tơ vàng long lanh, roi.

muốn hát bài xưa trên ngàn sóng
mà nghe hồn rã giữa lưng đời
nhớ em xưa xóa đời bờ mộng
đợi nguyệt lên rằm hương ngát môi.

muốn học người xưa làm hảo hán
tiếc hồn sơn bạc đã mây trôi
buông gươm. rũ sạch điều ân oán
một chút danh hời cũng hồng trôi.

muốn rót lời ru vào chén đắng
chỉ nồng thêm phiền lười đãi bôi
rượu khan. mấy nỗi niềm chẳng cạn
tâm níu trời đông, phận nổi trôi.

muốn thấp ngọn tình treo nguyên đán
trở trời. hoa tết rụng tôi bởi
thân không xiết quãng đường ly tán
uổng thời trai trẻ mấy chi vui!...

VÔ BIÊN

NGÀN DẶM ĐÃ VỀ ĐẾN CỔ HƯƠNG

Tưởng nhớ Phạm Công Thiện

Con kinh ngư nghìn năm biển cả
Cánh đại bàng tận đỉnh núi xa
Hét vang một tiếng giờ đứng ngơ
Thong dong buông thả về quê nhà

Gió thổi đời thu sầu man mác
Đời đông sáng rực mây bốn phương
Chân đi như thể ngàn dặm lữ
Chân cầu nước chảy đến bờ vờ

Thiên tài chi để cảnh hoa khóc
Máu đội trong tim lửa ngời ngời
Bật tung cánh cửa bùng Ý Thức
Mới, hay một đời tuổi đôi mươi

Thiên tài chi tài hoa biệt xứ
Quê nhà đâu có quận xa mờ
Những cơn mưa phùn dội vào tỉnh thể
Đêm hoang vu nuốt trọn địa cầu

Chân đi giờ đã ngàn mây trắng
Ngàn dặm đã về đến cổ hương.



NGUYỄN THỊ LIÊN TÂM

BÓNG CHIẾC LÊNH ĐÊNH

Cây ngủ chiều mãi chiều mới ngủ
Em vội gì sao lật đặt sang sông
Anh dặn lòng mình đừng ủ rũ
Em sẽ về một sớm mùa đông

Rồi năm năm.....
mười năm
hai mươi năm
Hai mươi mùa đông đã về quen thuộc

Sao em không về để tìm anh nhưc buổi
Ôm nổi lênh đênh xuôi ngược dòng đời
Đò chiều cặp bến thành thoi
Sao em lật đặt đùa chơi với tình?

MÙA SEN TINH KHÔI

Mùa Sen
xao động tháng Ba
Trăng nghiêng rót bóng, đêm ngà ngà say
Tiếng dế tức tặc gọi bày
Mê man bờ cỏ, thương gầy cánh nâu

Đâu là đâu đó,
về đâu?
Cảnh Sen phiêu dạt, phai màu nắng mưa
Bềnh bồng áo lệch sớm trưa
Còn chút tơ mảnh, còn đùa giỡn trắng

Giọt sương
trên lá lạnh băng
Đài sen nghiêng ngả, cầm bằng... ngả nghiêng

Mơ trắng, tịnh một giấc thiền
Tĩnh ra, tiếc một thuyền quyên xanh ngời.
CàTy, cuối tháng Tám 2014



tranh Vũ Thanh Hằng

ĐÊM SEN HÁT

Trăng cười nghiêng ngả gió mây
Sen thơm mây nụ, ô này, trắng trong
Đêm đàn hát giữa thình không
Vỗ về tứ phía, phập phồng lá xanh

Lời này sen hát cho anh
Lời này sen hát tròn trăng nguyệt ca
Hồng đào mấy độ phai pha
Đêm hằng đêm, nhớ, mặn mà ngày xưa

Bối sen nằm mộng, đông đưa
Tĩnh ra, một chút hương thừa, vẫn... say
Sen à ơi hát gió mây
Sen phiêu du giữa đêm ngày... ngát sen

Đêm Cà Ty 30/7/14

TÔ THẨM HUY

Nguyễn Du QUỲNH HẢI NGUYỄN TIÊU

*Nhất thiên xuân hứng thủy gia lạc?
Cả trời Xuân rơi mất nơi đâu?
Sao chẳng thấy bóng dáng Tết
về trên thôn xóm?*

Nguyễn Du sinh năm Ất Dậu (1765), cách nay hơn 250 năm, trong một danh gia vọng tộc, phú quý bậc nhất cuối thời vua Lê - chúa Trịnh. Dinh cơ họ Nguyễn ở phường Bích Câu tường vây san sát, ngựa xe văng lộng hàng ngày vào ra tấp nập. Nhưng tuổi thơ ông chưa được mấy ngày sum vầy, hạnh phúc, thì tai ương biến cố dồn dập, hết tang lễ gia đình đến điêu linh vận nước, đã xô đẩy ông vào phong ba bão táp. Khi ông vừa lên mười thì cha là Tể Tướng Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm mất, ba năm sau thì mẹ là bà thứ thất họ Trần cũng lià đời. Mồ côi cả cha lẫn mẹ lúc mới 13 tuổi, ông về ở với người anh cả cùng cha khác mẹ hơn ông đến ba mươi tuổi là Toàn Quận Công Nguyễn Khản. Được mấy năm thì do việc chúa Trịnh Sâm định bỏ trưởng lập thứ mà sinh ra loạn kiêu binh. Quân Tam Phủ ý có công giúp người con trưởng là Trịnh Khải giành lại được ngôi chúa (1782) nên dâm ra lòng hành quấy phá, giết hại công thần, cướp bóc nhà dân. Dinh cơ họ Nguyễn ở phố Bích Câu cũng bị đốt phá. Bản thân Nguyễn Khản phải lánh về Sơn Tây. Nguyễn Du về nguyên quán Hà Tĩnh, học với người chú họ là Nguyễn Hành. Năm 17 tuổi ông nổi tiếng hay chữ khắp đất Hoan Châu, năm 18 tuổi thi đỗ tam trường, rồi nhận người cha nuôi làm quan võ ở Thái Nguyên từ trần (1784), ông về đây thay thế, nhận chức quan đầu tiên khi mới 19 tuổi, giữa lúc vận nước đang ngày càng lụn bại. Họ Trịnh từ lúc huynh đệ tương tàn dâm ra suy nhược, không nắm được binh quyền, tướng sĩ không ai còn lòng dạ phò vua, giúp chúa. Năm 1786 quân Tây Sơn ra Bắc đánh bại Trịnh Khải, diệt hẳn họ Trịnh ở đất Bắc. Guồng máy

cai trị ở Bắc Hà từ đây đắm chìm trong hỗn loạn. Vua Lê chỉ có hư vị. Quyền bính hết nằm trong tay Nguyễn Hữu Chỉnh, lại rơi vào tay Vũ Văn Nhậm. Nhậm sinh kiêu ngạo lại bị Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc giết chết, trao đất Bắc lại cho Ngô Văn Sở. Tình hình chính trị trong nước thật rối ren như rấn không đầu.

Nguyễn Du lúc bấy giờ mới ngoài 20 tuổi. Ông về lánh nạn ở quê vợ là Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, bắt đầu quãng đời *Mười Năm Gió Bụi* (1786 – 1795). Người anh của Nguyễn Du là Nguyễn Quỳnh chiêu tập dân chúng ở quê nhà chống lại Tây Sơn bị bắt, và vì không chịu khuất phục nên bị giết chết, nhà cửa họ Nguyễn ở Hà Tĩnh cũng bị đốt phá. Bài *Quỳnh Hải Nguyên Tiêu* được Nguyễn Du viết vào khoảng những năm cuối của *Mười Năm Gió Bụi*. Ông đã cùng dân quê sống trong cảnh lầm than, đói khổ, bệnh này dòn bệnh kia, ba năm không có tiền mua thuốc, *tam xuân tích bệnh bản vô dược*. Đêm rằm tháng giêng, khi Xuân về trên quê hương loạn lạc, ông không thấy không khí tươi đẹp của ngày Tết, mà chỉ có vầng trăng tròn của thuở ấu thời soi xuống xóm làng, thôn quê buồn thảm.

Mùa Xuân nhẽ ra cũng đang dạt dào trên non sông Việt Nam. Đêm rằm Nguyên Tiêu năm nay ở quê nhà ai đứng vọng vầng trăng mà xót thương cho dân lành đang bị cường quyền hà hiếp, mà âu lo trước cảnh ngoại bang đang hung hãn lấn chiếm ? Nơi phương trời xa xôi xin nương ánh trăng mà ngậm ngùi cùng những người đang lâm cảnh đường cùng, vì nhân phẩm công chính mà bị cầm tù, đầy đoạ.

Tô Thấm Huy

Quỳnh Hải Nguyên Tiêu*
Nguyễn DU

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên
Y y bất cái cự thuyền quyên
Nhất thiên xuân hứng thủy gia lạc
Vạn lý Quỳnh Châu thử dạ viên
Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán

Bạch đầu đa hận tuế thời thiên
Cùng đồ liên nhữ dao tương kiến
Hải giác thiên nhai tam thập niên

瓊海元宵

阮攸

元夜空庭月滿天
依依不改舊嬋娟
一天春興誰家落
萬里瓊州此夜圓
鴻嶺無家兄弟散
白頭多恨歲時遷
窮途憐汝遙相見
海角天涯三十年

Thích Nghĩa:

*Đêm rằm tháng giêng trước sân vắng, vầng trăng soi đầy trời,
Người thực nữ ấy (chỉ vầng trăng) mặt vẫn đẹp như xưa, không
thay đổi*

*Cả một bầu trời xuân rơi xuống mãi đâu, nơi cửa ngõ nhà ai?
Chỉ thấy ánh trăng rằm đêm nay soi sáng vạn nẻo Quỳnh Châu
Nơi quê quán Hồng Lĩnh nhà cửa cũng chẳng còn, anh em đã
tán loạn*

*Mình thì đầu đã bạc, nhìn năm tháng đổi thay mà đau đớn
trong lòng*

*Ta đã cùng đường mà thương thay nhà ngói từ xa xôi vẫn đến
thăm*

*Chân trời góc biển, cùng nhau buồn vui những đã ba mươi
năm.*

* Chú thích: *Tiêu* là đêm, *Nguyên Tiêu* là đêm rằm đầu tiên,
cũng như *Đán* là buổi sáng, *Nguyên Đán* là buổi sáng đầu tiên.

TQBT GIỚI THIỆU TÁC PHẨM CỦA THÂN HỮU CỘNG TÁC



Văn Học Miền Nam 1954-1975 của Nguyễn Vy Khanh *Trần Hoài Thư*

Cuối năm 2016, bộ “Văn Học Miền Nam 1954-1975” của Nguyễn Vy Khanh được ra đời, do nhà Amazon phát hành, đáp ứng được sự đòi hỏi cho những ai muốn tìm hiểu về văn học miền Nam, nhất là bổ sung cho những thiếu sót của Bộ Văn học tổng quan của Võ Phiến, đặt biệt là văn chương thời chiến 1964-1975. Sự thiếu sót này do phần thiếu thốn tài liệu tham khảo, nhớ đâu viết đó, hay căn cứ vào sách vở của các tác giả khác để trích dẫn, chứng minh.

Riêng tác giả Nguyễn Vy Khanh thì khác. Ông may mắn làm việc trong thư viện ở Canada, không già để mà trí nhớ hao mòn, không quá trẻ để rất xa lạ với nền văn chương miền Nam trước 1975.

Ham đọc, ham tìm tòi, say mê nghiên cứu, đó là những đức tính mà tôi nghĩ rất cần cho một nhà nhận định văn học. Những đức tính này tôi tìm được ở ông trong mấy mươi năm ở hải ngoại từ thời có diễn đàn Ô Thước đến Talawas, và bây giờ là tạp chí Thư Quán Bản Thảo.

Để chứng minh về những điều này, chúng tôi đăng lại trang mục lục gồm những bài viết về văn học miền Nam của hai bộ để quý bạn so sánh.

Dưới đây là mục lục của bộ sách Văn học Tổng Quan của nhà văn Võ Phiến:

Văn Học Miền Nam: Tổng Quan của Võ Phiến

- Khái Quát
- Các Yếu Tố Của Sinh Hoạt Văn Học - Nhà Văn
- Các Yếu Tố Của Sinh Hoạt Văn Học - Độc Giả
- Các Yếu Tố Của Sinh Hoạt Văn Học - Xuất Bản
- Mấy Nét Tổng Quát Về Nền Văn Học 1954-1975 - Bối Cảnh
- Mấy Nét Tổng Quát Về Nền Văn Học 1954-1975 - Văn Học & Chính Trị
- Mấy Nét Tổng Quát Về Nền Văn Học 1954-1975 - Văn Học & Tôn Giáo / Triết Học
- Mấy Nét Tổng Quát Về Nền Văn Học 1954-1975 - Văn Học & Tính Cách Cục Đoàn
- Mấy Nét Tổng Quát Về Nền Văn Học 1954-1975 - Văn Học & Vai Trò Của Miền Nam
- Mấy Nét Tổng Quát Về Nền Văn Học 1954-1975 - Văn Học & Tính Cách Tự Do
- Mấy Nét Tổng Quát Về Nền Văn Học 1954-1975 - Đối Chiếu Thành Tích
- Giai Đoạn 1954-1963: Bối Cảnh - Tình Hình Trước 1954
- Giai Đoạn 1954-1963: Bối Cảnh - Tình Hình Từ 1954
- Giai Đoạn 1954-1963 - Văn Học
- Giai Đoạn 1964-1975 - Bối Cảnh
- Giai Đoạn 1964-1975 - Văn Học
- Các Bộ Môn - Tiểu Thuyết
- Các Bộ Môn - Tuỳ Bút
- Các Bộ Môn - Thi Ca
- Các Bộ Môn - Kịch

- Các Bộ Môn – Ký

- Kết

Văn học miền Nam 1954-1975 của Nguyễn Vy Khanh

Mục lục

Quyển Thượng: Tổng Quan

Dẫn nhập

Chương 1. Một thời văn-học

Các giai-đoạn văn-học

Các nhóm văn-nghệ:

Sáng Tạo - Chỉ Đạo - Quan Điểm - Đại Học – Tư Tưởng, Vạn
Hạnh - Bách Khoa - Nhân Loại – Tinh Việt Văn-đoàn – Văn
Hóa Ngày Nay – Các nhóm “hiện-đại” - Thái Độ – Hành
Trình, Đất Nước - Trình Bày – Ý Thức, v.v.

Những người viết trẻ

Sứ mạng văn-nghệ

Văn-nghệ “hôm nay” - hiện sinh - dần thân - viễn mơ

Văn-học chiến-tranh

Văn-chương phản-kháng, phản-chiến, hiếu chiến, mơ ước hòa-
bình và Mác-xít

Ngôn-ngữ và kỹ thuật văn-chương

Một số hiện-tượng văn-học

Miền Nam lục-tinh:

Hồ Biểu Chánh, Phạm Thái, Thảm Thệ Hà, Ngọc Linh, Vương

Hồng Sển, Phạm Công Thiện, Thanh Việt Thanh, Phương

Triều, Đông Hồ, ...

Ấn phẩm xám

Văn-học & ảnh-hưởng tôn giáo

Chương 2: Văn xuôi / Tiểu-thuyết

Văn-học chiến-tranh

Tiểu-thuyết chiến-tranh

Tiểu-thuyết phản kháng, phản chiến

Cái Chết

Tiểu-thuyết hiện-đại: văn-chương và triết lý

Khuynh-hướng dẫn thân và thân phận con người

Tiểu-thuyết tâm-lý, tình cảm

Khuynh-hướng hiện thực xã-hội: tiểu-thuyết, phóng sự

Tự truyện

Con đường cách tân tiểu-thuyết

“Tiểu-thuyết mới”

Ảnh-hưởng các trào lưu văn-chương hiện-đại

Dục tính trong tiểu-thuyết

Tiểu-thuyết nữ quyền

Tiểu-thuyết đăng-tùng-kỳ

Kỹ thuật tiểu-thuyết

Các thể-loại ngắn

Chương 3: Thi ca

Một số thể thơ: Thơ tự do – Thơ xuôi - Thơ lục bát

Nội-dung: Thơ tình - Thương nhớ quê nhà

Thơ chiến-tranh - Thơ binh lửa

Thơ phản chiến

Thi-ca triết-lý, về phận người và vũ trụ

Chương 4: Bộ môn Kịch

Ngôn-ngữ kịch và sân khấu

Kịch-bản hay kịch-trường?

Chương 5: Phê bình văn-chương và Nghiên cứu văn-học

Các phương-pháp nghiên-cứu và phê-bình 375

Phê-bình phân-tâm học - xã-hội học

Phê-bình hiện-sinh, hiện-tượng luận

Phê-bình cơ-cấu

Phê-bình văn-học

Biên-khảo văn-học

Các nhà biên-khảo, phê-bình:

Bằng Giang - Bình-Nguyên Lộc - Bùi Đức Tịnh – Bùi Xuân

Bào - Cao Huy Khanh - Đặng Tiến - Đỗ Long Vân - Huỳnh

Phan Anh - Lê Huy Oanh – Lê Ngọc Trụ – Lê Tôn Nghiêm -

Lê Tuyên - Lê Văn Siêu – Nguyên Sa - Nguyễn Hiến Lê -
Nguyễn Văn Sâm - Nguyễn Văn Trung – Phạm Công Thiện -
Phạm Thế Ngũ – Phạm Việt Tuyên - Tam Ích – LM Thanh
Lãng - Thế Phong - Trần Thái Đình - Trần Văn Nam – Uyên
Thao

Các công trình khác – Các tuyển tập thơ văn.

Chương 6: Dịch thuật và văn-học nước ngoài

Dịch-giả:

Nguyễn Hiến Lê – Trương Bảo Sơn - Trần Thiện Đạo – Trần
Phong Giao - Nguyễn Minh Hoàng - Vũ Đình Lưu – Phạm
Công Thiện - Phùng Khánh & Phùng Thăng - Hoài Khanh -
Diễm Châu – Mặc Đỗ – Bùi Giáng – Đỗ Khánh Hoan – Cung
Tiến – Bửu Ý – Lê Thanh Hoàng Dân – Tam Ích – Hoàng Hải
Thủy – Các nhà xuất-bản

Chương 7: Báo chí miền Nam

Báo-chí quân đội, cơ quan chính phủ

Các tạp-chí văn-chương, văn-học

Tạp-chí các nhóm trẻ, chuyên môn, phổ thông-đại chúng

Báo chính-trị, đảng phái

Báo-chí tôn giáo

Báo thiếu nhi, tuổi trẻ

Nhật-báo: 1954-1963, 1964-1975, nội-dung, kiểm duyệt, ...

Các nhà xuất-bản: thương mại, chuyên nghiệp, giáo khoa, của
nhà văn, tạp-chí và nhật báo.

Sơ kết

Chương 8: Biên niên 21 năm lịch-sử và văn-học

Biên niên

Hậu 1975 – Các nhà văn tử trận

Các giải thưởng văn-chương

Phụ lục

Văn-học miền Nam 1954-1975: một thời tưởng tiếc 640

Phê-bình một bộ “văn-học sử” miền Nam 665

Quyển Hạ: Tác-Giả

An Khê	Nguyễn Sa
Anh Hoa	Nguyễn Bắc Sơn
Bình-Nguyên Lộc	Nguyễn Đình Toàn
Bùi Giáng	Nguyễn Đức Bạt Ngàn
Cao Thoại Châu	Nguyễn Đức Sơn
Châu Liêm	Nguyễn Lệ Uyên
Chu Trầm Nguyên Minh	Nguyễn Minh Nữ
Chu Tử	Nguyễn Mộng Giác
Cung Tích Biền	Nguyễn Nghiệp Nhượng
Diễm Châu	Nguyễn Nho Sa Mạc
Diên Nghị	Nguyễn Tất Nhiên
Đoãn Dân	Nguyễn Thị Hoàng
Đoãn Quốc Sỹ	Nguyễn Thị Thụy Vũ
Du Tử Lê	Nguyễn Thụy Long
Duyên Anh	Nguyễn Xuân Hoàng
Dương Nghiễm Mậu	Nhật Tiến
Đình Hùng	Phạm Cao Hoàng
Đình Tiến Luyện	Phạm Ngọc Lư
Đoàn Thạch Biền	Phạm Nhã Dự
Đoàn Văn Khánh	Phan Nhật Nam
Hà Thúc Sinh	Phan Nhựt Thức
Hạc Thành Hoa	Phương Tấn
Hoài Khanh	Quách Thoại
Hoàng Anh Tuấn	Song Hồ
Hoàng Lộc	Sơn Nam
Hoàng Ngọc Biên	Thanh Tâm Tuyền
Hoàng Ngọc Hiến	Thành Tôn
Hoàng Ngọc Tuấn	Thảo Trường
Hồ Hữu Tường	Thế Nguyên

Hồ Minh Dũng
Joseph Huỳnh Văn
Kiên Giang
Kinh Dương Vương
Lâm Chương
Lâm Hảo Dũng
Lê Văn Thiện
Lê Xuyên
Luân Hoán
Lữ Kiều
Lữ Quỳnh
Mai Thảo
Mai Trung Tĩnh
Mặc Đỗ
Minh-Đức Hoài Trinh
Nguyễn Minh

Thế Uyên
Toàn Phong
Tô Thùy Yên
Trần Dạ Lữ
Trần Hoài Thư
Trần Thị NgH.
Trần Tuấn Kiệt
Trần Yên Hòa
Trùng Dương
Tú Kiều Trần Đức Uyển
Túy Hồng
Viên Linh
Võ Hồng
Võ Phiến
Vũ Hoàng Chương
Vương Đức Lệ
Y Uyên

GIỮA TÒA SOẠN VÀ THÂN HỮU

Trả lời về việc mượn sách/báo từ thư viện đại học Mỹ theo lối Interlibrary loan.

Interlibrary loan là lối mượn sách ở xa, phải đóng lệ phí mượn và tiền phí tổn chuyển vận. Có một vài thư viện có thể giúp bạn trong việc copy những trang sách báo và chuyển về bạn qua attachment dưới dạng pdf nếu bạn hợp với những tiêu chuẩn mà họ ấn định. Họ không sao chụp toàn cuốn sách nhưng chỉ giúp bạn một hai chương đầu. Có đại học lấy lệ phí giá \$2 một trang. Nếu bạn mượn ở thư viện, bạn có thể chụp ngay tại chỗ. 5 năm về trước, giá 25 cent một copy.

In tập Tình Thương.

Chúng tôi hiện lưu trong máy 27 tập Tình Thương. Quý bạn nào cần xin liên lạc với chúng tôi để biết giá cả. Nhưng phải đợi cả tháng vì layout đòi hỏi rất nhiều thời gian.

Nuôi Sọ

Hiện nay chúng tôi đã sưu tập được 11 chương của Nuôi Sọ - tiểu thuyết của Triều Sơn qua nguyệt san Tình Thương. Chúng tôi đã đánh máy để chuẩn bị phổ biến— Chỉ thiếu một số 27 và khoảng 10 số sau 8-1966 (Tình thương đình bản vào tháng 8-1967). Quý bạn nào có hay biết ai có, xin vui lòng giúp chúng tôi. Xin được cảm ơn trước.

Cáo lỗi:

Vì bài vở chủ đề kỳ này quá nhiều nên chúng tôi phải gát lại một số bài của thân hữu. Mong quý bạn thông cảm.

Bạn du học sinh ở Cali:

Chúng tôi rất cảm kích về tấm lòng của bạn dành cho TQBT. Chúng tôi sẽ gửi tất cả 73 số TQBT từ trước đến nay đến bạn. Xin cảm ơn.